

Cuộc Săn Cừu Hoang

Contents

Cuộc Săn Cừu Hoang	2
1. Phần I - Chương 01	2
2. Phần Ii - Chương 02	6
3. Phần Ii - Chương 03	10
4. Phần Iii - Chương 04 - Part 1	12
5. Phần Iii - Chương 04 - Part 2	16
6. Phần Iii - Chương 05	20
7. Phần Iii - Chương 06	21
8. Phần Iv - Chương 07	23
9. Phần Iv - Chương 08	26
10. Phần Iv - Chương 09	29
11. Phần Iv - Chương 10	32
12. Phần Iv - Chương 11	33
13. Phần Iv - Chương 12	35
14. Phần V - Chương 13	37
15. Phần V - Chương 14	40
16. Phần V - Chương 15	42
17. Phần V - Chương 16	47
18. Phần Vi - Chương 21	53
19. Phần Vi - Chương 22	55
20. Phần Vi - Chương 23	59
21. Phần Vi - Chương 24	62
22. Phần Vi- Chương 17	67
23. Phần Vi- Chương 18 - Part 1	71
24. Phần Vi- Chương 18 - Part 2	75
25. Phần Vi- Chương 19	78
26. Phần Vi- Chương 20	80
27. Phần Vii - Chương 25	82
28. Phần Vii - Chương 26	88
29. Phần Vii - Chương 27 Part 1	94
30. Phần Vii - Chương 27 Part 2	98
31. Phần Vii - Chương 28	102
32. Phần Viii - Chương 29	104
33. Phần Viii - Chương 30 Part 1	109
34. Phần Viii - Chương 30 Part 2	112
35. Phần Viii - Chương 31	117
36. Phần Viii - Chương 32 Part 1	118
37. Phần Viii - Chương 32 Part 2	123
38. Phần Viii - Chương 33	128
39. Phần Viii - Chương 34	129
40. Phần Viii - Chương 35	131
41. Phần Viii - Chương 36	135

42. Phần VIII - Chương 37	141
43. Phần VIII - Chương 38	144
44. Phần VIII - Chương 39	145
45. Phần VIII - Chương 40	148
46. Phần VIII - Chương 41	152
47. Phần VIII - Chương 42	153
48. Phần VIII - Chương 43	154
49. Phần Kết	156

Cuộc Săn Cừu Hoang



Giới thiệu

Đây là một trong những tiểu thuyết đầu tiên của Haruki Murakami, vì vậy sẽ rất bất công nếu ta so

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/cuoc-san-cuu-hoang>

1. Phần I - Chương 01

Phần I: khúc dạo đầu - Chương 01: Picnic chiều thứ tư

Đó là mẫu tin chỉ gồm một đoạn ngắn ngắn trên tờ tin tức buổi sáng. Một thằng bạn gọi điện và đọc mẫu tin đó cho tôi. Chẳng có gì đặc biệt cả. Chỉ là một mẫu tin do tay phóng viên non tay mới ra trường tập tọe viết cho quen.

Ngày tháng, tên góc phố, một người lái xe tải, một người đi bộ, một người chết, một cuộc điều tra về khả năng tai nạn xảy ra do bất cẩn.

Nghe giống như một bài thơ in ở tay gấp một cuốn tạp chí.

“Đám tang tổ chức ở đâu?” tôi hỏi.

“Ai biết được,” hắn đáp. “Nó có gia đình không?”

Tất nhiên là nàng có gia đình.

Tôi gọi điện đến đồn cảnh sát để tìm số điện thoại và địa chỉ nhà nàng, rồi tôi gọi điện đến nhà nàng để hỏi thêm chi tiết về đám tang.

Gia đình nàng sống trong một khu phố cổ ở Tokyo. Tôi lấy bản đồ ra đánh dấu dãy phố bằng mực đỏ. Chỗ nào cũng có đường tàu điện ngầm, tàu hỏa, xe buýt, tất cả chồng chéo lên nhau như một tấm mạng nhện méo mó, tạo thành một mê cung chằng chịt những con phố hẹp và rãnh nước thải.

Ngày đưa tang nàng, tôi bắt tàu điện đến Waseda. Gần đến bến cuối, tôi xuống tàu. Tấm bản đồ tôi mang theo chẳng giúp được gì mấy. Rốt cuộc, tôi phải mua hết bao thuốc này đến bao thuốc khác, mỗi lần mua thuốc là một lần hỏi đường.

Nhà nàng là một ngôi nhà gỗ có hàng rào gỗ màu nâu bao quanh. Trước khoảng sân nhỏ là một chum gốm đựng đầy nước mưa tù đọng. Nền đất tối ẩm thấp.

Nàng bỏ nhà đi năm mười sáu tuổi. Đó có lẽ là lý do tại sao đám tang nàng lại thê lương đến thế. Chỉ có mấy người trong gia đình có mặt, đa số là người lớn tuổi. Anh trai nàng, mà cũng có khi là anh rể, trạc ba mươi tuổi, đứng ra làm chủ tang.

Cha nàng, một người đàn ông tầm thước trạc năm tư năm lăm, đeo băng tang đen trên cánh tay. Ông đứng cạnh lối vào, hầu như bất động. Ông khiến tôi nhớ đến hình ảnh một con phố sạch bong sau trận mưa tầm tã.

Lúc về, tôi lặng lẽ cúi đầu chào. Ông cũng cúi chào đáp lễ, không nói một lời.

Tôi gặp nàng vào mùa thu chín năm về trước, khi tôi hai mươi còn nàng mười bảy.

Hồi đó, gần trường đại học có một quán cà phê nhỏ nơi tôi thường tụ tập với bạn bè. Quán cà phê không có gì đặc biệt, nhưng nó phục vụ vài thứ không đổi: nhạc rock nặng và cà phê tối.

Nàng luôn ngồi tại một chỗ cố định, khuỷu tay chống lên mặt bàn, đọc sách. Cặp kính cận của nàng – trông giống như cái niềng răng – và đôi tay gầy guộc khiến cho nàng có một vẻ gì đó thân thương. Lúc nào cốc cà phê của nàng cũng nguội ngắt, lúc nào gạt tàn của nàng cũng đầy đầu lọc.

Thứ duy nhất không luôn như cũ là mấy cuốn sách. Một lần, tôi thấy nàng đọc Mickey Spillane, lần khác là Kenzaburo Oe, lần khác nữa là Allen Ginsberg. Không quan trọng cuốn nào, miễn sách là được. Tụi sinh viên đến quán uống cà phê cho nàng mượn sách, nàng nghiêng ngả không sót một cuốn nào từ đầu đến cuối, kể cả bìa sách. Đọc ngẫu đọc nghiêng, như người ta gặm ngô. Ngày đó, người ta cho nhau mượn sách như một lẽ tất nhiên, và nàng chẳng bao giờ phải cố công đi lùng mua sách cả.

Đó là thời của những ban nhạc như The Door, The Stones, The Byrds, Deep Purple và The Moody Blues. Không gian tràn đầy nhựa sống, cho dù mọi thứ dường như đang ở bên bờ vực sụp đổ, chỉ đợi một cú hích mạnh nữa thôi.

Nàng và tôi thường cho nhau mượn sách, nói mãi không hết chuyện, cùng nhau uống thứ rượu whisky rẻ tiền, rồi làm tình với nhau, thứ tình dục chẳng có gì đáng nói. Bạn biết đấy, chuyện thường nhật ấy mà. Trong lúc đó, tấm màn khép vở đang rệu rã buông xuống những bước chân lê thê của thập kỷ sáu mươi.

Tôi không tài nào nhớ nổi tên nàng.

Tôi có thể lờ mờ cáo phó ra để xem tên nàng, nhưng giờ thì việc đó có nghĩa gì đâu. Tôi đã quên tên nàng rồi.

Giả sử tôi có gặp mấy thằng bạn cũ và giữa chừng câu chuyện có nhắc đến nàng. Chắc cũng chẳng ai còn nhớ tên nàng. Ví dụ như một đứa nói, mày còn nhớ con nhỏ ngày xưa không, con nhỏ sẵn sàng lên giường với bất cứ thằng nào ấy, tao nhớ mặt nhưng quên bống tên nó rồi, mà tao ngủ với nó ối lần đấy, không biết con nhỏ đó giờ ra sao rồi, bây giờ mà bỗng nhiên gặp lại nó giữa đường thì chắc kỳ lắm.

“Con nhỏ ngày xưa sẵn sàng lên giường với bất cứ thằng nào”. Đó là tên nàng.

Nói cho đúng ra thì không phải ai nàng cũng ngủ cùng. Nàng có tiêu chuẩn riêng.

Nhưng, sự thật là, chỉ cần kiểm tra qua chút ít bằng chứng, người ta cũng thấy ngay là nàng thường sẵn sàng lên giường với hầu như bất cứ gã trai nào.

Có một lần, và chỉ một lần duy nhất, tôi hỏi nàng về mấy thứ tiêu chuẩn đó.

“Thôi được, nếu anh cứ khẳng khẳng muốn biết...”, nàng bắt đầu. Ba chục giây ngẫm nghĩ trôi qua. “Việc đó không giống như những người khác làm đâu. Đôi khi ý nghĩ lên giường với ai đó khiến em khó chịu. Nhưng anh biết không, có lẽ em muốn hiểu thêm về nhiều người khác nhau. Hoặc cũng có thể đó là cách giúp em nhận thức thế giới của mình”.

“Bằng cách ngủ với một ai đó ư?”

“À há”.

Giờ thì đến lượt tôi phải ngẫm nghĩ về điều nàng nói.

“Vậy cách đó có giúp em hiểu thêm điều gì không?” tôi hỏi nàng.

“Có chút chút”, nàng trả lời.

Đông qua rồi hè tới, tôi hầu như không gặp nàng nữa. Trường đại học bị phong tỏa và đóng cửa mấy lần. Về phần mình, tôi phải lo giải quyết mấy chuyện cá nhân.

Mùa thu năm sau, khi tôi quay trở lại quán cà phê cũ, đám khách quen đã hoàn toàn thay đổi. Nàng là khuôn mặt duy nhất tôi còn nhận ra được. Quán vẫn bật thứ nhạc rock xưa, nhưng không khí phần khích ngày xưa giờ đã tan biến. Chỉ còn nàng và thứ cà phê dở tệ là vẫn thế. Tôi buông mình xuống chiếc ghế đối diện nàng, và chúng tôi nói chuyện về đám bạn cũ.

Hầu hết bọn họ đã bỏ học, đứa thì tự sát, đứa thì lặn mất tăm. Cứ nói những chuyện đại loại như vậy.

“Anh làm gì suốt cả năm qua?” nàng hỏi tôi.

“Linh tinh đủ thứ”, tôi đáp.

“Có khôn lên chút nào không?”

“Chút xíu thôi”.

Đêm đó, tôi ngủ với nàng lần đầu tiên.

o O o

Tôi hầu như chẳng biết gì về thân thể nàng. Những gì tôi biết có lẽ do ai đó kể cho, hay có lẽ nàng đã kể cho tôi khi chúng tôi bên nhau trên giường. Năm đầu trung học, nàng cãi vã với bố một trận kịch liệt rồi bỏ nhà đi (bỏ cả học nữa). Chuyện này thì tôi khá chắc. Còn chuyện chính xác nàng sống ở đâu, hoặc đã sống sót bằng cách nào thì chẳng ai biết.

Nàng thường ngồi lì cả ngày ở một quán cà phê nhạc rock nào đó, nhâm nhi hết tách cà phê này đến tách cà phê khác, hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, lật giở từng trang sách, chờ ai đó đến trả tiền cà phê và thuốc lá ỉnh (một khoản không nhỏ với những đứa như tụi tôi ngày ấy) rồi cuối cùng lên giường với gã ta.

Vậy đấy. Đó là tất cả những gì tôi biết về nàng.

Kể từ mùa thu năm đó tới mùa xuân năm sau, tối thứ Ba tuần nào nàng cũng ghé qua căn hộ của tôi ở ngoại ô Mitaka. Nàng ăn hết sạch bất cứ món gì tôi nấu, vứt đầy đầu lọc thuốc lá trong gạt tàn của tôi rồi làm tình với tôi trong tiếng nhạc rock của chương trình FEN trên đài phát thanh to hết cỡ. Sáng thứ Tư, sau khi tỉnh dậy, hai đứa tôi đi bộ qua rừng đến khu học xá ICU rồi ăn trưa tại nhà ăn. Buổi chiều, chúng tôi uống một cốc cà phê loãng ở phòng sinh hoạt chung cho sinh viên, và nếu trời đẹp chúng tôi sẽ nằm dài trên bãi cỏ ngắm nhìn bầu trời.

Nàng gọi đó là những buổi picnic chiều thứ Tư của riêng hai đứa

“Mỗi lần mình đến đây, em đều có cảm giác như mình đang đi picnic”

“Vậy sao? Picnic à?”

“Anh thấy đấy, mặt đất thì cứ trải dài tít tắp, mọi người ai trông cũng vui vẻ cả...”

Nàng ngồi dậy, phải quệt mấy que diêm mới châm được thuốc.

“Mặt trời lên đỉnh bầu trời, rồi bắt đầu lặn xuống. Mọi người đến rồi đi. Thời gian cứ thế lướt qua. Cứ y như một buổi picnic vậy, anh thấy không?”

Ngày đó, tôi đã hai mốt và sắp bước sang tuổi hai mươi hai. Tôi không có cơ may tốt nghiệp sớm, mà cũng chẳng có lý do gì để bỏ học. Tôi bị mắc kẹt trong một tình huống tuyệt vọng kỳ quặc. Hàng tháng trời tôi

sa lầy, không tài nào tìm nổi một hướng đi mới ỉnh. Vạn vật đều vận động, riêng mình tôi vẫn đứng yên. Vào mùa thu, mọi thứ đều nhuộm màu tàn úa, trong chốc lát màu sắc bỗng nhạt phai trước mắt tôi. Ánh mặt trời, mùi hương cỏ, những tiếng tí tách dù là nhỏ nhất của làn mưa, mọi thứ đều khiến tôi không sao yên ổn.

Đã bao lần tôi mơ thấy mình đáp một chuyến tàu đêm? Bao giờ cũng là giấc mơ về một chuyến tàu đêm. Chuyến tàu mà trên đó không gian ngọt ngào vì khói thuốc và mùi hôi thối của nhà vệ sinh. Tàu đông nghẹt đến nỗi chẳng còn chỗ đứng. Mấy đồng nôn mửa đóng cục trên ghế ngồi. Việc duy nhất tôi có thể làm là đứng lên, xuống tàu ở ga kế tiếp. Nhưng chẳng hề có ga tàu nào. Chỉ là một cánh đồng bất tận, không một ngọn đèn le lói trong màn đêm. Không hề có lấy một người trưởng ga, đồng hồ, hay bảng giờ tàu, không gì hết – giấc mơ của tôi là như vậy đó.

Tôi vẫn còn nhớ rõ buổi chiều kỳ lạ ấy. Buổi chiều ngày 25 tháng Mười một. Cơn mưa tầm tã trước đó đã làm lá bạch quả rụng đầy đường, biến lối đi thành một lòng sông vàng khô cạn. Hai đứa tôi đi dạo, tay dắt túi áo. Không gian yên tĩnh đến bất ngờ. Chỉ có tiếng lạo xạo của đám lá dưới chân chúng tôi và tiếng kêu nhức óc của đàn chim.

Nàng đột ngột hỏi tôi. “Anh đang nghĩ gì vậy?”

“Đâu có gì đâu,” tôi đáp.

Nàng đi mấy bước nữa trước khi ngồi lại bên vệ đường và hít một hơi thuốc thật dài.

“Anh lúc nào cũng gặp ác mộng à?”

“Anh thường xuyên gặp ác mộng. Thường là ác mộng về máy tự động bán đồ lát vặt ăn tươi nuốt sống không trả lại tiền thừa cho anh.”

Nàng cười và đặt tay lên gối tôi, nhưng rồi lại rút ngay tay lại.

“Anh không muốn nói về chuyện đó hôm nay phải không?”

“Hôm nay thì không. Hôm nay anh không muốn nói chuyện.”

Nàng búng nhẹ điều thuốc hút dở xuống đất rồi lấy giày đi qua đi lại. “Anh không thể nói ra những điều anh muốn nói, có đúng vậy không?”

“Cũng chẳng biết nữa”, tôi đáp.

Hai cánh chim vụt liệng qua rồi chợt mất hút trên bầu trời không một gợn mây. Chúng tôi nhìn theo cho đến khi chúng biến mất. Nàng bắt đầu lấy một cành cây vẽ nguệch ngoạc mấy nét không ra hình thù gì trên mặt đất.

“Đôi khi ngủ với anh em cảm thấy thật cô đơn.”

“Xin lỗi đã làm em có cảm giác ấy”, tôi đáp.

“Anh không có lỗi gì cả. Em không nghĩ là anh mơ tưởng đến đứa con gái khác khi mình làm tình với nhau. Mà cho dù anh có mơ tưởng đến ai đó thì cũng có khác gì đâu? Chỉ là...” Nàng ngừng lại giữa chừng và chậm rãi vạch ba đường thẳng trên mặt đất. “Ồi, em cũng chẳng biết nữa.”

“Em biết đấy, anh không có ý xa lánh em”, tôi ngắt lời sau một lát. “Anh không biết cái gì đã vận vào người anh nữa. Anh đang cố hiểu điều gì đang xảy ra với mình. Anh không muốn thổi phồng mọi chuyện nhưng anh cũng không muốn né tránh vấn đề. Mọi chuyện cần có thời gian.”

“Cần bao nhiêu thời gian?”

“Ai biết được. Có thể một năm, có thể mười năm.”

Nàng quẳng nhánh cây đi, đứng lên, phỉu phỉu mấy sợi cỏ khô vướng trên áo. “Mười năm ấy à? Thôi nào anh, nghe cứ như là mãi mãi vậy?”

“Cũng có thể lắm”, tôi đáp.

o o o

Chúng tôi băng qua rừng đến khu học xá, ngồi trệu trạo nhai bánh mì xúc xích tại phòng sinh hoạt chung. Đã hai giờ chiều, hình Yukio Mishima cứ vụt qua vụt lại trên chiếc tivi trong phòng. Nút âm thanh của tivi bị hỏng nên chúng tôi chẳng hiểu họ đang nói cái gì, mà chúng tôi cũng chẳng quan tâm lắm. Một cậu sinh viên đứng lên tìm cách sửa nút âm thanh nhưng không được, cuối cùng cậu ta bỏ cuộc và đi mất.

“Anh muốn em”, tôi nói.

“Được thôi”, nàng đáp.

Tay thọc trong túi áo khoác, hai đứa tôi chậm rãi đi về căn hộ của tôi.

Tôi thức dậy thấy nàng đang thút thít khóc, tấm thân mảnh dẻ của nàng run rẩy dưới lớp chăn. Tôi bật máy sưởi lên và nhìn đồng hồ. Đã hai giờ sáng. Vầng trăng trắng sáng đến ngỡ ngàng giữa bầu trời.

Tôi đợi cho đến khi nàng thôi khóc rồi mới đặt ấm pha trà. Tôi pha một gói trà cho cả hai đứa. Trà nóng, không đường, không chanh. Tôi châm hai liều thuốc rồi đưa cho nàng một liều. Nàng rít vợi rồi nhổ khỏi, ba hơi liên tiếp, rồi húng hắng ho.

“Nói em biết đi, anh có bao giờ có ý định giết em không?” nàng hỏi.

“Em ư?”

“Ừ.”

“Tại sao em lại hỏi anh câu đó?”

Điều thuốc vẫn còn trên môi, nàng lấy đầu ngón tay gãi nhẹ nơi mí mắt.

“Chẳng có lý do gì đặc biệt cả.”

“Không, chưa bao giờ”, tôi đáp.

“Thật không?”

“Thật. Anh muốn giết em để làm gì?”

“Ồ, có lẽ anh nói thật,” nàng đáp. “Trong một giây, em chợt nghĩ có lẽ là cũng chẳng tệ quá nếu em bị giết. Trong lúc em đang ngủ say chẳng hạn.”

“Anh e là mình không phải loại sát nhân.”

“Vậy sao?”

“Ít ra là cho đến giờ.”

Nàng cười. Rồi nàng dập thuốc, uống hết tách trà, châm thuốc.

“Em sẽ sống cho đến năm hai mươi lăm tuổi”, nàng nói, “rồi chết.”

Tháng Bảy, tám năm sau, nàng qua đời lúc hai mươi sáu tuổi.

2. Phần II - Chương 02

phần II: Tháng Bảy, Tám năm Sau - Chương 02:Mười Sáu Bước

Tôi đợi nghe tiếng xì xì của không khí bị nén khi cửa thang máy đóng lại sau lưng mình rồi mới nhắm mắt lại. Cố gắng tỉnh trí, tôi bắt đầu bước đúng mười sáu bước từ chỗ thang máy về phía cửa căn hộ mình. Mắt nhắm nghiền, tôi đếm chính xác mười sáu bước, không hơn, không kém. Đầu óc tôi mù đi vì rượu, miệng tôi đắng nghét mùi thuốc.

Cho dù có say đến cỡ nào, tôi bao giờ cũng có thể bước đúng mười sáu bước thẳng tắp từ cửa thang máy về phía căn hộ mình. Thành quả của bao năm nhọc công rèn giũa thứ kỷ luật tự giác vô nghĩa. Cứ khi nào say, tôi lại ưỡn vai, cố giữ cho cột sống thật thẳng, ngẩng cao đầu, rồi hít một hơi thật dài làn không khí mát lành của buổi sáng trong hành lang bê tông. Sau đó, tôi nhắm mắt và bước đúng mười sáu bước qua làn sương mờ mờ ảo ảo của rượu whisky.

Trong phạm vi nhỏ nhoi của thế giới mười sáu bước chân ấy, tôi được phong danh hiệu “Kẻ Say Phong Nhã Nhất”. Một thành tích giản đơn thôi. Ta không có cách nào khác ngoài việc phải chấp nhận sự thật sờ sờ ra đó là ta đang say.

Không có và vũng, nhưng nhị, giả sử giả dụ gì hết. Chỉ một câu “Ta say”, đơn giản và dễ hiểu.

Cái thái độ bất cần đó giúp tôi đạt được danh hiệu Kẻ Say Phong Nhã Nhất, Kẻ Dậy Sớm Nhất, Toa Chở Hàng Cuối Cùng Qua Cầu.

Năm bước, sáu bước, bảy bước....

Đến bước thứ tám thì tôi dừng lại, mở mắt và thở một hơi thật sâu. Có tiếng gì kêu vù vù trong tai tôi. Nghe cứ như một làn gió biển thổi qua tấm màn sắt gỉ. Ngẫm nghĩ lại không biết lần cuối tôi đi biển là bao giờ nhỉ?

Xem nào. Ngày 24 tháng Bảy. 6:30 sáng. Thời khắc lý tưởng trong một năm, thậm chí trong cả một ngày, để đi biển. Bãi biển vẫn còn tĩnh không một bóng người. Dấu chân chim nằm rải rác bên mép sóng giống như lá thông rụng đầy sau một cơn gió mạnh.

Bãi biển, hừm...

Tôi lại bước tiếp. Biển đã lùi xa. Mọi thứ đã quá xa rồi.

Đến đúng bước thứ mười sáu, tôi dừng lại, mở mắt, đứng sừng sững ngay trước cửa nhà như mọi khi. Lôi từ trong hộp thư ra mấy tờ báo của hai ngày qua và hai bì thư, tôi cặp chúng dưới nách. Tôi lục lọi tìm chìa khóa trong túi áo rồi ngả người về trước, trán tựa trên tấm cửa sắt sắc lạnh. Từ đâu đó sau tai mình, tôi nghe một tiếng cách nhẹ. Cái thằng tôi, một nùi bông đầm rượu. Hầu như không còn làm chủ được mọi cảm giác nữa.

Thật chẳng còn gì hay hơn.

Tôi lách người qua cánh cửa hé mở rồi đóng cửa lại phía sau. Hành lang yên ắng như tờ. Yên ắng hơn mức cần thiết.

Tôi bỗng chú ý đến đôi giày đỏ dưới chân mình. Tôi đã từng nhìn thấy đôi giày này. Đôi giày xếp giữa đôi thể thao dính đầy bùn và đôi xăng đan rẻ tiền của tôi trông như một món quà Giáng sinh muộn. Một sự yên lặng thoáng nhẹ như làn khói bao trùm lên đôi giày.

Cô ta ngồi gục bên bàn bếp, tay chống trán, mái tóc đen thẳng che khuất khuôn mặt nhìn nghiêng. Khoảng da cổ trắng trắng hiện sau mấy lọn tóc, dây áo lót thấp thoáng nơi ống tay sát nách của chiếc váy đầm in hoa tôi chưa từng nhìn thấy trước đây.

Tôi cởi áo khoác, cà vạt, rồi đồng hồ, trong cả quãng thời gian ấy, cô ta không ngẩng đầu liếc tôi lấy một giây. Tấm lưng cô ta gợi cho tôi nhiều kỷ niệm. Những kỷ niệm trước khi tôi quen cô.

“Sao nào?” tôi nói bằng giọng cứ như đi mượn của ai, giọng tôi bỗng lạc đi.

Đúng như tôi đoán, cô ta không đáp lại lấy một câu. Hay là cô ta đang ngủ, đang khóc, hay thậm chí đã ngoẻo rồi cũng nên.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện và dụi mắt. Một tia nắng mong manh chia mặt bàn làm hai, tôi ở phía ánh sáng, cô ta ở phía bóng tối. Một bóng tối không màu. Trên mặt bàn là chậu hoa phong lữ héo khô. Bên ngoài là ai đó đang dội nước rửa đường. Nước bắn tung tóe trên vỉa hè, đầu đó thoảng mùi nhựa đường ẩm ướt.

“Uống cà phê không?”

Không một lời đáp.

Tôi đứng dậy, xay cà phê đủ pha hai cốc. Xay xong rồi tôi mới nhận ra mình thêm trà đá chứ không phải cà phê. Thế đấy, tôi luôn nhận thức được mọi việc khi sự đã rồi.

Đài đang phát một lô những bản nhạc pop chẳng có gì đặc sắc. Nhưng chúng lại quá hợp cho buổi sáng. Thế giới hầu như chẳng thay đổi gì trong mười năm. Chỉ có tên ca sĩ và bài hát là khác. Còn tôi thì già đi.

Nước bắt đầu sôi. Tôi tắt bếp, để nước nguội trong ba mươi giây rồi đổ nước pha cà phê. Nước bắt đầu ngấm vào cà phê, hạt cà phê xay nở dần, hương thơm lấp đầy căn phòng.

Cầm ấm nước trên tay, tôi hỏi cô ta, “Cô đến đây tôi qua à?”

Một cái gật đầu khẽ khàng.

“Cô đợi tôi từ đêm qua tới giờ à?”

Không trả lời.

Hơi nước từ ấm cà phê và ánh mặt trời gay gắt làm căn phòng bắt đầu nóng lên. Tôi đóng cửa, bật điều hòa rồi đặt hai cốc cà phê lên bàn.

“Uống đi”, tôi lấy lại giọng.

Yên lặng.

“Cô sẽ cảm thấy đỡ hơn nếu uống chút gì đó”.

Ba mươi giây trôi qua, rồi cô ta từ từ ngẩng đầu, lơ đãng nhìn trần trần vào chậu hoa héo. Mấy sợi tóc mai bết lại trên má, ở cô ta toát ra một mùi ẩm ướt.

“Anh đừng để ý đến tôi”, cô ta nói, “Tôi không định khóc lóc như thế này.”

Tôi đưa cho cô ta hộp khăn giấy. Cô ta lặng lẽ xì mũi rồi vuốt mấy sợi tóc khỏi má.

“Thật ra tôi định đi trước khi anh về nhà. Tôi không muốn gặp anh.”

“Nhưng tôi thấy là sau đó cô đã đổi ý.”

“Không phải. Tôi chẳng biết đi đâu cả. Nhưng anh đừng lo, tôi đi ngay bây giờ đây.”

“Vậy thì uống chút cà phê đã.”

Tôi chỉnh đài sang kênh tường thuật lưu lượng xe cộ, nhăm nháp cà phê, mở hai phong bì. Một lá thư thông báo đang có đợt khuyến mãi hai mươi phần trăm tại một cửa hàng nội thất. Lá kia là của một người tôi chẳng hề muốn nghĩ đến, hưởng hồ là đọc thư. Tôi vò nát, quăng hai lá thư vào sọt rác rồi nhăm nháp mấy chiếc bánh quy pho mát còn sót lại. Cô ta ủ tay quanh cốc cà phê và nhìn chăm chăm vào tôi, làn môi cô ta lướt nhẹ quanh viền cốc.

“Có xa lát trong tủ lạnh đó”, cô ta nói.

“Xa lát gì?”

“Cà chua với đậu hũ. Ngoài ra không còn gì hết. Tôi quăng mấy quả dưa chuột hỏng đi rồi.”

“Ừm.”

Tôi lại tủ lạnh, lấy bát thủy tinh Okinawa xanh đựng xa lát ra rồi rắc chút nước trộn còn sót lại lên. Cà chua và đậu đũa nguội ngắt. Không có vị gì. Cả cà phê lẫn bánh quy cũng vô vị nốt. Có phải ánh nắng buổi sớm đã phân hủy mọi thứ. Tôi bỏ dở cốc cà phê, lôi trong túi ra điều thuốc quấn queo, quẹt mấy que diêm tôi chưa từng nhìn thấy trước đây. Đầu thuốc cháy tanh tách khô khốc, làn khói xanh làm thành một hình thù ngoằn ngoèo trong nắng sớm.

“Tôi đi dự một đám tang. Khi đám tang xong, tôi đến Shinjuku, một mình.”

Con mèo không biết từ đâu hiện ra, ngáp một cái rō dài, sà vào lòng cô ta. Cô ta lấy tay khẽ gỡ tai mèo.

“Anh không phải giải thích gì cho tôi”, cô ta nói. “Tôi biết tôi đã không còn là gì trong anh nữa rồi.”

“Tôi đâu có giải thích gì đâu. Chỉ nói chuyện thôi mà”.

Cô ta nhún vai, kéo dây chiếc áo lót vào trong váy. Khuôn mặt cô ta không chút biểu cảm, như hình ảnh một thành phố đang chìm dần trên mặt đại dương.

“Một người quen cũ cách đây nhiều năm rồi. Cô không biết người ấy”.

“Ồ vậy sao?”

Con mèo duỗi dài chân rồi thở hắt ra.

Tôi liếc nhìn đầu mẫu thuốc cháy dở mình đang hút.

“Vậy người quen anh làm sao lại chết?”

“Bị xe tải cán. Gãy mười ba cái xương”.

“Nữ à?”

“Ừ.”

Bản tin bảy giờ và chương trình tường thuật lưu lượng xe cộ kết thúc, một bản rock nhẹ được phát lại. Cô ta đặt cốc cà phê xuống và nhìn thẳng vào tôi.

“Nói cho tôi biết đi, nếu tôi chết anh có đi uống say khướt như thế không?”

“Việc tôi say chẳng có gì liên quan đến đám tang cả. Mà nếu có cũng chỉ vài cốc đầu thôi.”

Một ngày mới lại bắt đầu. Lại một ngày nắng nóng. Một loạt nhà cao tầng sáng lóa qua khung cửa sổ.

“Cô có muốn uống chút gì lạnh lạnh không?”

Cô ta lắc đầu.

Tôi lấy một lon Coca trong tủ lạnh ra, làm một hơi hết sạch.

“Cô ấy là loại người sẵn sàng ngủ với bất kỳ thằng đàn ông nào”. Một lời cáo phó mới kỳ làm sao: người chết là loại gái sẵn sàng ngủ với bất cứ thằng đàn ông nào.

“Sao anh lại kể chuyện này cho tôi?”

Tại sao ư? Tôi cũng không biết nữa.

“Vậy đấy”, cô ta gọi lại câu chuyện giữa chừng bỏ dở, “cô ta là loại người có thể ngủ với bất kỳ ai, đúng không?”

“Đúng thế.”

“Nhưng không phải với anh chứ?”

Có chút gì đó gờn gợn trọng giọng nói cô ta. Tôi ngẩng lên từ bát xa lát, liếc nhìn cô ta.

“Cô nghĩ là không à?”

“Có lẽ là không”, cô ta nói khẽ. “Anh ư, anh không phải loại người đó.”

“Loại nào?”

“Không biết nữa. Ở anh có một cái gì đó đặc biệt. Giá thử như có một cái đồng hồ cát: cát chảy sắp hết. Anh là người sẽ quay ngược lại cái đồng hồ đó để cát chảy lại.”

“Vậy sao?”

Cô ta khẽ mím môi, rồi chùng người lại.

“Tôi đến lấy mấy thứ đồ của tôi. Áo khoác, mũ măng, mấy thứ còn sót lại. Tôi xếp chúng vào thùng rồi. Khi rảnh, anh mang ra bưu điện gửi cho tôi được không?”

“Tôi có thể mang chúng đến chỗ cô mà.”

Cô ta khẽ lắc đầu. “Khỏi cần đi. Tôi không muốn anh đến chỗ tôi. Anh hiểu chứ?”

Tất nhiên là tôi hiểu. Tôi đã không thèm nghĩ trước khi mở miệng nói.

“Anh có địa chỉ chưa?”

“Có rồi.”

“Thôi, có vậy đó thôi. Xin lỗi anh là tôi đã ngồi đây hơi lâu.”

“Còn giấy tờ thủ tục thì sao, có vậy thôi phải không?”

“À há. Mọi thứ đều thu xếp xong rồi.”

“Tôi không ngờ là thủ tục lại đơn giản đến vậy. Tôi cứ nghĩ là nó phải rắc rối hơn nhiều.”

“Mấy người ngoài không biết gì thì nghĩ vậy nhưng thật ra thì cũng đơn giản thôi. Một khi đã quyết định ly dị thì thủ tục quá đơn giản”. Cô ta vừa nói vừa gãi đầu con mèo. “Sau hai lần ly dị là ai cũng kinh nghiệm đầy mình.”

Con mèo lại duỗi lưng, nhắm mắt rồi nhanh chóng rúc đầu vào khuỷu tay cô ta. Tôi quăng hai cốc cà phê và bát xa lát vào chậu rửa bát, rồi lấy một tờ hóa đơn cũ phủi phủi mấy vụn bánh trên bàn. Ánh mặt trời chói chang khiến tôi như muốn nẩy đom đóm mắt.

“Tôi đã soạn ra một danh sách chi tiết. Đại loại như chỗ cất mấy tờ giấy quan trọng là chỗ nào, ngày đổ rác là ngày nào. Có thắc mắc gì anh cứ gọi tôi.”

“Cảm ơn nhé.”

“Anh đã bao giờ muốn có con chưa?” cô ta bất ngờ hỏi tôi.

“Không, tôi không nghĩ là tôi từng muốn có con.”

“Tôi cũng đã nghĩ khá lâu về chuyện đó. Nhưng mà khi nhìn sự thể thế này, có lẽ không có con lại là điều tốt. Mà cũng có thể nếu mình có một đứa con thì sự thể có lẽ không đến nỗi này, anh nghĩ sao?”

“Nhiều cặp vợ chồng có con rồi vẫn ly dị đó thôi”.

“Có lẽ anh nói đúng”, cô ta nói, tay nghịch nghịch chiếc bật lửa của tôi. “Tôi vẫn còn yêu anh. Nhưng điều đó cũng chẳng quan trọng gì nữa rồi, phải không? Bản thân tôi đã hiểu điều đó quá rõ”.

3. Phần II - Chương 03

Phần II: Tháng Bảy, Tám Năm Sau - Chương 03: Chiếc Váy Ngủ

Khi cô ta đi rồi, tôi uống hết một lon Coca nữa, đi tắm nước nóng dưới vòi hoa sen rồi cạo râu. Tôi sắp dùng hết sạch mọi thứ – xà phòng, dầu gội đầu, kem cạo râu.

Tôi bước ra khỏi vòi hoa sen, lau khô tóc, xoa sữa dưỡng thể, lấy ráy tai. Rồi tôi vào bếp hâm lại chỗ cà phê còn thừa. Chỉ để thấy rằng: không một ai ngồi ở phía đối diện chiếc bàn. Nhìn trần trần vào chiếc ghế không ai ngồi ấy, tôi cảm thấy mình như là một thằng bé con trong bức họa của De Chirico, bị bỏ rơi đơn độc tại một đất nước xa lạ. Tất nhiên là tôi chẳng còn bé bỏng gì nữa. Tôi quyết định thôi không nghĩ về hình ảnh đó nữa mà dành thời gian nhâm nhi cà phê và thuốc lá.

Mặc dù không hề chớp mắt trong vòng hai mươi tư tiếng đồng hồ nhưng tôi thấy tỉnh táo một cách kỳ lạ. Cơ thể rã rượi đến tận xương tủy nhưng trí óc tôi cứ mãi miết bơi vùn vút qua những đường nước xoắn xít của ý thức tôi, như một sinh vật nước không ngưng nghỉ.

Chiếc ghế trống trước mặt khiến tôi nhớ đến một cuốn tiểu thuyết Mỹ mà tôi từng đọc cách đây đã lâu. Sau khi người vợ bỏ đi, người chồng vẫn giữ nguyên chiếc váy ngủ choàng hồ hững trên ghế. Giờ đây nghĩ lại, câu chuyện đó bỗng trở nên có nghĩa. Đúng thật, chiếc váy có lẽ không giúp sự việc trở nên sáng sủa hơn, nhưng có nó còn hơn là chậu hoa phong lữ héo nhìn trân trân vào tôi. Ngoài ra, có lẽ con mèo cũng cảm thấy thoải mái hơn khi biết rằng mấy thứ đồ của cô ta vẫn còn đâu đây.

Tôi kiểm tra phòng ngủ, mở tất cả ngăn kéo tủ của cô ta, mọi thứ đều rỗng không. Chỉ còn lại một chiếc khăn đã bị mối xông, ba cái mắc áo và một gói thuốc chống mối. Đồ trang điểm, đồ vệ sinh cá nhân, lô uốn tóc, bàn chải đánh răng, máy sấy tóc, thuốc men đã được sắp xếp thành từng loại, bột, xăng đan, dép, mấy chiếc hộp đựng mũ, mấy thứ đồ phụ tùng, túi xách tay, túi đeo vai, va li, ví đầm, đầm quần lót lúc nào cũng được xếp gọn ghẽ, tất dài, tất ngắn, thư từ, tất cả mọi thứ với chút mùi đàn bà phảng phất đều không còn. Cô ta có lẽ đã xóa hết cả dấu vân tay cũng nên. Một phần ba sổ sách vở và đĩa nhạc cũng đã biến mất – mọi thứ cô ta tự bỏ tiền ra mua hoặc tôi mua tặng.

Trong cuốn album ảnh, mọi bức ảnh có hình cô ta đã bị bóc đi. Những bức ảnh có cả hai đứa chúng tôi đều đã bị cắt bỏ, phần có hình cô ta được cẩn thận cắt đi, phần có hình tôi được để lại. Những bức ảnh chụp tôi một mình hoặc ảnh chụp núi sông, hươu hiéc, mèo miéc đều được để nguyên. Ba cuốn album ảnh đã biến thành một quá khứ được sửa đổi. Mọi thứ như thể tôi sinh ra đã cô độc rồi, cô độc suốt quãng đời, và sẽ tiếp tục cô độc mãi.

Một chiếc váy ngủ! Lẽ ra ít nhất cô ta cũng có thể để lại một chiếc váy ngủ.

Đó là lựa chọn của cô ta, và lựa chọn này là không để lại một dấu vết gì. Tôi có thể hoặc chấp nhận nó hoặc, như tôi hình dung đó là chủ ý của cô ta, có thể khiến mình tin rằng cô ta chưa từng tồn tại. Nếu cô ta chưa bao giờ tồn tại thì chiếc váy ngủ cũng vậy.

Tôi dập thuốc vào gạt tàn, nghĩ một chút về chiếc váy ngủ của cô ta, rồi thôi không nghĩ nữa và đi ngủ.

Một tháng trôi qua kể từ khi tôi đồng ý ly dị và cô ta dọn ra ngoài. Một tháng của những số không. Không tập trung và không cảm giác, một tháng khởi tạo những thờ ơ.

Không gì thay đổi từ ngày này qua ngày khác, không một thứ gì. Tôi thức dậy lúc bảy giờ, nướng bánh và pha cà phê, đi làm, ăn tối ở ngoài, làm một hai ly, về nhà, đọc sách trên giường độ một tiếng, tắt đèn, rồi đi ngủ. Thứ Bảy và Chủ nhật, thay vì làm việc, tôi ra ngoài giết thời gian từ sáng, dạo một vòng qua các rạp chiếu phim. Sau đó tôi ăn tối, uống vài ly, đọc và đi ngủ, một mình. Vậy đó, tôi lay lắt qua ngày đoạn tháng giống như cách người ta gạch bỏ ngày trên lịch, hết ngày này đến ngày kia.

Theo một nghĩa nào đó, sự biến mất của cô ta là do tình hình vượt quá tầm kiểm soát của tôi. Những gì đã qua là qua luôn, kiểu như thế. Chúng tôi sống với nhau thế nào trong bốn năm qua chẳng còn quan trọng nữa. Giống như những tấm ảnh bị bóc mất khỏi cuốn album.

Hoặc cũng chẳng quan trọng gì khi cô ta ngủ với một thằng trong đám bạn tôi suốt một thời gian dài, vào một ngày đẹp trời, cô ta dọn đến ở với gã đó. Tất cả những điều này hoàn toàn có thể xảy ra. Những chuyện như thế diễn ra khá đều đặn, vậy thì làm sao tôi có thể nghĩ việc cô ta bỏ tôi là một điều gì đó không bình thường. Tóm lại là mọi việc tùy cô ta.

“Tóm lại là mọi việc tùy cô thôi”, tôi nói.

Đó là một chiều Chủ nhật, tôi đang nhẩn nha mở nắp lon bia thì cô ta nói ra điều đó. Nói là cô ta muốn ly hôn.

“Với anh thì thế nào cũng được đúng không?” cô ta hỏi, dẫn từng từ một cách chậm rãi.

“Không, với tôi thì thế nào cũng không được”, tôi nói. “Tôi chỉ nói là mọi việc tùy cô”.

“Nếu anh muốn biết sự thật, thì tôi không muốn bỏ anh”, cô ta nói, sau một lúc.

“Được rồi, vậy thì đừng bỏ tôi”, tôi nói.

“Nhưng tôi chẳng đi đến đâu khi ở lại với anh”.

Cô ta không nói thêm, nhưng tôi biết cô ta muốn nói gì. Mấy tháng nữa tôi sẽ tròn ba mươi tuổi; cô ta hai mươi sáu. Và nếu tính đến độ dài quãng đời còn lại của chúng tôi thì cái nền tảng chúng tôi xây đắp hầu như không có gì. Tất cả những gì chúng tôi làm trong suốt bốn năm chung sống là phung phí số tiền tiết kiệm được.

Tôi cho rằng phần lớn lỗi là do tôi. Có lẽ tôi không bao giờ nên lấy vợ. Ít ra là không bao giờ lấy cô ta.

Lúc đầu, cô ta nghĩ mình là kẻ không hợp với xã hội và biến tôi thành kẻ hợp với xã hội. Với vai trò riêng của mình, chúng tôi khá hợp nhau. Tuy vậy, ngay khi chúng tôi nghĩ mình đã đạt tới một sự sắp đặt vĩnh viễn thì một thứ gì đó bỗng tan vỡ. Một chút xíu nhỏ nhất của một thứ gì đó, nhưng không bao giờ lấy lại được. Chúng tôi đã sánh bước một cách êm đềm dọc theo một con ngõ cụt dài thăm thẳm. Đó là kết cục của chúng tôi.

Với cô ta, tôi đã không là gì nữa. Ngay cả nếu cô ta vẫn còn yêu tôi, cũng chẳng quan trọng gì nữa rồi. Chúng tôi đã khá quen với vai trò của người kia. Cô ta hiểu điều đó bằng bản năng; tôi biết điều đó từ kinh nghiệm. Không còn hy vọng gì.

Vậy là cô ta và chiếc váy ngủ đã biến mất vĩnh viễn. Một thứ gì đó đã bị lãng quên. Một thứ gì đó biến mất, một thứ gì đó chết đi. Nhưng rốt cuộc thì người ta khó có thể gọi cái thứ ấy là tấn thảm kịch.

Tháng Bảy, ngày 24, 8:25 sáng.

Tôi kiểm tra mấy con số trên chiếc đồng hồ điện tử, nhắm mắt rồi thiếp đi.

4. Phần Iii - Chương 04 - Part 1

Phần III: tháng Chín Hai Tháng Sau - Chương 4: Dương Vật Cá Voi Và Người Đàn Bà Làm Ba Nghề

Ngủ với một người đàn bà: một điều có vẻ như quan trọng nhất trong đầu bạn, hoặc có thể tưởng như chẳng là gì hết, điều đó chỉ để nói rằng có thứ tình dục như liệu pháp (liệu pháp tự kỷ, vậy đó) và có thứ tình dục như một thú vui.

Có thứ tình dục để tự hoàn thiện mình từ đầu đến cuối và có thứ tình dục để giết chết thời gian từ đầu đến cuối; thứ tình dục bắt đầu như một liệu pháp để rồi chỉ kết thúc như một việc chẳng-có-gì-hay-hơn-để-làm, và ngược lại. Đời sống tình dục của con người chúng ta – tôi biết nói như thế nào nhỉ? – khác một cách cơ bản với đời sống tình dục của cá voi.

Chúng ta không phải là cá voi – và điều này tạo nên chủ đề lớn xuyên suốt đời sống tình dục của chúng ta.

Khi tôi còn nhỏ, có một công viên hải dương cách chỗ tôi ở ba mươi phút đi xe đạp. Một sự yên lặng lạnh lẽo như thủy tinh luôn bao phủ chốn đó, chẳng hoặc chỉ nghe được tiếng nước bắn tung tóe. Tôi hầu như có thể cảm thấy được con Quái vật từ Phá Đen[1] đang thở trong một góc tối lờ mờ nào đó.

Hàng đàn cá ngừ lượn vòng quanh chiếc bể lớn. Cá tầm lượn qua lượn lại luồng nước hẹp, cá piranha cắn hàm răng sắc như dao cạo vào từng mảng thịt, loài lươn điện phát ra âm thanh lộp bộp và những tia lửa như bóng đèn bị cháy.

Bể cá cũng đầy những loài cá khác không đếm xuể, với những tên gọi, những vây cá và vây cá khác nhau. Tôi không hiểu nổi tại sao trên thế gian lại có lắm loài cá đến thế.

Tất nhiên là không có con cá voi nào trong công viên hải dương. Một con cá voi sẽ là quá lớn, ngay cả khi người ra phá tường và biến toàn bộ cái công viên đó thành một chiếc bể. Thay vào đó, công viên trưng bày một chiếc dương vật cá voi. Nói là như một biểu tượng cũng được.

Thế là chính những năm tháng dễ bị tác động nhất trong tuổi niên thiếu của tôi được dành không phải để ngắm một con cá voi mà là một chiếc dương vật cá voi: Bất cứ khi nào tôi mệt mỏi vì đi bộ dọc theo những

lối đi lạnh lẽo của công viên, tôi lại lên đến chỗ của riêng mình trên chiếc ghế băng trong sự tĩnh lặng của phòng trưng bày có trần cao, dành hàng giờ ở đó ngẫm nghĩ về cái dương vật cá voi này.

Có lúc nó làm tôi nhớ đến một cây cọ quăn queo nhỏ xíu, những lúc khác là một bắp ngô khổng lồ. Thực ra, nếu không có tấm biển đề – CỎ QUAN SINH DỤC CÁ VOI: GIỐNG ĐỰC – không ai có thể nghĩ đó là một cái dương vật cá voi. Nó có lẽ giống một di vật khai quật được từ sa mạc Trung Á hơn là một sản phẩm của Bắc Băng Dương. Nó không hề giống dương vật của tôi hay của bất cứ dương vật nào tôi từng nhìn thấy. Tệ hơn nữa, chiếc dương vật đã bị cắt rời toát ra một vẻ buồn bã khác thường, hầu như không diễn tả nổi.

Tôi nhớ đến nó, cái dương vật cá voi khổng lồ ấy, sau lần đầu tiên giao hợp với một đứa con gái. Sự trở trêu nào của số phận, con đường quanh co nào đã mang nó đến căn phòng trưng bày giống như một cái hang ấy. Tim tôi thất lại khi nghĩ đến điều đó. Tôi cảm thấy mình như không có chút hy vọng nào trên thế gian này. Nhưng tôi mới chỉ mười bảy tuổi và rõ ràng là quá trẻ để từ bỏ mọi thứ. Chính khi ấy, tôi nhận ra một điều mà từ đó tôi luôn ghi tâm khắc cốt.

Rằng, tôi không phải một con cá voi.

Lúc này đây tôi đang trên giường cùng cô bạn gái mới, đưa tay vuốt tóc cô, tôi ngẫm nghĩ về cá voi thật lâu.

Trong công viên hải dương của trí nhớ tôi, trời luôn vào cuối thu. Tấm kính thành bể lạnh lẽo. Tôi mặc áo len dày. Qua ô cửa sổ lớn của phòng trưng bày, biển tối như chì, những bọt sóng không đếm xuể gợi nhớ đến chiếc cổ bằng đăng ten trên áo váy thiếu nữ.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” cô hỏi.

“Một chuyện ngày xưa thôi”, tôi đáp.

Cô hai mươi mốt tuổi, với một thân hình mảnh mai hấp dẫn và một đôi tai đầy quyền rũ có hình dáng hoàn hảo nhất. Cô làm nghề sửa bản in bán thời gian ở một nhà xuất bản nhỏ, một người mẫu chụp quảng cáo chuyên về các bức ảnh chụp tai, và gái gọi ở câu lạc bộ kín tiếng chỉ-dành-cho-bạn-thân-thiết-mà-thôi. Tôi không biết cô coi đâu là nghề chính trong ba nghề ấy. Cô cũng không biết nữa.

Tuy nhiên, qua đánh giá những thuộc tính cơ bản của cô, tôi phải nói tài năng thiên bẩm của cô nghiêng về làm người mẫu tai. Cô đồng ý. Nghề này cũng tạm chấp nhận được nếu không tính đến việc cơ hội cho người mẫu quảng cáo chuyên về tai cực kỳ hạn chế đến mức nào, địa vị và mức lương thấp ra sao. Đối với một tay làm nghề P.R, nghệ sĩ trang điểm hay người quay phim thông thường, cô chỉ là “người mang tai”, một ai đó có tai. Tinh thần và thể xác cô, ngoài đôi tai, hoàn toàn không được đếm xỉa đến, bị coi thường, xem như không hề tồn tại.

“Nhưng anh biết đấy, đó không phải con người thật của em”, cô sẽ nói vậy. “Em là tai em, tai em là em”.

Cái tôi làm nghề sửa bản in hay cái tôi làm nghề gái gọi của cô chẳng bao giờ cho người khác thấy tai của mình.

“Đó là bởi chúng không thực sự là em”, cô giải thích.

Văn phòng câu lạc bộ gái gọi của cô, bề ngoài đăng ký như một “câu lạc bộ tài năng”, có trụ sở tại Akasaka và do một bà tóc bạc người Anh mà ai cũng gọi là bà X quản lý. Bà sống ở Nhật đã ba mươi năm, nói tiếng Nhật trôi chảy và đọc được hầu hết các Hán tự cơ bản.

Bà X mở một trường gia sư tiếng Anh cho phụ nữ cách văn phòng gái gọi không đầy năm trăm thước và dùng nơi đó để tìm kiếm các gương mặt triển vọng cho văn phòng gái gọi. Ngược lại, một vài cô gái gọi cũng đi học tại trường dạy tiếng Anh. Tất nhiên với mức học phí được miễn giảm.

Bà X gọi tất cả các cô gái là “cưng”. Mềm mại như một buổi chiều xuân, những “cục cưng” của bà.

“Nhớ mặc đồ lót điệu đà, nghe cưng. Và không mặc quần tất”. Hoặc “Cưng uống trà với sữa, phải không cưng?”. Bà có sự am hiểu chắc chắn về thị trường của mình. Khách hàng quen của bà là những doanh nhân giàu có trong độ tuổi bốn mươi và năm mươi. Hai phần ba là khách ngoại quốc, số còn lại là người Nhật. Bà X không ưa đám chính trị gia, các ông già, bọn tình dục lệch lạc và người nghèo.

Bà có một tá người đẹp chân dài sẵn sàng đi khách bất kỳ lúc nào, nhưng trong cả bó hoa ấy cô bạn gái mới của tôi là bông hoa ít hương sắc nhất. Với tư cách gái gọi, có vẻ như cô ở dưới mức trung bình. Thực tế là, khi che tai đi, cô không có gì đặc sắc. Tôi không hiểu tại sao bà X lại chọn cô. Có lẽ bà đánh hơi thấy trong sự tầm thường của cô một vẻ rực rỡ đặc biệt, hoặc có thể bà nghĩ một cô gái tầm thường sẽ là của hiếm. Dù cách nào đi nữa, tầm nhìn của bà X đã trúng mục tiêu, bạn gái tôi nhanh chóng có một số lượng khách quen nhất định. Cô mặc quần áo bình thường, trang điểm bình thường, mặc quần áo lót bình thường và xức một loại nước hoa bình thường khi cô tới khách sạn Hilton, Okura hay Prince để ngủ với một hai gã đàn ông mỗi tuần, thế là kiếm đủ để sống cho cả một tháng.

Một nửa các đêm khác cô ngủ với tôi miễn phí. Nửa còn lại tôi không biết cô qua đêm thế nào.

Cuộc sống của cô với tư cách người sửa bản in cho nhà xuất bản thì bình thường hơn. Ba ngày một tuần cô đạp xe đến Kanda, tới tầng thứ ba của một tòa nhà văn phòng nhỏ, và từ chín giờ đến năm giờ cô đọc và sửa các bản in thử, pha trà, chạy xuống dưới gác (không có thang máy trong tòa nhà) mua tẩu. Cô là người được sai làm chân chạy vặt, không phải vì ai đó có gì chống lại cô, mà bởi vì cô là gái chưa chồng duy nhất trong công ty. Như một con tắc kè hoa, cô thay đổi cùng với môi trường và hoàn cảnh, có khả năng tùy ý tập trung hoặc kiềm chế vẻ rực rỡ của mình.

Tôi biết cô (hay đúng hơn là, tai cô) lần đầu tiên ngay sau khi tôi chia tay vợ. Đó là vào đầu tháng Tám. Tôi đang thực hiện một hợp đồng phụ về viết quảng cáo ột công ty phần mềm máy tính, bên đã đưa tôi mặt đối mặt, ấy là nói như vậy, với đôi tai cô.

Giám đốc công ty quảng cáo đặt bản dự thảo chiến dịch và ba bức ảnh đen trắng lớn trên bàn tôi, nói tôi chuẩn bị ba thông điệp cho các bức ảnh trong vòng một tuần. Cả ba bức là ảnh khổng lồ chụp cận cảnh một cái tai.

Một cái tai ư?

“Tại sao lại là một cái tai?” tôi hỏi.

“Ai biết được? Có gì khác kia chứ? Thì là một cái tai thôi. Cậu có một tuần để suy nghĩ về tai”.

Thế là tôi ngắm những cái tai trong cả một tuần liền. Tôi dán ba cá tai khổng lồ lên trên tường trước bàn làm việc, và cả ngày trong khi hút thuốc, uống cà phê, cắt móng tay, tôi trầm ngâm suy nghĩ về mấy cái tai.

Tôi hoàn thành công việc đó trong một tuần, nhưng mấy bức ảnh chụp tai vẫn được dán trên tường. Một phần vì hạ chúng xuống quá phiền toái, một phần vì tôi đã trở nên quen thuộc với mấy cái tai ấy. Nhưng lý do chính để tôi không hạ mấy bức ảnh xuống là vì mấy cái tai đó đã mê hoặc tôi. Chúng là hình ảnh lý tưởng của một cái tai. Sự tinh túy, tuyệt phẩm của tai. Chưa bao giờ bất cứ một bộ phận được phóng to nào của cơ thể (tất nhiên là gồm cả bộ phận sinh dục) lại có một sức hút mạnh mẽ đến như vậy đối với tôi. Chúng như một vòng xoáy lớn lao nào đó của số phận hút tôi vào trong.

Một đường cong táo bạo bất ngờ cắt xéo một cách rõ ràng ngang qua mặt phẳng bức ảnh, những đường cong khác như đường chạm tinh tế uốn lượn quanh những vùng tối huyền ảo, trong khi những đường cong khác nữa lại như một bức tranh tường cổ, lần theo những huyền thoại của một thời quá khứ. Nhưng phần thịt mềm mại nơi dải tai vượt lên trên tất cả, vượt lên trên mọi vẻ đẹp và ham muốn.

Mấy ngày sau, tôi gọi tay nhiếp ảnh gia để xin tên và số điện thoại của đôi tai ấy.

“Có việc gì đấy?” tay nhiếp ảnh gia hỏi.

“Chỉ tò mò thôi mà. Thật là đôi tai quá ấn tượng”.

“Ồ, xét riêng về khoản tai thì quả đúng vậy, nhưng bản thân con bé đó chả có gì đặc biệt. Nếu cậu muốn một em non tơ, tôi có thể giới thiệu cho cậu một em người mẫu đồ tắm tôi chụp hôm trước”.

Tôi từ chối, ghi lại tên và số điện thoại của những cái tai, cảm ơn gã, rồi cúp máy.

Hai giờ, sáu giờ, mười giờ, tôi cố gọi vào số điện thoại của cô, nhưng không ai trả lời. Rõ ràng là cô đang mãi tận hưởng cuộc sống của mình.

Phải đến mười giờ sáng hôm sau tôi mới gặp được cô trên điện thoại. Tôi tự giới thiệu mình một cách vắn tắt, rồi nói thêm là tôi phải nói chuyện công việc liên quan tới quảng cáo và liệu cô có thể dùng bữa tối với tôi chăng.

“Nhưng người ta bảo tôi là công việc đã xong”, cô nói.

“Đúng là công việc đã xong”, tôi nói.

Dường như cô hơi ngạc nhiên, nhưng không hỏi gì thêm. Chúng tôi hẹn nhau buổi tối hôm sau.

Tôi gọi đặt chỗ tại một nhà hàng Pháp sang trọng nhất mà tôi biết. Trên đại lộ Aoyama. Sau đó tôi lấy ra một chiếc sơ mi mới tinh, dành thời gian lựa cà vạt, rồi mặc một chiếc áo vest tôi mới chỉ mặc có hai lần trước đó.

Đúng như lời cảnh báo của tay nhiếp ảnh gia, cô gái chẳng có gì đặc biệt. Quần áo bình thường, vẻ ngoài bình thường. Cô có vẻ như là thành viên dàn đồng ca của một trường nữ sinh hạng hai. Nhưng điều đó không thành vấn đề với tôi. Điều khiến tôi thất vọng là cô giấu tai dưới làn tóc thẳng.

“Cô đang che tai của mình đi”, tôi nói một cách hờ hững.

“Đúng thế”, cô nói một cách hờ hững.

Chúng tôi đến sớm hơn dự kiến và là những người khách đến ăn tối đầu tiên tại nhà hàng. Đèn mờ mờ, người hầu bàn đem một thanh diêm dài để châm cây nến nhỏ màu đỏ trên bàn chúng tôi, và viên quản lý ném một cái nhìn soi xét lên đám khăn ăn và chén bát để đảm bảo mọi thứ đều đúng quy cách. Ván sàn gỗ sồi láng bóng được sắp xếp theo hình chữ chi, người hầu bàn đi đi lại lại, giày phát ra tiếng lách ca lách cách. Giày của anh ta trông đắt tiền hơn giày của tôi nhiều. Nụ hồng tươi rói trong lọ, và tranh sơn dầu hiện đại, bản gốc, treo trên tường.

Tôi liếc qua danh sách rượu và chọn loại vang trắng tinh khiết, rồi chọn món ngỗng khai vị gồm pa tê vịt, cá trap và gan cá vây chân sốt kem tươi. Sau khi nghiên cứu kỹ thức đơn, cô gọi món canh rửa, xa lát và cá bơn lá mít, trong khi tôi gọi món canh nhím biển, bê quay với mùi tây và xa lát cà chua. Nửa tháng lương đi tong.

“Chỗ này dễ thương ghê”, cô nói. “Anh có hay đến đây không?”

“Chỉ thỉnh thoảng vì công việc thôi”, tôi trả lời, “Sự thật là tôi không thường đi nhà hàng khi tôi một mình. Tôi hay lui tới các quán bar, ở đó tôi ăn uống bất cứ thứ gì họ có. Như vậy tiện hơn. Đồ phải có những quyết định không cần thiết”.

“Vậy anh thường xuyên ăn gì tại quán bar?”

“Thì đủ thứ. Thường là trứng ốp lết và bánh mì kẹp”.

“Trứng ốp lết và bánh mì kẹp”, cô nhắc lại. “Ngày nào anh cũng ăn trứng ốp lết và bánh mì kẹp tại quán bar?”

“Không phải hàng ngày. Cứ cách ba ngày thì tôi lại tự nấu ăn một lần.”

“Vậy là cứ ba ngày thì hai ngày anh ăn trứng ốp lết và bánh mì kẹp?”

“Chắc vậy quá”, tôi nói.

“Tại sao lại là trứng ốp lết và bánh mì kẹp?”

“Vì một quán bar tương đối có thể có trứng ốp lết và bánh mì kẹp khá ngon”.

“Hừm”, cô nói. “Khá lạ đấy.”

“Không lạ chút nào cả”.

5. Phần Iii - Chương 04 - Part 2

Tôi không biết thoát ra khỏi tình thế này như thế nào, vậy là tôi ngồi đó lặng lẽ ngắm nghía đám tro trong gạt tàn.

Cô khuấy động không khí. “Hãy nói chuyện công việc đi”.

“Như tôi đã nói với cô ngày hôm qua, công việc đã hoàn thành. Không khúc mắc gì cả. Vậy nên tôi không có gì để nói.”

Cô rút ra một miếng thuốc lá đinh hương mảnh từ trong túi xách, châm lửa bằng diêm của nhà hàng và nhìn tôi với một vẻ như muốn nói, “Rồi sao nữa?”

Tôi đang định nói thì viên quản lý tiến lại bàn chúng tôi. Ông ta chỉ cho tôi mác chai rượu, mỉm cười hạnh phúc như thể đang khoe với chúng tôi ảnh đứa con trai duy nhất của mình. Tôi gật đầu. Ông ta mở nút chai với một tiếp bốp nhẹ, rồi rót một chút vào ly của tôi. Ngụm rượu có vị như giá của cả bữa tối.

Viên quản lý rút lui và thế chỗ ông ta là một người hầu bàn đặt ba món nguội khai vị và một chiếc đĩa nhỏ trước mặt mỗi người chúng tôi. Khi người hầu bàn đi, để chúng tôi một mình, tôi buột miệng, “Tôi phải nhìn thấy tai của cô.”

Không nói một lời nào, cô tiếp tục dùng món pa tê và gan cá vây chân. Cô nhấp một ngụm rượu. “Xin lỗi đã khiến cô phải chịu đựng,” tôi tìm lời thoái thác.

Cô cười rất khẽ, “Món ăn Pháp ngon thế thì đâu có phải chịu đựng gì đâu.”

“Cô có bức mình không khi đôi tai của mình bị đem ra làm đề tài nói chuyện?”

“Có sao đâu. Điều đó phụ thuộc và cách nói chuyện.” Cô lắc đầu trong khi đưa đĩa lên miệng. “Hãy cứ nói thẳng với tôi, vì đó là cách tôi thích nhất.”

Chúng tôi lặng lẽ nhấp rượu và tiếp tục dùng bữa.

“Tôi rẽ ở một góc phố,” tôi ướm lời, “ngay khi người đi trước tôi rẽ ở góc phố tiếp theo. Tôi không thể thấy người đó trông như thế nào. Tất cả những gì tôi nhìn ra được là cái đuôi áo trắng tinh thấp thoáng trong giấy lát. Nhưng màu trắng của cái đuôi áo ấy hằn sâu mãi mãi trong tâm thức tôi. Cô đã bao giờ có cảm giác đó chưa?”

“Có lẽ rồi.”

“Ừm, đó là cảm giác của tôi khi nhìn thấy tai cô.”

Chúng tôi lại cầm cốc ăn trong yên lặng. Tôi rót rượu cho cô, rồi ình.

“Cái lưu lại trong tâm trí anh không phải là cảnh tượng,” cô hỏi, “mà là cảm giác, đúng vậy không?”

“Đúng thế.”

“Trước đó anh đã bao giờ có cảm giác ấy chưa?”

Tôi suy nghĩ một chút, rồi lắc đầu. “Chưa, tôi nghĩ là chưa.”

“Nghĩa là tất cả đều do tai tôi.”

“Tôi không thể khẳng định điều đó. Tôi không dám chắc chắn. Tôi chưa bao giờ nghe nói hình dáng của tai lại kêu gọi người ta như thế này.”

“Tôi biết có người hắt hơi mỗi lần trông thấy mũi của Farrah Fawcett. Anh biết không, có cả một yếu tố tâm lý lớn liên quan đến hắt hơi. Một khi có đường nối nhân quả thì không còn thoát đi đâu được.”

“Tôi không phải chuyên gia về mũi của Farrah Fawcett,” tôi nói, nhấp một ngụm rượu. Rồi tôi quên mất điều mình định nói.

“Đó không hẳn là điều anh muốn nói, đúng không?” cô nói.

“Không, không hẳn,” tôi nói. “Cái cảm giác tôi đang có, nó mông lung khủng khiếp, tuy vậy lại rất chắc chắn.” Tôi diễn đạt, nắm hai tay cách người một thước, rồi dần khoảng cách đó lại thành năm centimet. “Tôi e là tôi không diễn đạt điều này cho đúng được.”

“Một hiện tượng tập trung dựa trên những động cơ mơ hồ.”

“Chính xác,” tôi nói. “Cô thông minh hơn tôi ít nhất là bảy lần.”

“Tôi theo học mấy lớp từ xa.”

“Lớp học từ xa ư?”

“Đúng vậy, lớp tâm lý học qua đường thư.”

Chúng tôi chia nhau miếng pa tê cuối cùng. Giờ thì tôi hoàn toàn mất phương hướng.

“Anh vẫn chưa hiểu sao? Mối quan hệ giữa tai tôi và cảm giác của anh?”

“Nói tóm lại là chưa,” tôi nói. “Nghĩa là, tôi không hiểu rõ liệu tai cô quấy rầy tôi một cách trực tiếp, hay là liệu có một cái gì đó trong cô quấy rầy tôi thông qua tai cô.”

Cô đặt cả hai tay lên bàn rồi khẽ lắc đầu. “Cái cảm giác này của anh là thuộc diện tốt hay xấu vậy?”

“Không tốt cũng chẳng xấu. Hay có lẽ cả hai. Tôi không nói được.”

Cô nắm chặt ly rượu giữa hai lòng bàn tay và nhìn thẳng vào mặt tôi. “Có vẻ như anh cần nghiên cứu thêm về phương diện thể hiện cảm xúc.”

“Tôi cũng tệ cả khoản mô tả cảm xúc nữa,” tôi nói.

Đến đó cô mỉm cười. “Không sao cả. Tôi nghĩ tôi hiểu rõ anh định nói gì.”

“Vậy thì, tôi nên làm gì đây?”

Cô không nói gì một lúc thật lâu. Dường như cô đang chìm trong suy nghĩ về một điều gì đó khác. Năm chiếc đĩa nằm trống trơn trên bàn, một chòm năm hành tinh đã bị hủy diệt.

“Này anh,” cô kết thúc sự yên lặng. “Tôi nghĩ chúng ta nên trở thành bạn bè. Tất nhiên là nếu anh đồng ý.”

“Tất nhiên là tôi đồng ý rồi.”

“Và tôi muốn nói là những người bạn rất thân,” cô nói.

Tôi gật đầu.

Và thế là chúng tôi trở thành những người bạn rất thân. Chưa đầy ba mươi phút sau lần đầu gặp mặt.

“Với tư cách là bạn thân, có một vài điều anh muốn hỏi em,” tôi nói.

“Anh hỏi đi.”

“Trước hết là tại sao em không để lộ tai? Hai là, đã bao giờ tai em có ảnh hưởng đặc biệt đến ai ngoài anh ra không?”

Không một lời, cô chăm chăm nhìn đôi bàn tay đang đặt trên bàn.

“Có vài người,” cô nói khẽ.

“Vài người ư?”

“Ừ. Nhưng nói một cách khác, em quen với cái tôi không để lộ tai của mình hơn.”

“Nghĩa là cái tôi để lộ tai của em khác với cái tôi không để lộ tai của em.”

“Đúng.”

Hai người hầu bàn dọn đĩa ăn của chúng tôi và mang món xúp ra.

“Em có thể kể cho anh về con người để lộ tai của em được không?”

“Đã lâu quá rồi, em e không kể cho tường tận được. Sự thật là, em không hề để lộ tai mình lấy một lần kể từ khi em hai mươi tuổi.”

“Nhưng khi em làm người mẫu tai, em để lộ tai của mình đấy thôi?”

“Đúng thế,” cô nói, “nhưng không phải tai thật của em.”

“Không phải tai thật của em ư?”

“Đó là đôi tai đã bị bịt kín.”

Tôi ăn hai thìa xúp đầy và ngẩng nhìn cô.

“Kể cho anh nghe thêm về ‘đôi tai đã bị bịt kín’ của em đi.”

“Đôi tai đã bị bịt kín là đôi tai đã chết. Em đã giết chính đôi tai của mình. Nghĩa là, em cắt đường thông tai một cách có ý thức... Anh vẫn hiểu em nói gì đấy chứ?”

Không, tôi không hiểu cô.

“Vậy thì anh hỏi em đi,” cô nói.

“Khi nói giết chính đôi tai của mình, có phải ý em là em tự làm ình bị điếc?”

“Không, em có thể nghe khá rõ. Nhưng ngay cả khi đó, tai em đã chết. Anh cũng có thể làm thế.”

Cô đặt thìa xúp xuống, ngồi thẳng lưng, nâng cao vai năm centimet, đẩy hàm ra phía trước, giữ nguyên tư thế đó trong cả mười giây, và đột nhiên hạ vai xuống.

“Thấy chưa. Tai em đã chết. Giờ anh thử đi.”

Tôi lặp lại động tác cô đã làm ba lần. Một cách chậm rãi, cẩn thận, nhưng không gì cho tôi cảm giác là tai tôi đã chết. Rượu đang nhanh chóng luồn lách trong cơ thể tôi.

“Anh tin là tai mình đã không chết đúng cách,” tôi nói, thất vọng.

Cô lắc đầu. “Không sao đâu. Nếu tai anh không cần chết thì chả có gì sai khi chúng không chết cả.”

“Anh có thể hỏi em một điều không?”

“Anh hỏi đi.”

“Nếu tổng kết lại tất cả mọi thứ em kể cho anh, có vẻ như thế này: em để lộ tai cho đến khi hai mươi tuổi. Rồi một ngày kia em che tai đi. Và từ ngày đó trở đi, em không một lần nào để lộ tai. Nhưng vào những lúc em bắt buộc phải để lộ tai, em chặn đường thông nối giữa tai em và ý thức em. Có đúng thế không?”

Một nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt cô. “Đúng thế đấy.”

“Điều gì đã xảy đến với tai em khi em hai mươi tuổi?”

“Anh đừng có hồi thúc mọi thứ,” cô nói, với tay phải qua bàn, chạm nhẹ vào bàn tay trái tôi. “Em xin anh đó.”

Tôi rót nốt chỗ rượu còn lại vào ly hai chúng tôi và chậm rãi uống ly của mình.

“Trước tiên, em muốn biết thêm về anh,” cô bắt đầu.

“Điều gì về anh nào?”

“Mọi thứ. Anh được nuôi dạy ra sao, anh bao nhiêu tuổi, anh làm nghề gì, đại loại như vậy.”

“Chuyện anh thường làm. Quá mức bình thường, có lẽ em sẽ ngủ gật giữa chừng mất.”

“Em thích những câu chuyện bình thường.”

“Chuyện của anh là loại chuyện bình thường mà không ai muốn nghe.”

“Không sao cả, kể cho em trong mười phút thôi.”

“Anh sinh năm 1948, vào ngày 24 tháng Mười hai, đêm Giáng sinh. Nào, đêm Giáng sinh không phải là một ngày sinh nhật hay ho gì. Anh muốn nói là người ta không nhận được quà sinh nhật và quà Giáng sinh tách biệt. Mọi người đều nghĩ họ sẽ tiết kiệm được tiền bằng cách đó. Sao chiếu mệnh của anh là sao Ma Kết và nhóm máu anh là nhóm máu A – một sự kết hợp hoàn hảo cho nghề giao dịch viên ngân hàng và công chức. Anh không hợp với những người sao Nhân Mã, Bảo Bình và Thiên Bình. Một cuộc đời tẻ nhạt, em có nghĩ thế không?”

“Em đang bị thu hút đây.”

“Anh lớn lên tại một thị trấn nhỏ bình thường, đi học ở một trường bình thường. Anh là một đứa bé lặng lẽ, nhưng rồi lớn lên thành một thằng nhỏ mau chán. Anh gặp một cô bạn gái bình thường, có một mối tình đầu bình thường. Năm mười tám tuổi, anh đi học đại học ở Tokyo. Khi ra trường, anh và một người bạn mở một dịch vụ biên dịch nho nhỏ, và bằng cách này cách khác bọn anh sống lần hồi. Ba năm trước, bọn anh bỏ vốn kinh doanh vào các bản tin PR và các công việc liên quan đến quảng cáo, việc đó tiến triển khá tốt. Anh có quan hệ với một trong những người phụ nữ làm trong công ty. Bọn anh cưới nhau bốn năm trước và ly dị hai tháng trước. Anh không thể nói tóm gọn lại vì lý do duy nhất nào. Anh có một con mèo đực làm vật nuôi trong nhà. Hút bốn mươi điều thuốc mỗi ngày. Có vẻ như không thể bỏ được. Anh có ba bộ lê, sáu chiếc cà vạt, cộng với một bộ sưu tập năm trăm đĩa nhạc đã lỗi thời hết thuốc chữa. Anh nhớ tất cả tên của những kẻ giết người trong mọi truyện trinh thám từng được Ellery Queen viết ra. Anh có trọn bộ cuốn Đi tìm thời gian đã mất, nhưng mới chỉ đọc có một nửa. Anh uống bia vào mùa hè, whisky vào mùa đông.”

“Và cứ ba ngày thì hai ngày anh ăn trứng ốp lết và bánh mì kẹp tại quán bar, đúng không?”

“À há,” tôi nói.

“Thật là một cuộc sống thú vị.”

“Đến giờ thì vẫn tẻ nhạt thôi. Có lẽ từ giờ trở đi nó cũng sẽ vẫn mãi như thế. Nói vậy không có nghĩa điều đó làm anh bận tâm. Ý anh là, anh chấp nhận những gì đến với mình.”

Tôi nhìn đồng hồ. Chín phút, hai mươi giây.

“Nhưng những gì anh vừa kể em nghe không phải là tất cả, đúng không?”

Tôi nhìn chăm chăm vào tay mình trên bàn. “Tất nhiên đó không phải là tất cả. Không bao giờ kể hết chuyện về cuộc đời một ai đó, cho dù nó có tẻ nhạt đến mức nào.”

“Em có thể nhận xét không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Bất cứ khi nào em gặp mọi người lần đầu tiên, em gợi cho họ nói chuyện trong mười phút. Sau đó em đánh giá họ từ khía cạnh đối ngược hoàn toàn với tất cả những gì họ kể cho em. Anh có nghĩ điều đó điên rồ không?”

“Không,” tôi nói, lắc đầu, “anh đoán là phương pháp của em có hiệu quả đấy.”

Một người hầu bàn tiến lại, bày ra những chiếc đĩa mới, một người hầu bàn khác dọn món chính trên những chiếc đĩa ấy, và một người khác nữa rưới nước sốt lên. Một tình huống phòng ngự kiểu kép nhanh gọn, chặn ngắn tới chót hai, chót hai tới chót một.

“Áp dụng cách thức này đối với anh, em rút ra được một điều,” cô nói, đặt con dao lên trên món cá bơn. “Rằng cuộc đời anh không buồn tẻ. Anh ước cuộc đời mình buồn tẻ. Em suy luận có sai không?”

“Có lẽ không. Có lẽ cuộc đời anh không buồn tẻ, có lẽ anh không thật sự đi tìm một cuộc đời buồn tẻ. Nhưng kết quả cũng giống nhau cả thôi. Cách nào đi chăng nữa anh cũng biết được điều gì sẽ xảy ra. Hầu hết mọi người cố thoát ra khỏi sự nhàm chán, nhưng anh lại cố rút vào sâu bên trong cái sự nhàm chán ấy. Đó là lý do tại sao anh không than vãn khi nói cuộc đời mình tẻ nhạt. Dù sao thì nó cũng đủ làm vợ anh bỏ đi.”

“Đó có phải lý do anh và vợ anh chia tay?”

“Như anh đã nói trước, anh không thể tóm gọn lại trong một lý do duy nhất nào. Nhưng như Nietzsche nói, ‘Đấu tranh chống lại sự nhầm lẫn, ngay cả thần thánh cũng phải đầu hàng.’”

Chúng tôi nhẩn nha ăn. Cô thêm nước xốt, tôi thêm bánh mì. Sau đó đĩa bát được dọn đi, chúng tôi ăn món kem việt quất, và đến lúc họ đem cà phê ra tôi châm một điều thuốc. Khói thuốc lơ lửng giây lát trước khi hệ thống thông gió không tiếng ồn lặng lẽ cuốn nó đi.

Mọi người bắt đầu lục tục đến các bàn bên. Một bản concerto của Mozart phát ra từ dàn loa trên cao.

“Nếu có thể, anh muốn được hỏi thêm về đôi tai của em,” tôi nói.

“Anh muốn hỏi liệu tai em có sở hữu một thứ quyền lực đặc biệt nào đó chẳng?”

Tôi gật đầu.

“Đó là điều anh phải tự mình kiểm tra lấy,” cô nói. “Nếu em kể cho anh nghe điều gì, có lẽ anh sẽ không hứng thú nữa. Có thể còn làm cản trở anh đó.”

Tôi gật đầu lần nữa.

“Với anh, em sẽ cho anh xem tai mình,” cô nói, sau khi dùng cà phê xong. “Nhưng em không biết điều đó có thực sự có lợi cho anh hay không. Có lẽ cuối cùng anh sẽ hối tiếc vì điều đó.”

“Nghĩa là sao?”

“Cái sự tẻ nhạt của anh có lẽ không thâm căn cố đế như anh nghĩ.”

“Đó là cơ hội mà anh phải nắm bắt,” tôi nói.

Cô vói tay qua bàn và đặt tay lên tay tôi. “Còn điều này nữa: tạm thời – cứ cho là trong mấy tháng tới – đừng rời xa em. Được chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

Đến đó, cô lấy trong túi xách ra một chiếc dây buộc tóc màu đen. Giữ nó giữa hai môi, cô đưa hai tay vén tóc ra đằng sau, xoắn một vòng, rồi nhanh chóng buộc tóc lại đằng sau.

“Thế nào?”

Tôi nín thở và nhìn chăm chăm vào cô, sững sờ. Miệng tôi đắng ngắt. Tôi không thể thốt nên lời. Trong thoáng chốc, bức tường trát thạch cao trắng dường như gọn sóng. Âm thanh của những người khách đến ăn tối và tiếng lách cách của tiếng dao đĩa nhỏ dần đi, rồi trở lại bình thường. Tôi nghe thấy tiếng sóng, nhớ lại mùi hương của buổi tối đã bị quên lãng từ lâu. Tuy vậy mọi thứ đơn thuần là những mảnh vụn của những cảm giác chạy qua người tôi trong mấy phần trăm giây ấy.

“Tình túy,” tôi cố gắng lắm mới nói được một câu. “Anh không thể tin được đó lại là cùng một người.”

“Hiểu điều em nói chưa?” cô nói.

Chú thích

[1] Creature of the Black Lagoon (1954), một bộ phim về quái vật của Mỹ do Jack Arnold đạo diễn.

6. Phần Iii - Chương 05

Chương 5: Đôi Tai Không Bật Kín

“Hiểu điều em nói chưa?” cô nói.

Cô trở nên vô cùng xinh đẹp, vẻ đẹp vượt trên mọi sự hiểu biết. Chưa bao giờ mắt tôi được say mê thưởng thức một vẻ đẹp đến nhường vậy. Loại vẻ đẹp tôi chưa bao giờ mơ tưởng sẽ tồn tại trên đời. Rộng mở như cả vũ trụ, nhưng đồng thời cũng dày đặc như một dòng sông băng. Dư thừa một cách không hề bối rối, nhưng đồng thời cũng được rút gọn đến phần cốt lõi. Nó vượt lên trên mọi khái niệm trong tầm hiểu biết của tôi. Cô với đôi tai là một, lướt bay qua mặt cắt của thời gian như một luồng sáng thay đổi liên tục.

“Em thật đặc biệt,” tôi nói, sau khi lấy lại hơi thở.

“Em biết,” cô nói. “Đó là tai em trong trạng thái không bị bịt kín.”

Lúc này, một vài vị khách quay sang chúng tôi, mồm há hốc ra nhìn chăm chăm vào cô. Người hầu bàn mang thêm cà phê không tài nào rút được đúng cách. Không một ai thốt được lời nào. Chỉ có cuộn băng trên đầu từ cứ tiếp tục quay chậm rãi.

Cô rút ra một miếng thuốc lá đình hương trong ví đưa lên môi. Tôi lập cập châm lửa cho cô bằng bật lửa của mình.

“Em muốn ngủ với anh,” cô nói.

Thế là chúng tôi ngủ với nhau.

7. Phần Iii - Chương 06

Chương 6: Những Cuộc Phiêu Lưu Tiếp Theo Của Đôi Tai Không Bịt Kín

Tuy vậy tôi phải mất công đợi cô bộc lộ vẻ rực rỡ chói lọi của mình. Hai ba ngày sau đó, cô chỉ thỉnh thoảng để lộ tai, rồi lại giấu kỹ công của tạo hóa ấy sau tóc và trở về với vẻ bình thường.

Đối với cô, việc ấy cũng như thể cô cởi áo khoác trong giá rét đầu tháng Ba. “Em cho là giờ vẫn chưa phải lúc để lộ tai”, cô nói. “Em chưa hoàn toàn thoải mái với chúng.”

“Thật ra anh không phản đối đâu,” tôi nói. Ngay cả khi che tai đi, cô cũng xinh ra phết.

Cô thỉnh thoảng cho tôi xem tai; hầu hết vào những lúc gần gũi nhau. Gần gũi cô khi cô để lộ tai là một trải nghiệm tôi chưa từng biết đến. Khi trời mưa, mùi mưa biểu lộ vô cùng rõ ràng. Khi chim hót, điệu nhạc của chúng nghe cực kỳ sáng rõ. Tôi không biết phải diễn đạt như thế nào, nhưng đúng là như thế đó.

“Em không để lộ tai khi ngủ với những người đàn ông khác ư?” một lần tôi hỏi cô.

“Tất nhiên là không,” cô nói. “Có lẽ họ còn chẳng biết là em có tai nữa.”

“Chuyện ấy như thế nào với em khi em không để lộ tai?”

“Một nhiệm vụ. Khô khan và vô vị, như nhai giấy báo vậy. Nhưng như thế cũng chẳng sao. Anh biết đấy, hoàn thành một nhiệm vụ chẳng có gì xấu cả.”

“Nhưng khi tai em lộ ra chuyện ấy tốt hơn ngàn lần, đúng không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Vậy thì em nên để lộ chúng ra,” tôi nói. “Không cần phải chịu đựng những lúc buồn tẻ ấy một cách vô cớ.”

Vô cùng nghiêm túc, cô nhìn chăm chăm vào tôi và nói, “Anh không hiểu gì hết.”

Tất nhiên, có nhiều thứ tôi không hiểu gì hết.

Chẳng hạn, lý do tại sao cô đối xử với tôi một cách đặc biệt. Tôi không bao giờ có thể tin rằng mình lại hay hơn hoặc khác biệt với bất kỳ người nào khác.

Nhưng khi tôi kể điều đó cho cô, cô chỉ cười.

“Thật ra rất đơn giản,” cô nói. “Anh cắt công đi tìm em. Đó là lý do lớn nhất.”

“Và giả sử một người nào khác đã cắt công đi tìm em?”

“Ít nhất trong thời điểm hiện tại, anh là người muốn em. Hơn nữa, anh tốt hơn nhiều so với những gì anh nghĩ về mình.”

“Vậy tại sao anh lại cứ nghĩ như vậy?” tôi bối rối.

“Đó là vì anh chỉ sống có một nửa,” cô nói nhanh. “Nửa kia vẫn còn ngủ yên đâu đó.”

“Hừm.”

“Theo nghĩa đó, anh không khác em. Em đang che giấu tai mình, còn anh chỉ có một nửa con người mình là đang thật sự sống. Chắc có vẻ như vậy quá đúng không?”

“Ngay cả khi đúng như vậy, cái nửa còn lại của anh không thể nào sánh được với tai em.”

“Có lẽ là không,” cô mỉm cười. “Anh đâu có biết được, đúng không?”

Và vẫn giữ nụ cười đó, cô hất tóc ra sau và cởi khuy áo.

Buổi chiều tháng Chín gần về cuối hè ấy, tôi nghỉ phép một ngày và nằm trên giường với cô, vuốt tóc cô và ngắm nhìn về cái dương vật cá voi. Biển, một màu chì xám sẫm. Một cơn gió lạnh quạt vào cửa sổ khu hải dương. Trần nhà cao ngất, phòng trưng bày vắng tanh. Cái dương vật bị cắt rời mãi khỏi con cá voi, ý nghĩa của nó với tư cách là dương vật cá voi đã bị mất đi vĩnh viễn.

Rồi tôi lại nghĩ đến chiếc váy ngủ của vợ tôi. Không có chiếc váy ngủ thật nào. Chỉ có điều, vương vấn trong đầu tôi là hình ảnh mơ hồ về một chiếc váy ngủ vắt hờ trên ghế. Tôi không thể nhớ được chiếc váy đã có ý nghĩa như thế nào với tôi. Liệu có phải một ai đó khác đã sống cuộc đời tôi trong cả quãng thời gian ấy.

“Nói anh nghe, em không mặc váy ngủ phải không?” tôi hỏi bạn gái tôi.

Cô nhấc đầu khỏi vai tôi và nhìn tôi một cách hững hờ.

“Em không có chiếc nào.”

“Hừm,” tôi nói.

“Nhưng nếu anh nghĩ anh sẽ hứng thú hơn nếu em...”

“Không, không phải như vậy,” tôi nhanh chóng cắt lời. “Đó không phải là lý do tại sao anh hỏi.”

“Không, thật đấy, anh không cần phải ngược. Em hoàn toàn quen với mấy thứ đó do công việc của mình. Em không hề ngược chút nào.”

“Anh không đòi hỏi bất cứ thứ gì,” tôi nói. “Nói thật nhé, mọi thứ anh cần là em và đôi tai em, không hơn.”

Cô bịt môi lắc đầu và dụi trán vào vai tôi. Chưa đầy mười lăm giây sau, cô ngẩng lên.

“Này anh, sẽ có một cuộc điện thoại quan trọng trong mười phút nữa.”

“Một cuộc điện thoại ư?” Tôi liếc nhìn chiếc điện thoại bên giường.

“Đúng thế, chuông điện thoại sắp reo.”

“Em có thể đoán được à?”

“Em đoán được.”

Cô châm ỳnh một điếu thuốc, đầu dựa trên ngực tôi. Một lát sau, tàn thuốc của cô rơi cạnh rốn tôi và cô chun môi thổi tắt đi. Tôi sờ tai cô giữa những ngón tay mình. Đó là một cảm giác thật tuyệt vời. Đầu óc tôi trống rỗng với những hình ảnh không ra hình thù gì buồng trôi lơ lửng.

“Một điều gì đó liên quan đến cừu,” cô nói. “Rất nhiều cừu và đặc biệt một con cừu.”

“Cừu ư?”

“À há,” cô nói, đưa điều thuốc hút dở một nửa cho tôi. Tôi rít một hơi, rồi dụi thuốc vào gạt tàn. “Và đó sẽ là khởi đầu ột cuộc phiêu lưu hoang dại.”

Ngay sau đó chuông điện thoại reo. Tôi nhìn cô, nhưng cô đã ngủ gật trên ngực tôi. Tôi để chuông điện thoại reo bốn lần mới nhấc máy.

Đó là tay đối tác. “Cậu có thể đến đây ngay được không?” hấn nói. Có một vẻ gì giận dữ trong giọng hấn. “Tôi có một việc cực khẩn muốn bàn với cậu.”

“Khẩn như thế nào?”

“Cứ đến đây rồi cậu sẽ thấy,” hấn nói.

“Có trời mới biết việc này liên quan đến cừu,” tôi nói, thử xem phản ứng của hấn thế nào. Đó là điều tôi không nên nói. Ông nghe trở nên lạnh băng.

“Làm sao cậu biết được?” tay đối tác hỏi.

Cuộc rượt đuổi cừu hoang bắt đầu.

8. Phần IV - Chương 07

Phần IV: Cuộc Săn Cừu Hoang - Chương 7: Trước Người Đàn Ông Lạ Mặt

Có vô vàn lý do giải thích tại sao một cá nhân lại có thể thường xuyên tiêu thụ một khối lượng rượu lớn, nhưng thực tế thì tất cả đều rút lại thành một điều.

Năm năm trước, tay đối tác của tôi là một gã say vui vẻ. Ba năm sau, hấn trở thành một gã say ủ rũ. Và đến mùa hè vừa rồi hấn dò dẫm ở ngưỡng cửa nghiện ngập. Với hầu hết những kẻ uống rượu thường xuyên, hấn là loại người khá tử tế, bình thường, nếu không muốn nói là đặc biệt sắc sảo khi tỉnh táo. Tất cả mọi người đều nghĩ về hấn như một người khá tử tế, bình thường, tuy không hấn là đặc biệt sắc sảo. Hấn cũng nghĩ vậy. Đó là lý do tại sao hấn uống rượu. Vì có vẻ như khi có tí cồn trong cơ thể, hấn có thể hoàn toàn trở thành hiện thân của cái ý tưởng loại người như trên.

Lúc đầu mọi việc đều ổn. Nhưng cùng với thời gian và lượng rượu tăng dần lên, những thay đổi rất nhỏ xuất hiện, và những thay đổi rất nhỏ dần dần tạo thành một rãnh sâu. Cái sự bình thường và khá tử tế của hấn đã vượt hấn một quãng xa. Một trường hợp điển hình. Tuy nhiên thường thì người ta không nghĩ về mình như là một trường hợp điển hình. Và loại người không-hấn-là-đặc-biệt-sắc-sảo lại càng nghĩ ít như vậy hơn. Cố gắng tìm lại những gì đã mất, hấn chỉ càng lang thang trong một màn sương còn thậm chí còn dày đặc hơn.

Tuy thế, ít ra là trong lúc này đây, hấn là một gã đàn ông bình thường cho tới khi mặt trời lặn. Và vì từ nhiều năm nay tôi đã cố gắng một cách có ý thức không gặp hấn sau khi mặt trời lặn, đối với tôi hấn cũng đủ bình thường. Ngay cả như vậy, tôi biết quá rõ là sau khi mặt trời lặn hấn trở nên không còn bình thường nữa, và bản thân hấn cũng biết thế. Vì không ai trong hai người chúng tôi từng động chạm đến đề tài này, chúng tôi vẫn ăn ý với nhau như trước. Chỉ có điều chúng tôi không còn là bạn như xưa.

Tuy thế không thể nói tôi hiểu hấn một trăm phần trăm (thậm chí bảy mươi phần trăm cũng là tốt rồi), nhưng dù gì đi nữa, hấn vẫn là người bạn duy nhất thời đại học của tôi, và không dễ dàng gì khi chứng kiến hấn trở nên sa ngã từ một góc độ gần. Rốt cuộc, có lẽ đó là sự tàn phá của thời gian.

Lúc tôi đến văn phòng thấy hắn đã làm một ngụm whisky. Chừng nào chỉ là một ngụm, hắn có thể là người bình thường, nhưng không thể nào biết được khi nào hắn sẽ tăng cái bình thường đó lên thành hai. Khi điều đó xảy ra, tôi biết chúng tôi sẽ phải ai đi đường nấy.

Tôi đang đứng trong luồng khí lạnh từ máy điều hòa để cho ráo mồ hôi, miệng nhấp một ly trà lúa mạch mát lạnh. Tôi không nói gì, hắn không nói gì. Mặt trời buổi chiều gay gắt đổ lên tấm vải sơn lót nhà những tia nắng đầy ảo giác. Dưới kia, trên khoảng đất xanh tươi của công viên, mọi người nằm dài trên cỏ tắm nắng. Tay đối tác của tôi gõ gõ đầu cây bút bi lên lòng bàn tay phải.

“Tôi nghe nói cậu ly dị,” hắn mở đầu.

“Đó là tin cách đây hai tuần rồi,” tôi nói, vẫn còn nhìn chằm chằm ra cửa sổ. Tôi bỏ kính râm ra, và mắt tôi thấy đau.

“Thế tại sao cậu lại ly dị?”

“Lý do cá nhân thôi.”

“Tôi biết,” hắn nói. “Chưa bao giờ nghe nói đến ly dị vì lý do khác ngoài lý do cá nhân.”

Tôi không nói gì. Chẳng phải chúng tôi đã có một thỏa thuận không lời từ trước đến giờ là không bao giờ động chạm đến chuyện riêng tư của nhau đó sao?

“Tôi không có ý soi mói,” hắn nói, “nhưng cô ấy cũng là bạn tôi. Tin đó đến bất ngờ quá. Tôi cứ nghĩ hai người lúc nào cũng thân thiết.”

“Chúng tôi lúc nào cũng thân thiết. Có phải chúng tôi chia tay nhau một cách hẳn hoi học đâu.”

Tay đối tác của tôi cười kiêu cách, tiếp tục gõ bút lên lòng bàn tay. Hắn mặc áo sơ mi xanh thẫm, đeo cà vạt đen, mái tóc chải gọn gàng, xứ nước hoa. Trong khi đó tôi mặc áo phông in hình Snoopy đang vác vác lướt sóng, quần bò cũ hiệu Levi's đã giặt nhiều đến mức không còn màu gì nữa, và đi giày thể thao bẩn. Đối với bất kỳ ai, rõ ràng hắn mới là kẻ bình thường.

“Cậu nhớ khi cô ấy và hai ta làm việc cùng nhau chứ?”

“Tôi nhớ rất rõ,” tôi nói.

Tôi đi khỏi chỗ máy điều hòa, đến giữa phòng, ngồi phịch xuống chiếc xô pha Thụy Điển bọc nhung lông xanh da trời. Tôi rút một điếu Pall Mall đầu lọc khỏi hộp thuốc lá dành cho khách đặc biệt và châm thuốc bằng chiếc bật lửa nặng đặt bàn.

“Thì sao?” tôi nói.

“Tôi nghĩ chúng ta đã làm việc quá sức mình.”

“Cậu muốn nói đến công việc quảng cáo và tạp chí?”

Tay đối tác của tôi gạt đầu, mặc dù có lẽ phải khó khăn lắm hắn mới thú nhận điều đó. Tôi nâng chiếc bật lửa trong tay, vặn núm điều chỉnh ngọn lửa và cảm thấy thương hại hắn.

“Được rồi, tôi biết cậu muốn nói gì,” tôi nói, để lại chiếc bật lửa vào chỗ cũ trên bàn, “những hãy nhớ rằng tôi không phải là người đem lại việc kinh doanh này, và làm công việc này cũng không phải ý tưởng của tôi. Là cậu tự dẫn vào. Cậu là người muốn thử nghiệm.”

“Do hoàn cảnh bắt buộc. Chúng ta không có gì...”

“Việc đó kiếm ra tiền.”

“Tất nhiên là việc đó kiếm ra tiền. Cho phép chúng ta dọn đến một văn phòng rộng hơn và tuyển thêm nhân viên. Tôi mua xe mới, tậu một căn hộ, cho hai đứa con nhỏ học tại một trường đắt tiền. Tôi nghĩ là không tôi đối với người ba mươi tuổi.”

“Cậu xứng đáng được hưởng những điều đấy. Chẳng có gì phải xấu hổ cả.”

“Ai xấu hổ?” tay đối tác của tôi nói, lấy lại cây bút bi đã bay qua bàn hần và chọc chọc bút vào giữa lòng bàn tay. “Nhưng cậu biết đấy, điều đó có vẻ không thật. Ngày trước hai thằng chúng mình tay trắng nợ nần chồng chất, cố gắng được mấy vụ dịch dợt, phát tờ rơi quảng cáo dọc sân ga.”

“Giờ thì điều gì ngăn cản chúng ta phát tờ rơi quảng cáo nếu chúng ta muốn?”

Tay đối tác ngẩng lên nhìn tôi. “Này, tôi không đùa đâu.”

“Tôi cũng vậy.”

Yên lặng bao trùm lấy chúng tôi.

“Nhiều thứ đã thay đổi,” tay đối tác của tôi nói. “Tốc độ cuộc sống, tư duy của chúng ta. Trên hết, chúng ta thậm chí không biết được chúng ta thực sự kiếm được bao nhiêu. Nhân viên kế toán thuế đến lo hết mấy vụ giấy tờ kinh khủng ấy, nào là miễn thuế, trừ thuế, xóa nợ và còn gì nữa.”

“Giống như những chỗ khác thôi.”

“Tôi biết, tôi biết. Đó là những thứ chúng ta phải làm và đang làm. Nhưng ngày xưa làm thấy thích hơn.”

“Trông kìa bóng tối của nhà tù chưa bao giờ nhắc đến. Giờ nhân lên gấp bội quanh những tháng ngày của ta.” Những vần thơ của một bài thơ bỗng nhiên buột ra khỏi miệng tôi.

“Lại gì nữa thế?”

“Không có gì cả, xin lỗi nhé. Cậu đang nói cái gì kia?”

“Tôi cứ cảm thấy như chúng ta đang dính líu vào một dạng bóc lột.”

“Bóc lột ư?” Tôi ngẩng lên ngạc nhiên.

Khoảng cách giữa hai chúng tôi là hai thước, và do độ cao khác nhau của hai chiếc ghế, đầu hần nhô cao hơn đầu tôi khoảng hai mươi lăm centimet. Một bức thạch bản treo phía sau hần. Bức thạch bản mới tôi chưa bao giờ thấy trước đây, có hình một con cá có cánh. Con cá trông không hẳn nguyên vẹn với đôi cánh. Có lẽ nó không chắc phải dùng đôi cánh như thế nào.

“Bóc lột ư?” tôi lẩm bẩm với chính mình.

“Bóc lột.”

“Và ai, xin làm ơn cho biết, đang làm cái công việc bóc lột ấy?”

“Những kẻ có những mối quan tâm khác nhau, từng chút một.”

Tôi vất tréo chân trên xô pha màu xanh da trời và nhìn chăm chăm vào màn biểu diễn kịch tính của bàn tay hần với cây bút bi, giờ đang nằm ở đúng tầm mắt tôi.

“Dù sao thì, cậu có nghĩ là chúng ta đã thay đổi?” tay đối tác của tôi hỏi.

“Chúng ta vẫn vậy thôi. Không ai hay cái gì thay đổi hết.”

“Cậu thật sự nghĩ thế sao?”

“Tôi thật sự nghĩ thế. Bóc lột không tồn tại. Đó chỉ là chuyện cổ tích. Ngay cả cậu cũng không tin là tiếng kèn của Cửu Thế Quân[1] trên thực tế có thể cứu rỗi thế giới, đúng không? Tôi nghĩ là cậu cả nghĩ quá thôi.”

“Thôi được rồi, có lẽ tôi đã cả nghĩ quá,” tay đối tác của tôi nói. “Tuần trước cậu – ý tôi là chúng ta – viết lời quảng cáo cho loại bơ thực vật ấy. Và đó không phải một lời dẫn tồi. Mọi thứ nói chung đều ổn. Nhưng nói tôi nghe, cậu đã lần nào ăn bơ thực vật trong mấy năm qua chưa?”

“Không, tôi ghét bơ thực vật.”

“Tôi cũng vậy. Đó là ý tôi muốn nói. Ít ra thì, ngày trước chúng ta làm công việc chúng ta tin, và chúng ta tự hào về nó. Giờ không còn như thế nữa. Chúng ta chỉ cho ra những thứ ngớ ngẩn.”

“Bơ thực vật tốt cho ta. Đó là chất béo thực vật, có độ cholesterol thấp. Nó phòng chống các bệnh về tim và gần đây vị của nó không tồi. Lại rẻ và giữ được lâu nữa.”

“Vậy ăn thứ đó đi.”

Tôi ngồi thụp sâu trong chiếc xô pha, duỗi dài chân tay.

“Điều đó không quan trọng,” tôi nói. “Cho dù chúng ta có ăn bơ thực vật hay không thì cũng thế thôi. Việc dịch dợt chán ngắt hay một lời dẫn quảng cáo lừa lọc, về cơ bản là giống nhau. Tất nhiên là chúng ta cho ra những thứ ngớ ngẩn, nhưng nói tôi nghe, chỗ nào người ta làm việc với con chữ một cách thực chất? Thôi đi nào, không ở đâu có chuyện làm việc trung thực hết. Cũng giống như không có chuyện thờ trung thực hay đá trung thực.”

“Ngày xưa cậu ngây thơ hơn.”

“Có lẽ vậy,” tôi nói, đập điều thuốc vào gạt tàn. “Và chắc chắn ở đâu có một thị trấn ngây thơ nơi có một tay hàng thịt ngây thơ xẻ một miếng thịt hun khói ngây thơ. Vậy nếu cậu nghĩ nốc whisky vào giữa buổi sáng là ngây thơ thì cứ tiếp tục đi, muốn nốc bao nhiêu thì tùy,”

Căn phòng bị bao trùm tiếng bút bi gõ cộp cộp lên bàn một lúc lâu.

“Xin lỗi, tôi không có ý muốn nói vậy,”

“Không sao,” tay đối tác của tôi nói. “Tôi chắc chắn không thể phủ nhận điều đó.”

Bộ điều chỉnh nhiệt của máy điều hòa phát ra âm thanh kỳ lạ. Buổi chiều hôm nay đặc biệt yên tĩnh.

“Tự tin chút đi,” tôi nói. “Chẳng phải chúng ta đã tự mình tiến xa đến mức này ư? Chỉ với hai đứa chúng ta. Chúng ta chỉ khác những câu chuyện thành đạt hay ho ấy một điểm thôi: họ thì có người ủng hộ và danh hiệu.”

“Nghĩ mà xem, chúng ta từng là bạn,” tay đối tác của tôi nói.

“Chúng ta vẫn là bạn của nhau,” tôi nói. “Chúng ta đã đi cả quãng đường cùng nhau.”

“Tôi không muốn thấy cậu ly dị.”

“Tôi biết,” tôi nói. “Nhưng chúng ta bắt đầu nói chuyện về cừu được chưa?”

Hắn gật đầu. Hắn đặt chiếc bút bi lại trong khay và dụi mắt.

“Người đàn ông ấy tới lúc mười một giờ sáng nay,” tay đối tác của tôi bắt đầu.

Chú thích

[1] Cứu Thế Quân, hay Đạo quân Cứu thế (1865) là một giáo phái Tin lành thuộc cộng đồng Kháng Cánh, nổi tiếng với các hoạt động từ thiện quốc tế, trụ sở đặt tại London, Anh.

9. Phần Iv - Chương 08

Chương 8: Giờ Là Người Đàn Ông Lạ Mặt

Người đàn ông ấy tới lúc mười một giờ sáng nay. Nào, có hai loại mười-một-giờ-sáng đối với một công ty quy mô nhỏ như công ty chúng tôi. Nghĩa là, hoặc vô cùng bận rộn hoặc vô cùng rảnh rỗi. Không có chuyện vừa nọ vừa kia. Vậy là vào lúc mười một giờ sáng, chúng tôi hoặc đang bận quỳnh lên không để ý đến thứ gì hoặc là đang mơ mộng linh tinh không để ý đến thứ gì. Những việc lờ mờ, nếu có một thứ gọi như vậy, chúng tôi để đến chiều mới giải quyết.

Đang mười một giờ sáng thuộc loại thứ hai thì người đàn ông ấy tới. Thêm nữa lại là một cái mười một giờ rảnh rồi một cách lạ thường. Nửa đầu tháng Chín bận như điên, rồi sau đó công việc chậm thê thảm. Ba người trong công ty đi nghỉ một kỳ nghỉ hè đã bị hoãn lại một tháng, nhưng ngay cả khi ấy đám nhân viên còn lại vẫn được giao nhiệm vụ gọt bút chì và những việc thú vị khác. Bản thân tay đối tác của tôi ra ngân hàng rút tiền, trong khi ai đó chạy qua phòng trưng bày thiết bị nghe nhìn gần đó để nghe những đĩa nhạc mới ra. Cô thư ký ở lại trực điện thoại trong lúc giờ mấy trang “Mẫu tóc ủa thu” của một tạp chí dành riêng cho phụ nữ.

Người đàn ông mở cửa văn phòng không một tiếng động, và cũng đóng không một tiếng động. Không phải là ông ta cố gắng một cách có ý thức phải đi lại gượng nhẹ. Nó như là bản năng thứ hai của ông ta vậy. Đến độ cô thư ký không hề nhận biết sự hiện diện của ông ta. Người đàn ông đi đến bàn cô thư ký và chăm chú cúi nhìn cô trước khi cô chú ý đến ông.

“Tôi có một việc muốn bàn với sếp của cô,” ông ta lên tiếng. Ông ta nói như thể người ta lướt bàn tay đeo găng trắng trên mặt bàn.

Điều gì xảy ra mang ông ta lại đây? Cô ngược nhìn người đàn ông. Đôi mắt ông ta quá soi mói để là một khách hàng, trang phục ông ta quá tinh tế để là một thanh tra thuế, diện mạo ông ta quá tri thức để là một viên cảnh sát. Tuy vậy cô không thể nghĩ ra ông ta làm nghề gì. Người đàn ông này, một mẫu hung tin tao nhã giờ đang đe dọa cô, không biết từ đâu hiện ra.

“Tôi e là lúc này ông ấy đi ra ngoài,” cô nói, đóng sập cuốn tạp chí lại. “Ông ấy nói sẽ quay trở lại trong vòng ba mươi phút nữa.”

“Tôi sẽ đợi,” người đàn ông tuyên bố không chút do dự. Có vẻ như một kết luận đã được định trước.

Cô tự hỏi có nên hỏi tên ông ta. Cô quyết định không hỏi mà chỉ đưa ông ta ra chỗ tiếp tân. Người đàn ông chọn một chỗ ngồi trên chiếc xô pha màu xanh da trời, bắt chéo chân, ngó trân trân chiếc đồng hồ điện tử treo tường thẳng trước mặt mình, ngồi im. Ông ta không hề nhúc nhích lấy một ly. Khi cô mang cho ông ta một ly trà lúa mạch một lát sau đó, ông ta vẫn ở tư thế cũ.

“Ngay tại chỗ cậu đang ngồi đấy,” tay đối tác của tôi nói. “Ông ta ngồi đó nhìn chăm chăm vào chiếc đồng hồ ở cùng một tư thế trong suốt ba mươi phút.”

Tôi nhìn chiếc xô pha mình đang ngồi, rồi lại nhìn chiếc đồng hồ, rồi nhìn lại tay đối tác của tôi.

Mặc dù thời tiết cuối tháng tách dòng bên ngoài nóng bất thường, người đàn ông ăn mặc khá trang trọng. Một cách hoàn hảo. Cổ tay áo sơ mi trắng của ông ta thò ra chính xác là một centimet rưỡi từ tay áo của bộ lê màu xám may rất khéo. Chiếc cà vạt sọc tông nhạt, thêm phần nổi bật với một chút bất đối xứng, được thắt vô cùng cẩn thận. Đôi giày đen được đánh sáng bóng.

Khoảng ba mươi lăm tới bốn mươi tuổi, cao độ một mét bảy mươi lăm, không có chút mỡ thừa nào, bàn tay mảnh dẻ không lộ chút nếp nhăn. Những ngón tay thon dài của ông ta gợi nhớ đến một đoàn xiếc thú vẫn giữ những ký ức sâu đậm từ thời sơ khai bất chấp bao nhiêu năm tháng luyện tập và kiểm chế. Móng tay của ông ta được chăm chút tỉ mỉ, một hình cung sạch sẽ, hoàn hảo cuối mỗi ngón tay. Đôi bàn tay đẹp thật sự, nhưng không hiểu tại sao lại tạo cảm giác không yên bình. Chúng chứng tỏ mức độ chuyên môn hóa cao độ trong một lĩnh vực hiểm hoi nào đó – nhưng lĩnh vực đó là gì thì không ai thật sự biết.

Khuôn mặt ông ta thậm chí còn khó đoán định hơn. Đó là khuôn mặt thành thật nhưng vô cảm, một phiến đá trống trơn. Mắt mũi ông ta sắc cạnh, nghĩ lại thì trông chúng như thể được rạch bằng dao rọc giấy, môi ông ta nhợt nhạt và mỏng dính. Ông ta hơi rậm rắng, mặc dù rõ ràng không phải vì vui thú nơi bãi biển và sân quần vợt. Nước da rậm rắng đó chỉ có thể là kết quả của một vầng mặt trời lạ kỳ nào đó chiếu sáng ở một bầu trời lạ kỳ nào đó.

Ba mươi phút trôi qua rất chậm chạp. Một cách lạnh lẽo, đặc quánh, cứng ngắc. Vào lúc tay đối tác của tôi trở lại từ ngân hàng, bầu không khí trong phòng đã trở nên nặng nề rõ rệt. Người ta thậm chí có thể nói là mọi thứ trong phòng gần như bị đóng đinh xuống sàn nhà.

“Tất nhiên, chỉ là có vẻ vậy thôi,” tay đối tác của tôi nói.

“Tất nhiên,” tôi nói.

Cô thư ký bị bỏ lại một mình kiệt sức vì bồn chồn. Đầy hoang mang, tay đối tác của tôi đến chỗ tiếp tân và tự giới thiệu là người quản lý. Chỉ khi ấy người đàn ông mới động dậy, ngay lúc đó ông ta lôi trong túi ra một điều thuốc mảnh dễ, châm thuốc, và với một vẻ mặt đau đớn thối ra một hơi khói ngán. Bầu không khí loăng ra tí chút.

“Chúng ta không có nhiều thời gian, vậy nên hãy nói chuyện này ngắn gọn thôi,” người đàn ông nói rất khẽ. Ông ta lôi trong ví ra một tấm danh thiếp cạnh sắc như dao cạo đặt trên bàn. Tấm danh thiếp được ép kín, trắng một cách không tự nhiên, được in dạng chữ nhỏ xíu, đen đậm. Không chức danh hay chi nhánh, không địa chỉ, không số điện thoại. Chỉ có tên. Chỉ nhìn thôi cũng đủ để làm đau mắt người ta. Tay đối tác của tôi lật tấm danh thiếp, thấy mặt sau hoàn toàn trống, liếc mặt trước lần nữa, rồi nhìn lại người đàn ông.

“Tôi tin là cậu biết tên của người đó?” người đàn ông nói.

“Tôi biết.”

Người đàn ông nhô cằm ra khoảng vài milimet và gạt đầu ngắn gọn. Tuy vậy hướng nhìn của ông ta không hề dịch chuyển chút nào. “Xin hãy đốt nó đi.”

“Đốt nó đi ư?” Tay đối tác của tôi chết lặng, nhìn chằm chằm vào người đàn ông.

“Cái tấm danh thiếp ấy. Đốt nó đi. Ngay lập tức,” người đàn ông nói sắc lạnh.

Tay đối tác của tôi vội vàng cầm chiếc bật lửa trên mặt bàn mà châm lửa đốt một góc danh thiếp. Hẳn cầm cạnh của nó cho tới khi một nửa đã cháy hết, rồi đặt nó vào trong chiếc gạt tàn pha lê lớn. Cả hai người nhìn tấm danh thiếp cháy. Đến lúc tấm danh thiếp đã cháy thành tro trắng, căn phòng bao bọc trong yên lặng nặng nề như thể vừa có một vụ thảm sát.

“Tôi đến đây mang đầy đủ thẩm quyền của người đó,” người đàn ông nói, phá vỡ sự yên lặng kéo dài. “Có nghĩa là mọi thứ tôi phát biểu từ nay trở đi đại diện cho toàn bộ ý muốn và mong ước của người đó.”

“Mong ước...,” tay đối tác của tôi nói to.

“‘Mong ước’, một từ tao nhã để diễn đạt một vị trí cơ bản với một mục tiêu được xác định,” người đàn ông nói, “Dĩ nhiên, có những phương cách khác để diễn đạt cùng một điều. Cậu hiểu chứ?”

Tay đối tác của tôi nhanh chóng diễn dịch trong đầu, “Tôi hiểu.”

“Tuy vậy, đây không phải là một vấn đề mang tính nhận thức hay một vụ thông đồng chính trị; đây hoàn toàn là một lời đề nghị kinh doanh,” Kin doanh, người đàn ông phát âm, cho thấy ông ta là một người Nhật sinh ra tại hải ngoại; hầu hết người Nhật sinh ra tại Nhật đều nói kinh doanh.

“Cậu là một nhà kin doanh, và tôi là một nhà kin doanh,” ông ta nói tiếp. “Trên thực tế chúng ta chẳng có việc gì để bàn ngoài chuyện kin doanh. Hãy để những cuộc thảo luận liên quan tới những gì không thực tế cho người khác. Chúng ta thống nhất thể chứ?”

“Tất nhiên rồi,” tay đối tác của tôi nói.

“Vai trò của chúng ta là lấy những yếu tố không thực đang tồn tại mà nhào nặn thành một hình thức tinh vi hơn để chúng có chỗ trong tổng thể hiện thực. Hành động của con người hướng đến những điều không thực. Tại sao lại như vậy?” người đàn ông dùng một câu hỏi tu từ. Ông ta sờ chiếc nhẫn đá xanh trên ngón giữa bàn tay trái của mình. “Bởi vì làm thế có vẻ đơn giản hơn. Thêm vào đó, có những hoàn cảnh trong đó những gì không thực lại có thể tạo ra ấn tượng lẫn át hiện thực. Tuy nhiên, kin doanh không hề có chỗ trong thế giới không thực. Nói cách khác,” người đàn ông nói, tiếp tục sờ nhẫn, “chúng ta là một loài mà chỉ riêng việc tồn tại đã đồng nghĩa với việc biến chuyển những khó khăn. Vì vậy, từ giờ trở đi nếu bất kỳ điều gì tôi nói đòi hỏi những công việc hay quyết định khó khăn từ phía cậu, tôi xin cậu hãy chịu khó chấp nhận. Đó là bản chất của vụn vặt.”

Giờ thì tay đối tác của tôi hoàn toàn không hiểu gì, dù vậy hắn vẫn gạt đầu.

“Vậy thì tốt lắm, tôi sẽ trình bày mong ước của bên liên quan. Thứ nhất, chúng tôi mong muốn rằng cậu ngừng xuất bản bản tin quan hệ công chúng cậu thực hiện cho Công ty Bảo hiểm Nhân thọ ‘P’.”

“Nhưng mà...”

“Thứ hai,” người đàn ông ngắt lời, “chúng tôi mong muốn sắp xếp một cuộc nói chuyện với người thực sự chịu trách nhiệm thực hiện trang này.”

Lôi từ trong túi ra một chiếc phong bì trắng, người đàn ông lấy ra một tờ giấy gấp làm tư và đưa cho tay đối tác của tôi. Tay đối tác của tôi mở tờ giấy. Đúng như hần đoán, đó là bản sao bức ảnh ột bản tin PR mà văn phòng chúng tôi đã thực hiện. Một bức ảnh thông thường chụp phong cảnh Hokkaido thanh bình – mây, núi, đồng cỏ và cừu, viết đề lên trên là mấy dòng thơ về đồng quê không có gì nổi bật. Có vậy thôi.

“Mặc dù chúng tôi có hai mong muốn, nhưng mong muốn thứ nhất lại là một việc đã rồi hơn là một mong muốn. Chính xác hơn, một quyết định phù hợp với mong muốn của chúng tôi đã được thông qua. Nếu cậu có nghi ngờ gì, xin gọi cho trưởng phòng Quan hệ Công chúng của công ty bảo hiểm nhân thọ.”

“Tôi hiểu,” tay đối tác của tôi nói.

“Tuy thế, chúng tôi có thể dễ dàng thấy được rằng đối với một công ty cỡ như của cậu, thiệt hại do những thứ bất tiện như thế này gây ra là rất lớn. May mắn thay chúng tôi ở vào vị trí – như cậu rõ ràng nhận thấy – có ảnh hưởng không nhỏ trong lĩnh vực này. Do đó, sau khi thực hiện mong muốn thứ hai của chúng tôi, với điều kiện báo cáo của người chịu trách nhiệm ấy phải làm chúng tôi hài lòng, chúng tôi sẵn sàng bồi hoàn toàn bộ thiệt hại cho cậu. Tôi thiết nghĩ chúng tôi sẽ bồi hoàn thật hậu hĩnh.”

Yên lặng bao trùm khắp phòng.

“Nếu cậu không thực hiện được mong muốn của chúng tôi,” người đàn ông nói, “cậu sẽ không kiếm được việc gì trong lĩnh vực này hoặc bất kỳ lĩnh vực nào khác, và do đó, thế giới sẽ không có chỗ cho cậu, không bao giờ.”

Lại yên lặng.

“Cậu có câu hỏi gì không?”

“Vậy thì, ừm, vấn đề nằm ở bức ảnh phải không?” tay đối tác của tôi lắp bắp.

“Đúng thế,” người đàn ông nói, chọn lựa từ ngữ rất cẩn thận, như thể đang lựa chọn phương án trên lòng bàn tay mở rộng. “Thật tình đúng là như thế. Tuy nhiên, tôi không được tự do thảo luận vấn đề sâu hơn với cậu. Tôi không có thẩm quyền ấy.”

“Tôi sẽ điện thoại cho người mà ông muốn gặp. Cậu ấy sẽ có mặt ở đây lúc ba giờ,” tay đối tác của tôi nói.

“Tuyệt,” người đàn ông nói, liếc nhìn đồng hồ đeo tay của mình. “Tôi sẽ cho xe đến đây đón cậu ta lúc bốn giờ. À, điều này quan trọng đây: cậu không được phép nói chuyện này với bất cứ ai. Cậu hiểu chưa?”

Đến đó hai người họ chia tay theo đúng phong cách của các nhà kin doanh.

10. Phần Iv - Chương 09

Chương 9: “Ông Chủ”

“Đầu đuôi câu chuyện là như thế,” tay đối tác của tôi nói.

“Tôi chả hiểu đầu cua tai nheo ra làm sao,” tôi nói, môi ngậm một miếng thuốc chưa châm. “Trước hết, tôi không biết người trong tấm danh thiếp là ai. Thứ hai, tôi không tưởng tượng được tại sao ông ta lại lo ngại về một bức ảnh chụp cừu. Cuối cùng, tôi không thể hiểu nổi làm thế nào ông ta lại dính chỉ được việc xuất bản của chúng ta.”

“Người trong danh thiếp là một nhân vật cánh hữu lớn. Tên tuổi và mặt mũi ông ta hầu như không bao giờ được công bố, vì thế ông ta không được biết đến rộng rãi, nhưng cậu có lẽ là người duy nhất trong lĩnh vực của chúng ta lại không biết đến ông ta là ai.”

“Tôi mà, thờ ơ với mọi chuyện,” là lời bào chữa yếu ớt của tôi.

“Ông ta là người cánh hữu, nhưng không phải cái được gọi là cánh hữu. Hoặc cậu có thể nói, thậm chí không phải là cánh hữu.”

“Tôi không hiểu ý cậu.”

“Nghĩa là không ai biết được ông ta nghĩ gì. Ông ta không có tên ở bất kỳ bài báo nào, không phát biểu trước công chúng. Ông ta không bao giờ cho ai phỏng vấn mình và không bao giờ cho chụp ảnh. Thậm chí còn không chắc là ông ta còn sống. Năm năm trước, một tay phóng viên tạp chí nắm được tin riêng ông ta dính líu vào mấy vụ làm ăn đầu tư mờ ám nào đó, nhưng câu chuyện không bao giờ được in ra.”

“Tôi thấy là cậu đã nghiên cứu kỹ vụ này.”

“Tôi quen biết tay phóng viên đó.”

Tôi cầm chiếc bật lửa và châm thuốc. “Tay phóng viên đó giờ đang làm gì?”

“Bị chuyển sang bộ phận hành chính. Xếp tài liệu từ sáng đến tối. Truyền thông đại chúng là một thế giới nhỏ đến kỳ quặc, và tay đó nêu một tấm gương điển hình. Giống như cái sọ người treo ở lối vào một làng châu Phi vậy.”

“Hiểu rồi,” tôi nói.

“Nhưng chúng ta biết được thân thế thời trước chiến tranh của ông ta. Ông ta sinh ra tại Hokkaido năm 1913, đến Tokyo sau khi tốt nghiệp một trường bình thường, liên tục đổi nghề, và có chiều hướng ngả sang cánh hữu. Tôi tin là ông ta bị cầm tù một lần. Khi được thả, ông ta đến Mãn Châu, tại đó ông ta dính líu đến thành phần cấp cao của Đội quan Quan Đông và tham gia vào một mưu đồ nào đó. Người ta không biết gì nhiều về tổ chức đứng đằng sau, nhưng ông ta bỗng chốc trở thành một nhân vật bí hiểm trong khoảng thời gian này. Người ta đồn là ông ta buôn bán ma túy, rất có thể là thật. Ông ta tung hoành kiếm chác khắp Trung Hoa đại lục chỉ để cuối cùng lên một tàu khu trục hai tuần trước khi quân đội Liên Xô tới nơi, nhanh chóng rút lui về Nhật Bản. Mang theo chiến lợi phẩm – một lượng vàng bạc khổng lồ, gần như không bao giờ cạn kiệt.”

“Người ta có thể nói ông ta đã lựa chọn thời điểm chính xác đến lạ kỳ,” tôi thêm vào.

“Chứ lại còn. Anh chàng của chúng ta quả thực có biệt tài nắm bắt cơ hội. Một cách bản năng, ông ta học được khi nào tấn công khi nào rút lui. Thêm nữa, ông ta luôn tập trung vào những mục tiêu đúng đắn. Ngay cả khi ông ta bị lực lượng chiếm đóng tổng giam như một tội phạm chiến tranh hạng A, vụ xử ông ta bị ngắt nửa chừng và không bao giờ mở lại. Bề ngoài vì lí do sức khỏe, nhưng sự việc đến đây trở nên khó hiểu. Có lẽ là một cuộc thương lượng đã được dàn xếp với người Mỹ, vừa lúc MacArthur nhắm đến Trung Hoa đại lục.”

Tay đối tác của tôi lôi một cây bút bi khác ra khỏi khay bút và bắt đầu quay quay giữa các ngón tay.

“Khi được thả ra khỏi nhà tù Sugamo, ông ta lấy nửa số vàng trả lương cho toàn bộ một phe cánh của đảng bảo thủ. Nửa kia được dùng để mua ngành quảng cáo. Nên lưu ý rằng việc này xảy ra vào cái thời quảng cáo chẳng là gì ngoài mấy tờ rơi rẻ tiền.”

“Tài nhìn xa trông rộng. Nhưng phải có khiếu nại về việc che giấu quỹ chứ?”

“Không hề có chuyện đó. Hãy nhớ ông ta đã mua toàn bộ phe cánh của đảng bảo thủ.”

“À.”

“Quay lại câu chuyện, ông ta dùng tiền để lũng đoạn thị trường cả về chính trị lẫn quảng cáo, lập nên một nền tảng quyền lực còn phát triển đến tận ngày nay. Ông ta không bao giờ xuất đầu lộ diện vì ông ta không cần làm vậy. Chừng nào ông ta còn nắm giữ được một số nhân vật trung tâm nhất định của bên cầm quyền

chính trị và những mảng cốt lõi của ngành quan hệ công chúng, không có gì mà ông ta không làm được. Cậu có hiểu kiểm soát ngành quảng cáo có nghĩa gì không?”

“Chắc là không.”

“Kiểm soát ngành quảng cáo có nghĩa là nắm trong tay gần như toàn bộ các ngành xuất bản, truyền thanh và truyền hình. Không có một chi nhánh xuất bản hay đài truyền thanh nào lại không phụ thuộc cách này hay cách khác vào quảng cáo. Vì như thế sẽ giống như bể cá không có nước. Tại sao, vì chín mươi lăm phần trăm thông tin đến được với cậu đã được chọn lọc và trả tiền trước.”

“Có một điều tôi vẫn không hiểu,” tôi nói. “Tôi hiểu đoạn cậu nói người đàn ông của chúng ta nắm trong tay các ngành truyền thông, nhưng làm thế nào ông ta lại đình chỉ được bản tin PR cho một công ty Bảo hiểm nhân thọ? Bản tin thậm chí không qua tay bất kỳ người đại diện chủ yếu nào cơ mà. Đó là một hợp đồng trực tiếp.”

Tay đối tác của tôi ho húng hắng, rồi uống cạn chỗ còn lại của tách trà lúa mạch giờ chỉ còn âm ỉ. “Cổ phiếu. Đó là nguồn doanh thu chủ yếu của ông ta. Thao túng thị trường, cưỡng chế người khác, kiểm soát công ty bằng cách mua đa số cổ phần, mọi thứ. Đám nhân viên phụ trách thông tin thu thập tất cả thông tin cần biết để ông ta tùy ý lựa chọn. Chỉ một phần nhỏ xíu của những gì đang thật sự diễn ra được công bố. Tất cả những tin khác được để dành cho Ông Chủ. Tất nhiên, không hề có sức ép lộ liễu, nhưng có lúc sự việc trở nên gần giống như hăm dọa. Và nếu như hăm dọa không ăn thua, ông ta rỉ tai đám con buôn chính trị để thúc đẩy vụ việc.”

“Công ty nào mà chẳng có một hai điểm yếu.”

“Công ty nào cũng có bí mật mà họ không muốn nổ ra ngay giữa cuộc họp cổ đông hàng năm. Trong hầu hết trường hợp, họ nghe theo lời phán quyết. Tóm lại, Ông Chủ ngồi chễm chệ trên nền tảng tam giác quyền lực gồm chính trị gia, dịch vụ thông tin, và thị trường cổ phiếu. Vậy là như cậu có lẽ đã đoán ra, đối với ông ta xóa sổ một bản tin PR và là chúng ta phá sản dễ như bóc trứng vậy.”

“Hừm, vậy thì nói tôi nghe tại sao một nhân vật quyền lực không muốn rời cái cương vị ấy lại nổi giận vì một bức ảnh phong cảnh Hokkaido?”

“Câu hỏi hay đấy,” tay đối tác của tôi nói. “Tôi cũng đang sắp sửa hỏi cậu câu đó.”

Tôi chỉ biết nhún vai.

“Vậy nói xem, làm thế nào cậu biết toàn bộ việc này liên quan đến cừu?” tay đối tác của tôi hỏi. “Có điều gì kỳ cục diễn ra sau lưng tôi không?”

“Có đám tiểu yêu không tên trong rừng đang bận quay bánh xe ấy.”

“Làm ơn giải thích cho tôi nghe được không?”

“Giác quan thứ sáu.”

“Thôi đi nào,” tay đối tác thở dài. “Mà thôi, để tôi cho cậu biết hai diễn biến mới nhất. Chỉ để điều tra tí chút, tôi gọi điện cho tay cựu phóng viên tờ nguyệt san kia. Có tin đồn Ông Chủ đang nằm bẹp một chỗ vì bệnh xuất huyết não, nhưng tin này chưa được chính thức xác nhận. Mẫu tin còn lại liên quan đến người đàn ông tới đây. Hóa ra hắn là thư ký riêng cho Ông Chủ, nhân vật thứ hai của ông ta, người ông ta giao phó thật sự quản lý cả tổ chức. Người Mỹ gốc Nhật, tốt nghiệp Stanford, làm việc cho Ông Chủ mười hai năm nay. Bản thân hắn ta cũng là người bí hiểm. Hiển nhiên là người khôn ngoan sắc sảo. Đó là tất cả những gì tôi tìm hiểu được.”

“Cám ơn nhé,” tôi nói, thật sự có ý như thế.

“Không có gì,” tay đối tác thậm chí không liếc về phía tôi.

Dù có nhìn theo góc độ nào, khi tay đối tác của tôi không uống rượu hẳn là kẻ bình thường hơn tôi nhiều. Hắn ngây thơ hơn, chu đáo với người khác hơn, và suy nghĩ có tổ chức hơn. Nhưng trước sau gì hắn sẽ tự làm ình say mềm mà thôi. Không phải là một ý nghĩ an ủi được ta chút nào rằng những người hơn mình lại sụp đổ trước mình.

Ngay sau khi tay đối tác của tôi rời phòng, tôi lôi một chai whisky ra khỏi ngăn kéo của hần mà rút ỉnh một ly.

11. Phần Iv - Chương 10

Chương 10: Đêm Cừu

Chúng ta có thể lang thang không mục đích trên lục địa của sự tùy hứng, nếu chúng ta chọn thế. Không gốc rễ như mấy hạt giống có cánh được một ngọn gió xuân tình cờ thổi đi khắp nơi.

Tuy nhiên, chúng ta có thể phủ nhận ngay sau đó rằng không có thứ gọi là ngẫu nhiên. Những gì đã qua là đã qua, những gì chưa tới thì hiển nhiên chưa tới. Nói cách khác, bị kẹp giữa “mọi thứ” đằng sau chúng ta và “số không” phía trước chúng ta, sự tồn tại của chúng ta là phù du, trong đó không hề có sự ngẫu nhiên cũng chẳng có khả năng.

Tuy nhiên, trong thực tế, sự khác biệt giữa hai cách giải thích hết sức ít ỏi. Một tình thế (như hầu hết các cuộc đấu giữa các cách giải thích) chẳng khác nào gọi cùng một loại thức ăn bằng hai tên.

Thôi đủ rồi ẩn dụ ời.

Việc tôi đưa bức ảnh cừu vào trong bản tin PR của công ty bảo hiểm nhân thọ có thể được nhìn nhận từ một góc độ, (a) ngẫu nhiên, nhưng từ một góc độ khác, (b) không có sự ngẫu nhiên nào hết.

(a) Tôi đang tìm một bức ảnh thích hợp cho bản tin PR. Rất ngẫu nhiên, tôi tình cờ có một bức ảnh cừu trong ngăn kéo. Tôi quyết định dùng bức ảnh đó. Một bức ảnh ngẫu nhiên trong một thế giới ngẫu nhiên.

(b) Bức ảnh cừu trong ngăn kéo đã đợi tôi ngần ấy thời gian. Nếu không được dùng trong bản tin ấy thì cũng sẽ dùng cho một việc khác tại một thời điểm nào đó sau này.

Càng nghĩ về điều đó, tôi càng thấy công thức này áp dụng cho tất cả mọi thức thuộc mọi phương diện mà tôi đã trải nghiệm cho đến lúc này trong đời. Chỉ cần luyện tập một chút, tôi chắc chắn mình có thể điều khiển, (a) một cuộc đời với tay phải và, (b) một cuộc đời với tay trái. Nói vậy không có nghĩa điều đó làm nên cái gì khác biệt. Nó giống như cái lỗ trong bánh vòng. Liệu người ta coi cái lỗ trong chiếc bánh vòng như một khoảng trống hay như một thực thể là chính bản thân nó, đó đơn thuần là một câu hỏi siêu hình và không ảnh hưởng chút nào đến vị bánh vòng.

Ngồi trên xô pha uống whisky, được máy điều hòa không khí thổi khê khàng như một hạt bồ công anh đưa đẩy theo cơn gió nhẹ, tôi nhìn chăm chăm vào chiếc đồng hồ điện tử treo tường. Chẳng nào tôi còn nhìn vào chiếc đồng hồ, ít ra là thế giới vẫn còn chuyển động. Chẳng phải một thế giới ý nghĩa gì, nhưng dẫu sao vẫn đang chuyển động. Và chẳng nào tôi biết là thế giới vẫn chuyển động, tôi biết là tôi tồn tại. Không phải một sự tồn tại có ý nghĩa gì, nhưng vẫn là một sự tồn tại. Tôi chợt thấy dường như ai đó nên xác nhận sự tồn tại của chính mình chỉ bằng kim giờ kim phút của chiếc đồng hồ điện tử treo tường. Phải có một phương thức xác nhận mang tính nhận thức hơn. Nhưng dù có đến mấy tôi cũng chẳng nảy ra được cách gì dễ dàng hơn.

Tôi từ bỏ và làm một ngụm whisky nữa. Một cảm giác rất bóng truyền qua cổ họng tôi, xuống đến thành thực quản vào trong lổm thượng vị. Bên ngoài cửa sổ, bầu trời mùa hè xanh rực rỡ và những đám mây trắng trôi bồng bênh. Một bầu trời đẹp đẽ song cũ kỹ báo trước sự hao mòn. Tôi làm một ngụm whisky nữa để chúc cho cái bầu trời mới tinh khôi trước kia. Rượu Scotch không đến nỗi nào. Bầu trời cũng không đến nỗi nào, một khi người ta đã quen với nó. Một chiếc máy bay phản lực lớn bay ngang qua bầu trời từ trái qua phải như con bộ lập lờ.

Khi vừa uống cạn ly whisky thứ hai, tôi chợt nghĩ: mình đang làm cái quái gì ở đây thế này?

Cừu.

Tôi đứng dậy khỏi xô pha, nhặt bản sao của bức ảnh từ bên bàn tay đối tác rồi quay trở về ghế. Trong hai mươi giây tôi nhìn chăm chăm vào nó, mút những viên đá có vị whisky, vắt óc suy nghĩ tìm xem điều gì đang diễn ra trong bức ảnh.

Bức ảnh cho thấy một đàn cừu trên đồng cỏ. Trên một cạnh, đồng cỏ dính liền với một rừng cây bu lô. Loại cây bu lô khổng lồ người ta tìm thấy ở tận Hokkaido, chứ không phải loại bé teo còi cọc trồng bên lối ra vào văn phòng ông nhà sĩ nào đó. Đây là loại cây bu lô mà bốn con gấu có thể mài vuốt lên thân cây cùng một lúc. Tuyết vẫn còn sót lại trên đỉnh núi sau nền bức ảnh, cả trên khe núi nữa. Tháng Tư hoặc tháng Năm. Khi mặt đất ướt át đầy tuyết tan. Bầu trời xanh (hay đúng ra là tôi nghĩ nó màu xanh từ bức ảnh tuyền màu xám – cũng rất có thể là màu hồng nhạt), với mây trắng nhẹ nhàng bay qua đỉnh núi. Sau khi đã cân nhắc mọi điều, bầy cừu chỉ có thể được nhìn nhận như một bầy cừu, rừng bu lô chỉ có thể được nhìn nhận như rừng bu lô, mây trắng chỉ có thể chỉ được nhìn nhận như mây trắng. Đơn giản như vậy và không có gì hơn.

Tôi quăng bức ảnh lên bàn, hút một điếu thuốc rồi ngáp. Sau đó tôi cầm bức ảnh lên, cố đếm đàn cừu. Đồng cỏ rộng mênh mông, những con cừu rải rác thành đốm lớn như những người đi picnic, đến nỗi khó có thể nói được những đốm trắng ở đằng xa là cừu hay chỉ là những đốm trắng. Càng nhìn kỹ bao nhiêu tôi càng khó đoán bấy nhiêu, liệu những đốm trắng có thật sự là những đốm trắng hay là mắt tôi đang giở trò với tôi, cho tới khi cuối cùng tôi không thể chắc về bất kỳ điều gì nữa. Tôi cầm một cây bút bi trong tay đánh dấu mọi chỗ tôi có thể chắc là cừu. Tổng số là ba mươi hai. Ba mươi hai con cừu. Một bức ảnh dễ hiểu một cách hoàn hảo. Không có gì khác lạ về bố cục, không gì đặc biệt về phong cách.

Tuy thế lại có một cái gì đó trong ảnh. Một cái gì đó khang khác. Tôi nghĩ mình đã cảm được điều đó lần đầu tôi trông thấy bức ảnh cách đây ba tháng, và lúc này cảm giác ấy quay trở lại.

Tôi lăn mình trên xô pha, giơ bức ảnh qua đầu, tôi đếm lại tổng số một lần nữa.

Ba mươi ba.

Ba mươi ba sao?

Tôi nhắm mắt và lắc đầu. Trí óc tôi trống rỗng. Tôi cố đếm số cừu một lần cuối, rồi trôi vào giấc ngủ sâu của buổi-chiều-hai-ly-whisky. Điều cuối cùng tôi nhớ là mình đã nghĩ về đôi tai của cô bạn gái.

12. Phần Iv - Chương 11

Chương 11: Chiếc Limousine Và Người Lái Xe

Chiếc xe đến lúc bốn giờ, như đã hẹn. Chính xác đến từng giây, như một chiếc đồng hồ chim cú cu. Cô thư ký lay tôi dậy khỏi giấc ngủ sâu. Sau đó tôi đi tới phòng vệ sinh và nước lên mặt. Con buồn ngủ của tôi không hề giảm đi chút nào. Tôi ngáp ba lần trong thang máy lúc đi xuống. Ngáp đến mức người ta có thể kiện tôi được. Nhưng mà ai ở đó mà kiện cáo chứ? Ai đáng bị kiện ngoài chính tôi?

Hiện ra lơ mờ trước cửa tòa nhà chúng tôi là chiếc limousine trông như một chiếc tàu ngầm khổng lồ. Cả một gia đình nghèo khó có thể sống dưới mái xe ấy chứ, nó mới lớn làm sao. Cửa sổ màu xanh đục, bằng kính phản quang để không ai thấy được gì bên trong. Thân xe toàn màu đen đến phát sợ, không hề có lấy một tí vết, cả trên cái hãm xung, cả trên nắp đậy trục bánh xe.

Đứng bên cạnh chiếc xe trong tư thế luôn sẵn sàng là người lái xe đã đứng tuổi, mặc chiếc áo trắng tinh sạch bong và đeo cà vạt màu cam. Một người lái xe thật sự. Tôi buộc phải tiến về phía bác ta, và bác ta mở cửa xe không nói một lời. Mắt bác ta dõi theo tôi cho đến khi tôi đã ngồi yên vị trên ghế, rồi bác ta đóng cửa xe lại. Bác ta trèo lên ghế lái và đóng cửa xe. Tất cả đều không một tiếng động nào to hơn tiếng lật quân bài. Và ngồi trong chiếc limousine này, so với cái xe Con bọ hiệu Volkswagen đã đi được mười lăm năm mà tôi mua lại của một người bạn, thật yên tĩnh như ngồi dưới đáy hồ mà đeo ống bít tai vậy.

Nội thất trong xe được trang bị hoàn hảo đến tận răng. Người ta có thể trông mong điều này trong một chiếc limousine, nhưng cho dù gu thẩm mỹ của hầu hết các phụ kiện được cho là xa xỉ đều rất đáng ngờ song nội thất chiếc xe này thì lại không đáng ngờ một chút nào. Ở giữa chỗ ngồi to như cái xô pha của tôi là chiếc điện thoại ấn phẩm sang trọng, cạnh đó là một hộp đựng thuốc lá bằng bạc, một bật lửa, một gạt tàn. Gắn sau ghế lái là một chiếc bàn gấp nhỏ. Máy điều hòa không phô trương mà tự nhiên, thậm chí xe lộng lẫy. Trước khi tôi chưa kịp nhận ra, chiếc limousine đã chuyển động rồi, như một chiếc chèo giạt lướt trên biển thủy ngân. Tổng số tiền đổ vào cục cưng này chắc phải kinh khủng lắm.

“Tôi bật chút nhạc được không cậu?” người lái xe hỏi.

“Có lẽ là chút gì đó thư giãn.”

“Vâng, thưa cậu.”

Người lái xe cúi xuống dưới ghế, chọn một băng cát xét, và chạm vào một nút trên bảng điều khiển. Một bản xô nát thanh bình dành cho đàn violôngxen dường như không biết từ đâu lan tới. Một bản nhạc không chèn vào đâu được, độ trung thực không chèn vào đâu được.

“Họ luôn cho bác đến chỗ mọi người trên chiếc xe này à?” tôi hỏi.

“Đúng vậy đấy,” người lái xe trả lời một cách dè dặt. “Thời gian gần đây tôi chỉ phải làm có thế.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Ban đầu chiếc limousine này được dành riêng cho Ông Chủ,” người lái xe nói ngay sau đó, vẻ e ngại lúc trước đã bớt đi. “Tuy nhiên, mùa xuân này, với tình trạng hiện này, ông ấy không dám đi ra ngoài nhiều. Nhưng mà cứ để cho chiếc xe này nằm lì một chỗ thì cũng được gì đâu? Như tôi chắc cậu cũng biết, xe ô tô phải được lái thường xuyên chứ không thì chạy kém hay ngay.”

“Tất nhiên rồi,” tôi nói. Nếu vậy thì có vẻ như việc Ông Chủ bị bệnh không còn là bí mật của tổ chức nữa. Tôi lấy một điều thuốc ra khỏi hộp, xem xét, đưa lên mũi. Một loại thuốc lá cắt khô được làm một cách đặc biệt không có nhãn hiệu gì, thơm giống như mùi thuốc lá Nga. Tôi đấu tranh tư tưởng không biết nên hút hay nên dứt túi, nhưng cuối cùng thì đặt nó lại chỗ cũ. Được chạm giữa chiếc bật lửa và hộp thuốc lá là một hình biểu tượng tinh xảo. Một biểu tượng cừu.

Cừu ư?

Tôi lắc đầu và nhắm mắt. Toàn bộ chuyện này thật quá sức tôi. Dường như kể từ khi bức ảnh cừu hiện hữu trong đời tôi, mọi thứ bắt đầu chạy trốn khỏi tôi.

“Còn bao nhiêu lâu nữa chúng ta đến nơi?” tôi hỏi.

“Ba mươi hoặc bốn mươi phút, tùy vào giao thông.”

“Vậy có lẽ bác có thể giảm điều hòa xuống một chút? Tôi muốn tranh thủ ngủ một lát.”

“Tất nhiên là được, thưa cậu.”

Người lái xe điều chỉnh máy điều hòa, rồi bật một nút trên bảng điều khiển. Một tấm thủy tinh dày nhẹ nhàng kéo lên, ngăn khoang hành khách khỏi ghế lái xe. Tôi được bao bọc trong một sự yên lặng gần như tuyệt đối, chỉ trừ đoạn nhẹ nhàng của Bach, nhưng cho tới thời điểm này hầu như không gì làm tôi ngạc nhiên. Tôi dụi má vào ghế sau mà thiếp đi.

Tôi mơ về một con bò sữa. Một con bò khá hiền lành và nhỏ nhắn, loại trông giống như đã trải qua nhiều gian truân. Chúng tôi đi qua nhau trên một cây cầu lớn. Đó là một buổi chiều xuân dễ chịu. Con bò đang mang một chiếc quạt điện cũ trên móng guốc, và nó hỏi liệu tôi có muốn mua lại chiếc quạt với giá rẻ không.

“Tôi không có nhiều tiền đâu,” tôi nói. “Thật mà, tôi không có nhiều tiền.”

“Vậy thì,” con bò nói, “tôi có thể đổi nó cho ngài lấy một chiếc kim.”

Thế cũng không tồi. Vậy là tôi và bò đi về nhà cùng nhau, và tôi lục tung cả nhà lên để tìm chiếc kim. Nhưng không biết kim đặt chỗ nào.

“Kỳ thật,” tôi nói. “Chiếc kìm còn ở đây hôm qua mà.”

Tôi vừa mới lúi ghế ra để trèo lên tìm trên mặt tử thì người lái xe vỗ nhẹ lên vai tôi. “Chúng ta tới nơi rồi,” bác ta nói ngắn gọn.

Cửa xe mở và ánh sáng yếu ớt của buổi chiều mùa hè chiếu qua mặt tôi. Hàng ngàn con ve đang kêu inh ỏi như tiếng lên dây cót của chiếc đồng hồ. Có cả mùi đất màu mỡ.

Tôi ra khỏi xe limousine, duỗi chân duỗi tay và thở một hơi sâu. Tôi cầu sao giấc mơ khi này không tượng trưng ột điều gì đó.

13. Phần Iv - Chương 12

Chương 12: Nơi Vũ Trụ Của Loài Sâu

Có những giấc mơ tượng trưng – những giấc mơ tượng trưng hóa một hiện thực nào đó. Và rồi có những hiện thực tượng trưng – những hiện thực tượng trưng hóa một giấc mơ. Biểu tượng là cách người ta có thể gọi những thành viên danh dự hội đồng thị trấn trong vũ trụ của loài sâu. Trong vũ trụ của loài sâu, không gì bất thường khi một con bò sữa đi tìm một chiếc kìm. Một con bò chắc chắn sẽ tìm được chiếc kìm vào một lúc nào đó. Chuyện ấy không liên quan gì tới tôi.

Tuy thế, việc con bò chọn tôi để lấy chiếc kìm làm thay đổi mọi thứ. Điều này đẩy tôi vào cả một vũ trụ của những điều cần nhắc khác nhau. Và trong cái vũ trụ của những cần nhắc khác nhau này, vấn đề chủ yếu là mọi thứ trở nên kéo dài lê thê và phức tạp. Tôi hỏi bò, “Tại sao mày muốn kìm?” Và bò trả lời, “Tôi rất đói.” Vậy là tôi hỏi, “Tại sao mày muốn kìm nếu như mày đói?” Bò trả lời, “Để gắn kìm vào cánh đào.” Tôi hỏi, “Tại sao lại là cây đào?” Đến đó bò trả lời, “Xem nào, đó là lý do tại sao tôi đổi chiếc quạt, đúng không ngài?” Vần vắn và vắn vắn. Sự việc không bao giờ được giải quyết, tôi bắt đầu oán giận bò, và con bò bắt đầu oán giận tôi. Đó là thể giới quan của loài sâu. Cách duy nhất để thoát ra khỏi vũ trụ của loài sâu là mơ một giấc mơ tượng trưng khác.

Nơi mà cái xe bốn bánh khổng lồ chở tôi đến vào buổi chiều tháng Chín ấy chắc chắn là tâm điểm vũ trụ của loài sâu. Nói cách khác, lời cầu nguyện của tôi đã bị chối từ.

Tôi nhìn quanh và nín thở. Đây là thứ đáng làm ta kinh ngạc.

Chiếc xe limousine đỗ trên một ngọn đồi cao. Đằng sau chúng tôi là con đường rải sỏi mà chúng tôi vừa đi lên, dần nhập vào một con đường đẹp như tranh đầy những khúc lượn quanh co tới cổng trước ở đằng xa. Có lẽ sẽ phải mất mười lăm phút đi bộ lặn, nếu đi thông thả. Dọc theo hai bên đường là cây tuyết tùng và những ngọn đèn hơi thủy ngân, đứng xếp hàng cách nhau đều đặn như những ống đựng bút chì. Bám chặt vào từng thân cây là vô vàn những con ve sâu đang gào lên thảm thiết, như thể ngày tận thế đang tới gần.

Mỗi hàng tuyết tùng nằm ven thảm cỏ đều được xén tỉa gọn ghẽ, trải xuống thành bờ dốc điểm những bụi tú quỳên và tú cầu cùng những loài cây cỏ khác ngoài khả năng nhận biết của tôi. Một bầy chim sáo nhào tới, cả một đàn, liệng qua liệng lại trên cỏ, giống như một đụn cát di chuyển không mục đích.

Bậc thang bằng đá dẫn xuống hai bên đồi: các bậc bên trái dẫn đến một khu vườn Nhật Bản với đèn lồng đá và một cái ao, các bậc bên phải dẫn đến một sân gôn nhỏ. Bên rìa sân gôn là một vụng lâu có màu nho sẫm, và ngang đó đứng sừng sững một pho tượng Hy Lạp cổ bằng đá. Bên cạnh là ga ra khổng lồ nơi một người lái xe khác đang rửa một chiếc limo khác. Tôi không thể nhận ra chiếc xe hiệu gì, nhưng nó không phải là một chiếc Volkswagen cũ.

Tôi khoanh tay nhìn quanh mình lần nữa. Một khung cảnh vườn tược không chệ vào đâu được, chắc chắn rồi, nhưng ôi chao, một cảnh ần tượng thế nào cơ chứ.

“Thế hộp thư ở đâu hả bác?” tôi hỏi không ăn nhập vào đâu. Ý tôi là ai đó phải đi lấy báo mỗi sáng mỗi tối chứ.

“Hộp thư ở cạnh cổng sau,” người lái xe nói. Một khám phá đột ngột. Tất nhiên phải có cổng sau rồi.

Sau khi xem xét đất đai vườn tược xong xuôi, tôi quay ra đối diện với con đường và thấy mình đối diện với một công trình kiến trúc đồ sộ, cao ngất ngưởng.

Đó là – biết phải nói thế nào nhỉ – một tòa nhà cô độc một cách đau đớn. Hãy để tôi giải thích. Ví dụ chúng ta có một khái niệm. Khỏi phải nói, sẽ có đôi chút ngoại lệ cho cái khái niệm đó. Vậy là, cùng với thời gian những ngoại lệ này sẽ lan ra như những vết bẩn cho tới khi cuối cùng chúng tạo nên một khái niệm riêng biệt. Từ đó lại mọc lên những ngoại lệ khác. Nó là loại tòa nhà kiểu ấy, một công trình cổ nào đó được phát triển một cách mù quáng, đến một kết cục mà không ai biết sẽ thế nào.

Ở hiện thân đầu tiên, có vẻ như nó từng là một trang viên theo kiểu phương Tây ở thời Minh Trị. Chiếc cổng có trần cao dẫn vào một ngôi nhà hai tầng màu kem. Cửa sổ cao, khung kính trượt theo phong cách thật sự cổ, sơn được quét đi quét lại không biết bao lần. Mái nhà, như bạn đã đoán được, lợp bằng ván lợp đồng, và máng xối vững chắc như hệ thống cầu máng thời La Mã. Một ngôi nhà đẹp, toát ra vẻ duyên dáng cổ kính.

Nhưng rồi một tay kiến trúc sư thích đùa nào đó xuất hiện để gắn một chái nhà khác có cùng phong cách và nguyên tắc phối màu vào bên phải của công trình kiến trúc ban đầu. Ý đồ không tồi, nhưng hiệu quả thì không thể chấp nhận được. Giống như dọn món nước quả đóng đá và súp lơ xanh trên cùng một chiếc đĩa bạc.

Sự kết hợp bất hạnh này được giữ nguyên trong vài thập kỷ cho tới khi ai đó lại xây thêm một tòa tháp bằng đá vào một bên. Tại đỉnh tháp gắn một cột thu lôi có tính chất trang trí. Một sai lầm. Sét như được sắp đặt để đánh cháy rụi cả căn nhà.

Giờ là một lối đi có mái vòm uy nghiêm che phủ nối thẳng tòa tháp tới một chái nhà khác. Chái nhà này lại là một thực thể cách biệt, mặc dù ít ra nó hoàn tất một chủ đề thống nhất. Chúng ta hãy tạm gọi chủ đề ấy là “sự chống đối lẫn nhau của các ý thức hệ”. Nó chứng tỏ một cảm hứng chủ đạo nhất định, giống như con lừa khi đặt giữa hai thùng cỏ khô giống hệt nhau sẽ chết đói trong khi cố quyết định xem ăn thùng nào trước.

Bên trái của công trình kiến trúc ban đầu, không kém phần đối chọi đối với các yếu tố đã tồn tại trước đó, một tòa biệt thự một tầng kiểu Nhật truyền thống chạy dài. Các dãy hành lang tuyệt đẹp chạy thẳng như đường chơi bowling, bao quanh là bờ giậu và hàng thông được chăm sóc kỹ càng.

Cái mớ hỗn độn ba-phong-cách-có-dư này đậu chênh vênh trên đỉnh đồi không phải là một cảnh tượng thường gặp. Giả sử đây là một kế hoạch vĩ đại của ai đó được xây dựng trong nhiều năm để cố rũ bỏ trạng thái sững sờ hoặc để xua đuổi cơn buồn ngủ, thì nó là một thành công đáng khâm phục. Không cần phải nói, ấy là một giả thuyết khó xảy ra. Cái vật quái dị này là đại diện cho tiền, hàng núi tiền, theo đó là một danh sách dài những tài năng hạng hai từ thời này sang thời khác đã lợi dụng cơ hội để kiếm lời.

Chắc hẳn tôi đã nhìn chằm chằm vào cái ảo ảnh này một lúc lâu trước khi nhận ra người lái xe đứng cạnh đang nhìn đồng hồ. Trông bác ta có vẻ quen với tư thế ấy. Có lẽ bác ta đã quen đứng ở cùng vị trí đó với bất kỳ ai bác ta lái xe đến đây. Tất cả bọn họ hẳn đã trở mắt nhìn khung cảnh xung quanh theo cùng một cách.

“Xin cậu cứ ngắm cho thỏa thích. Cậu còn thời gian mà,” bác ta nói. “Chúng ta còn tám phút nữa.”

“Khu này lớn quá,” tôi không muốn nói thêm gì không thích hợp.

“Gần ba héc ta đấy ạ,” người lái xe nói.

“Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu các vị có cả một ngọn núi lửa đang hoạt động trong đó,” tôi cười, cố làm mọi thứ trở nên nhẹ nhõm hơn. Nhưng câu nói đùa không được hưởng ứng. Không ai đùa ở đây.

Thế là tám phút trôi qua.

Tôi được dẫn qua lối vào tới một căn phòng lớn theo phong cách phương Tây ngay bên phải. Trần nhà cao khác thường, được viền quanh bởi những đường gờ chạm trổ tinh xảo. Có một bộ xô pha cổ đẹp đẽ và một bàn uống trà; trên tường là một bức tranh tĩnh vật theo trường phái hiện thực. Táo, một cái bình và một con dao. Có lẽ ý tưởng là dùng chiếc bình đập đồng táo, rồi sau đó dùng dao gọt táo. Hạt và lõi táo có thể bỏ vào bình.

Bên cửa sổ là những tấm rèm dày chồng một lớp đăng ten, được vén qua một bên bằng dây buộc rèm cùng chất liệu. Qua khoảng trống giữa các tấm rèm, người ta có thể nhìn thấy một phần tương đối tĩnh lặng của khu vườn. Sàn nhà gỗ sồi đánh bóng láng. Một tấm thảm lông dày tuyết dù màu đã nhạt phủ một nửa sàn nhà.

Một căn phòng không đến nỗi nào. Một căn phòng hoàn toàn không đến nỗi nào.

Một bà phục vụ đứng tuổi mặc kimono bước vào phòng, đặt xuống một ly nước nho, rồi rời phòng không nói một lời. Cánh cửa ra vào đóng lại với một tiếng cách. Rồi mọi thứ lặng yên như tờ.

Trên bàn uống trà là một hộp đựng thuốc lá bằng bạc, bật lửa và gạt tàn giống hệt như những thứ trong xe limousine. Được trạm biểu tượng cừu giống nhau. Tôi lôi trong túi quần ra một điều đầu lọc, châm thuốc bằng chiếc bật lửa bạc, và phả một làn khói lên trần nhà cao vút. Rồi tôi nhấp một ngụm nước nho.

Mười phút sau, cánh cửa mở ra và một người đàn ông cao ráo mặc lễ đen bước vào. Người đàn ông không nói “Xin chào” hay “Xin lỗi đã để ngài phải đợi.” Tôi cũng không nói gì. Ông ta kéo ghế ngồi đối diện tôi, hơi nghiêng đầu, và nhìn tôi.

Thời gian đang thật sự trôi qua.

14. Phần V - Chương 13

Phần V: Những Lá Thư Của Chuột Và Các Kỷ Niệm Tập Nhập - Chương 13: Lá Thư Thứ Nhất Của Chuột (Đóng Dấu Bưu Điện Ngày 21 Tháng Mười Hai, Một Năm Trước)

Sao, mọi thứ như thế nào?

Có vẻ như đã quá lâu rồi tớ không gặp cậu. Đã bao nhiêu năm rồi nhỉ? Đó là vào năm nào vậy?

Tớ nghĩ tớ đã dần dần mất đi cảm giác về thời gian. Giống như có một con chim đen dẹt không hề tồn tại đang đập cánh trên đầu tớ và tớ không thể đếm quá ba. Cậu phải thứ lỗi cho tớ, nhưng sao cậu không đếm đi?

Tớ bỏ thị trấn đi mà không nói với ai và có lẽ cậu phải chịu rắc rối vì điều đó. Hay có lẽ cậu giận tớ đã bỏ đi mà không nói một lời nào với cậu. Cậu biết đấy, tớ muốn thẳng thắn với cậu nhiều lần, nhưng tớ đã không thể. Tớ đã viết nhiều thư và xé hết. Điều đó lẽ ra hiển nhiên, nhưng tớ không cách nào có thể giải thích cho người khác điều mà tớ thậm chí đã không thể giải thích cho chính mình.

Tớ đoán vậy.

o O o

Tớ chưa bao giờ giỏi khoản viết thư. Mọi thứ tớ viết ra cứ đảo ngược hết cả. Tớ toàn dùng từ sai. Cứ như thể chưa đủ tệ, viết thư còn làm tớ thêm lộn xộn. Và vì tớ không có óc hài hước, tớ nản lòng với chính mình.

Thường thì những người giỏi viết thư không có nhu cầu viết thư. Họ có vô khối thứ để sống trong hoàn cảnh của họ. Đây, chỉ là ý kiến riêng của tớ, tất nhiên. Cũng có thể ta không thể sống trong hoàn cảnh được.

Lúc này trời lạnh khủng khiếp và tay tớ tê cóng. Cứ như thể không còn là tay của tớ nữa. Đầu óc tớ chúng cũng không còn là đầu óc tớ nữa rồi. Giờ đây tuyết đang rơi. Tuyết giống như những mảnh đầu óc của ai đó. Và nó sẽ chất đống giống như đầu óc của ai đó. (Mà tớ đang nói cái thứ chết tiệt gì ấy nhỉ?)

Dù vậy, ngoài việc trời lạnh ra, tớ vẫn ổn. Cậu thì sao? Tớ sẽ không cho cậu biết địa chỉ của tớ, nhưng đừng giận tớ làm gì. Không phải tớ đang cố giấu cậu điều gì. Tớ muốn cậu biết điều đó. Điều này, cậu biết đấy, là một vấn đề tế nhị đối với tớ. Chỉ là cái cảm giác tớ đang có này, rằng nếu tớ cho cậu biết địa chỉ, ngay lúc ấy một điều gì đó trong tớ sẽ thay đổi. Tớ không biết diễn đạt điều đó như thế nào.

Dù sao thì, dường như với tớ cậu luôn hiểu rất rõ những điều tớ không thể nói rõ. Điều rắc rối là tớ rất cuộc trở nên càng tệ hơn cái khoản diễn đạt mọi thứ rõ ràng. Chắc là một tật bẩm sinh.

Đương nhiên ai mà chẳng có tật.

Tật lớn nhất của tớ là mỗi năm những cái tật bẩm sinh của tớ cứ ngày càng lớn hơn. Cứ như tớ đang nuôi gà bên trong mình vậy. Gà đẻ trứng và trứng nở thành gà khác, gà khác lại đẻ trứng. Đây có phải là cách để sống một cuộc đời không? Sống mà phải chịu tất cả những cái tật này ư, tớ phải tự hỏi thế. Đương nhiên, tớ vẫn tồn tại. Nhưng rốt cuộc thì, đó không phải là vấn đề đúng vậy không?

Bất kể thế nào, tớ đã quyết định sẽ không cho cậu biết địa chỉ. Tớ chắc chắn như vậy sẽ tốt hơn. Cho cả tớ và cậu.

Có lẽ chúng ta sẽ khá hơn nếu sinh ra ở Nga vào thế kỷ mười chín. Tớ đã có thể là một chàng Hoàng tử nào đó và cậu là một tay Bá tước nào đó. Chúng mình sẽ đi săn cùng nhau, tranh luận, là tình địch của nhau, than phiền về những thứ siêu hình, vừa uống bia vừa ngắm hoàng hôn trên Biển Đen. Trong những năm tháng về sau của chúng mình, hai đứa dính líu vào cuộc Nổi loạn nào đó và bị đày đi Siberia rồi chết ở đó. Tuyệt vời, cậu có nghĩ vậy không? Tớ ấy à, nếu tớ sinh ra vào thế kỷ mười chín, chắc chắn là tớ đã có thể viết nên những cuốn tiểu thuyết hay hơn. Có thể không phải cỡ Dostoyevsky của cậu, nhưng là một tiểu thuyết gia hạng hai có tiếng. Và cậu sẽ làm gì nhỉ? Có lẽ cậu sẽ chỉ là một tay Bá tước nào đó từ đầu đến cuối. Như vậy cũng không tồi, chỉ là Bá tước nào đó. Như vậy cũng tốt và như vậy mới là thế kỷ mười chín.

Nhưng thôi, vậy là đủ rồi. Trở lại thế kỷ hai mươi thôi.

Để tớ kể cậu nghe về những thị trấn tớ đã từng qua.

Không phải thị trấn nơi tớ sinh ra mà là những thị trấn khác nhau.

Thật sự có rất nhiều thị trấn khác nhau trên thế gian này. Mỗi thị trấn có những nét riêng, những điều không thể hiểu được đã thu hút tớ. Đó là lý do tại sao tớ đã qua khá nhiều thị trấn mấy năm vừa qua.

Bất cứ nơi nào tớ đến, tớ xuống xe, và có một bùng binh nhỏ nơi người ta treo bản đồ thị trấn và một dây phở toàn cửa hiệu. Cái đó ở đâu cũng thế. Ngay cả lũ chó trông cũng giống nhau. Việc đầu tiên tớ làm là đảo một vòng qua nơi đó trước khi tới chỗ người kinh doanh nhà đất để tìm chỗ trọ rẻ tiền. Tất nhiên tớ là người ngoài và không ai trong cái thị trấn nhỏ ấy tin tưởng tớ ngay lập tức, nhưng cậu biết đó, tớ có thể đủ tử tế nếu tớ để nửa tâm trí vào đó. Cho tớ mười lăm phút là tớ nói chung có thể gây thiện cảm với hầu hết mọi người. Xong việc đó rồi, tớ tìm ra nơi nào tớ có thể hòa nhập và thu thập đủ kiểu thông tin về thị trấn.

Kế tiếp, tớ đi kiếm việc. Điều này cũng bắt đầu bằng việc tạo quan hệ tốt với nhiều người khác nhau. Tớ chắc là điều này đã có thể là một thất bại đối với một ai đó như cậu (và tin tớ đi, tớ đã thấy đủ thất bại cho cả đời rồi) vì cậu biết dấu sao cậu cũng chỉ nấn ná ở đó có bốn tháng thôi. Nhưng lập quan hệ tốt với mọi người đâu có khó khăn gì. Cậu tìm một quán rượu địa phương nơi tụi choai choai tụ tập (thị trấn nào cũng có một chốn như thế – nó giống như cái rồn của thị trấn vậy), cậu trở thành khách quen, gặp gỡ mọi người, được giới thiệu ột việc nào đó. Tất nhiên, cậu nghĩ ra một cái tên thích hợp và một câu chuyện đời nào đó. Vậy là đến giờ tớ có một lô tên và chuyện đời mà cậu không tin nổi đâu. Đôi khi tớ quên mất ban đầu mình là người như thế nào.

Về khoản công việc, tớ đã làm đủ thứ nghề. Hầu hết là nhàm chán, nhưng tớ vẫn ham thích công việc đó. Thường là việc ở trạm xăng. Kế tiếp là trông coi một quán bar tồi tàn nào đó. Tớ đã từng trông coi hiệu sách, thậm chí làm việc tại một đài phát thanh. Tớ đã được thuê làm công nhật. Đã từng là người bán mỳ

phẩm. Nói cho cậu biết nhé, tớ khá có tiếng với tư cách là người bán mỹ phẩm đấy. Và tớ đã ngủ với khối đàn bà. Ngủ với đàn bà mỗi lần với một cái tên và chuyện đời khác nhau cũng không đến nỗi quá tệ.

Cậu thấy được toàn cảnh chứ, với tất cả những biến dạng của nó.

Vậy là giờ đây tớ hai mươi chín tuổi, chín tháng nữa là tròn ba mươi.

Tớ vẫn không biết mình có phù hợp với cái kiểu sống này không. Tớ không biết mong muốn làm một kẻ lang bạt có phải là điều phổ biến hay không. Nhưng như một ai đó từng viết ở đâu đó, người ta cần một trong ba thứ cho cuộc sống lang thang lâu dài – khí chất tôn giáo, hoặc khí chất nghệ sĩ, hoặc khí chất siêu linh. Nếu người ta có một thứ nhưng có in ít thôi thì không thể làm kẻ lang bạt lâu dài được. Về phần mình, tớ không thấy mình có bất cứ khí chất nào trong số đó. Trong trường hợp cần thiết, tớ có thể nói... thôi, tốt hơn hết là không lang bạt nữa.

Mặt khác, rốt cuộc một ngày nào đó tớ có thể sẽ mở nhầm cánh cửa, chỉ để nhận thấy tớ không thể rút lui. Dù thế nào đi nữa, nếu cánh cửa đã mở, tớ nên gắng mà thành công. Ý tớ là tớ không thể cứ mãi than phiền suốt quãng đời còn lại của mình, đúng không?

Đầu đuôi câu chuyện là như thế đấy.

Như tớ nói lúc đầu (có đúng là tớ đã nói thế không nhỉ?), khi tớ nghĩ đến cậu, tớ cảm thấy đôi chút bứt rứt. Bởi vì cậu gọi cho tớ nhớ đến thời tớ còn là một gã trai tương đối bình thường.

Bạn cậu,

Chuột

T.B: Tớ gửi kèm một cuốn tiểu thuyết tớ viết. Nó không còn ý nghĩa gì với tớ nữa, vậy nên cậu làm gì với nó thì tùy. Tớ gửi chuyển phát đặc biệt để chắc chắn cậu nhận được nó trước ngày hai mươi tư tháng Mười hai. Hy vọng nó đến nơi đúng ngày.

Dù sao đi nữa, chúc mừng sinh nhật nhé.

Và tiện đây, chúc cậu Giáng sinh vui vẻ.

Gói bưu phẩm của Chuột được nhét nhàu nát vào hòm thư căn hộ tôi vào ngày 29 tháng Mười hai. Đính kèm là một tấm giấy gửi chuyển tiếp. Nó đã được gửi đến địa chỉ trước của tôi. Không có cách nào để báo cho hẳn biết tôi đã chuyển đi.

Bốn trang giấy viết thư màu nâu nhạt đầy kín những chữ. Tôi đọc kỹ lá thư ba lần trước khi mang chiếc phong bì ra để kiểm tra dấu bưu điện đã mờ. Đó là một nơi tôi chưa bao giờ nghe đến. Tôi lấy tập bản đồ từ trên giá sách xuống tra tìm nơi đó.

Lời của Chuột đã đến với tôi từ một thị trấn nhỏ trên mũi phía Bắc Honshu, nằm chính giữa tỉnh Aomori. Theo cuốn bảng giờ tàu của tôi, chỗ ấy cách thành phố Aomori khoảng một tiếng đi tàu. Năm chuyến tàu dừng ở đó mỗi ngày, hai chuyến sáng, một chuyến trưa, hai chuyến tối.

Tôi đã tới Aomori vài lần vào tháng Mười hai. Lạnh. Tín hiệu giao thông đóng băng.

Tôi đưa lá thư cho vợ tôi, đúng hơn là vợ tôi vào thời điểm đó, xem. Tất cả những gì cô ta có thể nói là “tội nghiệp anh ấy”. Những gì cô ta thật sự muốn nói là tội nghiệp các anh. Rõ rồi, giờ thì điều đó cũng không còn quan trọng nữa.

Tôi quăng cuốn tiểu thuyết, khoảng hai trăm trang, vào ngăn kéo bàn mà không thèm đọc đầu đề. Tôi không biết tại sao, chỉ là tôi không thấy muốn đọc nó. Lá thư là đủ.

Tôi kéo ghế ra trước lò sưởi và hút ba điếu thuốc.

Lá thư tiếp theo của Chuột đến vào tháng Năm năm sau.

15. Phần V - Chương 14

Chương 14: Lá Thư Thứ Hai Của Chuột

(Đóng Dấu Bưu Điện Tháng Năm, Năm Nay)

Thư trước chắc có lẽ tớ đã hơi dong dài một chút. Dù vậy, tớ quên hết những gì mình nói rồi.

Tớ lại đổi địa chỉ. Một chỗ khác hẳn với bất cứ chỗ nào tớ đã từng qua tính đến nay. Ở đây thật sự yên tĩnh. Có lẽ là hơi quá yên tĩnh.

Theo một nghĩa nào đó, tớ đã tới một nơi tớ có thể coi là điểm đến cuối cùng. Tớ cảm thấy như tớ đã đến được nơi số phận sắp đặt mình phải đến. Hơn nữa, tớ cảm thấy tớ đã bơi ngược dòng để đến được đây. Nhưng đó không phải chuyện tớ có thể phán xét.

Viết lách mới tệ làm sao! Nó thật mơ hồ đến mức có lẽ cậu chẳng hiểu tớ đang nói cái gì. Hoặc có lẽ cậu nghĩ tớ đang gán quá nhiều ý nghĩa vào số phận của mình. Nếu đúng như vậy, tớ là người đáng chịu mọi trách nhiệm.

Tớ muốn cậu biết là tớ càng cố giải thích với cậu những gì đang diễn ra trong đầu mình, tớ lại càng bắt đầu đi lạc đề như thế này. Tuy nhiên, tớ vẫn ổn, có lẽ ổn nhất từ trước đến giờ.

Hãy để tớ viết cụ thể mọi thứ.

Quanh đây, như tớ đã nói trước, thật yên tĩnh khủng khiếp. Không có gì để làm ở đây, vì thế tớ đọc sách (tớ có đủ sách ở đây để có thể đọc trong một thập kỷ) hoặc nghe nhạc FM hoặc nghe đĩa (cũng có cả một lô đĩa ở đây). Đã mười năm rồi tớ không nghe nhiều nhạc đến thế. Điều làm tớ ngạc nhiên là, The Rolling Stones và Beach Boys vẫn còn sung lắm. Thời gian thật sự là một tấm vải lớn dài vô tận, phải không? Chúng ta quen cắt từng mảnh thời gian để vừa với mình, vì thế chúng ta thường tự đánh lừa mình rằng thời gian vừa khớp với mình, nhưng thật ra nó kéo dài mãi.

Ở đây, không có gì vừa với tớ cả. Không có ai ở đây tự biến mình thành thước đo mọi thứ, ca ngợi hay lên án người khác vì kích cỡ của họ.

Thời gian cũng cứ thế trôi như một dòng sông trong vắt. Thỉnh thoảng, chỉ cần ở đây thôi tớ cũng cảm thấy mình không một chút ràng buộc, và tớ lại trở về với trạng thái nguyên thủy của mình. Chẳng hạn như, nếu tớ trông thấy bóng một chiếc ô tô, tớ phải mất đến mấy giây để nhận ra đó là một chiếc ô tô. Đương nhiên, tớ phải sở hữu một loại nhận thức cơ bản rằng đó là một chiếc ô tô, nhưng nó không thật sự nhập vào ý thức tức thời của tớ. Gần đây những trường hợp như thế xảy đến với tớ ngày một nhiều hơn. Có lẽ đó là vì đã lâu rồi tớ sống một mình.

Thị trấn gần nhất mất khoảng một tiếng rưỡi đi xe. Không, nó thậm chí không phải là một thị trấn nữa. Hãy tưởng tượng một thị trấn nhỏ nhất, rồi rút xuống chỉ còn cái khung thôi. Tớ ngờ là cậu không thể hình dung ra cảnh đó. Tớ đoán là người ta dù sao vẫn phải gọi nó là một thị trấn. Mình có thể mua quần áo, thực phẩm, xăng dầu. Và nếu mình có nhu cầu trông thấy loài người thì nhu cầu ấy sẽ được đáp ứng ở đó.

Suốt cả mùa đông, đường sá đóng băng và hầu như không xe cộ nào có thể chạy qua đây. Những chỗ không là đường thì ẩm ướt, vì thế mặt đất đóng băng như nước quả đóng đá. Khi có tuyết rơi, không thể nói được đâu là đường đâu không là đường. Đó là một khung cảnh có thể coi là tận cùng thế giới.

Tớ đến đây vào đầu tháng Ba. Lái xe qua lúc thời tiết và đường sá tệ nhất, xích buộc quanh lốp xe jeep. Cứ như bị đi đày đến Siberia. Nhưng giờ là tháng Năm và tuyết đã tan hết. Kể từ tháng Tư trở đi, núi non rung chuyển vì tuyết lở. Cậu đã bao giờ nghe thấy tuyết lở chưa? Ngay sau khi tuyết lở là khoảng yên lặng hoàn hảo nhất. Một sự yên lặng trọn vẹn, hoàn toàn. Người ta hầu như mất đi cảm giác mình đang ở đâu. Yên lặng đến mức đó.

Bị cô lập trong núi non ngăn ấy thời gian, tớ không hề ngủ với một mống đàn bà nào trong ba tháng qua. Thực ra điều này không hề tệ chút nào. Tương tự, nếu tớ cứ ở vậy như thế lâu hơn nữa, tớ biết mình sẽ không còn quan tâm đến mọi người nữa, đó không phải là điều tớ muốn. Vì vậy tớ đang nghĩ là khi thời tiết ấm hơn chút tớ sẽ đi loanh quanh tìm inh một người đàn bà. Tớ không muốn khoe khoang đâu, nhưng tìm đàn bà chưa bao giờ là chuyện khó đối với tớ. Chừng nào tớ không quan tâm – và việc ở đây là bằng chứng

sống rằng tớ không quan tâm – thì khả năng hấp dẫn giới tính thật dễ dàng, không thành vấn đề. Đối với tớ tán tỉnh đàn bà không có gì là khó. Vấn đề là, tớ không thấy thoải mái với cái khả năng này của mình. Nghĩa là, khi sự việc đạt đến một mức nào đó, tớ không còn biết được khi nào bản thân mình dừng lại và khi nào khả năng hấp dẫn giới tính của mình bắt đầu. Giống như khi nào Olivier[1] ngừng lại và Othello bắt đầu? Vậy nên giữa chừng khi tớ thấy mình không thu được gì từ công sức tớ bỏ ra, tớ tung hê tất cả. Điều này gây rắc rối ọi bên liên quan. Cả cuộc đời tớ cho đến lúc này không là gì ngoài sự lặp lại liên tục điều này.

Nhưng lần này tớ cảm thấy may mắn (thật vậy đó) là tớ không có gì để vứt bỏ cả. Một cảm giác tuyệt vời. Thứ duy nhất tớ có thể vứt bỏ là chính bản thân mình. Vứt bỏ chính bản thân mình không phải là một ý tồi. Không, thế thì nghe chừng có vẻ lâm ly thống thiết quá. Dẫu sao thì bản thân ý tưởng đó không hề lâm ly thống thiết chút nào. Tớ không cảm thấy thương hại chính mình. Chỉ là nghe có vẻ như vậy khi tớ viết ra.

Than vãn và rên rỉ.

Tớ đang kể lể về cái quái gì ấy nhỉ?

Đàn bà, đúng rồi.

Mỗi một người đàn bà đều có một ngăn kéo đánh dấu “đẹp”, chất đủ loại đồ tạp nhạp vô nghĩa. Đó là chuyên môn của tớ. Tớ lôi từng mảnh đồ tạp nhạp ấy ra, phỉu sạch bụi, và tìm một ý nghĩa nào đó cho chúng. Tớ nghĩ đó chính là khả năng hấp dẫn giới tính. Nhưng như vậy thì đã sao nào? Để làm gì cơ chứ? Muốn làm vậy thì không có cách nào khác là phải sống khác với bản thân mình.

Vì vậy giờ đây tớ nghĩ về tình dục một cách thuần túy và đơn giản. Nếu tớ chỉ chú trọng đến tình dục mà thôi thì không cần phải đau khổ về việc liệu tớ có cảm thấy thương hại mình hay không.

Giống như uống bia bên bờ Biển Đen ấy.

Tớ vừa soát lại những gì mình đã viết. Đây đó có đôi chỗ không thống nhất, nhưng theo tiêu chuẩn của tớ thì khá thành thực. Càng thành thực hơn bởi vì nó thật nhàm chán.

Tớ thậm chí có vẻ như không viết là thư này cho cậu. Có lẽ hòm thư cũng xa xôi như ý nghĩ của tớ vậy. Nhưng đừng có giận tớ về việc đó. Mất một tiếng rưỡi đi xe jeep mới đến hòm thư gần nhất.

Từ đây trở đi, lá thư này được gửi cho cậu.

Tớ có hai việc muốn nhờ cậu. Không có việc nào là gấp cả, vì thế cậu có thể giải quyết chúng lúc nào cũng được. Tớ thật sự cảm ơn cậu. Ba tháng trước đây tớ có lẽ đã không thể cho phép mình nhờ vả cậu bất cứ điều gì. Nhưng giờ thì tớ có thể. Vậy là tiến bộ rồi, tớ đoán vậy.

Việc đầu tiên là một lời đề nghị về mặt tình cảm. Có nghĩa là nó liên quan tới “quá khứ”. Năm năm trước khi tớ bỏ thị trấn đi, tớ ra đi vội vã lộn xộn quá, tớ quên không nói lời từ biệt đến một số người. Cụ thể là, cậu và anh J và một người phụ nữ cậu không biết. Tớ cho là tớ có thể trực tiếp gặp cậu để nói lời từ biệt, nhưng với hai người kia tớ biết tớ sẽ không bao giờ có cơ hội. Vì thế nếu cậu có bao giờ trở lại nơi đó, cậu có thể tạm biệt họ hộ tớ được không.

Tớ biết đó là một lời đề nghị ích kỷ. Tớ nên tự mình viết thư cho họ. Nhưng nói thật nhé, tớ thà để cậu trở lại đó và thay mặt tớ thăm họ. Tớ biết là cảm xúc của mình sẽ được diễn tả rõ ràng hơn theo cách đó. Tớ gửi kèm theo đây địa chỉ và số điện thoại của cô ấy. Nếu cô ấy đã chuyển đi hoặc giờ đã lấy chồng, không sao cả, cậu không phải đến gặp cô ấy. Thôi cứ để mặc thế. Nhưng nếu cô ấy vẫn ở địa chỉ cũ, chuyển lời hỏi thăm của tớ đến cô ấy.

Và nhớ chuyển lời hỏi thăm của tớ đến anh J nữa nhé. Hãy uống một ly bia cho tớ.

Đó là một việc.

Việc thứ hai muốn nhờ cậu có lẽ hơi kỳ quặc một chút.

Tớ gửi kèm theo đây một bức ảnh. Một bức ảnh cừ. Tớ muốn cậu đặt nó ở một nơi nào đó, tớ không quan tâm nơi nào, miễn là một chỗ người ta có thể thấy nó. Tớ nhận thấy mình đề nghị cậu điều này khá đường

đột, nhưng tớ không còn ai để mà nhờ. Tớ sẽ cho cậu hết đến từng gam hấp dẫn giới tính cuối cùng của tớ nếu cậu giúp tớ chuyện này. Tuy vậy, tớ không thể nói cho cậu lý do tại sao. Bức ảnh này quan trọng đối với tớ. Một lúc nào đó sau này, tớ sẽ giải thích mọi việc với cậu.

Tớ kèm theo một tấm séc. Hãy dùng nó cho bất kỳ khoản chi phí nào. Cậu không phải lo chuyện tiền nong. Tớ thậm chí còn thấy khó mà tiêu tiền ở đây, với lại dù sao thì lúc này chuyện đó nằm trong giới hạn những điều tớ có thể làm cho cậu.

Nhớ là đừng quên uống một ly bia cho tớ.

Bạn cậu,

Chuột

Tôi tìm thấy bức thư trong hộp thư khi rời căn hộ và đọc nó tại bàn làm việc ở văn phòng.

Dấu bưu điện bị xóa không đọc nổi. Tôi xé phong bì. Bên trong là một tấm séc một trăm ngàn yên, một mẫu giấy đề tên và địa chỉ của một người phụ nữ, và một bức ảnh đen trắng chụp cừu. Bức thư được viết trên giấy viết thư xanh lá cây nhạt cùng loại với lá thư trước và tấm séc được rút ra từ một ngân hàng ở Sapporo. Điều đó có nghĩa là Chuột đã tiến xa hơn về phía Bắc Hokkaido.

Đoạn thư nói về tuyết lở không khiến tôi để ý, nhưng như Chuột đã nói, bức thư cho tôi cảm giác đó là một bức thư thành thật. Ngoài ra, không ai lại gửi một tấm séc một trăm ngàn yên để đùa cả. Tôi mở ngăn kéo bàn rồi quẳng thư từ và mọi thứ vào.

Có thể vì cuộc hôn nhân của tôi lúc bấy giờ đang tan vỡ nên mùa xuân năm ấy không đem lại cho tôi niềm vui nào. Vợ tôi không về nhà đã bốn ngày rồi. Bàn chải đánh răng của cô ta bên chậu rửa đóng bánh và nứt như một mảnh hóa thạch. Sữa trong tủ lạnh bốc mùi chua, và con mèo lúc nào cũng đói. Mùa xuân rót thứ ánh nắng lờ mờ vào khung cảnh này. Ít ra là ánh mặt trời lúc nào cũng không mất tiền mua.

Một ngõ cụt kéo dài thăm thẳm – có lẽ đó chính là thứ mà cô ta muốn nói.

Chú thích

[1] Diễn viên, đạo diễn sân khấu người Anh, nổi tiếng với các vai diễn trong kịch Shakespears như Othello và Richard III.

16. Phần V - Chương 15

Chương 15: Bài Hát Đã Chấm Dứt

Tôi về quê vào tháng Sáu.

Tôi bịa ra lý do để xin nghỉ ba ngày và bắt chuyến tàu siêu tốc sớm thứ Ba. Áo thể thao ngắn tay màu trắng, quần cotton xanh lá cây đã sờn nơi đầu gối, giày thể thao trắng, không hành lý. Tôi thậm chí quên cả cạo râu sau khi thức dậy sáng hôm ấy. Đó là lần đầu tiên sau nhiều năm tôi đi giày thể thao và gót giày mòn vẹt do bị uốn cong. Tôi hẳn đã luôn đi lệch trọng tâm mà không hề hay biết.

Đi một chuyến tàu xa không mang theo hành lý cho tôi một cảm giác vui vẻ. Như thể trong khi đi tản bộ thư giãn, tôi bỗng nhiên như một chiếc máy bay ném bom bỏ nhào bị mắc vào trạng thái sai lệch không gian-thời gian. Ở đó không có gì hết: không cuộc hẹn với nha sĩ, không vấn đề tồn đọng trong ngăn bàn, không quan hệ con người phức tạp không thể thoát ra, không yêu cầu nhờ vả. Tôi đã để thứ đó lại phía sau, một cách tạm thời. Tất cả những gì tôi có là giày thể thao với gót cao su vẹo vọ không ra hình thù gì. Chúng bám chặt vào chân tôi như những kỷ niệm mơ hồ của một không gian-thời gian khác. Nhưng điều đó hầu như không quan trọng. Một lon bia và bánh mì kẹp thịt xông khói khô như ngói có thể làm tôi gạt bất kỳ chuyện gì ra khỏi tâm trí.

Đã bốn năm rồi. Bốn năm trước, tôi về thăm nhà là để giải quyết giấy tờ liên quan đến hộ khẩu khi tôi kết hôn. Nghĩ lại mới thấy thật là một chuyến đi vô nghĩa! Dù ai khác có nghĩ thế nào thì tất cả chỉ là chuyện giấy tờ. Rốt cuộc cũng chỉ là thế mà thôi. Những gì là kết thúc với người này lại không phải đã chấm hết với người kia. Đơn giản vậy đấy. Sau đó, con đường lại rẽ làm hai nhánh khác nhau.

Từ điểm đó trở đi, tôi không còn quê hương nữa. Không có nơi đâu để trở về. Thật nhẹ cả người! Không ai muốn tôi, không ai muốn gì ở tôi.

Tôi làm một lon bia nữa và tranh thủ chớp mắt ba mươi phút. Khi tôi thức dậy, cái cảm giác nhẹ nhõm vô tư lúc đầu tan biến. Tàu vẫn chạy, và trong lúc đó, bầu trời trở nên xám xịt. Dưới bầu trời ấy trải dài một khung cảnh nhàm chán đơn điệu. Cho dù chúng ta có tăng tốc độ lên bao nhiêu, sự đơn điệu vẫn không trốn đi đâu được. Ngược lại, tốc độ càng tăng, càng tiến gần đến sự đơn điệu. Đó, bản chất của sự đơn điệu là thế đó.

Ngồi cạnh tôi là một tay doanh nhân trạc hai mươi hai sáu tuổi, mê mải đọc báo, hầu như không động đậy trong ngần ấy thời gian. Com lê mùa hè màu xanh nước biển, không một vết nhăn. Áo sơ mi trắng hồ cứng, vừa lấy từ tiệm giặt là về. Giày đen bóng lộn.

Tôi ngược nhìn trần toa tàu và hút một điếu thuốc. Tôi nhắm liệ kê trong đầu tất cả các bài hát của Beatles đã từng ghi âm. Đến bảy mươi ba tựa đề thì tôi không còn nghĩ thêm được gì nữa. Tôi tự hỏi liệu Paul McCartney có thể nhớ được bao nhiêu bài. Tôi nhìn chăm chăm ra ngoài khung cửa sổ một lúc, rồi lại nhìn lên trần toa tàu.

Tôi lại về đây, quê hương. Thời gian trôi đi nhanh quá. Đã một thập kỷ kể từ hồi tôi sống ở đây. Một khoảng trống to tướng. Tôi đã không rút ra được điều gì có giá trị từ đó, tôi đã không làm được điều gì có ý nghĩa. Hoàn toàn là một sự đơn điệu.

Mọi thứ trước đó thế nào? Chắc chắn là phải có một điều gì đó tích cực. Phải chăng đã có điều gì đó thật sự làm tôi cảm động, điều gì đó thật sự làm ai đó cảm động? Có lẽ là có, nhưng tất cả giờ đây đã không còn nữa. Đã biến mất, có lẽ trời sắp đặt cho biến mất. Tôi không thể làm gì được, đành phải để chuyện đó trôi đi.

Ít ra thì tôi vẫn còn đây. Nếu người da đỏ tốt bụng duy nhất đã chết, số phận tôi buộc tôi phải sống.

Để làm gì chứ?

Để kể chuyện ột bức tường đá ư?

Thật vậy, lúc này đây.

“Tại sao chú lại ở khách sạn?” J nhăn mặt hỏi khi đưa tôi bao diêm. “Chú có nhà ở đây cơ mà? Sao chú không ở đó?”

“Không còn là nhà của em nữa rồi,” tôi nói.

J không nói gì về điều đó.

Trước mặt tôi bày ba đĩa đồ ăn nhẹ, tôi uống nửa vại bia của mình, rồi lôi bức thư của Chuột ra đưa cho J. Anh chìa tay lên một chiếc khăn, đọc qua hai lá thư thật nhanh trước khi cẩn thận đọc lại, từng từ một.

“Hừm, cái thằng ấy vẫn vui sống khỏe ra phết nhỉ?”

“Nó vẫn sống, thế thôi,” tôi nói, làm một ngụm bia nữa. “Nhưng anh biết đấy, trước khi em làm bất cứ điều gì, em phải đi cạo râu đã. Anh cho em mượn con dao cạo và kem cạo râu được không?”

“Có đấy,” J nói, mang ra một bộ dao cạo du lịch từ sau quầy. “Chú có thể dùng nhà vệ sinh, nhưng không có nước nóng đâu.”

“Nước lạnh cũng được mà,” tôi nói. “Chùng nào không có một cô say khướt nằm sóng soài trên sàn nhà. Như thế cạo râu cũng khó.”

J’s Bar đã hoàn toàn thay đổi.

Quán bar cũ là một chốn ẩm ướt trong tầng hầm một tòa nhà cũ cạnh đường cao tốc. Vào những đêm mùa hè với máy điều hòa chạy suốt, một làn sương mỏng tích tụ lại. Sau một châu say bí tỉ, thậm chí cả áo sơ mi cũng sẽ ẩm.

Tên thật của J là một từ tiếng Hoa đa âm tiếng không thể phát âm nổi. Cái tên lóng J được một vài gã lính Mỹ trên căn cứ gán cho khi anh làm việc ở đó sau chiến tranh. Người ta nhanh chóng quên bống tên thật của anh.

Năm 1954, J bỏ việc ở căn cứ quân sự mà mở một quán bar nhỏ. J's Bar đầu tiên. Quán kinh doanh khá thành công. Phần lớn khách hàng đến từ trường sĩ quan không quân, và bầu không khí không đến nỗi nào. Sau khi mở quán, J lấy vợ, nhưng năm năm sau đó vợ anh qua đời. J không bao giờ nhắc đến nguyên nhân cái chết của vợ.

Năm 1963, khi Chiến tranh Việt Nam bắt đầu leo thang, J bán quán bar và chuyển đến thị trấn quê tôi. Ở đó anh mở J's Bar thứ hai.

Anh nuôi một con mèo, hút một bao thuốc mỗi ngày, không bao giờ động đến một giọt rượu. Đó là tất cả những gì tôi biết về J.

Cho đến khi tôi gặp Chuột, tôi luôn đến J's Bar một mình. Tôi uống từng hớp bia một cách chậm rãi, hút thuốc, và nhét xu vào chiếc máy hát tự động. Đây là lúc quán bar của J thường vắng khách, thế là tôi ngồi ở quầy nói đủ thứ chuyện với J, mặc dù chuyện gì thì tôi không nhớ chính xác. Liệu một thằng học sinh trung học mười bảy tuổi nhút nhát và một gã đàn ông Tàu góa vợ có thể nói với nhau chuyện gì?

Khi tôi mười tám tuổi và rời thị trấn, Chuột xuất hiện và thế chỗ của tôi ở quầy bar ngồi uống bia. Năm năm trước, khi Chuột rời thị trấn, không ai thế chỗ của hắn. Sáu tháng sau, khi người ta mở rộng đường, J lại phải đổi quán, và J's Bar thứ hai chỉ còn là truyền thuyết.

J's Bar thứ ba cách đó khoảng gần nửa cây số, cạnh bờ sông. Nó không lớn hơn chỗ cũ là mấy, nhưng nó nằm ở tầng ba một tòa nhà bốn tầng mới xây có cả thang máy. Đi thang máy lên J's Bar khiến tôi có cảm giác mình bị lộn địa chỉ. Cũng giống như lúc ngồi quầy bar mà chiêm ngưỡng những thị trấn lên đèn.

Quán mới này có cửa sổ lớn ở hướng Tây và Nam, trông ra dãy đồi và khu vực từng là biển. Cách đây vài năm bờ biển đã được san lấp, và cả một cây số rưỡi giờ đây đầy những nhà cao tầng trông như hàng bia mộ.

“Chỗ kia từng là nước,” tôi nói.

“Đúng thế,” J nói.

“Em từng đi bơi nhiều lần ở đó.”

“Ừ,” J nói, đoạn đưa một chiếc bật lửa không nhãn hiệu châm điếu thuốc trên môi, “họ san phẳng dãy đồi để dựng nhà, chở đất ra san lấp biển và xây ở đó nữa. Thế là họ cứ nghĩ rằng như thế là ổn thỏa và đúng đắn.”

Tôi uống bia của mình. Loa trên trần nhà đang phát một bản nhạc ăn khách mới nhất của Boz Scaggs. Tôi không thấy một máy hát tự động nào. Hầu hết khách hàng ở đây là các cặp sinh viên đại học, ăn mặc chỉnh tề và lịch sự uống whisky pha soda. Không cô nào sắp sửa say đến mức bất tỉnh không biết đến trời đất gì, không có các cuộc ẩu đả kịch liệt sắp nổ ra. Người ta có thể đoán được là khi về nhà họ sẽ mặc quần áo ngủ, đánh răng, lên thẳng giường. Điều đó không có gì là sai. Dễ chịu và chỉnh tề thì tuyệt vời. Không có gì trong quán bar hay trong thế giới rộng lớn kia nói là mọi thứ phải theo một quy cách nhất định.

J không rời mắt khỏi tôi trong suốt quãng thời gian ấy.

“Vậy là, mọi thứ khác đi và chú cảm thấy lạc lõng?”

“Không hẳn vậy,” tôi nói. “Chỉ là sự hỗn loạn đã thay đổi hình dạng. Hươu cao cổ và gấu đối mủ cho nhau, và gấu đối khăn cho ngựa vằn.”

“Vẫn như ngày nào,” J cười.

“Thời thế đã thay đổi,” tôi nói. “Nhiều thứ đã thay đổi. Nhưng điều quan trọng là, vậy cũng tốt. Mọi người đều đổi chỗ. Không phàn nàn.”

J không nói gì.

Tôi làm một cốc bia nữa, J hút một điếu thuốc nữa.

“Cuộc sống của chú ra sao rồi?” J hỏi.

“Không đến nỗi nào.”

“Vợ chú thế nào rồi?”

“Em thật sự không biết. Anh biết chuyện hai người thì như thế nào rồi đấy. Có những lúc em nghĩ mọi thứ đều ổn và có những lúc em không nghĩ vậy. Có lẽ đó mới thật sự là cuộc sống vợ chồng.”

“Ồ có thể vậy lắm,” J nói, lấy ngón tay út gãi gãi lên chóp mũi. “Anh quên mất cuộc sống vợ chồng là như thế nào. Đã lâu quá rồi.”

“Con mèo thế nào rồi?”

“Chết bốn năm trước. Ngay sau khi chú lấy vợ. Bệnh đường ruột... Nhưng thật tình, nó đã hưởng một cuộc sống lâu dài dễ chịu. Sống mười hai năm. Lâu hơn cả quãng thời gian anh và vợ anh sống cùng nhau. Mười hai năm không phải là một cuộc sống nhỏ nhoi tồi tệ, phải vậy không?”

“Chắc là không rồi.”

“Có một cái nghĩa trang dành cho thú vật trên đồi, thế là anh chôn nó ở đó. Trông ra mấy tòa nhà cao tầng. Quanh đây chỗ nào cũng chỉ thấy toàn nhà cao tầng thôi. Nói thế không phải điều đó có ý nghĩa gì đối với một con mèo.”

“Anh buồn chứ?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng không phải buồn nếu có người nào chết. Nghe có buồn cười không?”

Tôi lắc đầu.

J chuẩn bị pha một ly cocktail cầu kỳ nào đó và một đĩa xa lát kiểu Caesar cho khách hàng. Trong lúc ấy, tôi nghịch trò ghép hình kiểu Scandinavi trên quầy. Người ta phải ghép một bức tranh có ba con bướm bay trên cánh đồng cỏ ba lá, tất cả bên trong một chiếc hộp thủy tinh. Tôi bỏ dở sau mười phút và đặt trò chơi ghép hình sang một bên.

“Không con cái gì à?” J quay lại hỏi tôi. “Chú đang bước sang cái tuổi phù hợp để có con đấy, chú biết không.”

“Em không muốn có con.”

“Thế à?”

“Ý em là người như em thì biết làm gì nếu có con chứ.”

J cười khùng khục và rót thêm bia vào ly của tôi. “Chú lúc nào cũng nghĩ xa.”

“Không, không phải thế. Ý em là, em thật sự không biết đó có phải là việc nên làm không, sản sinh ra một cuộc sống mới. Tụi trẻ lớn lên, các thế hệ nối tiếp. Tất cả những thứ đó dẫn đến cái gì? Nhiều quả đồi sẽ bị san phẳng và nhiều bãi biển sẽ bị san lấp? Xe ô tô chạy nhanh hơn và nhiều mèo bị xe cán hơn? Ai cần đến thứ đó?”

“Đó là mặt trái của vấn đề. Những điều tốt đẹp cũng xảy ra đấy chứ, những người tốt có thể làm mọi thứ có ý nghĩa.”

“Thế hả? Anh liệt kê ba điều xem nào,” tôi nói.

J nghĩ một lúc, rồi cười. “Điều đó là để cho thế hệ con cháu quyết định, không phải chú. Thế hệ chú...”

“Đã qua và đã hết thời?”

“Theo một nghĩa nào đó,” J nói.

“Bài hát đã chấm dứt. Nhưng giai điệu vẫn còn vang vọng.”

“Chú lúc nào cũng có cách diễn đạt mọi thứ rất riêng.”

“Chỉ là làm màu thôi mà,” tôi nói.

Lúc chín giờ, J's Bar bắt đầu đông khách, vì thế tôi tạm biệt J rồi rời quán. Mặt tôi vẫn còn ngứa ngứa ở những chỗ tôi đã cạo râu bằng nước lạnh. Có thể vì tôi đã vã nước chanh pha vodka thay vì kem cạo râu. J nói là như thế cũng đạt kết quả tương tự, nhưng giờ đây cả mặt tôi bốc đầy mùi vodka.

Đêm ẩm một cách bất ngờ, mặc dù bầu trời vẫn đầy mây u ám như thường. Một cơn gió ẩm ướt chậm rãi và dễ chịu thổi từ hướng Nam tới. Vẫn như ngày trước. Hương vị biển trộn lẫn với một chút mùi mưa. Côn trùng kêu râm ran từ những lùm cỏ dọc bờ sông. Mọi thứ đều ngập tràn nỗi niềm hoài cổ tri tri. Đường như trời có thể mưa bất kỳ lúc nào. Và mưa thật, mưa đổ giọt rích rích nhẹ đến nỗi người ta không thể biết được trời có mưa hay không, nhưng dù sao mình mấy tôi vẫn ướt sũng.

Tôi hoàn toàn có thể nhìn ra con sông đang cuộn chảy trong làn ánh sáng trắng của ngọn đèn đường hơi thủy ngân. Nước trong như vẫn luôn vậy. Nước chảy thẳng từ trên đồi, không có gì làm nó ô nhiễm dọc đường đi. Dòng sông bị sỏi và những tảng đá nhỏ cuốn từ trên đồi xuống chặn nghẽn lại, tạo nên những dòng thác nhỏ đó đây. Dưới mỗi dòng thác hình thành một vũng sâu nơi những con cá nhỏ quần tụ.

Vào những khi khô hạn, cả dòng sông thường khô cạn thành lòng sông đầy cát, chỉ để lại một vệt trắng hơi ẩm ướt. Nhiều năm trước, khi đi dạo, tôi đi ngược dòng theo vệt đó, truy tìm nơi dòng sông đã qua.

Con đường dọc bên sông là một trong những thứ tôi yêu nhất. Tôi có thể đi bộ nhanh ngang vận tốc của dòng sông. Tôi có thể cảm thấy dòng sông thở. Dòng sông sống. Hơn hết thấy, đó là dòng sông chúng tôi phải mang ơn vì nó đã tạo nên thị trấn này. Vì đã bào mòn ngọn đồi trong không biết bao nhiêu trăm ngàn năm, vì đã chở đất, vì đã lấp biển, và khiến cây cối sinh sôi. Thị trấn thuộc về dòng sông từ ngay lúc ban đầu, và sẽ muôn thừa như vậy.

Vì lúc bấy giờ là mùa mưa, dòng sông không ngừng chảy ra biển. Cây cối trồng dọc bên bờ tỏa hương, đậm chồi nảy lộc. Cả một màu xanh bao trùm khắp không gian. Từng đôi trai gái tay trong tay tản bộ, các cụ già dắt chó đi dạo, đám học sinh trung học tụ tập quanh xe máy hút thuốc. Một buổi tối đầu hè điển hình.

Tôi dừng ở một tiệm bán rượu, mua hai lon bia, đứng trong một túi giấy rồi đi ra biển. Nơi dòng sông hòa với biển nay trở thành một con lạch, hay đúng hơn là một kênh đào bị lấp một nửa. Đây là dải bờ biển duy nhất còn sót lại nguyên vẹn, khoảng bốn mươi lăm mét. Thậm chí còn có dấu hiệu của bãi biển ngày xưa. Từng đợt sóng nhỏ vỗ bờ để lại những mảnh gỗ trôi dạt trơn mượt. Trên đê chắn sóng bê tông, những mẫu đinh cũ và hình vẽ phun sơn vẫn còn.

Bốn mươi lăm mét bờ biển thật sự. Nếu người ta bỏ qua thực tế là nó bị bao quanh bởi bức tường bê tông cao hơn chín mét. Và bức tường ấy tiếp tục chạy thẳng mấy cây số nữa, ôm chặt lấy biển. Rồi các tòa nhà cao tầng đứng xếp hàng hai bên. Bốn mươi lăm mét bờ biển. Phần còn lại đã trở thành quá khứ.

Tôi rời dòng sông và đi bộ theo hướng Đông dọc theo nơi từng là đường bờ biển. Thật đáng ngạc nhiên, con đê chắn sóng cũ vẫn còn đó. Một con đê chắn sóng mà không có biển thì quả thực là một thứ kỳ cục. Tôi dừng ở đúng điểm nơi tôi thường đậu xe để nhìn ra biển, đi lại ngồi trên con đê chắn sóng và uống một lon bia. Thật là một cảnh ấn tượng! Thay vì biển, một dải đất mới lấp rộng mênh mông và các khu nhà ở đập vào mắt tôi. Những khối nhà vô diện mạo, nền tảng đáng thương của nỗ lực xây dựng một khu dân cư.

Những con đường rải nhựa len lỏi qua các khu nhà, chỗ này là bãi đậu xe, chỗ kia là bến cuối xe buýt. Một trạm xăng rồi một công viên lớn rồi một trung tâm cộng đồng tuyệt vời. Tất cả đều mới toanh, tất cả đều không tự nhiên. Ở một bên, hàng đồng đất chõ từ trên đồi xuống để lấp biển hiện ra lù lù tàn nhẫn xám xịt cạnh khu vực vốn không nằm trong cái kế hoạch vĩ đại ấy và bị cô đại bến rẽ nhanh chóng lấn chiếm. Ở bên kia, những hàng cây và thảm cỏ bé tí ngu ngốc mà người ta trồng cây vào đang cố hết sức để hòa nhập vào khung cảnh...

Thật buồn nôn.

Nhưng biết nói gì hơn đây? Nó là cả một trò chơi mới được chơi theo luật mới. Không ai có thể chặn nó lại.

Tôi uống nhanh hai lon bia và ném mạnh hai chiếc lon rỗng qua dải đất mới lấp, về phía nơi từng là biển. Tôi nhìn chúng biến mất vào trong rừng cỏ dại dạt theo hướng gió thổi. Rồi tôi hút một điếu thuốc.

Tôi đang rít hơi cuối cùng thì bỗng thấy một người đàn ông tay cầm đèn pin tiến về phía tôi. Khoảng bốn mươi tuổi, áo xám, quần xám, mũ xám. Có lẽ là một người bảo vệ khu vực.

“Cậu vừa mới quăng một cái gì đó, đúng không?” người đàn ông nói.

“Đúng, tôi quăng một thứ.”

“Cậu quăng cái gì?”

“Vật tròn, bằng kim loại, có nắp.”

Người bảo vệ mang một bộ mặt cau kính. “Tại sao cậu quăng chúng đi?”

“Không vì lý do đặc biệt nào. Tôi đã quen quăng đủ thứ từ mười hai năm trước. Có lúc tôi quăng cả nửa tá một lúc mà không ai nói một lời nào.”

“Đó là trước đây,” người bảo vệ nói. “Nơi đây bây giờ là đất của thành phố, vứt rác lên đất của thành phố là vi phạm luật pháp.”

Tôi nuốt nước bọt. Trong thoáng chốc, một cái gì trong tôi run rẩy, rồi ngừng lại. “Vấn đề thật sự ở đây là,” tôi nói, “điều ông nói có lý.”

“Đó là luật,” ông ta nói.

Tôi thở dài rồi lôi bao thuốc trong túi ra.

“Vậy tôi nên làm gì?”

“Thôi, tôi không thể yêu cầu cậu nhặt chúng lên được. Trời tối quá và lại sắp mưa. Vậy nên làm ơn đừng vứt thứ gì nữa.”

“Tôi sẽ không vứt gì nữa,” tôi nói. “Tạm biệt.”

“Tạm biệt,” người bảo vệ nói rồi đi mất.

Tôi duỗi chân duỗi tay trên con đê chắn sóng và ngược nhìn bầu trời. Như người đó nói, trời sắp mưa. Tôi vừa hút một điếu thuốc nữa vừa nghĩ ngợi về cuộc chạm trán với người bảo vệ. Nếu là mười năm trước, tôi đã tỏ ra cứng rắn hơn. Mà có lẽ không. Dù sao thì cũng khác gì kia chứ?

Tôi quay lại con đường bên sông, và lúc tôi bắt được taxi thì mưa đã rơi lác đác. Cho về khách sạn, tôi nói.

“Cậu đến đây du lịch à?” người lái xe già hỏi.

“À há.”

“Lần đầu tiên đến mấy khu này à?”

“Lần thứ hai,” tôi nói.

17. Phần V - Chương 16

Chương 16: Cô Ta Uống Một Ly Salty Dog, Nói Chuyện Về Tiếng Sóng

“Tôi có thư cho cô,” tôi nói.

“Cho tôi ư?” cô ta nói.

Đường dây trực trực, vì thế chúng tôi gần như phải hét lên, một việc không có ích lắm cho việc truyền tải những cung bậc tình cảm tinh tế. Giống như nói chuyện trên một quả đồi lộng gió qua cổ áo bẻ dựng lên.

“Thật ra thì thư đề tên tôi, nhưng dường như nó được dành cho cô thì đúng hơn.”

“Dành cho tôi sao?”

“Vâng, đúng thế,” tôi nói. Ngay sau khi nói câu đó, tôi biết cả cuộc trao đổi ngốc nghếch này sẽ không nhanh chóng đi đến đâu cả.

Cô ta không nói gì một lát. Trong khi đó đường dây rõ dần lên.

“Tôi không biết chuyện gì đã diễn ra giữa cô và Chuột. Nhưng cậu ấy có nhờ tôi đến gặp cô, cho nên tôi mới gọi cô. Ngoài ra, tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu cô đọc thư cậu ấy.”

“Và đó là lý do tại sao anh lặn lội từ Tokyo đến đây?”

“Đúng vậy.”

Cô ta húng hắng ho, xin lỗi rồi nói, “Vì anh ấy là bạn anh?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Anh có biết tại sao anh ấy không viết trực tiếp cho tôi không?”

Cô ta nói có lý.

“Tôi không biết,” tôi nói một cách thành thực.

“Tôi cũng không biết. Ý tôi là, tôi nghĩ mọi thứ đã kết thúc. Có đúng vậy không?”

Tôi không biết và tôi nói với cô ta thế. Tôi nằm trên giường khách sạn, ống nghe trên tay, mắt nhìn lên trần nhà. Tôi có thể đang nằm dưới đáy đại dương đếm cá, tôi nghĩ. Liệu tôi phải đếm bao nhiêu con thì mới có thể nói là đã xong?

“Anh ấy biến mất năm năm trước. Tôi lúc đó hai mươi bảy tuổi,” cô ta nói, giọng xa xăm nghe như tiếng vọng từ đáy giếng. “Nhiều thứ có thể thay đổi trong năm năm.”

“Đúng thế,” tôi đáp.

“Và thật sự là, ngay cả khi không có điều gì thay đổi, tôi cũng không nhìn sự việc theo cách ấy. Tôi không muốn chấp nhận điều đó. Nếu vậy tôi sẽ không thể vác mặt đi đâu hết. Vậy là với riêng tôi, mọi thứ hoàn toàn thay đổi.”

“Tôi nghĩ là tôi hiểu,” tôi nói.

Một khoảng im lặng ngắn ngủi bao trùm lên chúng tôi.

Chính cô ta là người phá vỡ sự yên lặng. “Lần cuối anh gặp anh ấy là lúc nào?” cô hỏi.

“Mùa xuân, năm năm trước, ngay trước khi cậu ấy bỏ đi.”

“Và anh ấy có nói gì với anh không? Ý tôi là tại sao anh ấy lại rời thị trấn...?”

“Không.”

“Vậy là anh ấy đi mà cũng không báo trước cho anh?”

“Đúng thế.”

“Và anh nghĩ sao? Ý tôi là, ngay lúc đó.”

“Về việc cậu ấy bỏ đi như thế ư?”

“Vâng.”

Tôi ngồi thẳng dậy rồi tựa lưng vào tường. “À, tôi cứ nghĩ chắc chắn là cậu ấy sẽ từ bỏ và quay trở lại sau sáu tháng. Tôi chưa bao giờ nghĩ cậu ấy thuộc loại người theo đuổi lâu dài cùng một thứ.”

“Nhưng anh ấy không trở lại.”

“Đúng, cậu ấy không trở lại.”

Có một chút ngập ngừng ở đầu dây bên kia.

“Giờ anh đang nghỉ ở đâu?” cô ta hỏi.

Tôi nói cho cô ta tên khách sạn.

“Tôi sẽ gặp anh ngày mai lúc năm giờ. Quán cà phê trên tầng tám được chứ?”

“Được thôi,” tôi nói. “Tôi sẽ mặc áo thể thao trắng và quần cotton xanh lá cây. Tôi tóc ngắn và...”

“Tôi hình dung ra rồi,” cô ta nói, vui vẻ ngắt lời tôi. Rồi cô ta cúp máy.

Tôi đặt ống nghe xuống. Cô ta muốn nói gì, cô ta hình dung ra được tôi ư? Tôi thì không hình dung ra được, nhưng mà nghĩ lại, có nhiều thứ tôi không biết tí gì. Năm tháng đương nhiên đã chẳng khiến tôi khôn ngoan hơn. Tính cách có thể thay đổi, nhưng sự tầm thường thì không, như một nhà văn Nga đã nói. Người Nga biết cách dùng cách ngôn. Có lẽ họ đã dành cả mùa đông mới nghĩ ra được chúng.

Tôi đi tắm vòi hoa sen, gội mái tóc dầm nước mưa, thế rồi, khăn tắm quấn quanh eo, tôi xem một bộ phim Mỹ cũ trên ti vi nói về tàu ngầm. Cốt truyện có nhiều lỗ hổng, tay thuyền trưởng và thuyền phó liên tục đấu đá nhau. Cái tàu ngầm là một vật cổ lỗ, và có một thằng cha mắc chứng sợ không gian đóng kín. Nhưng tất cả đều không ngăn cản được việc cuối cùng mọi thứ đều kết thúc tốt đẹp. Bộ phim thuộc loại mọi-thứ-đều-kết-thúc-tốt-đẹp-vì-thế-có-lẽ-rót-cuộc-thì-chiến-tranh-không-đến-nỗi-quá-tệ. Một ngày nào đó họ sẽ làm một bộ phim mà cả nhân loại bị hủy diệt trong cuộc chiến tranh hạt nhân, nhưng cuối cùng mọi thứ đều kết thúc tốt đẹp.

Tôi tắt ti vi, trèo vào giường và ngủ thiếp đi sau mười giây.

Năm giờ chiều hôm sau, cơn mưa phùn vẫn chưa dứt. Trước cơn mưa là cả bốn năm ngày bầu trời đầu hè trong lành mát mẻ, khiến mọi người cứ tưởng mùa mưa đã kết thúc. Từ cửa sổ tầng tám, mặt đất trông tối tăm và ẩm ướt đến từng centimet vuông, dòng xe cộ bị nghẽn kéo dài mấy cây số trên làn phía Đông của con đường cao tốc trên cao.

Trong lúc tôi không ngừng nhìn trần trần, mọi thứ bắt đầu tan trong mưa. Trên thực tế, mọi thứ trong thị trấn đang tan ra. Đê chắn sóng, cần trục, các dãy nhà, những thân hình dưới những chiếc ô đen, mọi thứ. Ngay cả cây cỏ cũng đang chảy từ trên đồi xuống. Nhưng khi tôi nhắm mắt trong vài giây rồi mở mắt ra, cả thị trấn lại quay trở về trạng thái ban đầu. Sáu chiếc cần trục sừng sừng trong khối bụi mù mịt, tàu hướng về phía Đông như thể động cơ vừa mới khởi động lại, từng đám ô len lỏi đi tới đi lui qua các dãy phố đầy cửa hiệu, những ngọn đồi xanh thắm đầy mưa tháng Sáu.

Ở khu trung giữa quán cà phê, một phụ nữ mặc váy hồng tươi bên chiếc đại dương cầm màu xanh nước biển đang chơi các bản nhạc trong-quán-cà-phê-khách-sạn tinh tế đầy những hợp âm rải và nhấn lệch. Thật ra thì không tồi, dù không một tiếng vọng nào còn lưu lại trong không gian ngoài nốt cuối cùng của mỗi bản nhạc.

Đã quá năm giờ chiều mà cô ta vẫn chưa tới. Vì không có gì khá hơn để làm, tôi uống một tách cà phê nữa và ngắm người chơi đàn. Cô trạc hai mươi tuổi, mái tóc ngang vai tạo dáng không chê vào đâu được như lớp kem trên mặt bánh. Mái tóc được tạo dáng ấy lắc lư đầy hứng khởi, qua trái rồi qua phải, theo điệu nhạc, rồi vụt trở về vị trí trung tâm khi bản nhạc kết thúc. Rồi bản nhạc tiếp theo bắt đầu.

Cô gái khiến tôi liên tưởng đến một cô bé tôi từng biết hồi học lớp ba, khi tôi đang theo học đàn dương cầm. Cùng tuổi, cùng lớp. Chúng tôi thỉnh thoảng phải chơi đôi với nhau. Nhưng tên và khuôn mặt cô bé, tôi hoàn toàn quên mất. Tất cả những gì tôi nhớ về cô bé là đôi tay xanh xao nhỏ tí xíu, mái tóc đẹp và chiếc váy đầm bồng bênh.

Thật đáng ngại khi nhận ra điều này. Tôi đã tước lột của cô đôi bàn tay, mái tóc và chiếc váy đầm ư? Phần còn lại của cô vẫn còn sống không bị trói buộc ở đâu đó chứ? Tất nhiên, điều này là không thể. Không có tôi thì thế giới vẫn tiếp diễn. Mọi người sang đường mà không hề có sự can thiệp của tôi, gọt bút chì, di chuyển bốn lăm mét một phút từ Tây sang Đông, lấp đầy quán cà phê bằng thứ âm nhạc đã được tinh lọc thành hư không.

“Thế giới” – cái từ luôn khiến tôi liên tưởng đến một con rùa và những con voi đang đỡ một cái đĩa khổng lồ mà không hề biết mệt. Những con voi không hề biết đến vai trò của con rùa, và con rùa không thể trông

thấy những con voi đang làm gì. Và cả voi lẫn rùa đều không hề nhận thức được cái thế giới trên lưng chúng.

“Xin lỗi đã để anh phải đợi,” một giọng phụ nữ vang lên từ phía sau tôi. “Công việc muộn, tôi không thể dứt ra được.”

“Không vấn đề gì. Dù sao thì hôm nay tôi cũng có gì để làm đâu.”

Cô ta đặt chìa khóa lên mặt bàn và gọi một ly nước cam mà không thèm nhìn đến thực đơn. Tuổi cô ta không dễ đoán. Nếu cô ta không nói trước với tôi qua điện thoại, có lẽ tôi sẽ không biết được. Nếu cô ta nói cô ta ba mươi ba tuổi, cô ta hẳn sẽ trông như người ba mươi ba tuổi đối với tôi. Nếu cô ta nói cô ta hai mươi bảy tuổi, cô ta hẳn sẽ trông như người hai mươi bảy tuổi đối với tôi. Nhìn qua thì thế.

Gu ăn mặc của cô ta đơn giản một cách tinh tế. Quần cotton trắng rộng, áo ca rô màu cam và vàng, tay áo xắn đến khuỷu tay, và một chiếc túi khoác vai bằng da. Không có gì mới, nhưng ít nhất là đều được giữ gìn cẩn thận. Cô ta không đeo nhẫn hay dây chuyền hay vòng tay hay khuyên tai. Tóc mái cô ta ngắn và được hất nhẹ sang bên.

Những nếp nhăn nhỏ xíu nơi đuôi mắt cô ta có thể đã nằm sẵn đó từ thuở lọt lòng hơn là dần có cùng với thời gian. Chỉ có cằm cổ trắng trẻo, mảnh mai lộ ra từ cổ áo mở khuy và mu bàn tay cho thấy tuổi cô ta. Mọi người bắt đầu già đi từ sớm, rất sớm. Dần dần nó sẽ làm ra toàn thân như một vết ố không thể tẩy được.

“Loại công việc gì vậy?” tôi đánh bạo hỏi.

“Vẽ phác thảo tại một văn phòng kiến trúc sư. Tôi làm ở đó đã lâu rồi.”

Câu chuyện bị bỏ dở nửa chừng. Tôi chậm rãi lấy ra một điếu thuốc rồi châm hút. Người chơi đàn đã ngừng chơi, đập nắp đàn đi nghỉ giải lao đâu đó. Tôi ghen tị với cô.

“Anh chơi với anh ấy được bao lâu rồi?” cô ta hỏi.

“Mười một năm, chắc vậy. Còn cô?”

“Hai tháng, mười ngày,” cô trả lời ngay. “Từ khi tôi lần đầu gặp anh ấy cho đến lúc anh ấy biến mất. Hai tháng và mười ngày. Tôi nhớ vì tôi ghi nhật ký.”

Nước cam đến và tách cà phê trông trơn của tôi nhanh chóng được dọn đi.

“Tôi đợi ba tháng sau khi anh ấy biến mất. Tháng Mười hai, tháng Một, tháng Hai. Lúc lạnh nhất trong năm. Có lẽ năm đó là năm có mùa đông lạnh?”

“Tôi không nhớ,” tôi nói, dù cái lạnh của mùa đông năm năm về trước dường như mới hôm qua.

“Anh đã bao giờ đợi một người đàn bà như thế chưa?”

“Chưa,” tôi nói.

“Người ta chăm chăm đợi một ai đó và sau một khoảng thời gian thì chuyện gì diễn ra cũng hầu như không quan trọng nữa. Có thể là năm năm hay mười năm hay một tháng. Cũng giống nhau cả thôi.”

Tôi gật đầu.

Cô ta uống nửa ly nước cam.

“Sự việc diễn ra theo cách đó khi tôi mới lấy chồng,” cô ta nói. “Tôi luôn là người phải đợi, cho đến khi tôi mệt mỏi vì chờ đợi, và cuối cùng tôi không còn quan tâm nữa. Lấy chồng lúc hai mươi một tuổi, ly dị lúc hai mươi hai. Sau đó tôi đến đây.”

“Giống như vợ tôi.”

“Giống cái gì kia?”

“Lấy chồng lúc hai mươi một tuổi, ly dị lúc hai mươi hai.”

Cô ta sẫm soi khuôn mặt tôi một lúc. Rồi khuấy nước cam bằng que khuấy. Có vẻ như tôi đã nói ra một cách không cần thiết.

“Khi người ta trẻ, thật khó khi lấy chồng rồi ly dị ngay sau đó,” cô ta nói. “Thực tế là người ta tìm kiếm một điều gì đó hai-chiều và không có thật. Cái đó không bao giờ kéo dài được lâu. Nhưng người ta cũng không thể trông mong một điều không thật lại kéo dài được, đúng không?”

“Chắc vậy.”

Trong vòng năm năm từ lúc tôi ly dị đến khi gặp anh ấy, tôi một thân một mình ở cái thị trấn này. Sống một cuộc sống, xem nào, khá là không thật. Tôi hầu như không biết một ai, hầu như không ra ngoài, không một mối tình vắt vai. Sáng ra tôi thức dậy, đến văn phòng, vẽ các đồ án, ghé qua siêu thị mua sắm trên đường về nhà, rồi ăn tối một mình ở nhà. Tôi nghe đài FM, đọc, viết nhật ký, giặt tất trong buồng tắm. Căn hộ của tôi gần biển, vì thế luôn có tiếng sóng. Nó lạnh lẽo và cô đơn.”

Cô ta uống nốt ly nước cam.

“Có vẻ như tôi đang làm anh chán ngấy.”

Tôi lắc đầu.

Quá sáu giờ. Đèn trong văn mờ bởi lúc này là giờ cocktail. Đèn trong thị trấn bắt đầu nhấp nháy. Đèn đỏ bật sáng trên cần trục. Có thể nhìn rõ những hạt mưa bụi bay bay qua bóng tối đang thâm dần.

“Cô muốn uống chút rượu không?” tôi hỏi.

“Người ta gọi vodka với nước bưởi là gì ấy nhỉ?”

“Là salty dog.”

Tôi vẫy người hầu bàn, gọi một ly salty dog và một ly Cutty Sark pha đá.

“Chúng ta nói chuyện đến đâu rồi?”

“Cuộc đời lạnh lẽo và cô đơn của cô.”

“Xem nào, nếu anh thật sự muốn biết, không phải lúc nào nó cũng lạnh lẽo và cô đơn,” cô ta nói. “Chỉ là tiếng sóng thôi. Chỉ riêng cái đó là đủ khiến mọi thứ trở nên hơi u buồn. Khi tôi dọn đến, người quản lý nói tôi sẽ quen với nó nhanh thôi, nhưng tôi vẫn chưa quen được.”

“Biển không còn đó nữa.”

Cô ta khẽ mỉm cười. Một chút chuyển động ở những nếp nhăn nơi đuôi mắt cô. “Đúng vậy. Như anh nói, biển không còn đó nữa. Nhưng dù vậy, tôi thề là thỉnh thoảng tôi vẫn còn nghe thấy tiếng sóng. Nó có lẽ đã hằn sâu trong tai tôi qua từng ấy năm.”

“Rồi Chuột xuất hiện.”

“Vâng. Mặc dù tôi chưa bao giờ gọi anh ấy bằng cái tên đó.”

“Vậy cô gọi cậu ấy là gì?”

“Bằng tên anh ấy. Như mọi người khác.”

Họ mang đồ uống ra. Cô ta nhấp một ngụm salty dog rồi lấy khăn ăn lau muối trên môi. Chiếc khăn ăn có chút dấu vết son môi. Rồi cô gấp chiếc khăn có vết son lại một cách khéo léo và đặt xuống.

“Anh ấy, tôi biết nói thế nào nhỉ... còn hơn là phi thực. Anh hiểu tôi muốn nói điều gì chứ?”

“Chắc là hiểu.”

“Tôi đoán phải có một ai phi thực như anh ấy để làm tan vỡ cái sự phi thực nơi tôi. Tôi nhận ra điều đó ngay lần đầu tôi gặp anh ấy. Đó là lý do tại sao tôi thích anh ấy. Hoặc có thể tôi chỉ nghĩ vậy sau khi tôi đã thích anh ấy. Nhưng cách nào thì cũng giống nhau cả thôi.”

Người chơi đàn quay trở lại sau khi nghỉ giải lao và bắt đầu chơi những bản nhạc phim cũ. Hoàn hảo: nhạc nền sai bét ột cảnh sai bét.

“Thỉnh thoảng tôi nghĩ, có lẽ rốt cuộc thì tôi chỉ lợi dụng anh ấy. Và có lẽ anh ấy cảm nhận được điều đó suốt cả thời gian ấy. Anh nghĩ sao?”

“Tôi không biết được,” tôi nói. “Việc đó là giữa cô và cậu ấy.”

Cô ta không nói gì.

Sau hai mươi giây im lặng, tôi nhận ra cô đã hết chuyện để nói. Tôi uống cạn chỗ whisky và lấy trong túi ra mấy bức thư của Chuột, đặt giữa bàn. Chúng nằm ở đó một lúc lâu.

“Tôi có phải đọc thư ở đây không?”

“Xin hãy mang về nhà mà đọc. Nếu cô không muốn đọc, thì muốn làm gì với chúng cũng được.”

Cô ta gật đầu. Cô ấy bức thư vào túi, cài móc lại đánh tách một cái. Tôi châm điếu thuốc thứ hai và gọi một ly whisky nữa. Ly whisky thứ hai luôn là thứ tôi thích nhất. Từ ly thứ ba trở đi, nó không còn vị gì nữa. Nó chỉ là một thứ gì đó để đổ vào dạ dày mà thôi.

“Anh lặn lội từ Tokyo đến đây chỉ vì việc này thôi sao?” cô ta hỏi.

“Gần như vậy.”

“Anh thật tốt quá.”

“Tôi không bao giờ nghĩ về chuyện này theo cách đó. Chỉ là thói quen thôi. Ở hoàn cảnh ngược lại, tôi chắc chắn cậu ấy sẽ làm điều tương tự cho tôi.”

“Anh đã bao giờ nhờ anh ấy trong việc tương tự thế này chưa?”

Tôi lắc đầu. “Chưa, nhưng chúng tôi quen nhau đã khá lâu rồi và cứ áp đặt lên nhau những thứ không có thực. Còn chúng tôi có gắng giải quyết vấn đề một cách thực tế được hay không lại là chuyện khác.”

“Có lẽ không ai có thể.”

“Có lẽ không.”

Cô mỉm cười đứng dậy, lấy nhanh tám hóa đơn. “Chuyện này hãy để tôi. Dù sao thì tôi cũng muộn bốn mươi phút.”

“Nếu cô muốn thì được thôi,” tôi nói. “Nhưng còn một điều, không biết tôi có thể hỏi cô một câu không.”

“Tất nhiên rồi.”

“Trên điện thoại cô nói cô có thể hình dung ra tôi trông như thế nào.”

“Ý tôi là tôi có thể cảm nhận được điều gì đó ở anh.”

“Và thế là đủ để cô nhận ngay ra tôi?”

“Tôi có thể biết được ngay lập tức.”

Mưa vẫn tiếp tục rắc nhẹ. Từ cửa sổ khách sạn, qua bảng hiệu neon của tòa nhà kế bên, hàng trăm ngàn hạt mưa rơi xuống đất qua một màn ánh sáng xanh. Nếu tôi nhìn xuống, mưa dường như rơi thẳng vào một điểm cố định trên mặt đất.

Tôi ngồi phịch xuống giường và hút vài điếu thuốc nữa, rồi gọi lễ tân để đặt vé tàu sáng hôm sau. Tôi không còn gì để làm ở thị trấn này nữa.

Mưa tiếp tục rơi cho đến tận nửa đêm.

18. Phần Vi - Chương 21

CHƯƠNG 21: MỘT TRONG SỐ NĂM NGÀN

Từ quán bar trở về căn hộ của mình, tôi thấy ba bức thư cùng tờ báo buổi tối trong hộp thư. Bản sao kê tài khoản của ngân hàng của tôi, giấy mời đến dự một bữa tiệc hứa hẹn sẽ chẳng ra gì, và thư quảng cáo trực tiếp từ một hãng buôn bán ô tô cũ. Tờ quảng cáo viết thế này: “HÃY LÀM RẠNG RỒ ĐÒI MÌNH – HÃY NÂNG CẤP LÊN MỘT CHIẾC XE HƠI THƯỢNG HẠNG.” Cảm ơn, nhưng mà tôi xin kiêu. Tôi xếp cả ba phong bì lại cùng nhau và xé làm đôi. Tôi lôi chút nước quả ép ra khỏi tủ lạnh và ngồi lại bên bàn ăn. Trên bàn là mẫu giấy nhắn của cô bạn gái: “Em ra ngoài ăn, sẽ quay về lúc 9.30.” Chiếc đồng hồ điện tử trên bàn chỉ 9.30. Tôi nhìn nó chuyển sang 9.31, rồi 9.32.

Khi đã phát chán vì nhìn đồng hồ, tôi cởi quần áo, đi tắm gội. Có bốn loại dầu gội và ba loại dầu xả trong buồng tắm. Mỗi lần đi siêu thị, cô lại tích trữ một thứ gì đó. Hẽ vào buồng tắm là thế nào cũng có một thứ gì đó mới. Tôi đếm được bốn loại kem cạo râu và năm tuyp thuốc đánh răng. Quả là lắm thứ tích trữ. Ra khỏi vòi hoa sen, tôi mặc sang quần soóc chạy bộ và áo phông. Bụi bặm của một ngày kỳ quặc đã không còn. Cuối cùng tôi cũng cảm thấy nhẹ người.

Lúc 10.20 cô trở về với một túi hàng từ siêu thị. Trong túi là ba chiếc bàn chải cạo, một hộp kẹp giấy và một hộp sáu lon bia ướp lạnh. Vậy là tôi lại làm một lon bia nữa.

“Đó là về chuyện con cừu,” tôi nói.

“Em đã nói trước rồi đấy thôi,” cô nói.

Tôi lôi mấy cái xúc xích ra khỏi tủ lạnh, rán qua rồi dọn ra để hai đứa chúng tôi ăn. Tôi ăn ba cái còn cô ăn hai. Một lần gió mát thổi qua ô cửa sổ nhà bếp.

Tôi kể cho cô nghe những gì xảy ra ở văn phòng, kể cho cô về chuyến đi trên chiếc xe limousine, về điện trang, về tay thư ký có đôi mắt lạnh như thép, về khối u máu và con cừu chắc nịch với ngôi sao trên lưng. Tôi cứ kể mãi. Đến lúc tôi nói xong thì đã mười một giờ.

Nghe xong chuyện, cô thậm chí không mấy may ngạc nhiên. Cô lau tai trong cả quãng thời gian lắng nghe, thì thoảng lại ngáp.

“Vậy bao giờ anh đi?”

“Đi đâu cơ?”

“Anh phải đi tìm con cừu, đúng không?”

Tôi ngẩng nhìn cô, cái khoen trên nắp lon bia thứ hai vẫn còn trên ngón tay. “Anh không đi đâu hết,” tôi nói.

“Nhưng mà anh sẽ gặp rắc rối lớn nếu anh không đi.”

“Chả có rắc rối đặc biệt nào hết. Dù sao anh cũng định bỏ công ty từ trước rồi. Lúc nào anh cũng sẽ có khả năng tìm đủ việc để sống qua ngày, cho dù ai có can thiệp đi chăng nữa. Bọn họ sẽ không giết anh đâu. Thật đấy!”

Cô lôi một chiếc tắm bông ngoáy tai ra khỏi hộp và sờ mó nó một hồi. “Nhưng việc đó thật ra hoàn toàn đơn giản. Tất cả những gì anh phải làm là đi tìm một con cừu, đúng không? Chuyến đi sẽ vui mà.”

“Sẽ chẳng tìm được gì đâu. Hokkaido rộng lớn hơn em tưởng nhiều. Còn cừu – để có đến hàng trăm ngàn con ấy chứ. Làm sao người ta tìm ra một con cừu duy nhất ấy được cơ chứ? Việc đó là bất khả. Ngay cả khi con cừu có dấu ngôi sao trên lưng.”

“Năm ngàn con cừu thôi.”

“Năm ngàn con ư?”

“Số lượng cừu ở Hokkaido. Vào năm 1947, có hai trăm bảy mươi ngàn con cừu ở Hokkaido, nhưng nay chỉ còn năm ngàn con.”

“Làm sao em biết được điều ấy?”

“Sau khi anh đi, em đến thư viện kiểm tra thông tin.”

Tôi thốt ra một tiếng thở dài. “Em biết hết mọi thứ, đúng không?”

“Không hẳn vậy. Có nhiều thứ em không biết.”

Tôi khịt khịt mũi, rồi mở lon bia thứ hai để hai chúng tôi uống chung.

“Dù sao đi nữa, chỉ còn năm ngàn con cừu ở Hokkaido thôi. Theo thống kê của chính phủ. Thế nào? Anh thậm chí có cảm thấy nhẹ nhõm chút nào không?”

“Cũng vậy cả thôi,” tôi nói. “Năm ngàn con, hai trăm bảy mươi ngàn con, chẳng khác nhau là mấy. Vấn đề vẫn là đi tìm một con cừu duy nhất trong cái vùng đất bao la ấy. Thêm vào đó, chúng ta chả có lấy một manh mối nào để bắt đầu.”

“Nói chúng ta chả có một manh mối nào là không đúng. Trước hết, có bức ảnh, sau đó có ba ông bạn anh trên đó, đúng không nào? Anh chắc hẳn sẽ tìm ra một điều gì đó không cách này thì cách khác.”

“Nói về manh mối thì cả hai đều quá đỗi mơ hồ. Cái phong cảnh trong bức ảnh chắc chắn là quá bình thường, và em thậm chí không đọc nổi dấu bưu điện trên thư của Chuột!”

Cô uống bia của cô. Tôi uống bia của tôi.

“Anh có thích cừu không?” cô hỏi.

“Thích bình thường.”

Tôi lại bắt đầu thấy rối tung rối mù lên.

“Vội lại,” tôi tiếp tục, “anh đã quyết rồi. Ý anh là không đi đâu hết.” Tôi định thuyết phục chính mình, nhưng ngôn từ thoát ra cứ nghe thế nào ấy.

“Uống cà phê không?”

“Ý hay đấy,” tôi nói.

Cô dọn mấy lon bia và mấy chiếc ly rồi đặt ấm đun nước. Trong khi chờ đợi nước sôi, cô lắng nghe tiếng cat-xet phát ra từ căn phòng khác. Johnny Rivers hát “Midnight Special”, tiếp theo sau là “Roll Over Beethoven”. Rồi “Secret Agent man”. Khi ấm nước reo, cô pha cà phê, hát theo bài “Johnny B. Goode”. Trong cả quãng thời gian ấy tôi đọc báo buổi tối. Một khung cảnh gia đình đáng yêu. Nếu không vì chuyện cừu kiếc này, có lẽ tôi đã thấy rất hạnh phúc.

Trong khi băng chạy, chúng tôi uống café và nhấm nháp vái miếng bánh quy trong im lặng. Tôi quay lại đọc báo buổi tối. Khi đọc xong, tôi lại bắt đầu đọc lại lần nữa. Chỗ này là tin đảo chính, chỗ kia là tin một diễn viên điện ảnh đang hấp hối, chỗ kia nữa là tin một con mèo biết làm trò – chẳng có gì liên quan đến tôi. Chẳng có gì liên quan đến Johnny Rivers, người cứ tiếp tục hát. Khi băng hết, tôi gấp tờ báo và nhìn sang chỗ cô.

“Anh không biết phải làm gì nữa. Có lẽ em đúng khi cho rằng nên làm một điều gì đó còn hơn là không làm gì. Thậm chí nếu kết cuộc có vô ích đi chăng nữa, ít nhất chúng ta cũng đã đi tìm con cừu. Nhưng mặt khác, anh không thích bị người khác ra lệnh, dọa dẫm và sai khiến.”

“Ở một mức độ nào đó, ai cũng bị người khác ra lệnh, dọa dẫm và sai khiến suốt. Có lẽ sẽ chẳng thứ gì tốt hơn để mà mong đợi.”

“Có lẽ là không,” tôi nói, sau khi tạm ngưng một lát.

Cô không nói gì và lại bắt đầu lau tai. Thỉnh thoảng, hai chiếc dải tai mềm mại của cô lại thấp thoáng sau mấy lọn tóc dài.

“Lúc này ở Hokkaido thật đẹp. Không có nhiều khách du lịch, thời tiết lại dễ chịu. Hơn thế nữa, bọn cừu lại được thả ra ngoài. Mùa lý tưởng đấy.”

“Thì chắc vậy.”

“Nếu,” cô bắt đầu, nhai rau rầu miếng bánh cuối cùng, “nấu anh muốn đưa em đi cùng, em chắc chắn sẽ giúp được anh”.

“Tại sao em cứ khẳng khẳng muốn đi tìm con cừu?”

“Tại vì bản thân em cũng muốn được trông thấy con cừu đó.”

“Nhưng tại sao anh phải vất vả đi tìm con cừu khỉ gió này? Và rồi lại còn kéo em vào cái mớ bòng bong này nữa?”

“Em không ngại gì cả. Rắc rối của anh cũng là rắc rối của em,” cô nói với nụ cười thoáng nhẹ dễ thương. “Em phải lòng anh mà.”

“Cám ơn em.”

“Đó là tất cả những gì anh có thể nói sao?”

Tôi đẩy tờ báo ra chỗ góc bàn. Con gió nhẹ thổi qua cửa sổ khiến làn khói thuốc của tôi thoang thoảng đâu đó.

“Nói thật nhé, có điều gì đó trong toàn bộ chuyện này làm anh cảm thấy không ổn. Có cạm bẫy ở đâu đó.”

“Ở đâu kia?”

“Ở mọi thứ, mà lại không phải mọi thứ,” tôi nói. “Toàn bộ chuyện này thật ngớ ngẩn hết chỗ nói, nhưng lại rõ ràng một cách nhức nhối, và bức tranh lại khớp với nhau thật hoàn hảo. Không có cảm giác yên lành chút nào.”

Cô ngừng lại một giây, nhặt chiếc dây thun trên bàn và bắt đầu nghịch sợi dây.

“Nhưng chẳng phải cái anh bạn của anh đã gặp đầy rẫy những rắc rối hay sao? Nếu không, tại sao anh ta lại cất công gửi cho anh cái bức ảnh đó?”

Cô đã khiến tôi không còn nói được vào đâu nữa. Tôi đã bày tất cả các quân bài của mình trên bàn, và chúng đều đã bị chặn. Cô đã nhìn thấu tôi.

“Em thật sự nghĩ chúng ta phải làm việc này. Chúng ta sẽ đi tìm con cừu đó, rồi anh sẽ thấy,” cô nói, cười toe toét.

Cô kết thúc trình tự lau tai và bọc mấy chiếc tăm ngoáy tai vào một tờ giấy để vứt đi. Rồi cô nhặt chiếc dây chun trên bàn và buộc tóc lại sau tai.

“Đi ngủ thôi anh,” cô nói.

19. Phần VI - Chương 22

CHƯƠNG 22: BUỔI PICNIC CHIỀU CHỦ NHẬT

Tôi tỉnh dậy lúc chín giờ trên chiếc giường trống trải. Không giấy nhấn. Chỉ có khăn mùi xoa và chiếc quần lót của cô đang phơi khô trên chậu rửa. Có lẽ là đi ra ngoài ăn, tôi đoán vậy, sau đó là về nhà cô. Tôi lấy nước cam ép từ trong tủ lạnh ra và bỏ bánh mì đã để ba ngày vào lò nướng. Bánh mì có vị như vừa tường.

Qua cửa sổ nhà bếp tôi có thể trông thấy cây trúc quỳ của người hàng xóm. Xa xa, ai đó đang tập đàn. Âm thanh nghe cứ như đi ngược chiều thang cuốn. Trên cột điện thoại, ba con bồ câu béo quay gù gù một cách đầy lơ đãng. Nhất định trong đầu chúng phải đang diễn ra một điều gì đó khiến chúng cứ kêu liên tục như vậy, có thể bị đau vì chai ở chân, ai mà biết được? Theo quan điểm của bồ câu, có lẽ chính tôi mới là kẻ lơ đãng. Trong lúc tôi tọng miếng bánh mì nướng thứ hai xuống thực quản, mấy con bồ câu biến mất, chỉ để lại cột điện thoại và cây trúc quỳ. Đó là vào sáng Chủ Nhật. Mục cuối tuần của báo gồm có một bức ảnh màu hình con ngựa nhảy qua hàng rào. Ngồi dạng chân trên lưng ngựa là một người có nước

da ốm yếu, đội mũ đen, đang ném một cái nhìn đe dọa vào trang báo kể bên, nơi đăng tải một bản miêu tả dài dòng về những thứ nên làm và không nên làm khi trồng hoa lan. Có hàng trăm loài lan, mỗi loài có cả lịch sử riêng. Có người trong hoàng tộc đã chết vì lan. Ở lan toát ra một vẻ chết chóc không thể miêu tả bằng lời. Và bài báo cứ tiếp tục như thế. Về đủ thứ, triết học và số phận.

Giờ khi tôi đã quyết định lên đường đi tìm con cừu, tôi cảm thấy tràn đầy năng lượng và háo hức lên đường. Đó là lần đầu tiên tôi cảm thấy như vậy từ khi tôi bước qua ranh giới rộng lớn ngăn cách với tuổi hai mươi. Tôi xếp bát đĩa vào chậu rửa, ẹo ăn bữa sáng, rồi quay số của người đàn ông mặc lễ đen. Sau sáu hồi chuông, ông ta nhắc máy.

“Tôi hy vọng là tôi không đành thức ông,” tôi nói.

“Không vấn đề gì. Tôi dậy khá sớm,” ông ta nói. “Chuyện gì vậy?”

“Ông đọc tờ báo nào?”

“Tám tờ báo, toàn quốc lẫn địa phương. Nhưng mà báo địa phương phải đến tối mới có.”

“Và ông đọc hết các bào a?”

“Đó là một phần công việc của tôi,” người đàn ông nói một cách kiên nhẫn. “Tờ nào kia?”

“Ông có đọc bào Chủ nhật không?”

“Nếu cần thiết, có,” ông ta nói.

“Ông có thấy bức ảnh con ngựa trong mục cuối tuần không?”

“Có, tôi thấy bức ảnh ngựa,” người đàn ông nói.

“Có vẻ như con ngựa và người cưỡi ngựa đang suy nghĩ về hai điều hoàn toàn khác nhau thì phải?”

Qua ống nghe, một sự yên lặng len lỏi vào trong căn phòng. Không nghe thấy cả đến một hơi thở. Đó là thứ yên lặng đến mức làm đau tai người ta.

“Cậu gọi cho tôi về chuyện này phải không?” người đàn ông hỏi.

“Không, chỉ là chuyện phiếm thôi. Một chủ đề trao đổi nho nhỏ thì không sao cả, phải không?”

“Chúng ta có những vấn đề trao đổi khác. Chẳng hạn như, cừu.” Ông ta hắng giọng. “Xin lỗi cậu, nhưng tôi không có thời gian rảnh rỗi như cậu. Cậu có thể tiến hành nhiệm vụ của cậu càng nhanh càng tốt được chứ?”

“Đó chính là vấn đề,” tôi nói. “Nói một cách đơn giản, kể từ ngày mai tôi sẽ nghĩ đến chuyện lên đường đi tìm con cừu ấy. Tôi đã suy nghĩ nhiều về chuyện này, nhưng cuối cùng thì tôi đã quyết định như thế. Tuy nhiên, tôi chỉ có thể làm việc đó theo tiến độ của chính mình. Khi tôi nói, tôi sẽ nói theo cách tôi muốn. Ý tôi là tôi có quyền nói chuyện phiếm nếu tôi muốn. Tôi không muốn nhất cử nhất động của tôi đều bị theo dõi và tôi không muốn bị những người không danh tính điều khiển. Thế đấy, tôi đã nói xong phần của mình.”

“Cậu rõ ràng là không biết vị trí của mình.”

“Ông cũng không biết vị trí của mình. Giờ thì ông nghe đây, đêm qua tôi đã suy nghĩ kỹ. Và tôi chợt nhận ra. Tôi có thứ gì đâu mà cảm thấy bị đe dọa? Gần như là không có thứ gì cả. Tôi chia tay với vợ, tôi định bỏ việc vào ngày hôm nay, căn hộ của tôi là đi thuê, và tôi không có đồ đạc gì đáng giá để mà phải lo lắng. Còn về mặt tài sản, tôi có lẽ có hai triệu yên tiền tiết kiệm, một cái ô tô cũ và một con mèo già. Quân áo của tôi tất cả đều lỗi mốt, còn đĩa nhạc của tôi đều tự xưa xưa. Tôi chẳng tạo dựng tên tuổi gì ỉnh, không được xã hội tín nhiệm, không hấp dẫn, không tài năng. Tôi cũng không còn trẻ nữa, và tôi luôn nói ra những điều ngốc nghếch mà sau đó tôi thường lấy làm hối hận. Tóm lại, mượn lời của ông, tôi là một kẻ toán hoàn toàn tầm thường. Tôi có gì để mất đâu? Nếu ông có thể nghĩ ra tôi có gì thì nhớ cho tôi hay nhé?”

Một sự yên lặng ngắn ngủi đến ngay sau đó. Trong lúc ngắt quãng ấy, tôi nhặt mấy sợi xơ vải từ một chiếc cúc áo sơ mi và dùng bút bi vẽ mười ba ngôi sao trên một cuốn sổ ghi nhớ.

“Ai cũng có một điều gì đó mà họ không muốn mất,” người đàn ông bắt đầu. “Kể cả chính cậu. Và chúng tôi là những người chuyên nghiệp trong việc tìm ra thứ đó. Con người chắc chắn phải có một trung điểm giữa khát vọng và lòng tự hào. Giống như tất cả sự vật đều phải có trung tâm của trọng lực. Đây là điểm mà chúng tôi có thể chỉ ra. Chỉ khi điều đó mất đi người ta mới nhận ra nó tồn tại.” Ngừng lại. “Nhưng tôi lại cảm đèn chạy trước ô tô mất rồi. Tất cả điều này sẽ tới sau. Hiện tại, hãy cho phép tôi nói rằng tôi không phải không hiểu những gì cậu nói. Tôi sẽ xem xét đòi hỏi của cậu. Cậu có thể làm những gì cậu muốn. Trong vòng một tháng, đã rõ chưa?”

“Rõ,” tôi nói.

“Vây thì, tạm biệt,” người đàn ông nói.

Nói đoạn, điện thoại dập xuống đánh cách một tiếng. Nó để lại một dư vị đắng ngắt, cái tiếng cách nơi ông nghe ấy. Để loại bỏ dư vị đắng ấy, tôi chống đẩy ba mươi lần và tập bụng hai mươi lần, rửa bát đĩa đã dồn lại ba ngày. Mấy việc đó hầu như đem cho tôi cảm giác vui vẻ trở lại. Xét cho cùng thì hôm nay là một ngày Chủ nhật tháng Chín dễ chịu. Mùa hè đã nhạt dần thành một ký ức xa xôi hầu như không thể gọi lại được nữa.

Tôi mặc một chiếc áo sơ mi sạch. Một chiếc quần Levi's không có vết nước sốt cà chua, đi một đôi tất tương xứng. Tôi chải đầu. Mặc dù vậy, tôi không thể nào có lại cái cảm giác tôi từng có vào mỗi sáng Chủ nhật khi tôi mười bảy tuổi. Vây thì điều gì là mới đây? Có lẽ tôi mang dấu ấn của năm tháng mất rồi.

Sau đó tôi lái chiếc xe hiệu Volkswagen gần như một đồng phế liệu ra khỏi bãi đậu xe của khu chung cư, đi tới siêu thị mua một tá thức ăn đóng hộp ẻo, một gói cát để mèo đi vệ sinh, một bộ dao cạo râu du lịch và quần lót. Tại hiệu bánh, tôi ngồi bên quầy vừa ăn một chiếc bánh vòng vị quế vừa uống thứ cà phê vô vị. Bức tường ngay trước quầy bánh là một tấm gương, cho phép tôi diện kiến toàn bộ dung nhan của chính mình. Tôi ngồi đó ngắm nhìn khuôn mặt mình, nửa chiếc bánh ăn dở vẫn còn trên tay. Điều đó làm tôi tự hỏi không biết người khác nhìn tôi như thế nào. Tất nhiên, tôi không có cách nào biết được. Tôi ăn hết chiếc bánh rồi đi.

Có một đại lý du lịch gần nhà ga, tôi đặt hai vé máy bay tới Sapporo ngày hôm sau ở đó. Rồi tôi đi đến dãy cửa hàng trong sân ga để mua một chiếc túi đeo vai bằng vải bạt và một chiếc mũ đi mưa. Cứ mỗi lần như thế tôi lại móc ra một tờ mười ngàn yên từ cuộn tiền trong túi. Cuộn tiền không cho thấy có dấu hiệu vui đi cho dù tôi có tiêu bao nhiêu tờ. Chỉ có tôi là có biểu hiện mệt mỏi. Có loại tiền như thế trên thế gian này. Nó trêu người khiến người ta phải có nó, nó khiến người ta khổ sở khi tiêu nó, và người ta căm ghét chính mình, người ta căm thấy muốn tiêu tiền. Trừ phi không còn tiền để mà tiêu. Và không hy vọng.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế băng trước sân ga và hút hai điếu thuốc, quyết định không nghĩ tới tiền nữa. Khu buôn bán nơi sân ga đầy các gia đình và các cặp nam thanh nữ tú đi chơi sáng Chủ nhật. Hững hờ quan sát tất cả, tôi nghĩ về lời nhận xét của vợ cũ lúc chia tay, rằng lẽ ra chúng tôi nên có con. Chắc chắn ở tuổi tôi có con không phải là điều phi lý, nhưng cái thằng tôi làm bố ư? Trời ạ. Có đứa nhóc nào lại muốn một người bố như tôi?

Tôi hút thêm một điếu thuốc nữa trước khi len lỏi qua đám đông, mỗi tay quàng một túi xách, tới bãi đậu xe của siêu thị. Trong khi cho xe đi sửa, tôi nhảy vào hiệu sách mua ba cuốn sách bìa mềm. Thế là lại đi tong hai tờ mười ngàn yên nữa. Túi tôi đầy áp tiền lẻ.

Khi về nhà, tôi đổ tất cả đám tiền lẻ vào một cái bát thủy tinh và vãi nước lã lên mặt. Từ lúc tôi thức dậy đến giờ đã lâu lắm rồi, vậy mà khi tôi nhìn đồng hồ, vẫn chưa đến trưa.

Lúc ba giờ chiều, bạn gái tôi về. Cô mặc sơ mi kẻ ca rô, quần màu vàng mù tạt và đeo cặp kính râm đen kịt. Cô đeo trên vai một cái túi to bằng vải bạt giống như chiếc túi của tôi.

“Em đã chuẩn bị đồ đạc và sẵn sàng lên đường,” cô nói, vỗ vỗ chiếc túi căng phồng. “Chuyến đi có lâu không anh?”

“Chắc sẽ lâu đấy.”

Cô nằm dài trên cái xô pha cạnh cửa sổ, nhìn chăm chăm lên trần nhà trong khi vẫn đeo kính râm, hút một điếu thuốc lá đinh hương. Tôi lấy chiếc gạt tàn và đến ngồi bên cạnh cô. Tôi vuốt tóc cô. Con mèo xuất

hiện và nhảy lên sô pha, đặt cằm và chân trước lên mắt cá chân của cô. Khi đã hút đủ, cô đặt phần còn lại của điếu thuốc lên môi tôi.

“Em có thích chuyến đi này không?” tôi hỏi.

“À há, rất thích. Đặc biệt vì em được đi cùng anh.”

“Em biết không, nếu không thấy con cừu đó, chúng ta sẽ không còn chỗ nào để mà trở về đâu. Rốt cuộc chúng ta có thể sẽ đi lang thang suốt quãng đời còn lại đấy.”

“Giống như bạn của anh ư?”

“Chắc vậy. Một mặt nào đó, tất cả chúng ta là những người cùng cảnh ngộ. Điều khác biệt duy nhất là anh ấy trốn thoát theo ý của mình còn anh thì bị đập qua đập lại.”

Tôi đặt điếu thuốc lên gạt tàn. Con mèo ngẩng cổ ngáp dài, tôi lại trở về tư thế cũ.

“Anh đã xếp đồ xong chưa?” cô hỏi.

“Chưa, đã bắt đầu xếp đâu. Nhưng anh không có nhiều đồ để mà xếp. Vài bộ quần áo, xà phòng, khăn tắm. Em thật ra không cần đến cả cái túi đó đâu. Nếu cần thứ gì, đến đó em có thể mua. Mình có sẵn tiền mà.”

“Em thích như vậy cơ,” cô nói, lại nụ cười nhỏ nhẹ dễ thương. “Em không có cảm giác mình đang đi du lịch trừ phi kéo lê một cái túi to đùng.”

“Em đang đùa đấy hả...”

Một tiếng chim kêu lạnh lạnh lọt qua ô cửa sổ để mở, âm thanh mà tôi chưa bao giờ nghe trước đó. Một con chim mới của một mùa mới.

Một tia nắng chiều đậu lại trên má cô. Tôi uể oải ngắm một đám mây trắng di chuyển từ bên này thành cửa sổ sang bên kia. Chúng tôi cứ như vậy trong một lúc rất lâu.

“Có chuyện gì không anh?” cô hỏi.

“Anh không biết phải diễn đạt như thế nào, nhưng anh không thể nào nhận thức được rằng hiện tại này thật sự là hiện tại. Hoặc rằng anh chính là anh. Anh vẫn chưa hoàn toàn quen điều đó. Mà lúc nào cũng như thế. Phải rất lâu nữa anh mới quen được. Mười năm qua, cứ như thế suốt.”

“Mười năm ư?”

“Chuyện chưa có hồi kết. Vậy đấy.”

Cô cười rồi bế con mèo lên đặt xuống nền nhà. “Nào anh?”

Chúng tôi làm tình trên sô pha. Một chiếc sô pha cổ lỗ tôi mua tại cửa hiệu bán đồ cũ. Úp mặt lên đó là người ta có thể cảm nhận được mùi của lịch sử. Thân hình mềm mại của cô hòa quyện với cái mùi đó. Nhẹ nhàng và ấm áp như một kỷ niệm mơ hồ. Tôi đưa tay vuốt tóc cô qua một bên và hôn lên tai cô. Mặt đất rung chuyển. Kể từ lúc đó, thời gian bắt đầu chảy như một làn gió nhẹ bình yên.

Tôi cởi hết cúc áo cô và khum khum bàn tay che ngực cô trong khi thưởng ngoạn thân hình ấy.

“Giờ mới cảm thấy thật sự là mình đang sống,” cô nói.

“Em ư?”

“Ừmm, thân thể em, toàn bộ bản thân em.”

“Anh cũng thế,” tôi nói. “Thật sự đang sống.”

Yên tĩnh làm sao, tôi nghĩ. Không một tiếng động xung quanh. Trừ hai đứa tôi, mọi người có lẽ đã đi đâu đó ăn mừng ngày Chủ nhật đầu tiên của mùa thu.

“Anh biết không, em thích thế này lắm,” cô thì thầm.

“Ừmm.”

“Giống như mình đang đi picnic vậy, dễ chịu lắm.”

“Picnic ư?”

“Vâng.”

Tôi vòng tay quanh lưng cô và ôm chặt lấy cô. Rồi tôi lách qua đám tóc ngang mái của cô để hôn tai cô lần nữa.

“Mười năm ấy với anh dài lắm nhỉ?” cô hỏi, cúi xuống bên tai tôi.

“Khá dài,” tôi nói. “Một quãng thời gian dài, thật dài. Dường như bất tận, anh chẳng hoàn tất được một cái gì.”

Cô hơi nghển đầu khỏi tay dựa sô pha và mỉm cười. Một nụ cười tôi đã từng nhìn thấy ở đâu đó, nhưng dù cố gắng đến mấy tôi cũng không thể nào nhớ được ở đâu hoặc của ai. Đàn bà khi lóa thể giống nhau đến đáng sợ. Lúc nào cũng làm tôi phát hoảng.

“Mình đi tìm con cừu thôi,” cô nói, mắt nhắm nghiền. “Một khi chúng mình đi tìm con cừu đó, mọi việc sẽ ổn thỏa thôi.”

Tôi nhìn vào khuôn mặt cô một lúc, rồi nhìn trân trân vào đôi tai cô. Ánh chiều nhẹ nhàng bao bọc thân thể cô như thể trong một bức tranh tĩnh vật cũ.

20. Phần Vi - Chương 23

CHƯƠNG 23: TƯ TƯỞNG HẠN CHẾ NHƯNG NGOAN CUỒNG

Lúc sáu giờ, cô thay quần áo, chải đầu, đánh răng, rồi xịt nước hoa. Tôi ngồi trên sô pha và đọc cuốn Những Cuộc Phiêu Lưu Của Sherlock Holmes. Câu chuyện bắt đầu bằng: “Anh bạn Watson của tôi có phần hơi hạn chế về mặt tư duy, nhưng lại sở hữu một tính ngoan cường hết mực.” Một câu mở đầu không tồi.

“Tối nay em sẽ về muộn, anh đừng chờ em,” cô nói.

“Công việc à?”

“Em e là vậy. Thật ra đáng lẽ hôm nay em được nghỉ làm, nhưng có phải mọi việc lúc nào cũng theo ý mình đâu. Họ ép em vì ngày mai em bắt đầu nghỉ rồi.”

Cô ra khỏi cửa, nhưng chỉ được một chốc cửa lại bật mở.

“Này anh, anh định làm gì với con mèo khi mình đi vắng?” cô hỏi.

“Chết, anh quên băng mắt. Nhưng em đừng lo, anh sẽ lo liệu vụ đó.”

Tôi đem sữa và pho mát ra ề. Răng của nó yếu quá, nó phải gắng lắm mới nhai nổi pho mát.

Không có thứ gì trông đặc biệt có vẻ ăn được trong tủ lạnh, vì thế tôi mở một lon bia và xem tivi. Chương trình tin tức chẳng có gì đáng gọi là tin. Vào những tối Chủ nhật như thế này, luôn là cảnh một vườn thú nào đó. Tôi xem mấy cảnh hươu cao cổ, voi và gấu trúc, rồi tắt ti vi và nhắc máy.

“Chuyện về con mèo của tôi,” tôi bảo người đàn ông.

“Con mèo của cậu ư?”

“Đúng, tôi có một con mèo.”

“Thì sao?”

“Thì nếu không để con mèo lại cho ai, tôi sẽ không thể đi đâu được.”

“Có khối nơi nhận chăm sóc mèo gần đó mà.”

“Nó già yếu rồi. Chắc chắn nó sẽ chết nếu ở một tháng trong cũi.”

Tôi có thể nghe tiếng móng tay gõ gõ trên mặt bàn. “Rồi sao nữa?”

“Tôi muốn ông nhận chăm sóc nó. Ông có một cái vườn rộng thênh thang, chắc chắn ông có thể chăm sóc được một con mèo.”

“Không được. Ông Chủ ghét mèo, và khu vườn là để thu hút chim chóc. Có một con mèo thì cả lũ chim đi hết.”

“Ông Chủ đang bắt tình nhân sự, và con mèo chẳng còn sức đâu để đuổi chim.”

“Thôi được rồi. Tôi sẽ cho bác lái xe đến đón con mèo sáng mai lúc mười giờ.”

“Tôi sẽ chuẩn bị thức ăn và cát để mèo đi vệ sinh. Nó chỉ chịu ăn thức ăn của một hãng thôi, vì thế nếu hết, phiền ông mua thêm.”

“Có lẽ phiền cậu nói giúp lại tất cả những chi tiết này cho bác lái xe. Tôi tin là tôi đã nói cậu rồi, tôi bận lắm.”

“Tôi muốn duy trì một kênh thông tin thôi. Điều đó giúp xác định trách nhiệm của từng người rõ ràng.”

“Trách nhiệm ư?”

“Nói cách khác, nếu như con mèo chết khi tôi đi, ông sẽ không lấy được gì ở tôi đâu, ngay cả khi tôi có tìm được con cừu đi chăn nữa.”

“Hừm,” người đàn ông nói. “Thôi được. Cậu hơi bị ảo tưởng đấy, nhưng dân nghiệp dư như cậu thế là khá rồi. Tôi sẽ ghi lại, vì thế làm ơn nói chậm thôi.”

“Đừng cho nó ăn thịt có mỡ. Nó sẽ nôn hết. Răng nó yếu, vì thế đừng cho nó ăn thức ăn cứng. Buổi sáng, nó uống sữa và ăn thức ăn trong hộp, buổi tối nó ăn một nắm cá khô hoặc thịt hoặc pho mát. Làm ơn thay cát vệ sinh cho nó hằng ngày. Nó không thích cát vệ sinh bẩn. Nó thường bị tiêu chảy, nhưng nếu sau hai ngày mà tiêu chảy vẫn không dứt bác sĩ thú y sẽ kê thuốc cho nó.”

Đến đó, tôi đồng tai lắng nghe tiếng bút bi nguệch ngoạc ở đầu dây bên kia.

“Nó bắt đầu có rận ở trong tai,” tôi tiếp tục, “vì thế mỗi ngày một lần ông nên rửa tai cho nó bằng gạc bông thấm với một chút dầu ô liu. Nó không thích và sẽ chống cự đó, vì thế cẩn thận đừng làm lung lủng màng nhĩ nó. Thêm nữa, nếu ông sợ nó cào rách đồ đạc thì cắt bớt móng cho nó mỗi tuần một lần. Bấm móng tay thông thường là ổn. Tôi khá chắc là nó không có rận, nhưng để chắc ăn, tốt nhất là thỉnh thoảng nên tắm cho nó. Ông có thể mua dầu gội chống rận cho nó tại bất kỳ cửa hàng thú nuôi nào. Sau khi tắm cho nó xong, ông nên lấy khăn lau khô và chải lông nó kỹ càng, và cuối cùng là sấy qua một lần bằng máy sấy tóc. Nếu không nó sẽ cảm lạnh.”

Nguệch ngoạc nguệch ngoạc nguệch ngoạc. “Còn gì nữa không?”

“Có thể thôi.”

Người đàn ông đọc lại những hạng mục từ sổ. Ông ta ghi chép rất kỹ càng.

“Đúng thế không?”

“Đúng rồi đó.”

“Thôi nhé,” người đàn ông nói. Và điện thoại cắt phụt.

Trời bên ngoài đã tối. Tôi nhét chút tiền lẻ, thuốc lá và bật lửa trong túi, đi giày thể thao, rồi bước ra ngoài. Tại quán rượu tầng hầm gần nhà, tôi uống bia trong khi nghe đĩa nhạc mới nhất của ban Brothers Johnson. Tôi ăn món cốt lết gà trong khi nghe đĩa nhạc của Bill Withers. Tôi uống chút cà phê trong khi lắng nghe bản “Chiến tranh giữa các vì sao” của Maynard Ferguson. Sau tất cả những thứ ấy, tôi vẫn cảm thấy như

mình hầu như chưa ăn gì cả. Người ta dọn cốc cà phê của tôi và tôi bỏ ba đồng xu mười yên vào chiếc điện thoại công cộng màu hồng rồi gọi cho tay đối tác. Thằng con trai lớn nhất của hắn, vẫn còn học cấp một, trả lời điện.

“Chào ngày mới,” tôi nói.

“Phải là chào buổi tối chứ,” thằng bé chữa lại. Tôi nhìn đồng hồ. Tất nhiên, thằng bé đúng.

Sau một lát, tay đối tác đến bên điện thoại.

“Mọi chuyện thế nào?” hắn nói.

“Nói chuyện giờ có được không? Tôi không phá ngang bữa cơm của cậu đấy chứ?”

“Bọn tôi đang ăn, nhưng không sao. Không hẳn là một bữa cơm, mà dù sao chẳng nữa chuyện của cậu chắc chắn phải thú vị hơn.”

Tôi thuật lại một phần cuộc nói chuyện giữa tôi và người đàn ông mặc plet đen. Rồi tôi kể về chiếc xe limousine khổng lồ và Ông Chủ đang hấp hối. Tôi không đề cập đến chuyện cừ. Hắn sẽ chẳng tin nổi chuyện ấy đâu, mà như thế này đã là quá dài và quá rắc rối. Vì tôi không kể hết nên đương nhiên làm cho câu chuyện khó hiểu hơn bao giờ hết.

“Tôi chẳng hiểu tí gì cả,” tay đối tác nói.

“Chuyện này hoàn toàn bí mật, cậu hiểu chứ. Nếu chuyện này hở ra đồng nghĩa với cậu sẽ gặp rất nhiều rắc rối. Ý tôi muốn nói là, với gia đình cậu và tất cả...” tôi bỏ dở giữa chừng, hình dung cảnh căn hộ bốn buồng cao cấp của hắn, cô vợ với chứng bệnh cao huyết áp và hai thằng con ngỗ ngược. “Ý tôi là, chuyện như thế đấy.”

“Tôi hiểu.”

“Dù sao thì mai tôi cũng phải lên đường rồi. Chắc là một chuyến đi dài. Một tháng, hai tháng, ba tháng, tôi thật sự không biết. Có lẽ tôi sẽ không bao giờ quay trở lại Tokyo.”

“Ồ... ừm.”

“Vì thế tôi muốn cậu tiếp quản mọi thứ ở công ty. Tôi sẽ rút ra. Tôi không muốn gây cho cậu bất kỳ rắc rối nào. Công việc của tôi cơ bản đã hoàn thành, và đối với vụ kinh doanh chung của tôi với cậu, cậu vẫn nắm giữ phần quan trọng. Tôi chỉ nửa làm nửa chơi ở đó.”

“Nhưng tôi cần cậu ở đó để giải quyết mọi chi tiết.”

“Cũng cố lại dịch vụ cơ bản, và trở lại mô hình ngày trước. Bỏ tất cả việc quảng cáo và biên tập đi. Chuyển nó trở lại thành văn phòng dịch thuật. Giống như bản thân cậu nói hôm trước. Giữ lại một thư ký và tổng khứ hết đám nhân viên bán thời gian còn lại đi. Cậu không cần họ nữa. Sẽ không ai kêu ca gì nếu cậu trả họ hai tháng lương do kết thúc hợp đồng. Còn về văn phòng, cậu có thể chuyển đến một chỗ nhỏ hơn. Tất nhiên là doanh thu sẽ giảm nhưng chi phí sẽ giảm theo. Và trừ phần của tôi đi, phần của cậu sẽ tăng lên, thế nên thật ra cậu sẽ không bị thiệt. Cậu không phải lo về việc bóc lột ai quá đáng, và thuế sẽ không còn là vấn đề nữa. Sẽ là lý tưởng cho cậu đấy.”

“Không làm thế được,” hắn nói, sau chút yên lặng. “Mọi việc sẽ không ra đâu vào đâu, tôi biết là thế mà.”

“Tôi nói với cậu là mọi việc rồi sẽ ổn thôi. Tôi đã từng chinh chiến với cậu, thế nên tôi biết, không vấn đề gì.”

“Mọi việc trót lọt bởi vì tôi với cậu cùng sát cánh bên nhau,” hắn nói. “Chưa từng có thứ gì tôi tự làm một mình lại thành công cả.”

“Cậu nghe này. Tôi không nói chuyện mở rộng kinh doanh. Tôi nói là cậu nên củng cố lại. Vụ kinh doanh dịch thuật hồi trước cách mạng công nghiệp mà chúng ta từng làm ấy. Cậu và một thư ký, cộng với năm hay sáu cộng tác viên tự do mà cậu có thể thuê làm. Chả có lý do gì mà không thành công được cả.”

Có một tiếng cách, đồng xu mười yên cuối cùng rơi vào trong máy. Tôi bỏ tiếp ba đồng xu nữa vào máy.

“Tôi không được như cậu,” hần nói. “Cậu có thể thành công bằng chính sức mình. Tôi thì không. Mọi việc chẳng đâu vào đâu trừ phi tôi có ai đó để than phiền hay trao đổi ý kiến.”

Tôi đặt tay lên nơi ông nghe và thở dài. Lại vẫn cái vòng lẩn quẩn đó. Con dê đen ăn lá thư chưa đọc của con dê trắng, con dê trắng ăn lá thư của con dê đen...

“A lô, a lô?” tay đối tác nói.

“Tôi nghe đây,” tôi nói.

Ở đầu dây bên kia, tôi có thể nghe tiếng hai đứa con hần đang đánh nhau chí chóe giành ti vi. “Hãy nghĩ đến bọn trẻ nhà cậu,” tôi nói. Không thật sự công bằng, nhưng tôi không còn quân bài nào để chơi nữa. “Cậu không được phép yếu đuối. Nếu cậu buông xuôi, sẽ là dấu chấm hết cho tất cả mọi người. Nếu cậu muốn chống lại thế giới, cậu không nên có con. Hãy tu tỉnh lại đi, điều chỉnh lại việc kinh doanh, bỏ rượu chè đi.”

Hần im lặng một lúc lâu. Cô phục vụ đem cho tôi một cái gạt tàn. Tôi lấy tay ra hiệu gọi một ly bia nữa.

“Cậu dồn tôi vào chân tường thế này,” hần nói. “Tôi sẽ cố hết sức. Tôi không tự tin là mọi việc sẽ đâu vào đấy, nhưng...”

Tôi rót bia ra ly và nhấp một ngụm. “Mọi việc sẽ ổn thôi. Nghĩ lại sáu năm trước mà xem. Tiền không mà quan hệ cũng không, nhưng rồi mọi thứ đều trót lọt, đúng không nào?” tôi nói.

“Tôi sẽ gọi cho cậu sau.”

“Ờ.”

“Cám ơn về mọi thứ. Trong suốt thời gian qua mọi thứ đều tuyệt,” tôi nói.

“Khi nào cậu xong việc phải làm và quay trở lại Tokyo, ta hãy hợp tác cùng nhau nhé.”

“Tất nhiên rồi.”

Tôi dập máy.

Cả hần và tôi đều hiểu khả năng tôi quay trở lại làm việc ít đến thế nào. Làm với nhau sáu năm và hiểu quá rõ về nhau.

Tôi bê ly bia lại bàn mình.

Giờ đây khi công việc không còn là mối quan tâm nữa, tôi cảm thấy như trút được gánh nặng. Một cách từ từ nhưng chắc chắn, tôi đang khiến mọi thứ trở nên đơn giản hơn. Tôi đã đánh mất quê hương, mất thời niên thiếu, mất vợ, trong ba tháng nữa tôi sẽ đánh mất những năm tháng tuổi đôi mươi của mình. Tôi không hình dung được tôi sẽ còn lại gì khi sáu mươi tuổi. Không nghĩ đến những chuyện này. Thậm chí cũng không sao biết được điều gì sẽ xảy ra trong vòng một tháng nữa.

Tôi về nhà và chui vào giường với tập truyện Sherlock Holmes. Đèn tắt lúc mười một giờ và tôi nhanh chóng thiếp đi. Tôi không hề tỉnh giấc lấy một lần trước khi trời sáng.

21. Phần Vi - Chương 24

CHƯƠNG 24: MỘT CHƯƠNG CHO CÁ TRÍCH

Lúc mười giờ sáng, cái ô tô lồ bịch to như tàu ngầm ấy đợi tôi bên ngoài khu chung cư. Từ cửa sổ tầng ba nhà tôi, chiếc limousine trông giống như một cái máy cắt bánh quy bằng sắt lộn ngược hơn là một cái tàu ngầm. Người ta có thể cho ra một cái bánh khổng lồ mà ba trăm đứa trẻ phải mất hai tuần mới ăn hết. Cô và tôi ngồi trên bậu cửa sổ nhìn xuống chiếc xe.

Bầu trời trong một cách đáng sợ. Bầu trời từ một bộ phim theo chủ nghĩa biểu hiện thời tiền chiến. Hoàn toàn không một gợn mây, giống như một con mắt đồ sộ với mí mắt bị cắt. Nhìn từ xa, chiếc trực thăng bay tít trên cao kia trông bé xíu.

Tôi khóa tất cả cửa sổ, rút điện tủ lạnh và kiểm tra vòi khí ga. Thu quần áo vào, trải giường, tráng sạch gạt tàn, và xếp theo thứ tự cẩn thận một số lượng vô lý các khoản thuốc men bên chậu rửa. Tiền thuê nhà được trả trước hai tháng, phiếu đặt báo đã hủy. Từ cửa ra vào, tôi nhìn lại căn hộ không sinh khí của mình. Trong một thoáng, tôi nghĩ về bốn năm của quãng đời vợ chồng ở đó, nghĩ về những đứa con mà tôi và vợ không bao giờ có.

Cửa thang máy bật mở, và cô gọi tôi. Tôi đóng cánh cửa thép lại.

Người lái xe miệt mài lau kính chắn gió bằng một miếng vải khô trong lúc đợi chúng tôi. Chiếc xe không một tí vết, lóe sáng trong ánh mặt trời đến mức chói lọi và siêu tự nhiên. Chỉ cần chạm nhẹ tay vào là người ta có thể bị bỏng.

“Chào cô cậu,” người lái xe nói. Vẫn người lái xe sùng đạo hai hôm trước.

“Chào bác,” tôi nói.

“Chào bác,” cô bạn gái tôi nói.

Cô ôm con mèo. Tôi ôm thức ăn và túi cát vệ sinh ẻo.

“Trời đẹp quá nhỉ?” người lái xe nói, ngẩng nhìn trời. “Trời – tôi biết nói thế nào nhỉ – trong văn vắt ấy.”

Tôi gật đầu.

“Khi trời trong thế này thông điệp của Chúa sẽ thông suốt không gặp phải bất cứ vấn đề gì bác nhỉ,” tôi dạm hỏi.

“Không có chuyện đó đâu,” người lái xe nói, ngoác miệng cười. “Thông điệp đã được ghi trong tất cả mọi thứ. Trong hoa, trong đá, trong mây...”

“Cả xe hơi nữa ư?”

“Trong cả xe hơi nữa.”

“Nhưng xe hơi do nhà máy chế tạo ra mà.” Đúng là tôi, không lần đi đâu được.

“Dù bất cứ ai sản xuất ra nó thì ý nguyện của Chúa vẫn được cài đặt trong nó.”

“Như trong rận ở tai ư?” cô chen vào.

“Như trong chính bầu không khí này vậy.” người lái xe chỉnh lại.

“Vậy thì, tôi cho rằng xe hơi sản xuất tại Ả Rập Saudi chúa Thánh Allah trong đó.”

“Người ta không sản xuất xe hơi tại Ả Rập Saudi.”

“Thật vậy sao?” Lại là tôi.

“Thật.”

“Vậy xe hơi sản xuất tại Mỹ để xuất khẩu sang Ả Rập Saudi thì sao? Trong xe đó sẽ có chúa nào,” cô bạn gái tôi hỏi.

Một câu hỏi khó.

“Xem nào, chúng ta phải nói cho bác ấy biết về con mèo,” tôi thả một cái phao cứu sinh.

“Con mèo dễ thương, ha?” người lái xe nói, cũng cảm thấy nhẹ cả người.

Con mèo còn xa mới gọi là dễ thương. Hơn thế, nó còn gầy dơ xương, lông bản như một tấm thảm sờn rách cũ rích, đầu đuôi cong một góc sáu mươi độ, răng vàng khè, mắt phải mưng mủ từ một vết thương ba năm trước nên giờ đây nó hầu như không trông thấy gì. Không chắc là nó có thể phân biệt giữa một chiếc giày thể thao và một củ khoai tây. Gan bàn chân nó nhăn nheo đầy vết chai, tai nó đầy rận, và vì đã già, nó

đánh rầm ít nhất hai mươi lần một ngày. Trước đây nó là một chú mèo đực bảnh trai khi vợ tôi tìm thấy nó dưới ghế đá công viên và mang nó về nhà, nhưng mấy năm vừa qua nó xuống dốc nhanh chóng. Giống như một quả bóng bowling lăn về phía rãnh. Thêm nữa, nó không có tên. Tôi chẳng rõ việc không có tên giảm bớt hay góp phần vào thảm kịch của con mèo.

“Miu xinh ghê,” người lái xe nói, tay không duỗi ra. “Tên nó là gì?”

“Nó không có tên.”

“Vậy cậu gọi chú ta bằng gì?”

“Tôi không gọi nó,” tôi nói. “Nó đã sờ sờ ra đấy rồi.”

“Nhưng nó không phải là một cục thịt chỉ biết ngồi đó. Nó di chuyển theo ý mình, đúng không? Có vẻ khá lạ khi một thứ gì đó di chuyển theo ý chính mình lại không có tên.”

“Cá trích bơi theo ý của chúng, nhưng có ai đặt tên cho chúng đâu?”

“Xem nào, trước hết, không có mối dây tình cảm nào giữa cá trích và con người, ngoài ra, nếu có nghe thấy chúng cũng chẳng biết được đó là tên mình.”

“Có nghĩa là con vật nào không những có thể di chuyển theo ý mình và chia sẻ tình cảm với con người mà còn sở hữu khả năng nghe nhìn thì xứng đáng được đặt tên?”

“Đó, cậu nắm trúng vấn đề rồi,” người lái xe gật đầu lia lịa, mãn nguyện. “Hay thế này đi?! Cậu nói sao nếu tôi đặt cho cu cậu một cái tên?”

“Rất hoan nghênh. Nhưng tên gì?”

“Hay là tên ‘Cá Trích’? Ý tôi là xét cho cùng cậu từng đối xử với nó như một con cá trích.”

“Không tồi đâu,” tôi nói.

“Cậu thấy chưa?” người lái xe nói.

“Em nghĩ sao?” tôi hỏi cô bạn gái.

“Không tồi,” cô nói. “Cứ như chứng kiến sự hình thành của trời và đất.”

“Thống nhất là cá trích đi,” tôi nói.

“Lại đây nào, Cá Trích,” người lái xe nói, bế con mèo lên. Con mèo hoảng sợ, cắn ngón tay cái bác ta, rồi đánh rầm.

Người lái xe đưa chúng tôi ra sân bay. Con mèo ngồi lặng lẽ trên ghế trước cạnh bác ta. Thịnh thoảng lại đánh rầm. Chúng tôi biết vậy vì người lái xe liên tục mở cửa sổ. Trong lúc đó, tôi nhanh chóng đưa ra hướng dẫn cho người lái xe về con mèo. Rửa tai cho nó như thế nào, cửa hàng nào bán thuốc khử mùi hôi cho hộp vệ sinh của mèo, ẹo ăn bao nhiêu, đại loại thế.

“Cậu đừng lo,” người lái xe nói. “Tôi sẽ chăm sóc cu cậu cẩn thận. Cậu biết đấy, tôi là cha đỡ đầu của nó.”

Đường vắng đến kinh ngạc. Chiếc xe lướt ra sân bay như một con cá hồi bơi ngược dòng để đẻ trứng.

“Tại sao thuyền có tên, mà máy bay lại không?” tôi hỏi người lái xe. “Tại sao lại chỉ là Chuyến bay 971 hoặc Chuyến bay 326, mà không phải là Hoa chuông hay Hoa Cúc?”

“Có lẽ bởi vì có nhiều chuyến bay hơn thuyền. Sản xuất hàng loạt mà.”

“Cũng không hẳn. Nhiều thuyền được sản xuất hàng loạt, và chúng có thể còn nhiều hơn máy bay.”

“Tuy vậy...,” người lái xe cất lời, rồi không nói gì trong vài giây. “Nói một cách thực tế, không ai đi đặt tên cho tất cả các xe buýt trong thành phố.”

“Em nghĩ nếu mỗi xe buýt trong thành phố mà có một cái tên thì thật tuyệt,” cô bạn gái tôi nói.

“Nhưng như thế liệu có dẫn đến cảnh hành khách chọn xe buýt mình muốn đi không? Đi từ Shinjuku đến Sendagaya, xem nào, họ sẽ chọn xe Linh dương chứ không phải xe Lừa.”

“Em thấy sao?” tôi hỏi cô bạn gái.

“Chắc chắn em sẽ nghĩ kỹ trước khi em đi xe Lừa,” cô nói.

“Nhưng này, hãy nghĩ đến tay lái xe đáng thương của xe Lừa,” người lái xe lên tiếng cho lái xe ở khắp mọi nơi. “Tay lái xe Lừa không có lỗi.”

“Bác nói hay đấy,” tôi nói.

“Có lẽ vậy,” cô nói, “nhưng em sẽ vẫn đi xe Linh dương.”

“Đấy cô cậu xem,” người lái xe nói. “Đó là cái lẽ thường. Đặt tên cho tàu vốn là chuyện quen thuộc từ trước thời sản xuất hàng loạt. Về nguyên tắc, nó cũng giống như đặt tên ngựa. Vì thế máy bay được đối xử như ngựa thì trên thực tế cũng được đặt tên. Có máy bay tên Linh hồn St. Louis và Enola Gay. Chúng ta đang xem xét đến một sự định danh có ý thức đầy đủ.”

“Có nghĩa rằng ở đây sự sống là yếu tố cơ bản.”

“Chính xác.”

“Và rằng mục đích chỉ là nhân tố thứ yếu trong việc đặt tên.”

“Chính xác. Nếu chỉ vì mục đích thôi thì dùng số là đủ. Hãy chứng kiến việc đối xử với người Do Thái tại Auschwitz.”

“Bác nói đến đây vẫn ổn,” tôi nói. “Vậy hãy giả dụ rằng nền tảng của việc đặt tên là cái hành động tự đồng nhất một cách có ý thức với sinh vật. Vậy thì tại sao ga tàu và công viên cũng như sân vận động bóng chày có tên, trong khi chúng không phải sinh vật?”

“Tại sao ư? Bởi vì nếu nhà ga mà không có tên thì sẽ hỗn loạn.”

“Không, chúng ta không nói trên khía cạnh mục đích. Tôi muốn bác hãy giải thích cho tôi trên nguyên tắc.”

Người lái xe suy nghĩ khá lung về chuyện này. Bác ta không để ý đèn giao thông đã chuyển sang màu xanh. Chiếc xe tải nhỏ đằng sau chúng tôi bắt đầu bóp còi theo khúc dạo đầu của phim Bảy tay súng oai hùng.

“Tôi đoán bởi vì chúng không thay thế được cho nhau. Ví dụ, chỉ có một nhà ga Shinjuku và người ta không thể thay thế nó bằng nhà ga Sendagaya. Sự không thay thế được cho nhau này nói lên rằng chúng không được sản xuất hàng loạt. Chúng ta đã rõ về hai điểm này chưa?”

“Dù sao thì cũng sẽ thú vị nếu có nhà ga Shinjuku ở Ekoda,” cô bạn gái tôi nói.

“Nếu nhà ga Shinjuku ở Ekoda, nó phải là nhà ga Ekoda,” người lái xe phản đối.

“Nhưng nó vẫn nằm trong tuyến Odakyu,” cô nói.

“Hãy quay trở lại chủ đề cuộc thảo luận,” tôi nói. “Nếu nhà ga thay thế được cho nhau, điều đó có ý nghĩa gì? Chẳng hạn, nếu tất cả mọi nhà ga trên toàn quốc đều được sản xuất hàng loạt theo kiểu những tòa nhà gấp và nhà ga Shinjuku và nhà ga Tokyo hoàn toàn thay thế được cho nhau?”

“Khá đơn giản. Nếu nó ở Shinjuku, nó sẽ là nhà ga Shinjuku; nếu nó ở Tokyo, nó sẽ là nhà ga Tokyo.”

“Vì thế những gì chúng ta nói ở đây không phải là tên của một vật thể vật chất, mà là tên của một chức năng. Một vai trò. Đó có phải là mục đích không?”

Người lái xe im lặng. Chỉ có điều lần này bác ta không giữ yên lặng lâu.

“Cô cậu biết tôi nghĩ gì không?” người lái xe nói. “Tôi nghĩ chúng ta nên có một cái nhìn âm áp hơn về đề tài này.”

“Nghĩa là sao hả bác?”

“Tôi muốn nói là thị trấn rồi công viên rồi đường phố rồi nhà ga rồi sân bóng chày rồi rạp chiếu phim tất cả đều có tên, đúng chưa? Chúng đều được đặt tên để thưởng công cho sự cố định của chúng trên mặt đất.”

Một giả thuyết mới.

“Vậy thì,” tôi nói, “giả dụ tôi xóa sạch ý thức của mình và trở nên hoàn toàn cố định, liệu tôi có xứng với một cái tên mỹ miều không?”

Người lái xe liếc nhìn mặt tôi trong giây lát qua gương chiếu hậu. Một cái nhìn đầy hoài nghi, như thể tôi đang gài bẫy đang bác ta. “Cố định ư?”

“Vị như tôi đóng băng một chỗ, đại loại thế. Như Công chúa ngủ trong rừng ấy.”

“Nhưng cậu đã có tên rồi.”

“Bác nói đúng,” tôi nói. “Suýt nữa thì tôi quên.”

Chúng tôi nhận thẻ lên máy bay tại quầy đăng ký rồi tạm biệt người lái xe. Bác ta hẳn đã muốn tiễn chúng tôi, nhưng vì phải một tiếng rưỡi nữa mới đến giờ khởi hành, bác ta không đợi nổi và đi mất.

“Cái ông đó, thật là một nhân vật lập dị,” cô nói.

“Anh biết một chỗ có toàn những người như thế,” tôi nói. “Ở đó, bò đi loang quanh để tìm kìm.”

“Nghe cứ như ‘Home on the Pampas’ ấy.”

“Có lẽ vậy,” tôi nói.

Chúng tôi vào một tiệm ăn trong sân bay và ăn trưa sớm. Tôi tắm bột và pho mát cho tôi, mì ống cho cô. Tôi nhìn những chiếc 747 và Tristars cất cánh và sà xuống đất với một trọng lực dường như là định mệnh. Trong lúc đó cô kiểm tra từng sợi mì cô ăn một cách đầy ngờ vực.

“Em tưởng là họ lúc nào cũng phục vụ bữa ăn trên máy bay,” cô cần nhần.

“Không,” tôi nói, đợi miếng bột nóng trong miệng nguội đi, rồi uống ực chút nước. Nóng không còn nhận biết được vị gì. “Người ta chỉ phục vụ ăn uống trên chuyến bay quốc tế. Họ ỉn ăn gì đó trên các tuyến nội địa đường dài hơn. Nhưng đó không hẳn là một bữa thịnh soạn đâu.”

“Còn phim thì sao?”

“Không có đâu. Thôi nào, chỉ mất một tiếng là đến Sapporo thôi mà.”

“Vậy họ không ỉn thứ gì ư?”

“Không có gì hết. Ta ngồi trên ghế, đọc sách, rồi đến nơi. Giống như xe buýt vậy.”

“Nhưng không có đèn giao thông.”

“Thật tuyệt chưa,” cô nói với một tiếng thở dài. Cô đặt nĩa xuống, không động đến nguyên nửa phần mì.

“Vấn đề là mình đến đó sớm hơn. Nếu đi tàu thì sẽ mất mười hai tiếng.”

“Vậy cái thời gian phụ này đi đâu?”

Tôi bỏ dở khi ăn được nửa chừng và gọi hai cốc cà phê. “Thời gian phụ ư?”

“Anh nói là máy bay sẽ tiết kiệm cho anh hơn mười tiếng. Vậy toàn bộ quãng thời gian ấy đi đâu?”

“Thời gian không đi đâu cả. Nó chỉ cộng thêm thôi. Chúng ta có thể dùng mười tiếng ấy theo ý chúng ta, ở Tokyo hay ở Sapporo. Với mười tiếng chúng ta có thể xem bốn bộ phim, ăn hai bữa ăn, bất cứ chuyện gì. Đúng chưa?”

“Nhưng nếu em không muốn đi xem phim hay đi ăn thì sao?”

“Đó là vấn đề của em. Đó không phải là lỗi của thời gian.”

Cô cần môi trong lúc chúng tôi nhìn ra cái thân bè bè của những chiếc 747 trên đường băng rải nhựa. Những chiếc 747 luôn gọi cho tôi đến hình ảnh một bà già mập ú, xấu xí khu phố tôi từng ở. Ngực to đùng chảy xệ, chân phồng tướng, cổ khô nhăn nheo. Sân bay, một chốn tụ tập thích hợp cho những bà già. Hàng tá bà già, đến rồi đi, cứ hết chiếc này đến chiếc khác. Phi công và chiêu đãi viên đi đi lại lại oai vệ trong tiền sảnh, đầu ngẩng cao, trông họ có vẻ bẹp dí một cách kỳ quặc, giống những con búp bê bằng bìa của các bé

gái. Tôi không khỏi nghĩ sao mọi thứ không giống như cái thời những chiếc DC-7 và Friendship-7 nhưng có lẽ nó vẫn giống vậy thôi.

“Này,” cô tiếp tục, “thời gian có giãn ra không anh?”

“Không, thời gian không giãn ra,” tôi trả lời. Tôi cất tiếng, nhưng sao nghe như không phải giọng tôi? Tôi húng hắng ho và uống cà phê. “Thời gian không giãn ra.”

“Nhưng thời gian thực sự tăng lên, đúng không? Chính anh nói là thời gian cộng thêm mà.”

“Đó là bởi vì thời gian cần cho di chuyển được rút xuống. Tổng số lượng thời gian không thay đổi. Chỉ có điều là em có thể xem thêm phim.”

“Nếu em muốn xem phim,” cô thêm vào.

Ngay khi chúng tôi đến Sapporo, quả thật chúng tôi đi xem phim suất đúp.

22. Phần Vi- Chương 17

Phần VI: Cuộc Săn Cừu Hoang, II - Chương 17: Câu Chuyện Lạ Kỳ Của Người Đàn Ông Lạ Mặt

Tay thư ký mặc bộ lễ đen lấy ghế rồi nhìn tôi không nói một lời. Ông ta không có vẻ như đang đánh giá tôi, mắt ông ta cũng không để lộ vẻ khinh khỉnh, ánh nhìn sắc nhọn của ông ta cũng không xuyên thấu tôi. Không lạnh hay nóng, hay thậm chí ở tầm trung bình. Cái nhìn chăm chăm ấy không mang bất kỳ một sắc thái tình cảm nào đối với tôi. Người đàn ông chỉ đang nhìn tôi. Ông ta có lẽ đang nhìn bức tường phía sau tôi, nhưng vì tôi ở trước bức tường, nên kết quả là ông ta đang nhìn tôi.

Người đàn ông nhấc chiếc hộp đựng thuốc lá trên bàn, mở nắp lôi ra một điếu thuốc cắt thô, dùng móng tay búng búng đầu điếu thuốc vài lần, châm lửa bằng chiếc bật lửa để bàn và nhả khói ra theo một góc tù. Rồi ông ta đặt lại bật lửa trên bàn và vắt chéo chân. Ông ta nhìn chăm chăm không một lần chớp mắt trong cả quãng thời gian đó.

Đây là người mà tay đối tác của tôi đã kể. Ông ta ăn mặc quá chải chuốt, những ngón tay ông ta quá tao nhã. Nếu không vì đường cong mí mắt sắc nét và con ngươi lạnh băng như hạt thủy tinh của ông ta, tôi hẳn đã nghĩ ông ta là kẻ đồng tính. Nhưng, không thể là kẻ đồng tính với đôi mắt đó. Vậy trông ông ta giống gì? Ông ta không giống bất kỳ thứ gì.

Nếu nhìn kỹ mắt ông ta, ta sẽ thấy chúng có màu kỳ lạ. Nâu đậm với một chút sắc xanh, chẳng những thế, màu mắt trái còn khác màu mắt phải. Mỗi mắt dường như tập trung vào một chủ thể hoàn toàn khác nhau.

Những ngón tay ông ta động đậy đôi chút trên lòng. Một cách đầy ám ảnh, như thể chúng tách rời khỏi bàn tay ông ta, tiến về phía tôi. Những ngón tay bồng chồn, hấp dẫn, căng thẳng, đẹp đẽ. Chạm rài với qua bàn để dập điếu thuốc hút chưa đến một phần ba. Tôi nhìn đá tan trong ly, nước đá trong vắt hòa lẫn với nước nho. Một sự pha trộn màu sắc không cân bằng.

Căn phòng yên lặng như tờ. Đó là sự yên lặng người ta gặp phải khi bước vào một trang viên lớn. Và đó là sự yên lặng khi ta có quá ít người trong một không gian quá rộng. Nhưng đây là một thứ yên lặng hoàn toàn khác. Một yên lặng nặng nề, ngọt ngào. Một sự yên lặng khiến ta liên tưởng đến, mặc dù tôi phải mất một lúc để nhận ra, sự yên lặng bao quanh một bệnh nhân giai đoạn cuối. Một sự yên lặng mang linh cảm về cái chết. Không khí thoáng mùi ẩm mốc và điềm gở.

“Ai cũng phải chết,” người đàn ông nói nhẹ nhàng trong khi mắt nhìn xuống. Thật kỳ lạ, ông ta dường như nắm bắt được ý nghĩ của tôi. “Tất cả chúng ta, bất kể ai, cũng phải chết vào lúc nào đó.”

Nói xong, người đàn ông lại chìm vào trong yên lặng nặng nề. Chỉ có tiếng kêu inh ỏi đến phát điên của đàn ve sầu bên ngoài. Những thân xác sắp chết kêu gào cuồng nộ trước một mùa sắp kết thúc.

“Hãy để tôi nói hết sức thành thật với cậu,” người đàn ông lên tiếng. Lời nói của ông ta nghe có vẻ như dịch trực tiếp từ một văn bản theo công thức. Cách chọn cụm từ và ngữ pháp của ông ta khá đúng, nhưng không có cảm giác gì trong lời ông ta nói.

“Nói thành thật và nói sự thật là hai điều hoàn toàn khác nhau. Thành thật đối với sự thật như thể mũi tàu đối với đuôi tàu. Thành thật xuất hiện trước và sự thật xuất hiện sau. Sự cách biệt giữa hai điều tùy thuộc trực tiếp vào kích cỡ con tàu. Với con tàu lớn thì phải mất một lúc lâu mới tới được sự thật. Đôi khi nó chỉ hiện lên sau khi chết. Vì thế, nếu tôi không cho cậu hay bất kỳ sự thật nào trong tình hình này, không phải lỗi của tôi. Cũng không phải lỗi của cậu.”

Người ta biết đáp lại câu nói này thế nào đây? Ông ta chấp nhận sự yên lặng của tôi và tiếp tục nói.

“Cậu có lẽ đang tự hỏi vì lý do gì tôi bắt cậu phải lặn lội đến đây. Đó là để cho tàu chạy lên phía trước. Cậu và tôi sẽ giúp tàu chạy lên phía trước. Bằng cách bàn bạc vấn đề một cách thành thật, tại mỗi thời điểm chúng ta sẽ tiến một bước gần hơn đến sự thật.” Đến đó, ông ta ho húng hắng và liếc nhìn bàn tay tôi đang tựa trên thành xô pha. “Nhưng nói trừu tượng thế này đủ rồi, chúng ta hãy bắt đầu bằng mối lo ngại thật sự. Vấn đề ở đây là cái bản tin cậu tạo ra. Tôi tin là cậu đã được thông báo đủ về việc này.”

“Tôi đã được thông báo.”

Người đàn ông gật đầu. Rồi sau khi ngừng một lúc, ông ta tiếp tục, “Tôi chắc chắn là việc này đến với cậu khá đột ngột. Ai cũng sẽ khổ sở khi thành quả lao động vất vả của mình bị phá hỏng. Càng nghiêm trọng hơn nếu đó là một mắt xích sống còn cho kế sinh nhai của mình. Nó có thể đồng nghĩa với một sự tổn thất thật to lớn. Đúng như vậy không?”

“Đúng thế đấy,” tôi nói.

“Tôi muốn cậu nói tôi nghe về những tổn thất thật ấy.”

“Trong ngành chúng tôi, tổn thất thật là một phần của việc kinh doanh. Không phải là khách hàng không bao giờ từ chối những gì được sản xuất ra. Nhưng đối với một doanh nghiệp nhỏ như chúng tôi, nó có thể là mối đe dọa cho sự sống còn của chúng tôi. Vì vậy để ngăn chặn việc đó, chúng tôi tôn trọng quan điểm khách hàng một trăm phần trăm. Trong những trường hợp đặc biệt, điều này có nghĩa là phải kiểm tra lại toàn bộ bản tin từng dòng một cùng với khách hàng. Cách đó khiến chúng tôi tránh được mọi rủi ro. Không phải là việc dễ dàng, nhưng đó là số phận của một con sói cô độc.”

“Ai cũng phải bắt đầu từ đâu đó,” người đàn ông thông cảm. “Trong trường hợp đó, tôi có thể diễn giải điều cậu nói là công ty cậu phải chịu tổn thất tài chính nặng nề do bản tin của cậu bị đình chỉ?”

“Đúng thế, tôi đoán ông có thể nói vậy. Nó đã được in và đóng quyển, vì thế chúng tôi phải trả tiền giấy và tiền in trong tháng này. Còn chi phí cho những người viết bài mà chúng tôi đã thuê. Về tài chính thì khoản đó lên đến năm triệu yên, và nếu mọi chuyện còn tệ hơn thì chúng tôi sẽ phải vay tiền để trả. Hơn nữa, chúng tôi đã quá tay đầu tư vào cơ sở vật chất của văn phòng mới được một năm.”

“Tôi biết,” người đàn ông nói.

“Rồi lại còn vấn đề hợp đồng đang được tiến hành với khách hàng. Vị thế của chúng tôi rất yếu, một khi có vấn đề với một hãng quảng cáo, khách hàng sẽ tránh xa mình. Chúng tôi đang có hợp đồng một năm với công ty bảo hiểm nhân thọ, nếu nó bị hủy bỏ vì việc này thì công ty chúng tôi sẽ phá sản. Chúng tôi nhỏ và không có quan hệ, nhưng chúng tôi có uy tín tốt qua truyền miệng. Nếu một lời nói xấu lan ra, chúng tôi coi như đi đời.”

Ngay cả khi tôi đã nói xong, người đàn ông vẫn nhìn chăm chăm vào tôi không một lời nhận xét. Rồi ông ta lên tiếng. “Cậu nói rất thành thật. Hơn nữa, những gì cậu kể cho tôi trùng hợp với điều tra của chúng tôi. Tôi khen ngợi cậu về điều đó. Cậu thấy sao nếu tôi đề nghị thanh toán không điều kiện cho những bản tin của công ty bảo hiểm đã bị hủy và thông báo họ rằng sẽ tiếp tục hợp đồng hiện tại?”

“Thế thì còn gì để nói nữa. Chúng tôi sẽ quay lại công việc hàng ngày nhằm chán của mình, tự hỏi tất cả những chuyện này là vì cái gì.”

“Và thêm vào đó là một phần thưởng? Tôi chỉ cần viết một từ trên mặt sau tấm danh thiếp là cậu sẽ có sẵn việc làm phù hợp trong mười năm tới. Và không còn những bản quảng cáo phát tay vô tích sự nữa.”

“Nói một cách khác, một phi vụ làm ăn.”

“Một vụ giao dịch thân thiện. Xuất phát từ thiện chí của mình, tôi đã làm ơn cho đối tác của cậu bằng cách thông báo cho cậu ta biết bản tin PR đã bị đình chỉ xuất bản. Và nếu cậu cho tôi thấy thiện chí của mình, tôi sẽ giúp đỡ cậu bằng việc bày tỏ nhiều hơn thiện chí của mình. Cậu có nghĩ cậu làm được điều đó không? Được tôi giúp có thể là có lợi lắm đấy. Tất nhiên cậu không mong tiếp tục làm việc suốt đời với một kẻ nghiện ngập chậm hiểu chứ?”

“Chúng tôi là bạn bè,” tôi nói.

Tiếp sau đó là một khoảng yên lặng thoáng qua, một viên sỏi rơi xuống một cái giếng không dò được. Mất ba mươi giây để hòn sỏi chạm tới đáy.

“Tùy cậu thôi,” người đàn ông nói. “Đó là chuyện của cậu. Tôi đã xem kỹ lý lịch của cậu. Cậu có một quá khứ khá thú vị. Mà con người ta nói chung có thể chia làm hai hoặc những kẻ thực tế tầm thường và những kẻ mơ mộng tầm thường. Cậu rõ ràng thuộc loại thứ hai. Số phận cậu đang và sẽ luôn là số phận của một kẻ mơ mộng.”

“Tôi sẽ nhớ kỹ điều đó,” tôi nói.

Người đàn ông gật đầu. Tôi uống một nửa cốc nước nho đã loãng toẹt.

“Tốt lắm vậy thì, chúng ta hãy đi vào việc cụ thể,” người đàn ông nói. “Việc cụ thể về cừu.”

Người đàn ông đổi tư thế để lôi ra bức ảnh đen trắng từ một chiếc phong bì, đặt trên bàn trước mặt tôi. Hơi thở cực nhẹ của hiện thực dường như len lỏi vào trong căn phòng.

“Đây là bức ảnh cậu dùng trong bản tin của mình.”

Đối với một bức ảnh phóng to trực tiếp mà không dùng phim âm bản thể này thì hình ảnh rõ đến đáng ngạc nhiên. Có lẽ là một công nghệ đặc biệt nào đó.

“Theo chúng tôi biết, bức ảnh này cậu trực tiếp có được và sau đó được dùng trong bản tin. Có đúng thể hông?”

“Đúng như vậy.”

“Theo điều tra của chúng tôi, bức ảnh được chụp trong vòng sáu tháng qua bởi một tay máy hoàn toàn nghiệp dư. Máy ảnh, loại bỏ túi rẻ tiền. Cậu không phải người chụp bức ảnh. Cậu có một chiếc Nikon SLR và chụp ảnh đẹp hơn. Thêm nữa cậu chưa tới Hokkaido trong vòng năm năm qua. Đúng thể không?”

“Ông nói tôi nghe,” tôi nói.

Người đàn ông hắng giọng, rồi im lặng. Đây là một sự yên lặng đích thực, người ta có thể dựa vào đó để đánh giá chất lượng của những sự yên lặng khác. “Dầu sao chẳng nữa, những gì chúng tôi muốn là một vài thông tin cụ thể, cậu đã nhận được bức ảnh đó từ đâu, từ ai, và ý định của cậu khi sử dụng cái hình ảnh tồi tàn như thế trong bản tin ấy.”

“Tôi e là tôi không được phép nói ra,” tôi buông lời ấy với vẻ lạnh lùng đến nỗi bản thân tôi cũng phải ấn tượng. “Nhà báo có đầy đủ quyền không tiết lộ nguồn tin của mình.”

Người đàn ông nhìn chằm chằm vào mắt tôi và lấy ngón giữa bàn tay phải vuốt nhẹ môi. Sau mấy hồi vuốt qua vuốt lại, ông ta đặt tay vào lòng. Cứ yên lặng như thế một lúc. Tôi không thể không nghĩ sẽ thật là một thời khắc hoàn hảo nếu đúng lúc đó một con chim cú cu cất tiếng hót. Nhưng, dĩ nhiên là không có tiếng chim cú cu nào. Chim cú cu không hót vào buổi tối.

“Cậu là người tử tế,” người đàn ông nói. “Cậu biết không, nếu muốn, tôi có thể chặn tất cả công việc đến với cậu. Điều đó sẽ đặt dấu chấm hết cho cái quyền báo chí của cậu. Tất nhiên với giả thiết là những tờ rơi và bản quảng cáo phát tay khốn khổ của cậu đủ tư cách được coi là báo chí.”

Tôi ngẫm nghĩ thêm. Tại sao chim cú cu không hót vào buổi đêm nhỉ?

“Hơn nữa, có nhiều cách để bắt những người như cậu nói.”

“Tôi cho rằng có,” tôi nói, “nhưng sẽ mất thời gian và tôi sẽ không nói gì cho đến phút cuối cùng. Mà dù có nói, tôi cũng sẽ không kể hết mọi thứ. Ông sẽ không có cách nào biết được bao nhiêu là tất cả. Tôi nói sai không?”

Nói thế chẳng qua để dọa thôi, nhưng làm vậy là hợp lý trong hoàn cảnh này. Khoảng yên lặng không chắc chắn theo sau đó chứng tỏ tôi đã ghi thêm vào được vài điểm.

“Nói chuyện với cậu rất buồn cười,” người đàn ông nói. “Kịch bản của cái kẻ mơ mộng là cậu thống thiết một cách thú vị. À mà này, chúng ta hãy nói chuyện gì khác đi.”

Người đàn ông rút trong túi ra một chiếc kính lúp đặt lên bàn.

“Hãy xem xét bức ảnh hết sức cẩn thận.”

Tôi cầm bức ảnh trong tay trái và kính lúp trong tay phải, kiểm tra bức ảnh một cách có phương pháp. Vài con cừu đang nhìn về hướng này, vài con nhìn theo hướng đối diện, vài con cắm cúi ăn cỏ. Một cảnh gợi cho ta nhớ đến một buổi họp lớp cũ tẻ nhạt. Tôi kiểm tra từng con cừu một, xem xét vị trí cỏ, rồi từng cây bu lô ở hậu cảnh, đám núi non đằng sau đó, những đám mây mỏng nhẹ trên trời. Không có điều gì bất bình thường. Tôi ngẩng lên khỏi bức ảnh và kính lúp.

“Cậu có thấy điều gì bất bình thường không?”

“Không chút nào,” tôi nói.

Người đàn ông không tỏ ra mấy may thất vọng.

“Tôi nhớ mang máng cậu theo chuyên ngành sinh học tại trường đại học,” người đàn ông nói. “Cậu biết được bao nhiêu về cừu?”

“Hầu như không biết gì. Chủ yếu tôi học toàn mấy thứ chuyên ngành vô dụng.”

“Nói tôi nghe những gì cậu biết.”

“Thuộc bộ guốc chẵn, ăn cỏ và sống thành bầy. Tôi nghĩ là được du nhập vào Nhật đầu thời Minh Trị. Được sử dụng làm nguồn lấy lông và thịt. Chỉ có vậy thôi.”

“Tốt lắm,” người đàn ông nói. “Dù sao tôi cũng muốn có một đỉnh chính nhỏ: cừu không được du nhập vào Nhật đầu thời Minh Trị, mà trong triều An Chính. Tuy nhiên, trước đó, như cậu nói: không hề có cừu ở Nhật Bản. Đúng là có một số ý kiến cho rằng chúng được mang từ Trung Hoa sang trong thời Bình An, nhưng ngay cả nếu đúng là thế thì chúng đã chết hết trong khoảng giữa hai thời kỳ. Vì thế cho đến thời Minh Trị, chỉ vài người Nhật đã từng trông thấy cừu hoặc nhận thức được cừu là con gì. Cho dù cừu khá nổi tiếng với tư cách là một trong mười hai con giáp trong lịch cổ Trung Hoa, song không ai biết đích xác nó là loại vật gì. Nói vậy có nghĩa, nó có lẽ cũng là một con vật tưởng tượng như rồng hay phượng hoàng. Trên thực tế, những bức tranh cừu do người Nhật trước thời Minh Trị vẽ giống như những con vật quái dị được hư cấu hoàn toàn. Có thể nói là kiến thức người ta biết về cừu cũng tương tự như H. G. Wells biết về người sao Hỏa.

“Thậm chí ngày nay, người Nhật hiểu biết hết sức ít ỏi về cừu. Nói thế có nghĩa cừu là một loài vật không hề có mối liên hệ lịch sử nào với đời sống thường ngày của người Nhật. Cừu được nhập khẩu từ Mỹ ở cấp quốc gia, được nuôi trong một khoảng thời gian ngắn, rồi nhanh chóng bị bỏ quên. Đó là con cừu của cậu đây. Sau chiến tranh, khi việc nhập khẩu len và thịt cừu từ Úc và New Zealand được tự do hóa, giá trị của việc nuôi cừu ở Nhật tụt xuống số không. Một con vật phẩm thương, cậu có nghĩ thế không? Đây, như thế đó, chính là hình ảnh của nước Nhật hiện đại.

“Nhưng tất nhiên tôi không có ý lên lớp với cậu về tính dương dương tự đắc của nước Nhật hiện đại. Có hai điều tôi muốn cậu nhớ kỹ: một là, trước khi kết thúc thời kỳ phong kiến có lẽ không có một con cừu nào trên toàn nước Nhật, hai là, một khi được nhập khẩu, cừu chịu sự kiểm soát nghiêm ngặt của chính phủ. Và hai điều đó có nghĩa là gì?”

Đó không phải là câu hỏi tu từ; nó được đặt ra cho tôi. “Rằng nguồn gốc mỗi một loại cừu ở Nhật đều được ghi lại,” tôi đáp.

“Chính xác. Tôi có thể thêm vào điểm đó là việc gây giống cừu cũng quan trọng như với ngựa đua, khiến vấn đề truy tìm phả hệ trở nên đơn giản. Nói cách khác, ở đây chúng ta có một con vật được quản lý chặt chẽ. Việc lai tạo với các giống khác có thể được kiểm tra dễ dàng. Không có chuyện buôn lậu. Không ai điên muốn chuốc lấy vạ vào thân mà đi nhập khẩu cừu. Nói về các giống cừu, ở Nhật có giống Southdown, Corriedale, Cheviot, Romanovsky, Ostofresian, Border Leicester, Romney Marsh, Lincoln, Dorset Horn, Suffolk, và chừng đó thôi. Sau khi ghi nhớ những điều đó,” người đàn ông nói, “tôi muốn cậu nhìn lại bức ảnh.”

Một lần nữa tôi cầm bức ảnh và kính lúp trong tay.

“Nhớ nhìn cẩn thận con cừu thứ ba từ phải sang ở hàng đầu.”

Tôi cầm kính lúp sẫm soi trên con cừu thứ ba từ phải sang ở hàng đầu. Nhìn nhanh sang con cừu cạnh nó, rồi quay trở lại con cừu thứ ba từ phải sang.

“Và giờ thì cậu có thể nói được điều gì đây?” người đàn ông hỏi.

“Nó là một giống khác, đúng vậy không?” tôi nói.

“Đúng thế. Ngoài con cừu đặc biệt đó ra, tất cả các con khác đều là cừu giống Suffolk thông thường. Chỉ mình con cừu ấy là khác. Nó chắc nịch hơn con cừu giống Suffolk nhiều, và lông nó màu khác. Và mặt nó không màu đen. Có gì đó ở nó cho người ta ấn tượng là nó có uy quyền hơn. Tôi đưa bức ảnh này ột chuyên gia nghiên cứu về cừu, ông ấy kết luận là con cừu này không tồn tại ở Nhật Bản. Hay thậm chí ở bất cứ đâu trên thế giới. Vì thế những gì cậu đang nhìn đây là một con cừu đúng ra không nên tồn tại.”

Tôi với chiếc kính lúp xem xét lần nữa con cừu thứ ba từ phải sang. Khi xem xét kỹ, ở đó, giữa lưng con cừu, trông có vẻ như có một vết ố màu cà phê nhạt. Mờ mờ không rõ ràng, nó có thể là vết xước trên phim. Có thể là mắt tôi lại đang giả trò với tôi. Hay có lẽ ai đó đã thật sự đánh đổ cà phê lên lưng con cừu.

“Có một vết ố mờ trên lưng nó.”

“Đó không phải là vết ố,” người đàn ông nói, “Đó là một dấu chàm hình ngôi sao. Hãy so sánh nó với cái này.”

Người đàn ông lôi một trang photo từ trong phong bì ra đưa thẳng cho tôi. Đó là bản sao một bức vẽ cừu. Có vẻ như được vẽ bằng bút chì đậm, với những vết ngón tay màu đen trên khắp phần giấy còn lại. Vẽ như trẻ con, tuy thế ở bức vẽ có một vẻ gì đó bắt người ta phải chú ý. Các chi tiết được vẽ hết sức cẩn thận. Hơn thế, con cừu trong bức ảnh và con cừu trong tranh rõ ràng là một. Dấu chàm hình ngôi sao chính là vết ố.

“Giờ hãy nhìn cái này,” người đàn ông vừa nói vừa lôi một chiếc bật lửa từ trong túi ra đưa cho tôi. Đó là một chiếc bật lửa hiệu Dupont được chế tạo đặc biệt, nặng, chắc nịch, bằng bạc, được khắc cùng một biểu tượng cừu tôi thấy trong xe limousine. Không còn nghi ngờ gì nữa, dấu chàm hình ngôi sao trên lưng con cừu, rõ như ban ngày.

Tôi bắt đầu thấy đau đầu.

23. Phần Vi- Chương 18 - Part 1

Chương 18: Câu Chuyện Kỳ Lạ Của Người Đàn Ông Lạ Mặt Tiếp Diễn

“Chỉ mới ban nãy, tôi có ám chỉ đến sự tầm thường của cậu,” người đàn ông nói, “Điều này không hề có ý chỉ trích cậu chút nào. Hoặc nói đơn giản hơn, bởi vì bản thân thế giới thật tầm thường đến mức cậu cũng tầm thường như thế. Cậu có đồng ý không?”

“Xin lỗi?”

“Thế giới tầm thường. Về chuyện đó thì không thể nhầm được. Nhưng vậy thì, liệu thế giới có tầm thường từ thời thượng cổ? Không. Thừa ban đầu, thế giới hỗn mang, mà hỗn mang thì không phải tầm thường. Sự tầm thường hóa bắt đầu khi người ta tách biệt công cụ sản xuất ra khỏi cuộc sống thường nhật. Khi Karl Marx thừa nhận giai cấp vô sản, ông vì thế đã củng cố sự tầm thường của họ. Và cũng chính bởi điều này, chủ nghĩa Stalin có mối liên hệ trực tiếp với chủ nghĩa Marx. Tôi coi trọng Marx, ông là một trong những thiên tài hiếm hoi có trí nhớ mở rộng đến tận thời hỗn mang tiền sử. Và tương tự như vậy, tôi đánh giá cao Dostoyevsky. Tuy vậy, tôi không tán thành chủ nghĩa Marx. Nó quá tầm thường.”

Người đàn ông nén lại một âm thanh khe khẽ phát ra từ sâu trong cổ họng.

“Tôi, ngay lúc này đây, đang nói cực kỳ thành thật. Tôi coi điều này như một cử chỉ trả ơn đối với sự thành thật lúc trước của cậu. Hơn nữa, tôi sẽ đồng ý làm sáng tỏ bất cứ nghi ngại nào gọi là thành thật của cậu. Nhưng hãy hiểu rằng khi tôi nói xong, quyền lựa chọn để ngỏ cho cậu sẽ trở nên cực kỳ giới hạn. Xin hãy hiểu trước điều này. Nói đơn giản hơn, cậu đang đánh bạc với chính bản thân mình đó. Chúng ta đồng ý chứ?”

“Tôi có lựa chọn gì?” tôi hỏi.

“Ngay lúc này đây, một ông già đang nằm chờ chết trong trang viên này,” ông ta bắt đầu. “Nguyên nhân rất rõ ràng. Đó là một khối u khổng lồ trong não ông. Một khối u đủ lớn để làm biến dạng chính hình dạng bộ não của ông. Cậu biết đến đâu về thần kinh học?”

“Hầu như không biết tí gì.”

“Vậy thì, nói đơn giản, đó là một quả bom máu. Lưu thông máu bị tắc dẫn đến não sưng lên bất thường. Giống như một con rắn nuốt quả bóng chơi golf. Nếu nó nổ tung, bộ não sẽ ngừng hoạt động. Tuy thế hoàn toàn không thể mổ. Một sự kích thích nhỏ nhất cũng có thể khiến nó nổ tung. Nói một cách thực tế, chúng tôi chỉ có thể chờ đợi và nhìn ông ấy chết. Ông ấy có thể chết trong vòng một tuần nữa, hoặc cũng có thể một tháng nữa. Không ai có thể nói được.”

Người đàn ông nói từ từ và thở ra.

“Không có gì kỳ quặc về việc ông ấy đang nằm chờ chết. Ông ấy già rồi, bệnh tình của ông ấy đã được xác định rõ. Điều kỳ quặc là ông ấy đã sống lâu đến thế này.”

Tôi không thể có chút khái niệm mơ hồ nhất về những điều ông ta đang cố diễn đạt.

“Sự thật là, nếu ông ấy chết ba mươi hai năm trước thì cũng chẳng có gì sai,” Người đàn ông tiếp tục. “Hoặc thậm chí bốn mươi hai năm trước. Cái khối u ấy lần đầu tiên được các bác sĩ quân y Mỹ phát hiện khi tiến hành kiểm tra sức khỏe tội phạm chiến tranh Loại A. Chuyện này là vào mùa thu năm 1946, trước Tòa án Tội phạm Chiến tranh Tokyo. Viên bác sĩ phát hiện ra nó khá hoảng khi trông thấy bản chụp X-quang. Có một khối u khổng lồ như thế trong não mà vẫn sống – lại còn năng động hơn người bình thường ấy là chuyện thách thức tất cả lẽ thường của y học. Ông ấy được chuyển từ Sugamo đến bệnh viện quân y ngày đó, St. Luke, để làm xét nghiệm đặc biệt.

“Các xét nghiệm kéo dài trong một năm, mặc dù rốt cuộc họ không làm được gì hết. Chỉ có điều nếu ông ấy có chết thì cũng không ai ngạc nhiên, vì việc ông ấy vẫn sống sờ sờ ra đó hoàn toàn là một bí ẩn. Tuy vậy ông ấy không cho thấy dấu hiệu ốm yếu tàn tật gì sau đó, ông tiếp tục sống với một sinh khí phi thường. Hơn nữa, tất cả các hoạt động của não đều bình thường một cách vượt bậc. Họ không biết phải giải thích thế nào. Bề tắc. Đây là một người mà theo lý thuyết đã phải chết rồi, tuy vậy vẫn sống và đi lại bình thường.

“Tất nhiên họ làm sáng tỏ một số triệu chứng đặc biệt. Ông ấy bị nhức đầu kéo dài ba ngày, cơn nhức đầu cứ đến và đi theo chu kỳ bốn mươi ngày. Theo miêu tả của ông, những cơn nhức đầu bắt đầu từ năm 1936, họ phỏng đoán đây là thời gian khối u lần đầu xuất hiện. Ông nhức đầu không chịu đựng được, đến nỗi ông

phải cần thuốc giảm đau. Tóm lại là, thuốc ngủ. Thuốc ngủ làm giảm các cơn đau nhưng lại gây ra ảo giác. Ảo giác bị đè nén ở mức độ cao. Chỉ có mình ông ấy biết chính xác những gì ông ấy trải qua, nhưng dường như chúng không dễ chịu chút nào. Quân đội Mỹ vẫn còn lưu giữ bản miêu tả tỉ mỉ các trải nghiệm ảo giác này. Các bác sĩ hiển nhiên đã quan sát vô cùng tỉ mỉ. Tôi có được những thứ này qua một kênh đặc biệt và đã đọc chúng vài lần, mặc dù dùng ngôn ngữ lâm sàng nhưng các bản này miêu tả một chuỗi hiện tượng làm cho người ta kiệt sức. Tôi ngờ rằng ít người có thể chịu đựng như ông ấy đã từng chịu các trải nghiệm lặp đi lặp lại của thứ ảo giác đó.

“Không ai biết được tại sao những ảo giác này lại xuất hiện. Có lẽ khối u tiết ra năng lượng theo chu kỳ và những cơn nhức đầu là phản ứng của cơ thể. Vì thế khi cái thứ đệm phản hồi ấy bị dỡ bỏ, năng lượng trực tiếp kích thích những phần nhất định của não, gây ra ảo giác. Tất nhiên, đây chỉ là một giả thuyết, nhưng đó là một giả thuyết khiến người Mỹ quan tâm. Đủ để họ bắt đầu những xét nghiệm kỹ lưỡng. Những cuộc xét nghiệm tối mật của Cục Tình báo. Ngay cả bây giờ chúng ta cũng không rõ tại sao Cục Tình báo Mỹ lại nhảy vào điều tra một khối u của một người; tuy nhiên, chúng ta có thể đưa ra vài khả năng.

“Khả năng thứ nhất, liệu có thể họ đã tiến hành các cuộc thẩm vấn tinh vi nào đó dưới vỏ bọc xét nghiệm y học? Tức là, đảm bảo các đường dây gián điệp và các đường thuốc phiện trên đại lục Trung Hoa. Hãy nhớ rằng thất bại cuối cùng của Tưởng Giới Thạch có nghĩa là Mỹ mất đi mối quan hệ với Trung Hoa. Nhưng không cần phải nói cũng biết những cuộc tra hỏi này không thể để lộ ra công chúng. Trên thực tế, sau chuỗi xét nghiệm này, Ông Chủ được thả mà không phải hầu tòa. Có thể hiểu là một cuộc dàn xếp đã được bí mật thỏa thuận. Chúng ta có thể gọi đó là trao đổi thông tin lấy tự do.

“Khả năng thứ hai là họ muốn bóc trần mối quan hệ qua lại giữa tính lập dị rõ rệt của ông với tư cách là nhà lãnh đạo cánh hữu và khối u. Tôi sẽ đi sâu vào khả năng này với cậu sau, nhưng đó là một hướng tư duy kỳ lạ hơn. Dù tôi ngờ là họ chưa bao giờ khám phá được bất kỳ thứ gì. Liệu có thật họ tưởng rằng mình có thể khám phá một điều gì đó thuộc loại đó khi cái sự thật cơ bản hơn rằng ông vẫn sống vẫn còn là điều bí ẩn? Nếu không mổ xẻ khám nghiệm thì họ không có cách nào để tìm thấy bất kỳ thứ gì. Vậy nên, đây lại là một tình trạng bế tắc nữa.

“Khả năng thứ ba liên quan đến tẩy não. Có lẽ, ý tưởng là bằng cách phát ra một loại sóng kích thích đã được định sẵn vào trong não bộ, họ có thể khơi gợi được một phản ứng đặc biệt. Ngày đó họ đang thực hiện các thí nghiệm dạng đó. Người ta mới biết là trên thực tế có một nhóm nghiên cứu về tẩy não tại thời điểm đó.

“Không rõ hướng tư duy nào trong ba hướng trên đại diện cho chỉ thị chủ yếu của Cục Tình báo. Cũng không rõ là liệu các cố gắng của họ, chúng ta cứ tạm gọi thế, dẫn đến kết quả gì. Mọi thứ đều bị chôn vùi trong lịch sử. Những người duy nhất biết được sự thật là một nhóm số ít các thành viên ưu tú trong Quân đội Mỹ và bản thân Ông Chủ. Cho đến nay, Ông Chủ chưa bao giờ nói một lời nào về chuyện này với bất kỳ ai, kể cả với tôi, và không chắc rằng ông ấy sẽ có lúc nói ra.”

Khi nói xong, người đàn ông hắng giọng. Tôi quên mất không biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua kể từ khi bước vào phòng.

“Vào mùa đông năm 1932, Ông Chủ bị cầm tù về tội đồng lõa trong kế hoạch ám sát một nhân vật chủ chốt. Ông bị cầm tù cho đến tháng Sáu năm 1936. Sổ sách chính thức của nhà tù và y bạ vẫn còn, và ông thì thoảng có đề cập đến chuyện này. Nhìn thoảng qua cho thấy: hầu hết cả quãng thời gian trong tù, Ông Chủ bị chứng mất ngủ trầm trọng. Hoặc có lẽ còn tệ hơn chứng mất ngủ thông thường. Đây là chứng mất ngủ đã được nâng đến mức độ đặc biệt nguy hiểm. Có lúc cứ ba hoặc bốn ngày liền, thậm chí có lúc gần một tuần, ông không thể nhắm mắt lấy một lần. Hồi đó cảnh sát buộc tội phạm chính trị phải khai nhận bằng cách không cho họ ngủ. Đối với trường hợp của Ông Chủ, các cuộc hỏi cung càng khắc nghiệt hơn nữa bởi ông có liên quan đến phe đối lập chống lại quân phiến loạn ủng hộ phái bảo hoàng và bên cầm quyền. Nếu tù nhân cố ngủ, họ sẽ hắt nước lên anh ta, đánh anh ta bằng gậy tre hoặc chiếu anh đèn sáng lửa mắt anh ta, bất cứ thứ gì hòng đập vỡ cái lịch ngủ ra thành từng mảnh. Hầu hết người ta suy sụp nếu chế độ đó duy trì trong vòng vài tháng. Trí óc điều khiển giấc ngủ của họ bị hủy diệt một cách hiệu quả. Họ chết hoặc phát điên hoặc trở thành những kẻ mất ngủ cực độ. Ông Chủ đi theo hướng cuối cùng. Mùa xuân năm 1936, ông hồi phục hoàn toàn khỏi chứng mất ngủ. Đó cũng là khoảng thời gian khối u xuất hiện. Cậu nghĩ như thế nào về chuyện đó?”

“Mất ngủ cực độ vì một lý do nào đó phá vỡ dòng máu lưu thông trong não, do đó tạo nên khối u, đúng vậy không?”

“Đó dường như là một giả thuyết hợp lý nhất, có nghĩa nhất. Và vì một người không phải chuyên gia còn nghĩ vậy nên cậu có thể chắc chắn rằng các bác sĩ Quân đội Mỹ cũng nghĩ vậy. Tuy nhiên, chỉ riêng lời giải thích đó thì không hoàn toàn đầy đủ. Có gì khiếm khuyết ở đây. Tôi không khỏi nghĩ rằng hiện tượng khối u là biểu hiện thứ yếu của một nhân tố quan trọng hơn. Ví dụ, chú ý là trong số vài người được biết mang một khối u tương tự, không ai có triệu chứng giống như vậy. Hơn nữa, lời giải thích không đưa ra nguyên nhân tại sao Ông Chủ tiếp tục sống.”

Không còn nghi ngờ gì nữa, những gì người đàn ông nói là hoàn toàn logic.

“Có một điều còn kỳ lạ hơn về khối u. Bắt đầu từ mùa xuân năm 1936, Ông Chủ, nói theo cách ngôn, như được tái sinh, thành một người mới. Trước đó, Ông Chủ nói thẳng ra chỉ là một nhà hoạt động cánh hữu tầm thường. Là con trai thứ ba trong một gia đình nông dân nghèo ở Hokkaido, ông rời nhà khi mười hai tuổi rồi đến Triều Tiên, nhưng cũng không tìm được chốn dung thân ở đó, vì thế ông trở lại quê hương và gia nhập một nhóm cánh hữu. Có vẻ như hồi đó ông là một thanh niên nổi giận, không ngớt vung kiếm samurai. Rất có thể ông hầu như không biết đọc. Tuy vậy, vào mùa hè năm 1936, khi ông được thả khỏi nhà tù, ông đã leo đến đỉnh phe cánh hữu, với tất cả mọi nghĩa của từ này. Ông có sức lôi cuốn quần chúng, một ý thức hệ vững vàng, sức mạnh diễn thuyết khiến ta đáp lại đầy nhiệt huyết, có sự khôn khéo về mặt chính trị, quyết đoán, và trên hết, khả năng định hướng xã hội bằng cách sử dụng điểm yếu của đám đông để làm động lực đòn bẩy.”

Người đàn ông thở một hơi và hắng giọng lần nữa.

“Tất nhiên, với tư cách là một nhà tư tưởng cánh hữu, lý thuyết và khái niệm về thế giới của ông hơi trẻ con. Tuy nhiên, điều đó hầu như không quan trọng. Câu hỏi thật sự là ông có thể tổ chức đội ngũ đằng sau những lý thuyết ấy đến mức độ nào. Hãy nhìn cách thức Hitler lấy những khái niệm nửa vời như không gian sống (lebensraum) và thượng đẳng chủng tộc để tổ chức chúng trên bình diện quốc gia.

Tuy nhiên, Ông Chủ không đi theo con đường đó. Con đường ông chọn kín đáo hơn – một lối đi trong bóng râm. Ông thao túng xã hội từ phía sau hậu trường, không bao giờ lộ ra giữa thanh thiên bạch nhật. Và vì lý do đó, vào năm 1937, ông qua Trung Hoa đại lục. Nhưng ngay cả như vậy – mà thôi, chuyện này tạm dừng ở đây đã. Trở lại chuyện khối u, những gì tôi muốn nói là thời gian khối u xuất hiện trùng khớp chính xác với thời gian ông ấy trải qua một sự thay đổi bản thân kỳ diệu.”

“Trong giả thuyết của ông,” tôi nói, “không có mối quan hệ nhân quả nào giữa khối u và sự thay đổi bản thân; thay vào đó hai thứ chịu sự quản lý song song của một nhân tố có quyền lực cao hơn bí ẩn nào đó.”

“Cậu nắm bắt nhanh đấy,” người đàn ông nói. “Chính xác và đi thẳng vào vấn đề.”

“Vậy thì khi nào con cừu xuất hiện trong chuyện của ông?”

Người đàn ông lấy điều thuốc thứ hai từ chiếc hộp trên bàn và dùng móng tay búng nhẹ trước khi đưa nó lên môi. Ông ta không châm thuốc. “Chúng ta hãy xem xét mọi thứ tuần tự,” ông ta nói.

Một sự yên lặng nặng nề bao trùm.

“Chúng tôi đã xây dựng một vương quốc,” người đàn ông lại bắt đầu. “một vương quốc ngấm hừng mạnh. Chúng tôi lôi kéo mọi thứ vào trong vương quốc đó. Chính trị, tài chính, truyền thông đại chúng, bộ máy quan liêu, văn hóa, tất cả những thứ cậu chưa bao giờ dám mơ tới. Chúng tôi thậm chí còn kiểm soát cả các bên thù địch với chúng tôi. Từ tổ chức đến phi tổ chức, tất thảy mọi thứ. Thậm chí ít người, nếu không muốn nói là không có ai, nhận ra điều đó. Nói cách khác, chúng tôi tự mình nắm trong tay một tổ chức cực kỳ tinh vi. Tất cả những thứ đó đều được một tay Ông Chủ tạo dựng nên sau chiến tranh. Tóm lại, ông nắm toàn quyền thống trị trong khoang ngấm của chiếc tàu khổng lồ mà người ta gọi là Nhà nước. Nếu ông tháo nút ra, cả con tàu sẽ chìm. Hành khách và tất cả, sẽ mất tích trong đại dương, và chắc chắn trước khi bất cứ ai nhận thức được sự thật đó.”

Đến đó người đàn ông châm thuốc.

“Tuy nhiên, tổ chức này có giới hạn của nó. Đó là, cái chết của ông vua. Khi vua chết, vương quốc sụp đổ. Cậu thấy đấy, vương quốc được xây dựng và duy trì trên sự tài trí của một người đàn ông này. Theo đánh giá của tôi, chính để nói rằng nó được xây dựng và giữ vững bởi cái nhân tố kỳ bí ấy. Nếu Ông Chủ chết, điều đó có nghĩa kết thúc mọi thứ, vì tổ chức của chúng tôi không phải bộ máy quan liêu, mà là một cỗ máy được vận hành hoàn hảo với một trí tuệ tột đỉnh. Đây chính là sức mạnh và cũng là điểm yếu của tổ chức chúng tôi. Hoặc đúng ra, đã là. Cái chết của Ông Chủ không chóng thì chày sẽ làm tổ chức vỡ ra từng mảnh, và giống như một lâu đài Valhalla[1] bị lửa thiêu rụi, nó sẽ rơi vào biển tầm thường. Không ai có thể thay thế Ông Chủ. Tổ chức sẽ tan rã – một cung điện huy hoàng bị phá trụi để lấy chỗ ột khu chung cư. Một thế giới của sự đơn điệu và chắc chắn. Mặc dù có lẽ người ta sẽ nghĩ đó là phù hợp và đúng đắn. Phân chia công bằng và mọi thứ. Nhưng hãy nghĩ mà xem. Cả nước Nhật bị san bằng núi non, bờ biển hay hồ, ngổn ngang những dãy nhà chung cư giống hệt nhau. Liệu như thế có đúng không?”

24. Phần Vi- Chương 18 - Part 2

“Tôi không biết,” tôi nói. “Tôi thậm chí còn không biết là bản thân câu hỏi có nghĩa không nữa?”.

“Một câu trả lời thông minh,” người đàn ông nói, gập những ngón tay trên lòng. Đầu ngón tay gõ nhẹ một nhịp điệu chậm rãi. “Cậu biết đấy, tất cả câu chuyện về chung cư này, chỉ để tranh luận mà thôi. Chính xác hơn, tổ chức chúng tôi có thể được chia làm hai yếu tố. Bộ phận dịch chuyển lên phía trước và bộ phận chèo lái nó lên phía trước. Theo tự nhiên, có các bộ phận khác quản lý các chức năng khác. Tuy nhiên, nếu tạm chia, tổ chức chúng tôi được tạo thành bởi hai bộ phận này. Các bộ phận khác hầu như không đáng kể. Phần ở phía trước là Ý chí, và phần hỗ trợ cho phần ở phía trước là Lợi ích. Khi người ta nói về Ông Chủ, họ chỉ chăm chăm nói về phần Lợi ích của ông. Và sau khi Ông Chủ chết, chính là phần Lợi ích này sẽ khiến mọi người ăm ỉ lên tranh nhau chiếm phần. Không ai muốn phần Ý chí, vì không ai hiểu được nó. Ở đây chúng ta thấy được ý nghĩa thật sự của những gì có thể và không thể sẻ chia. Ý chí không thể sẻ chia. Nó hoặc sẽ được chuyển giao hoàn toàn, hoặc mất đi hoàn toàn.”

Ngón tay người đàn ông tiếp tục gõ nhẹ nhịp điệu chậm rãi ấy trên lòng. Ngoài điều đó ra, mọi thứ ở ông ta vẫn giữ nguyên không thay đổi từ đầu. Vẫn cái nhìn chăm chăm ấy, vẫn đôi con ngươi lạnh băng, vẫn bộ mặt nhẵn nhụi, vô cảm ấy. Bộ mặt quay về phía tôi với cùng góc độ trong suốt quãng thời gian.

“Cái ý chí này là như thế nào?”, tôi hỏi

“Một khái niệm điều khiển thời gian, điều khiển không gian, và điều khiển khả năng.”

“Tôi không hiểu.”

“Tất nhiên, chỉ vài người hiểu. Chỉ có Ông Chủ là hiểu nó một cách gần như bản năng. Người ta thậm chí có thể nói ông ấy phủ nhận sự tự nhận thức, do đó ông nhận ra ở cùng một sự việc một điều gì đó hoàn toàn mang tính cách mạng. Nói đơn giản cho cậu hiểu, cuộc cách mạng của ông ấy là một cuộc cách mạng lao động sáp nhập tư bản và tư bản sáp nhập lao động.”

“Một ảo tưởng.”

“Hoàn toàn ngược lại. Chính sự nhận thức mới là ảo tưởng,” người đàn ông cắt ngang. “Cứ cho là như vậy, mọi điều tôi nói với cậu bây giờ chỉ đơn thuần là lời nói. Cho dù tôi có sắp xếp và bố trí lại chúng, tôi sẽ không bao giờ có thể giải thích cho cậu hình thức của Ý chí mà Ông Chủ sở hữu. Lời giải thích của tôi sẽ chỉ cho thấy mối liên hệ giữa bản thân tôi và cái ý chí đó thông qua liên hệ trên bình diện ngôn từ. Sự phủ nhận nhận thức vì thế tỷ lệ với sự phủ nhận ngôn ngữ. Và khi hai cột trụ của chủ nghĩa nhân văn phương Tây, nhận thức cá nhân và tính liên tục biến hóa, mất đi ý nghĩa, thì ngôn ngữ mất đi ý nghĩa. Cá thể như chúng ta vẫn biết sẽ không còn tồn tại, và tất cả trở nên hỗn độn. Con người ta thôi không còn là một thực thể độc đáo không thể lặp lại nữa, mà tồn tại đơn thuần như một hỗn độn. Và không chỉ bản thân mình là

sự hỗn loạn; sự hỗn loạn của người này cũng chính là sự hỗn loạn của người kia. Tóm lại, tồn tại là giao tiếp, và giao tiếp là tồn tại.”

Bỗng nhiên căn phòng trở nên lạnh, và tôi có cảm giác không thể diễn tả nổi là một cái giường ấm áp dễ chịu đã được chuẩn bị sẵn ở một bên cho tôi. Ai đó đang vẩy tay ra hiệu cho tôi dưới tấm chăn.

Một ảo ảnh, tất nhiên rồi. Giờ vẫn còn là tháng chín. Bên ngoài, hàng ngàn con ve sầu không đếm xuể đang kêu ra rả.

“Việc mở rộng nhận thức mà thế hệ cậu trải qua hoặc ít nhất mong muốn trải qua vào cuối thập kỷ sáu mươi kết thúc thất bại một cách trọn vẹn và hoàn toàn bởi vì nó vẫn còn bắt rễ chặt ở cá nhân. Nghĩa là, nếu chỉ cố gắng mở rộng riêng nhận thức mà thôi, không tính đến bất kỳ thay đổi nào về lượng cũng như về chất ở cá nhân, rốt cuộc tất phải thất bại. Tôi nói tầm thường là muốn nói về cái đấy. Làm sao tôi có thể khiến cậu hiểu được điều này? Không phải là tôi đặc biệt mong cậu hiểu. Chỉ là tôi đang cố gắng nói chuyện một cách thành thật...”

“Về bức tranh tôi đưa cậu xem lúc trước,” người đàn ông nói. “Đó là bản một bức tranh từ hồ sơ bệnh án bệnh viện quân y Mỹ. Nó đề ngày 27 tháng Bảy, năm 1946. Bức tranh do Ông Chủ chính tay vẽ theo yêu cầu của bác sĩ. Như một mắt xích trong quá trình chứng minh bằng tư liệu các trải nghiệm ảo giác. Trên thực tế theo hồ sơ bệnh án, con cừu này xuất hiện với tần suất cao đáng kể trong ảo giác của Ông Chủ. Nói về mặt con số, con cừu xuất hiện xấp xỉ khoảng tám mươi phần trăm trong ảo giác của ông ấy, hay bốn lần trong số năm ảo giác. Mà không phải bất kỳ con cừu nào. Chính là con cừu có màu hạt dẻ với hình ngôi sao trên lưng.”

“Vậy là Ông Chủ bắt đầu sử dụng con cừu này, nó được khắc trên bột lửa, như gia huy cá nhân từ năm 1936 trở đi. Tôi tin là cậu để ý thấy con cừu này giống hệt con cừu trong hồ sơ bệnh án. Mà cũng lại chính là con cừu trong bức ảnh của cậu. Kỳ lạ vô cùng, cậu có nghĩ thế không?”

“Trùng lặp đơn thuần thôi,” tôi nói vội. Tôi cố ý làm ình nghe có vẻ ngẫu, nhưng không hoàn toàn thành công.

“Còn nữa,” người đàn ông tiếp tục. “Ông Chủ là một nhà sưu tập nhiệt thành tất cả các tư liệu tra cứu có thể liên quan đến cừu, trong nước hay nước ngoài. Mỗi tuần một lần, ông xem xét kỹ các bài báo cắt ra liên quan đến cừu được thu thập từ mọi tờ báo và tạp chí xuất bản tuần đó ở Nhật. Tôi luôn giúp ông một tay trong chuyện này. Ông Chủ nhấn mạnh tầm quan trọng của các bài báo ấy. Cứ như thể ông đang tìm kiếm một điều gì đó. Và kể từ khi Ông Chủ lâm bệnh, tôi tiếp tục cố gắng này trên bình diện cá nhân. Tôi thực tế đã rất quan tâm đến việc này. Ai biết được điều gì sẽ được làm sáng tỏ? Đó là cách cậu liên quan đến sự việc. Cậu và con cừu của cậu. Dù có nhìn nhận vấn đề dưới góc độ nào thì đây cũng không phải là một sự tình cờ.”

Tôi giữ bột lửa thẳng bằng trong tay. Cảm giác ấy thật tuyệt vời. Không quá nặng; không quá nhẹ. Thử nghĩ mà xem trên đời lại có một trọng lượng hoàn hảo như vậy.

“Cậu nghĩ tại sao Ông Chủ cứ kiên quyết đi tìm con cừu đó? Có ý kiến gì không?”

“Không có ý kiến gì hết,” tôi nói. “Hỏi Ông Chủ sẽ nhanh hơn.”

“Nếu tôi có thể hỏi ông, tôi đã hỏi rồi. Ông Chủ đang trong trạng thái hôn mê đã hai tuần qua. Rất có thể ông sẽ không bao giờ tỉnh lại. Và nếu Ông Chủ chết, bí ẩn về con cừu với ngôi sao trên lưng sẽ bị chôn vùi cùng ông mãi mãi. Chắc chắn tôi sẽ không đứng nhìn và để điều đó xảy ra. Không phải vì lý do mất mát cá nhân, mà là cho lợi ích lớn hơn của mọi người.”

Tôi nghiêng mở nắp bột lửa, đánh lửa, rồi đóng nắp lại.

“Tôi chắc chắn cậu nghĩ rằng tất cả những điều tôi đang nói là một mớ vô nghĩa. Và có lẽ đúng thế. Có thể chúng đúng là hoàn toàn vô nghĩa. Nhưng hãy thử nghĩ coi, đây có thể là toàn bộ những gì còn sót lại cho chúng tôi. Ông Chủ sẽ chết. Cái ý chí ấy sẽ chết. Rồi mọi thứ quanh cái ý chí ấy sẽ tàn lụi. Tất cả những gì còn lại sẽ là những gì có thể cân đo đong đếm. Không còn sót lại gì nữa. Đó là lý do tại sao tôi muốn tìm con cừu đó.”

Lần đầu tiên ông ta nhắm mắt lại vài giây, không nói gì trong chốc lát. Rồi: “Nếu tôi có thể đưa ra giả thuyết của mình – một giả thuyết và không có gì hơn, hãy quên là tôi từng nói nó nếu nó không có ý nghĩa gì với cậu – tôi không thể không cảm thấy rằng con cừu của chúng ta ở đây đã tạo nên cái khung cơ bản của Ý chí của Ông Chủ.”

“Nghe cứ như là bánh quy hình thú vật,” tôi nói.

Người đàn ông không thêm để ý đến lời bình luận của tôi.

“Rất có thể con cừu đã tìm được cách nhập vào người Ông Chủ. Đó hẳn là năm 1936. Và trong khoảng 40 năm sau đó, con cừu vẫn tiếp tục trú bên trong Ông Chủ. Bên trong đó, nó chắc đã tìm được một đồng cỏ, một rừng cây bu lô. Giống như trong bức ảnh. Cậu nghĩ sao?”

“Nội giả thuyết cực kỳ thú vị,” tôi đáp.

“Nó là một con cừu đặc biệt. Một con cừu rất đặc biệt. Tôi muốn tìm nó và vì thế cần sự giúp đỡ của cậu.”

“Vậy ông định làm gì với nó một khi ông đã tìm được nó?”

“Không làm gì cả. Có lẽ tôi không thể làm gì. Quy mô mọi chuyện quá lớn lao để tôi có thể làm bất cứ điều gì. Mong ước duy nhất của tôi là cuối cùng được tận mắt nhìn thấy nó. Và nếu con cừu đó mong muốn bất cứ thứ gì, tôi sẽ làm cho nó trong tất cả quyền hạn của mình để tuân theo ý nó. Dù thế nào đi nữa, một khi Ông Chủ qua đời, đời tôi sẽ mất đi hầu hết mọi ý nghĩa.”

Đến đó ông ta lặng thinh. Tôi cũng im lặng. Chỉ có lũ ve sầu là vẫn tiếp tục kêu. Ve sầu và lá cây trong vườn xào xạc trong làn gió lúc chạng vạng. Bản thân ngôi nhà yên lặng một cách đau đớn. Như thể mầm chết đang lơ lửng đâu đây trong sự lầy lan không thể ngăn chặn nổi. Tôi cố hình dung cánh đồng cỏ trong đầu Ông Chủ. Một đồng cỏ hoang vắng và bị bỏ bê, cỏ héo úa, tất cả cừu đều bỏ đi mất.

“Tôi sẽ hỏi cậu một lần nữa: nói cho tôi nghe bằng cách nào cậu có được bức ảnh,” người đàn ông nói.

“Tôi không thể nói được,” tôi nói.

Người đàn ông thốt ra một tiếng thở dài. “Tôi đã cố nói chuyện với cậu một cách thành thật. Vì thế tôi cứ hy vọng cậu cũng sẽ nói chuyện với tôi một cách thành thật.”

“Tôi không ở vào vị thế có thể nói được. Nếu tôi nói ra có thể gây rắc rối cho người cung cấp ảnh.”

“Điều đó có nghĩa là,” người đàn ông ngắt lời, “cậu có cơ sở hợp lý để tin rằng một số rắc rối có thể sẽ đến với cái người có liên hệ với con cừu.”

“Không có cơ sở nào hết. Tôi chỉ linh cảm thôi. Nhất định phải có một cái bẫy. Tôi cảm thấy điều đó trong suốt thời gian nói chuyện với ông. Giống như có một cái cạm bẫy ở đâu đó. Gọi đó là giác quan thứ sáu.”

“Và vì thế cậu không thể nói.”

“Đúng thế,” tôi nói. Suy nghĩ thêm về tình thế, tôi tiếp tục. “Tôi thuộc loại chuyên gia gây rắc rối. Có thể nói tôi không kém cạnh ai trong cung cách và cách thức tạo nên rắc rối cho người khác. Tôi sống cả đời cố gắng hết sức tránh mọi thứ xảy đến như thế. Vậy mà rốt cuộc chỉ tạo thêm nhiều rắc rối hơn. Kết quả giống nhau cả thôi. Mọi thứ cứ đi xuống theo cách ấy. Tuy thế, dù tôi biết rồi sẽ giống nhau cả thôi thì vẫn không có gì thay đổi. Không gì trở thành như thế ngay từ đầu. Nó chỉ là cái có thoái thác.”

“Tôi không chắc tôi hiểu ý cậu.”

“Ý tôi là sự tầm thường có nhiều khuôn dạng.”

Tôi ột điều thuốc lên môi, châm thuốc bằng chiếc bật lửa trên tay và nhả một hơi ngắn. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn chút ít.

“Cậu không phải nói nếu cậu không muốn,” người đàn ông nói. “Thay vào đó, tôi sẽ cử cậu đi tìm con cừu. Đây là điều khoản cuối cùng giữa chúng ta. Nếu trong vòng hai tháng kể từ bây giờ cậu tìm được con cừu, chúng tôi sẵn sàng thưởng công cậu bất cứ thứ gì cậu muốn. Nhưng nếu cậu không tìm được nó, sẽ là chấm hết cho cậu và công ty của cậu. Đồng ý chứ?”

“Tôi có lựa chọn nào khác không?” tôi hỏi. “Và điều gì sẽ xảy ra nếu ngay từ đầu con cừu với ngôi sao trên lưng chưa bao giờ tồn tại?”

“Vẫn thế thôi. Đối với cậu và tôi, chỉ có một câu hỏi: liệu cậu có tìm ra con cừu hay không. Không có khoản nửa nọ nửa kia. Xin lỗi phải nói như thế này, nhưng như tôi nói chúng tôi sẽ chấp nhận đề xuất của cậu. Cậu có bóng, cậu nên cố ghi bàn vào khung thành. Thậm chí ngay cả khi hóa ra không có khung thành nào.”

“Vậy quan điểm hiện tại là thế?”

Người đàn ông lôi từ trong túi ra một chiếc phong bì dày cộp đặt trước mặt tôi. “Hãy dùng số tiền này mà chi tiêu. Nếu hết tiền, gọi cho chúng tôi. Còn nhiều hơn từ nguồn tiền này. Cậu hỏi gì không?”

“Không hỏi gì, chỉ nhận xét thôi.”

“Gì vậy?”

“Toàn bộ câu chuyện này chắc là chuyện nực cười nhất, khó tin nhất mà tôi từng nghe. Khi thốt ra từ miệng ông, nó có vẻ thật, nhưng tôi ngờ rằng chẳng ai tin tôi nếu tôi nói cho họ biết những gì xảy ra hôm nay.”

Người đàn ông nhếch mép rất nhẹ, hầu như không thể nhận thấy. Có thể hiểu là ông ta đang mỉm cười. “Kể từ ngày mai, cậu bắt đầu vào việc. Như tôi đã nói, cậu có hai tháng kể từ hôm nay.”

“Công việc học búa đập. Hai tháng có thể không đủ. Tôi muốn nói là ông đang đòi hỏi tôi tìm một con cừu từ khắp các vùng thôn quê kia đấy.”

Người đàn ông nhìn chằm chằm vào mặt tôi mà không nói gì. Khiến tôi cảm thấy như mình là một hồ bơi trống vắng. Một hồ bơi bẩn thỉu, vỡ rạn, trống vắng mà có lẽ sẽ không được sử dụng thêm một năm nào nữa. Ông ta nhìn tôi không chớp mắt suốt ba mươi giây đồng hồ. Rồi ông ta chậm rãi mở miệng.

“Đã đến lúc cậu phải lên đường,” ông ta nói.

Quả có vẻ như thế thật.

Chú thích

[1] Lâu đài trong thần thoại Bắc Âu, nơi vị thần tối cao Odin tiếp đãi linh hồn của những anh hùng tử trận.

25. Phần Vi- Chương 19

Chương 19: Lại Chuyện Chiếc Xe Limousine Và Người Lái Xe

“Cậu quay trở lại văn phòng chứ? Hay đến một nơi nào khác?” người lái xe hỏi. Vẫn là người lái xe chở tôi tới đây, nhưng thái độ của bác ta giờ đây có vẻ dễ gần hơn một chút. Tôi đoán là bác ta dễ có cảm tình với mọi người.

Tôi duỗi thẳng tay chân trên chiếc ghế sau rộng thênh thang và cân nhắc xem nên đi đâu. Tôi không có ý định trở lại văn phòng. Đứng ra thì tôi vẫn còn nghỉ phép, và tôi không định cố gắng giải thích tất cả chuyện này cho đối tác của tôi. Tôi cũng không định về thẳng nhà. Ngay lúc này tôi cần một lượng khá khá những người bình thường đi trên hai chân một cách bình thường ở một chốn bình thường.

“Ga Shinjuku, cửa ra phía tây,” tôi nói.

Đường chật cứng xe cộ hướng tới Shinjuku. Giờ cao điểm buổi tối, giữa vô số thứ khác. Qua một điểm nào đó xe cộ dường như dính chặt vào một chỗ, không nhúc nhích. Thỉnh thoảng một đợt sóng tràn qua các xe, làm chúng nhúc nhích được khoảng vài centimet. Tôi nghĩ về tốc độ quay của trái đất. Không biết mặt đường này quay tròn trong không trung bao nhiêu dặm một giờ? Tôi tính nhắm nhanh trong đầu ra một

con số mà có lẽ không nhanh hơn trò Tách Trà Quay tại lễ hội. Có nhiều thứ chúng ta không thật sự biết. Thật là ảo tưởng khi cho rằng chúng ta biết bất cứ điều gì. Nếu một nhóm người ngoài hành tinh có chặn tôi lại hỏi. “Này anh bạn, Trái đất quay quanh xích đạo bao nhiêu dặm một giờ?” tôi sẽ lúng túng. Chết tiệt, tôi thậm chí còn không biết tại sao thứ Tư lại sau thứ Ba. Tôi sẽ là trò cười xuyên Ngàn hà mất.

Tôi đã đọc hết cuốn Sông Đông Êm Dềm và Anh Em nhà Karamazov ba lần. Tôi thậm chí còn đọc Hệ tư tưởng Đức một lần. Tôi thậm chí có thể đọc giá trị số pi tới mười sáu chữ số thập phân. Liệu tôi có vẫn sẽ là trò cười? Có thể lắm. Bọn người ngoài hành tinh sẽ cười cho thối mũi.

“Thưa, cậu có muốn nghe chút nhạc gì không?” người lái xe hỏi.

“Ý hay đấy,” tôi đáp.

Và ngay lúc đó một khúc ballad của Chopin lan tỏa trong xe. Tôi có cảm giác mình đang ở trong phòng thay đồ tại một đám cưới.

“Này bác,” tôi hỏi người lái xe, “Bác có biết giá trị của số pi không?”

“Cậu muốn hỏi cái số 3,14 gì đó ấy à?”

“Chính nó đấy. Bác biết bao nhiêu số thập phân?”

“Tôi biết đến ba mươi chữ số thập phân,” người lái xe nói nhanh. “Ngoài đó ra, thì...”

“Ba mươi chữ số ư?”

“Có cả mẹo cho vụ đó, nhưng mà đúng vậy đấy. Tại sao cậu hỏi tôi thế?”

“Ồ, thật ra thì không có gì đâu,” tôi nói, tiu nghỉu. “Không sao cả.”

Vậy là chúng tôi nghe nhạc Chopin trong khi chiếc xe limousine nhích được chục mét. Mọi người trong các xe xung quanh nhìn cái xe khổng lồ của chúng tôi một cách thù địch. Không có gì là quá thoải mái, khi mình là tâm điểm của quá nhiều chú ý, ngay cả khi có cả cửa kính chắn sáng.

“Giao thông tệ quá,” tôi nói.

“Đúng thế, nhưng chắc chắn là rạng sáng mai thôi giao thông sẽ đỡ hơn.”

“Thì đành là thế, nhưng bác không thấy khó chịu à?”

“Tất nhiên rồi. Tôi cáu tiết, tôi bực mình. Nhất là khi tôi đang vội đi đâu. Nhưng tôi coi đó như một phần của việc rèn luyện chúng ta. Nổi cáu với đồng nghĩa chịu thất bại trên đời này.”

“Nghe cứ như một lý giải theo quan điểm tôn giáo về nạn tắc xe nếu như từng có lý giải kiểu đó.”

“Tôi là người Cơ Đốc. Tôi không đi nhà thờ, nhưng tôi luôn theo đạo Cơ Đốc.”

“Thật vậy sao? Bác không thấy việc là người theo đạo Cơ Đốc với việc làm tài xế ô tô nhân vật cánh hữu lớn có gì mâu thuẫn à?”

“Ông Chủ là người đáng kính. Sau Chúa, người đáng kính nhất mà tôi từng gặp.”

“Bác đã gặp Chúa ư?”

“Tất nhiên rồi. Đêm nào tôi cũng gọi điện cho Ngài.”

“Sao cơ?” tôi lắp bắp. Mọi thứ lại bắt đầu lộn xộn trong đầu tôi. “Nếu ai cũng gọi cho Chúa thì chẳng phải đường dây lúc nào cũng bận liên tục? Giống như tổng đài ngay giữa trưa.”

“Không vấn đề gì. Chúa là sự hiện diện đồng thời của cậu. Vậy nên ngay cả khi triệu người cùng gọi cho Ngài cùng một lúc, Ngài vẫn có thể nói chuyện đồng thời với tất cả mọi người.”

“Tôi không phải chuyên gia gì, nhưng cách giải thích như thế có chính thống không? Ý tôi là, nói về mặt thần học.”

“Tôi là người có quan điểm cấp tiến. Đó là lý do tại sao tôi không đi nhà thờ.”

“Tôi hiểu rồi,” tôi nói.

Chiếc limousine nhích lên được năm mươi mét. Tôi đưa một miếng thuốc lên môi, và khi bắt đầu châm lửa thì tôi nhận ra mình đã cầm chiếc bật lửa trong tay suốt cả quãng thời gian ấy. Tôi đã cầm theo chiếc bật lửa bạc hiệu Dupont có khắc hình con cừu mà không hề hay biết. Cảm giác nó vừa như đúc cùng khuôn với lòng bàn tay tôi một cách tự nhiên như thể tôi sinh ra đã có nó rồi. Sự cân bằng và cảm giác nó mang lại thật tuyệt vời. Sau khi suy nghĩ vài giây, tôi quyết định nó thuộc về tôi. Ai hơi đâu mà đi nhớ hoài đến một hai chiếc bật lửa. Tôi mở đóng nắp vài lần, châm thuốc rồi đút chiếc bật lửa vào túi. Bù lại, tôi lên thả chiếc bút bi Bic dùng một lần vào ngăn để đồ ở cửa xe.

“Ông Chủ đưa nó cho tôi mấy năm trước.” Người lái xe bỗng nhiên lên tiếng.

“Đưa cho bác cái gì kia?”

“Số điện thoại của Chúa.”

Tôi bật lên một tiếng rên lớn đến mức nó lấn át mọi thứ khác. Hoặc là tôi đang phát điên hoặc là bọn họ đều mất trí hết.

“Ông ấy bí mật nói ình bác nghe ư?”

“Đúng thế. Chỉ mình tôi, một cách bí mật. Ông ấy là người tinh tế. Cậu có muốn biết thêm về Ngài không?”

“Nếu được,” tôi nói.

“Xem nào, đó là số Tokyo 9-4-5-...”

“Đợi chút đã,” tôi nói, rút sổ tay và bút ra. “Nhưng bác thật sự nghĩ là kể cho tôi chuyện này sẽ không sao chứ?”

“Tất nhiên rồi, không vấn đề gì. Tôi không đi rêu rao vô tội vạ đâu. Mà cậu có vẻ như một người tử tế.”

“Ồ, cảm ơn bác,” tôi nói. “Nhưng liệu tôi biết nói với Chúa về chuyện gì? Tôi lại không phải người theo đạo Cơ Đốc.”

“Không vấn đề gì. Tất cả những gì cậu cần làm là nói một cách thành thực về bất cứ điều gì làm cậu băn khoăn hay lo lắng. Cho dù cậu nghĩ chuyện đó có nhỏ nhặt đến mức nào. Chúa không bao giờ thấy chán và không bao giờ cười nhạo cậu.”

“Cảm ơn bác. Tôi sẽ gọi cho Ngài.”

“Đó mới đúng tinh thần chứ,” người lái xe nói.

Dòng xe cộ bắt đầu trôi suôn sẻ và tòa nhà chọc trời khu Shinjuku bắt đầu hiện ra trong tầm mắt. Chúng tôi không nói gì trong cả quãng đường còn lại.

26. Phần Vi- Chương 20

Chương 20: Cuối Hè, Đầu Thu

Vào lúc chiếc xe limousine tới nơi, màu nhàn nhạt của buổi chạng vạng đã lan tỏa trên thành phố. Một làn gió nhẹ thổi giữa các tòa nhà báo hiệu sự kết thúc của mùa hè, làm vấy của đám đàn bà con gái trên đường đi làm về kêu sột soạt. Tôi lên trên tầng thượng của khách sạn cao tầng, vào một quầy bar rộng thênh thang, gọi một chai Heineken. Phải mất mười phút bia mới được mang tới. Trong lúc đó tôi chống khuỷu lên tay vịn ghế, tựa đầu lên tay và nhắm mắt lại. Không suy nghĩ gì hết. Mắt nhắm nghiền, tôi có thể nghe hàng trăm con tiểu yêu đang dùng những chiếc chổi bé tí xiu quét dọn trong tâm trí tôi. Chúng cứ tiếp tục quét mãi, quét mãi. Không một con nào có ý nghĩ dùng xẻng hót rác cả.

Khi bia cuối cùng cũng được mang tới, tôi làm hai ngụm hết sạch. Rồi tôi ăn hết cả đĩa lạc để nhắm với bia. Tiếng chổi quét vẫn không dừng lại.

Tôi đi lại quầy điện thoại cạnh bàn tiếp tân và thử gọi cho cô bạn gái tôi, người có đôi tai tuyệt đẹp. Nhưng cô không ở nhà cô mà cũng không ở nhà tôi. Có lẽ cô đã ra ngoài đi ăn. Cô không bao giờ ăn ở nhà.

Tiếp đến tôi thử gọi cho vợ cũ. Tôi nghĩ lại và đập máy sau hồi chuông thứ hai. Xét cho cùng thì tôi chẳng có gì để nói với cô ta, và tôi không muốn gây cho cô ta cảm giác tôi là một thằng đêu.

Sau hai người đó, chẳng còn ai để mà gọi. Ở ngay giữa một thành phố với hàng triệu người đi trên phố mà không có ai để chuyện trò. Tôi từ bỏ ý định gọi điện, rút túi đồng mười yên, rời buồng điện thoại. Sau đó tôi gọi một người hầu bàn đang chạy ngang qua, bảo mang cho hai chai Heineken nữa.

Và thế là kết thúc một ngày. Một ngày không thể vô nghĩa hơn. Ngày cuối cùng của mùa hè, và ngày đó có gì tốt đẹp đây? Bên ngoài, bóng tối của mùa thu sớm đã bao trùm lên mọi thứ. Từng dãy đèn đường nhỏ xíu màu vàng xâu chuỗi phía dưới. Nhìn từ trên này, chúng trông như sẵn sàng để người ta giẫm đạp lên.

Bia được mang tới. Tôi uống cạn một chai rồi đổ đĩa lạc vào lòng bàn tay và bắt đầu nhấm nháp, từng tí một. Bốn người phụ nữ trung niên vừa kết thúc buổi học bơi ở bể khách sạn, ngồi bàn bên cạnh chuyện trò bên mấy ly cocktail nhiệt đới sắc sỡ. Một người hầu bàn khác giải thích thực đơn ột cặp vợ chồng trung niên người Mỹ. Sau đĩa lạc, tôi uống nốt chai Heineken thứ ba. Uống hết rồi, tôi không biết làm gì với tay mình nữa.

Tôi móc chiếc phong bì nơi sau túi quần hiệu Levi's ra, bóc dấu niêm phong và bắt đầu xếp tiền mười ngàn yên. Trông nó giống như một xấp bài hơn là một cọc tiền mới được xếp chặt. Được nửa chừng, ngón tay tôi bắt đầu mỏi. Đếm đến tờ chín mươi sáu, một người hầu bàn đứng tuổi đến dọn mấy cái chai rỗng, hỏi xem có mang thêm chai khác không. Tôi gạt đầu và tiếp tục đếm. Ông ta có vẻ như chẳng thêm đoái hoài gì đến việc tôi đang làm.

Tổng cộng có một trăm năm mươi tờ. Tôi cất chúng vào trong phong bì và nhét vào túi quần sau đúng lúc chai bia mới được mang ra. Tôi lại ăn hết cả đĩa lạc, và chính lúc đó tôi mới chợt nhận ra mình thấy đói. Nhưng tại sao tôi lại đói bụng đến thế? Tôi chỉ ăn một lát bánh hoa quả kể từ sáng đến giờ.

Tôi kêu người hầu bàn, gọi một bánh kẹp pho mát và dưa chuột. Không khoai tây rán, cho gấp đôi dưa chuột muối. Không biết họ có kéo cắt móng tay không? Tất nhiên rồi, họ có kéo cắt móng tay. Quầy bar khách sạn thật sự có tất cả mọi thứ người ta có thể cần tới. Một chỗ còn có cả từ điển Pháp-Nhật khi tôi cần.

Tôi nhấm nha nhấm nháp chai bia còn lại, ngắm khung cảnh buổi đêm thật lâu, thong thả cắt móng tay trên chiếc gạt tàn. Tôi quay qua ngắm khung cảnh, sau đó giữa móng. Và cứ thế đến hết đêm. Tôi đang trên đường trở thành cao thủ về chuyện giết thời gian nơi đô thị.

Một chiếc loa âm trầm gọi tên tôi. Ban đầu nghe có vẻ như không phải tên của tôi. Phải mất vài giây sau khi loa thông báo xong tôi mới nhận thức được tôi vừa nghe những âm tiết đặc biệt của tên mình, và rồi dần dần nhận ra đó chính là tên tôi thật.

Người phục vụ đem ra bàn một chiếc điện thoại không dây.

“Kế hoạch có một thay đổi nhỏ,” giọng nói mà tôi biết vang lên từ một nơi nào đó. “Tình trạng của Ông Chủ đột nhiên diễn biến theo chiều hướng xấu. Tôi sợ là không còn mấy thời gian nữa. Vì thế chúng tôi phải giảm thời gian tối đa của cậu.”

“Tôi còn bao lâu?”

“Một tháng. Chúng tôi không thể đợi lâu hơn nữa. Nếu sau một tháng cậu không tìm ra con cừu đó, cậu coi như xong. Cậu sẽ không còn nơi nào để quay trở lại nữa.”

Một tháng. Tôi suy nghĩ kỹ. Nhưng đầu tôi không có khả năng xử lý khái niệm thời gian. Một tháng, hai tháng, có sự khác biệt thật sự nào không? Hơn nữa đã có ai có bất kỳ ý kiến gì, bất kỳ tiêu chuẩn nào, về việc cần bao nhiêu thời gian để tìm ra một con cừu cơ chứ?

“Làm sao ông biết tìm tôi ở đây?” tôi hỏi.

“Chúng tôi kiểm soát được hầu hết mọi thứ,” người đàn ông nói.

“Trừ chỗ ở của một con cừu,” tôi nói.

“Đúng như vậy,” người đàn ông nói. “Dù sao thì, vào việc đi, cậu để phí quá nhiều thời gian đấy. Cậu nên xem xét đến vị thế hiện tại của cậu. Cậu chỉ có thể đổ lỗi cho chính mình về việc cậu đã dồn bản thân vào chân tường.”

Ông ta nói có lý. Tôi dùng tờ bạc mười ngàn yên đầu tiên trong phong bì để trả hóa đơn. Dưới kia trên mặt đất người ta vẫn đi lại trên hai chân, nhưng cảnh tượng không còn an ủi tôi được mấy nữa.

27. Phần VII - Chương 25

PHẦN VII: CÔNG VỤ Ở KHÁCH SẠN CÁ HEO - CHƯƠNG 25: DỊCH CHUYỂN HOÀN THÀNH TẠI RẠP CHIẾU PHIM; ĐẾN KHÁCH SẠN CÁ HEO

Trong cả chuyến bay, cô ngồi cạnh cửa sổ ngắm phong cảnh bên dưới. Tôi ngồi cạnh cô đọc cuốn Những Cuộc Phiêu Lưu Của Sherlock Holmes. Không hề có lấy một gợn mây trong suốt quãng thời gian, máy bay bay trên bóng của nó trên mặt đất. Hay nói chính xác hơn, vì chúng tôi ở bên trong máy bay, bóng chúng tôi cũng hiện ra bên trong bóng máy bay đang lướt qua núi non và cánh đồng kia. Thế có nghĩa là chúng tôi cũng được in vào đất.

“Em thật sự thích cái ông đó,” cô nói sau khi uống nước cam.

“Cái ông nào?”

“Người lái xe.”

“Hừm,” tôi nói, “anh cũng thích ông ấy.”

“Và thật là một cái tên hay, ‘Cá Trích’.”

“Chắc chắn rồi. Tên hay. Có lẽ con mèo ở với bác ta sướng hơn là ở với anh.”

“Đừng có ‘con mèo’, mà là ‘Cá Trích’.”

“Đúng vậy. ‘Cá Trích’.”

“Tại sao anh không đặt tên cho con mèo suốt bấy lâu nay?”

“Quả vậy, tại sao nhỉ?” tôi bối rối. Rồi tôi châm thuốc bằng chiếc bật lửa khắc hình con cừu. “Chắc tại anh không thích tên. Về cơ bản, anh không thấy có gì là sai khi gọi anh là ‘anh’ hay em là ‘em’ hay chúng ta là ‘chúng ta’ hay họ là ‘họ’.”

“Hừm,” cô nói. “Dù vậy, em thật sự thích từ ‘chúng ta’. Nó có một vẻ gì đó của Kỷ Băng hà.”

“Kỷ Băng hà ư?”

“Như ‘Chúng ta đi về phía Nam’ hay ‘Chúng ta đi săn voi ma mút’ hay...”

Khi chúng tôi bước ra ngoài sân bay Chitose, trời lạnh hơn chúng tôi tưởng. Tôi mặc một cái áo bò bên ngoài áo phông, cô áo gi lê len bên ngoài áo sơ mi. Mùa thu đã đến trên vùng đất này trước Tokyo cả một tháng.

“Chúng ta không phải đi vào Kỷ Băng hà, đúng không?” cô hỏi tôi trên xe buýt đến Sapporo. “Anh đi săn voi ma mút, em nuôi con.”

“Nghe khá là hấp dẫn đấy,” tôi nói.

Chẳng bao lâu cô ngủ thiếp đi, để mặc tôi trông qua khung cửa sổ xe, nhìn đắm đắm những dải rừng sâu nối dài bất tận hai bên đường.

Khi tới thành phố, đầu tiên chúng tôi nhảy vào một tiệm cà phê.

“Ngay bây giờ, chúng ta hãy lên lịch hành động,” tôi nói. “Mình sẽ phải chia nhau ra. Thế tức là, anh đi tìm phong cảnh trong bức ảnh. Em đi tìm con cừu. Làm thế sẽ tiết kiệm được thời gian.”

“Rất thực tế.”

“Ấy là nếu mọi việc tiến triển tốt,” tôi bổ sung. “Dù sao thì, em có thể tìm những trang trại nuôi cừu chủ yếu ở Hokkaido trước đây và tìm hiểu các giống cừu. Em có thể tìm những gì mình cần tại một cơ quan chính quyền hoặc thư viện địa phương.”

“Em thích thư viện,” cô nói.

“Vây thì tốt.”

“Em bắt tay vào việc ngay chứ?”

Tôi nhìn đồng hồ. Ba giờ rưỡi. “Thôi, cũng muộn rồi. Hãy bắt đầu vào ngày mai. Hôm nay mình cứ thư thả thôi, kiếm một chỗ nghỉ, ăn tối, tắm tãp và ngủ một chút.”

“Em sẽ không từ chối đi xem một bộ phim,” cô nói.

“Một bộ phim ư?”

“Mình tiết kiệm được bao nhiêu thời gian do đi máy bay mà.”

“Ý hay đó,” tôi nói. Thế là chúng tôi tạt vào rạp chiếu phim đầu tiên mình thấy.

Rốt cuộc chúng tôi xem một suất đúp phim hình sự – siêu nhiên. Hầu như không có một mống nào trong rạp. Lâu lắm rồi tôi không vào một rạp chiếu phim vắng như vậy. Tôi đếm số người trong rạp để giết thời gian. Tám, gồm cả chúng tôi. Trong phim còn nhiều nhân vật hơn.

Hai bộ phim này là ví dụ điển hình của phim tồi. Loại phim làm người ta cảm thấy muốn quay ra khỏi rạp ngay lúc đầu đề hiện ra sau tiếng gầm của con sư tử MGM. Thật đáng kinh ngạc là phim như thế vẫn còn tồn tại.

Phim đầu là phim siêu nhiên. Con quỷ, sống trong căn hầm dột nát ẩm thấp của nhà thờ thị trấn và thao túng mọi thứ qua nhà thuyết pháp yếu đuối, đã chiếm thị trấn. Nhưng câu hỏi thật sự ở đây là tại sao con quỷ lại muốn chiếm thị trấn cơ chứ. Cả thị trấn chẳng có gì ngoài mấy khối nhà thảm thương bao quanh là cánh đồng ngô.

Tuy nhiên, con quỷ này bị cái thị trấn ấy ám ảnh khủng khiếp và nổi cơn thịnh nộ khi một bé gái duy nhất không chịu khuất phục bùa mê của nó. Khi con quỷ điên lên, thân thể nó lắc lư như đám thạch màu xanh run rẩy. Phải thú thật là có một vẻ gì đó đáng yêu trong cơn giận dữ đó.

Ngay đằng trước chúng tôi là một người đàn ông trung niên gầy như còi báo hiệu sương mù. Ở phía tận cùng bên phải đang diễn ra màn hôn hít sờ soạng nặng đô. Đằng sau, người nào đó đánh một cái rầm to đùng. To đến mức khiến người đàn ông trung niên dừng ngáy mất một lúc. Một cặp nữ sinh trung học cười khúc khích.

Theo phản xạ, tôi nghĩ đến Cá Trích. Và chỉ khi đó tôi mới chợt nhận ra chúng tôi đã thực sự rời Tokyo và hiện đang ở Sapporo.

Đó mới thật buồn cười.

Giữa những ý nghĩ này tôi thiếp đi. Trong giấc mơ tôi gặp con quỷ xanh đó, nhưng nó không đáng yêu chút nào. Nó yên lặng mãi và tôi chỉ quan sát mưu đồ của nó.

Trong khi đó, bộ phim kết thúc, đèn bật lên, và tôi thức dậy. Mỗi khán giả đều ngáp như thể theo thứ tự được định trước. Tôi đến quầy bán đồ ăn nhẹ mua kem cho chúng tôi. Kem cứng như đá, có lẽ còn thừa lại từ mùa hè trước.

“Anh ngủ trong suốt bộ phim à?”

“À há,” tôi nói. “Phim thể nào?”

“Khá thú vị. Cuối cùng, cả thị trấn nổ tung.”

“Ái chà chà.”

Rạp chiếu phim yên lặng một cách chết chóc. Hoặc đúng hơn là mọi thứ quanh chúng tôi yên lặng một cách chết chóc. Không phải là một việc hay xảy ra.

“Này,” cô nói, “có vẻ như cơ thể ta đang ở trong trạng thái dịch chuyển hay sao ấy?”

Giờ khi cô nói ra, nó đúng là như vậy.

Cô cầm tay tôi. “Hãy cứ ở yên như thế này nhé. Em sợ.”

“Được thôi,”

“Nếu không ở yên như thế này, chúng ta có thể bị chuyển đến một nơi nào khác. Một chỗ điên rồ nào đó.”

Trong khi bên trong rạp lại tối dần và bộ phim mới tiếp tục, tôi vén tóc cô qua một bên và hôn tai cô. “Không sao đâu. Đừng sợ.”

“Có lẽ anh đúng,” cô nói khẽ. “Xét cho cùng, em nghĩ lẽ ra chúng ta nên đi lại trên phương tiện vận chuyển có tên.”

Trong một giờ rưỡi sau đó, từ lúc bắt đầu cho đến lúc hết phim, chúng tôi ở trong trạng thái di chuyển yên lặng trong bóng tối. Đầu cô dựa trên vai tôi suốt cả quãng thời gian ấy. Vai tôi trở nên ấm và ẩm vì hơi thở của cô.

Chúng tôi ra khỏi rạp chiếu phim và tản bộ dọc con phố trong ánh chạng vạng, tay tôi khoác vai cô. Chúng tôi cảm thấy gần gũi nhau hơn bao giờ hết. Sự hồi hã của khách bộ hành đem lại cảm giác khuây khỏa; những ngôi sao mờ nhạt chiếu sáng trên bầu trời.

“Liệu hai chúng ta có thật sự đang ở đúng thành phố không?” cô hỏi.

Tôi nhìn lên trời. Sao Bắc Đẩu ở đúng vị trí, nhưng không hiểu sao trông nó giống như sao Bắc Đẩu giả. Quá lớn, quá sáng.

“Anh cũng không biết,” tôi nói.

“Em cảm thấy như mình ở không đúng chỗ,” cô nói.

“Đó là cảm giác khi đến một thành phố mới. Cơ thể người ta chưa hoàn toàn quen với nó.”

“Nhưng sau một hồi người ta sẽ quen với nó, đúng không anh?”

“Sau hai ba ngày em sẽ ổn thôi,” tôi nói.

Khi đã mệt vì đi bộ, chúng tôi vào tiệm ăn đầu tiên mình thấy, uống bia hơi, gọi cá hồi và khoai tây. Chúng tôi bước vào đó tình cờ không hoạch định gì và gặp may. Bia thật vừa ý tôi và thức ăn thật ngon.

“Xem nào,” tôi nói sau chầu cà phê, “em nói sao nếu chúng mình kiếm một chỗ nghỉ?”

“Em đã hình dung ra chỗ ấy rồi,” cô nói.

“Như thế nào?”

“Đừng bận tâm. Hãy lấy ra danh sách khách sạn và đọc tên theo thứ tự.”

Tôi nhờ người hầu bàn mang ra cuốn danh bạ và bắt đầu đọc những cái tên liệt kê trong mục “Khách sạn, Quán trọ”. Sau bốn mươi tên, cô ngắt lời tôi.

“Chính nó đó.”

“Cái nào?”

“Cái anh vừa đọc.”

“Khách sạn Cá Heo,” tôi nói.

“Đó là nơi chúng ta sẽ nghỉ.”

“Chưa bao giờ nghe đến.”

“Nhưng em không thể hình dung chúng ta ở bất cứ khách sạn nào khác.”

Tôi trả lại cuốn danh bạ điện thoại, rồi gọi tới khách sạn Cá Heo. Một người đàn ông với giọng nói không có gì đặc biệt trả lời, cho biết họ còn phòng đôi và phòng đơn. Thế có loại phòng nào khác ngoài phòng đôi và phòng đơn không? Không. Chỉ có phòng đôi và phòng đơn thôi. Rồi tung rỗi mù, tôi đặt một phòng đôi. Giá: rẻ hơn bốn mươi phần trăm giá tôi dự tính.

Khách sạn Cá Heo nằm cách rạp chiếu phim chúng tôi đến xem ba khối nhà về phía Tây và một khối nhà về phía Nam. Một chỗ nhỏ thôi, hoàn toàn không có gì nổi bật. Sự thiếu nổi bật của nó rất siêu hình. Không đèn hiệu neon, không bảng hiệu lớn, thậm chí không có một lối đi vào thật sự. Cánh cửa kính đằng trước trông như lối bếp cho nhân viên, cạnh nó chỉ là một tấm bảng bằng đồng khắc chữ KHÁCH SẠN CÁ HEO. Thậm chí không có lấy một hình cá heo.

Tòa nhà cao năm tầng, nhưng nom chẳng khác gì một hộp diêm khổng lồ dựng thẳng lên. Nó không đặc biệt cũ kỹ; tuy vậy nó vẫn ọp ẹp một cách đáng báo động. Nhiều khả năng nó đã ọp ẹp từ lúc mới xây.

Đây là khách sạn Cá Heo của chúng tôi.

Tuy vậy, có vẻ như cô yêu thích chốn này ngay từ lúc nhìn thấy nó.

“Không phải một khách sạn tồi, anh nhỉ?” cô nói.

“Không tồi ư?” tôi đáp lại lời cô.

“Ấm áp, không điệu dàng kiểu cách.”

“Không điệu dàng kiểu cách,” tôi nhắc lại. “Khi nói điệu dàng kiểu cách, anh chắc là em có ý khăn trải giường sạch sẽ hay bồn rửa không bị rò rỉ hay máy điều hòa hoạt động hay giấy vệ sinh mềm một cách hợp lý hay xà phòng mới hay rèm cửa chống say nắng.”

“Anh lúc nào cũng nhìn vào mặt trái của vấn đề,” cô cười. “Dù sao thì mình đến đây có phải để du lịch đâu cơ chứ.”

Khi mở cửa, tôi nhận ra tiền sảnh rộng hơn tôi tưởng. Ở giữa sảnh là bộ bàn ghế phòng khách và một chiếc ti vi màu lớn đang có một chương trình thi đồ trên ti vi. Chẳng thấy một ma nào.

Những chậu cây cảnh lớn nằm hai bên cửa trước, lá cây đã héo, gần ngả màu nâu. Tôi đứng đó quan sát mọi thứ. Tiền sảnh thật ra chật hẹp hơn nhiều so với cảm nhận ban đầu. Trước nó có vẻ lớn vì có quá ít đồ đạc. Bộ bàn ghế dùng cho phòng khách, đồng hồ quả lắc và một tấm gương.

Không còn gì hết.

Tôi lại gần xem xét kỹ chiếc đồng hồ và tấm gương. Cả hai đều là quà kỷ niệm nhân một sự kiện nào đó. Đồng hồ sai bảy phút; tấm gương làm đầu tôi vụng vụng trên thân.

Bộ bàn ghế dùng cho phòng khách cũng ọp ẹp như bản thân khách sạn vậy. Chiếc xô pha màu cam không chút quyến rũ, loại màu cam có được khi ta bỏ mặc vải dệt bị nắng thiêu đốt một cách có chủ đích ra ngoài trời mưa trong một tuần, rồi quăng vào hầm cho tới khi nó bị mốc lên. Đây là loại màu cam từ những ngày đầu của phim màu.

Nhìn kỹ hơn thì thấy một người đàn ông trung niên đang trên đà hói, nằm thẳng đuột như con cá khô, ngủ trên chiếc ghế tựa dài của bộ bàn ghế. Thoạt tiên, tôi nghĩ ông ta đã chết, nhưng mũi ông ta giật giật. Có cả vết lõm của kính mắt trên sống mũi ông ta, nhưng không thấy kính đâu. Điều đó có nghĩa ông ta không ngủ thiếp đi khi xem ti vi. Thế sẽ không hợp lý.

Tôi đứng ở bàn tiếp tân mà nhìn qua quầy. Không có ai ở đó. Cô rung chuông. Tiếng chuông vang khắp tiền sảnh.

Chúng tôi đợi ba mươi giây nhưng không ai trả lời. Người đàn ông trên chiếc ghế tựa dài không hề cựa quậy.

Cô rung chuông lần nữa.

Giờ thì người đàn ông trên chiếc ghế tựa dài cần nhần. Một kiểu cần nhần tự tổ cáo. Rồi ông ta mở mắt và nhìn chúng tôi một cách vô hồn.

Cô rung chuông lần thứ ba, một hồi chuông ra trò.

Người đàn ông nhảy bật dậy và lao qua tiền sảnh. Ông ta đi ngang tôi và đến sau quầy. Ông ta là lễ tân.

“Tôi thật tệ quá,” ông ta nói. “Tôi thật sự tệ quá. Ngủ thiếp đi trong lúc đợi anh chị.”

“Xin lỗi đã đánh thức ông,” tôi nói.

“Không sao cả,” người lễ tân nói. Ông ta mang ra một thẻ đăng ký và một chiếc bút bi. Tay trái ông ta bị khuyết đầu ngón út và ngón giữa.

Tôi điền tên mình lên tấm thẻ nhưng nghĩ lại liền vo tròn tấm thẻ đút vào túi. Tôi lấy một tấm thẻ khác rồi điền một cái tên và địa chỉ giả. Một cái tên và địa chỉ bình thường thôi, nhưng không đến nỗi nào đối với một cái tên và địa chỉ tạo nên do-tình-thể-bắt-buộc. Nghề nghiệp thì tôi ghi là kinh doanh nhà đất.

Người lễ tân nhặt cặp kính gọng celluloid dày cộp bên cạnh điện thoại lên rồi nhìn kỹ tấm thẻ đăng ký.

“Suginami, Tokyo,... 29 tuổi, kinh doanh nhà đất.”

Tôi lấy một tờ giấy lau trong túi ra chùi mực ở ngón tay.

“Anh đến đây công tác à?” người lễ tân hỏi.

“Ồ, đại loại thế,” tôi nói.

“Anh ở bao nhiêu đêm?”

“Một tháng,” tôi nói.

“Một tháng?” Ông ta ném cho tôi một cái nhìn ngạc nhiên. “Anh sẽ ở đây cả một tháng ư?”

“Thế có gì không ổn không?”

“Không, à, không có gì không ổn cả, nhưng mà, chúng tôi muốn anh trả tiền ba ngày một lần.”

Tôi đặt túi xuống sàn, đếm hai mươi đồng mười ngàn yên, đặt lên quầy.

“Còn nữa nếu số đó hết,” tôi nói.

Người tiếp tân vốc tiền lên bằng ba ngón tay trái và đếm chúng bằng tay phải. Rồi ông ta viết hóa đơn. “Anh có yêu cầu đặc biệt gì về phòng ốc không?”

“Nếu được thì một phòng trong góc xa thang máy.”

Người lễ tân quay đi và nheo mắt nhìn bảng treo chìa khóa. Sau một lúc chần chừ, ông chọn phòng 406. Bảng treo chìa khóa hầu như còn đầy. Một câu chuyện thành công thật sự, khách sạn Cá Heo.

Không có thứ gọi là người trực tầng, thế là chúng tôi khiêng túi ra thang máy. Như cô nói, không điệu dàng kiểu cách. Thang máy lắc lư như con chó già bị bệnh phổi.

“Nếu ở dài ngày, không gì tốt hơn một khách sạn nhỏ, cơ bản.”

“Khách sạn nhỏ, cơ bản” – một lối diễn đạt không đến nỗi nào. Giống như được lấy ra từ trang du lịch của một tạp chí thời trang cho phụ nữ: “Sau một chuyến đi dài ngày, một khách sạn nhỏ, cơ bản chính là điều bạn cần.”

Tuy thế, việc đầu tiên tôi làm khi mở cửa phòng khách sạn nhỏ, cơ bản của chúng tôi là nhặt một chiếc dép để đập con gián đang bò trên khung cửa sổ. Rồi tôi nhặt hai chiếc lông mu cạnh chân giường lén thả vào

sốt rác. Nhìn thấy gián ở Hokkaido là một trải nghiệm mới cho tôi. Trong lúc đó, cô điều chỉnh nhiệt độ nước trong bồn tắm. Và tin tôi đi, cái vòi nước ấy ồn kinh khủng.

“Anh đã bảo mà, chúng ta nên ở một khách sạn tốt hơn,” tôi mở cửa bồn tắm và nói tương lên với cô. “Chúng ta có thừa tiền mà.”

“Đây không phải vấn đề tiền nong. Cuộc săn tìm cừu của chúng ta bắt đầu ở đây. Không tranh luận gì nữa, nó phải là ở đây.”

Tôi nằm duỗi dài trên giường, hút một điếu thuốc, bật ti vi lên, thử tắt cả các kênh rồi tắt đi. Thứ duy nhất tử tế ở đây là sóng thu. Lúc này đây, tiếng nước chảy vào bồn tắm ngừng và quần áo cô bay vèo ra ngoài, theo sau là âm thanh của vòi hoa sen cầm tay.

Kéo rèm cửa sang hai bên, tôi nhìn ra một nhóm lô xô những tòa nhà bần thủ cũng khó hiểu như khách sạn Cá Heo của chúng tôi. Tòa nhà nào cũng có màu xám tro dơ dáy và chỉ nhìn thôi cũng biết chúng sặc mùi nước đái. Mặc dù đã chín giờ, tôi có thể trông thấy những người trong vài khung cửa sổ sáng đèn đang bận rộn làm việc. Tôi không thể đoán được đó là loại công việc gì, nhưng không một ai trông thật sự hạnh phúc. Tất nhiên, trong mắt họ, có lẽ trông tôi cũng hơi đau khổ.

Tôi kéo rèm lại và quay về giường, lăn tròn trên tấm khăn trải giường được hồ cứng như nhựa đường, nghĩ về cô vợ cũ. Tôi nghĩ về người đàn ông hiện cô ta đang sống cùng. Tôi biết hầu hết mọi thứ cần biết về hắn ta. Xét cho cùng hắn từng là bạn tôi, vậy sao tôi không biết chứ? Hai mươi bảy tuổi. Một tay ghi ta nhạc jazz không nổi tiếng lắm, nhưng đủ chuyên nghiệp so với những tay ghi ta nhạc jazz không nổi tiếng lắm. Một thằng cha không đến nỗi nào. Dù không có phong cách gì. Năm nay hắn trôi giạt giữa Kenny Burrell và B.B.King, năm tới đã lại giữa Larry Coryell và Jim Hall.

Tại sao cô ta bỏ tôi để theo hắn, tôi không hiểu được. Phải thừa nhận là người ta có thể chọn ra những tính cách đặc biệt của cá nhân. Tuy nhiên điều duy nhất hắn hơn tôi là hắn biết chơi ghi ta và điều duy nhất tôi hơn hắn là tôi có thể rửa bát đĩa. Hầu hết những tay chơi ghi ta không thể rửa bát đĩa. Nó làm hỏng ngón tay và mọi thứ sẽ đi tong.

Rồi tôi chợt nhận ra mình đang nghĩ đến chuyện làm tình với cô ta. Vậy là một cách tự nhiên tôi cố thử đếm số lần chúng tôi quan hệ trong bốn năm lấy nhau. May mắn lắm thì tôi sẽ có một con số xấp xỉ, và phải thú nhận là một con số xấp xỉ có nghĩa lý gì đâu? Lẽ ra tôi nên ghi nhật ký. Hoặc ít nhất là đánh dấu gì đó vào trong sổ. Nếu làm thế tôi đã có thể có được con số chính xác. Sổ chính xác đem lại ọi thứ một cảm giác hiện thực.

Vợ cũ tôi lưu giữ những ghi chép chính xác về tình dục. Nói thế không có nghĩa cô ta ghi nhật ký theo nghĩa thông thường. Cô ta chép vào một cuốn sổ mọi thông tin chính xác về các kỳ hành kinh của cô ta ngay từ năm đầu tiên và ghi cả chuyện sinh hoạt tình dục để tham khảo thêm. Tổng cộng có đến tám cuốn sổ như thế, tất cả đều được giữ trong ngăn kéo có khóa cùng với những giấy tờ và bức ảnh quan trọng. Cô ta không cho ai xem những thứ này. Tôi chỉ biết cô ta lưu giữ những ghi chép về tình dục. Cô ta viết như thế nào và bao nhiêu, tôi không hề biết. Và giờ đây khi chúng tôi không cùng nhau nữa, tôi có lẽ sẽ không bao giờ biết.

“Nếu em chết,” cô ta từng nói với tôi, “hãy đốt những cuốn sổ này đi. Hãy tắm xăng và để chúng cháy thành tro bụi, rồi đem chôn. Em sẽ không bao giờ tha lỗi cho anh nếu còn sót lại một từ.”

“Nhưng anh là người ngủ với em. Anh biết rõ gần như từng centimet trên người em. Đã đến lúc này thì việc gì phải xấu hổ?”

“Tế bào cơ thể tự thay thế mỗi tháng. Ngay cả chính lúc này đây,” cô ta nói, ấn mạnh mu bàn tay gầy guộc trước mắt tôi. “Hầu hết mọi thứ anh nghĩ anh biết về em chỉ là kỷ niệm.”

Người phụ nữ đó – trừ khoảng thời gian một tháng trước khi ly dị – đã đặc biệt ngăn nắp trong suy nghĩ. Cô ta nhận thức một cách hoàn toàn thiết thực về cuộc đời mình. Điều đó có nghĩa không có cánh cửa nào từng đóng lại mà lại còn mở ra nữa, cũng như theo quy tắc không có cánh cửa nào hoàn toàn mở rộng.

Giờ đây, tất cả những gì tôi biết về cô ta chỉ còn là kỷ niệm. Và những kỷ niệm này ngày càng nhạt nhòa trôi xa dần như những tế bào bị thay thế. Điều này chỉ thuần túy sinh học thôi sao?

28. Phần VII - Chương 26

CHƯƠNG 26: GIÁO SƯ CỪU XUẤT HIỆN

Chúng tôi thức dậy lúc tám giờ sáng hôm sau, mặc quần áo, đi xuống thang máy, ra quán cà phê gần đó ăn sáng. Không, khách sạn Cá Heo không có quán cà phê.

“Như anh nói hôm qua, chúng ta sẽ chia nhau ra,” tôi nói, đưa cho cô bản chụp bức ảnh con cừu. “Anh sẽ tận dụng núi non ở hậu cảnh để tìm ra chỗ đó. Em sẽ nghiên cứu các nơi người ta nuôi cừu. Em biết phải làm gì rồi đấy. Bất kỳ manh mối nào, bất kỳ thứ gì, dù nhỏ nhất đến đâu, đều tốt. Bất kỳ thứ gì cũng tốt hơn lòng sự một cách mù quáng khắp cả hòn đảo Hokkaido này.”

“Em lo được. Để việc đó cho em.”

“Được, mình gặp lại nhau tại khách sạn tối nay nhé.”

“Anh đừng lo lắng quá,” cô nói, đeo kính râm lên. “Rồi anh sẽ thấy việc này dễ như ăn bánh trôi mà.”

Tất nhiên, nó không hề dễ như ăn bánh. Mọi việc không bao giờ xảy ra theo cách đó. Tôi đến Cục Du lịch Địa phương, vòng qua các trung tâm thông tin du lịch và đại lý du lịch khác nhau, hỏi han Hiệp hội Leo núi. Nói chung, tôi đã kiểm tra tất cả mọi chỗ liên quan đến du lịch và núi non. Không ai nhớ đã từng trông thấy dây núi như trong bức ảnh.

“Dây núi đó trông quá đối bình thường,” họ đều nói vậy. “Ngoài ra, bức ảnh chỉ cho thấy một phần nhỏ thôi.”

Cả ngày hỏi han, thế mà thông tin đó lại là thứ gần với tiến triển nhất mà tôi có được. Nghĩa là, tôi nhận ra rằng sẽ khó mà xác định dây núi trong khi không có gì để phân biệt nó, đã vậy lại chỉ có ảnh chụp một phần của chúng mà thôi.

Tôi dừng chân tại một hiệu sách, mua cuốn Những ngọn núi ở Hokkaido và một tập bản đồ, rồi vào một quán cà phê, gọi hai ly bia vị gừng và xem qua những gì mua được. Về núi non thì ở Hokkaido có nhiều núi đến không thể tin được, tất cả đều có cùng một màu sắc và hình dáng. Tôi cố sánh những ngọn núi trong bức ảnh của Chuột với từng ngọn núi trong cuốn sách; sau mười phút, tôi nhức hết cả đầu. Chẳng khuây khỏa gì khi biết rằng số lượng núi trong cuốn sách đại diện ột phần vô cùng nhỏ bé tất cả các ngọn núi ở Hokkaido. Sự việc càng thêm phức tạp bởi một ngọn núi nhìn ở mỗi góc cạnh khác nhau cho ta một ấn tượng hoàn toàn khác nhau.

“Núi non là sinh vật,” tác giả trong lời đề tựa của cuốn sách viết. “Núi non, tùy theo góc nhìn, mùa, thời gian trong ngày, tâm trí người ngắm nhìn, hoặc bất kỳ thứ gì, có thể thật sự thay đổi hình dạng. Vì vậy, nhất thiết phải nhận ra rằng chúng ta không bao giờ biết hơn một mặt, một khía cạnh nhỏ của một ngọn núi.”

“Thật tuyệt chưa,” tôi nói to. Một nhiệm vụ bất khả thi. Lúc chuông điểm năm giờ, tôi đi ra ngoài ngồi trên ghế đá công viên và ăn ngô với lũ chim bồ câu.

Nỗ lực thu thập thông tin của cô khả quan hơn tôi nhiều, nhưng rốt cuộc thì cũng thành vô ích. Chúng tôi sánh ghi chép về những thử thách và gian nan của nhau trong ngày hôm đó bên bữa tối giản dị tại một tiệm ăn đằng sau khách sạn Cá Heo.

“Phòng Chăn nuôi của Chính quyền Địa phương hầu như không biết gì,” cô nói. “Họ đã thôi không theo dõi cừu nữa. Nuôi cừu không được lợi lộc gì. Ít nhất là không lợi lộc đối với trang trại diện rộng hoặc chăn thả tự do.”

“Về một mặt, điều đó khiến cuộc tìm kiếm dễ dàng hơn.”

“Không hẳn vậy. Các chủ trại nuôi súc vật vẫn duy trì chăn nuôi cừu và thậm chí còn có hẳn nghiệp đoàn riêng, việc này được nhà chức trách kiểm soát. Tuy nhiên, với việc nuôi cừu diện trung bình và diện nhỏ, khó có thể biết được chính xác số lượng cừu. Ai cũng nuôi vài con cừu cũng gần giống như người ta nuôi chó mèo vậy. Dù sao em cũng đã ghi lại địa chỉ của ba mươi người nuôi cừu mà họ có danh sách, nhưng giấy tờ đã bốn năm rồi, mà trong bốn năm thì người ta di chuyển nhiều lắm. Anh biết không, chính sách nông nghiệp của Nhật Bản cứ ba năm thay đổi một lần như thế đấy.”

“Thật tuyệt chưa,” tôi thở dài vào ly bia. “Có vẻ như mình rơi vào ngõ cụt rồi. Phải có hơn một trăm ngọn núi giống như vậy ở Hokkaido, còn về tình trạng nuôi cừu thì hoàn toàn chẳng có thông tin gì.”

“Đây là ngày đầu tiên. Chúng ta mới chỉ bắt đầu thôi mà.”

“Thế đôi tai em đã nhận được thông điệp gì chưa?”

“Hiện tại thì không có thông điệp gì,” cô nói giữa khi đang ăn cá nính và súp mi. “Em chỉ biết đến thế. Em chỉ nhận được thông điệp tuyệt vọng khi em bối rối hoặc cảm thấy dần vật vờ mặt tinh thần. Nhưng lúc này thì em không như thế.”

“Có phải dây cứu đắm chỉ tung ra khi người ta sắp chết đuối không?”

“Đúng thế. Hiện tại em hài lòng với việc trải nghiệm tất cả những điều này cùng anh, và chừng nào em còn hài lòng, em không nhận được thông điệp. Vì vậy việc tìm ra con cừu đó là tùy thuộc vào chúng mình.”

“Anh cũng không biết nữa,” tôi nói. “Hiểu theo nghĩa nào đó, nếu không tìm ra con cừu ấy chúng ta sẽ gặp rắc rối to. Rắc rối gì thì anh không thể nói, nhưng nếu mấy người đó nói họ sẽ truy ra chúng ta, họ sẽ truy ra thôi. Bọn họ là dân chuyên nghiệp mà. Cho dù Ông Chủ có chết, tổ chức vẫn tồn tại và mạng lưới của họ sẽ mở rộng đến bất cứ nơi nào trên nước Nhật, giống như cồng rãnh vậy. Họ sẽ tóm cổ được hai ta. Nghe thật ngu ngốc, nhưng đúng là như vậy.”

“Nghe cứ như phim Những kẻ xâm lấn vậy.”

“Nghe rất nực cười, anh biết thế. Nhưng sự thật là chúng ta tự mình dẫn sâu vào vụ này rồi, và khi nói ‘chúng ta’ anh muốn nói anh và em. Ban đầu chỉ có mình anh nhưng giờ đây em cũng cùng hoàn cảnh. Em vẫn chưa cảm thấy mình sắp chết đuối sao?”

“Này anh, đây chính là thứ em yêu thích. Để em nói anh nghe, nó còn thú vị hơn là ngủ với người lạ hoặc phải để lộ tai hoặc sửa bản in những cuốn từ điển danh nhân. Đây mới là sống chứ.”

“Nói vậy nghĩa là,” tôi xen vào, “chúng ta sẽ không chết đuối do đó chúng ta không có dây cứu sinh nào.”

“Đúng vậy. Việc tìm ra con cừu đó tùy thuộc vào chúng ta. Cả anh lẫn em đều không có gì để mà phải hối tiếc, thật đấy.”

Có lẽ không.

Chúng tôi quay trở lại khách sạn và ăn nằm với nhau. Tôi thích từ đó, ăn nằm với nhau. Nó chỉ cho phép rất ít khả năng.

Ngày thứ ba và thứ tư của chúng tôi ở Sapporo trôi qua vô ích. Chúng tôi dậy lúc tám giờ, ăn sáng, ngày chia nhau ra, tối đến trao đổi thông tin trong bữa tối, trở về khách sạn, ăn nằm với nhau, rồi ngủ.

Tôi quảng đôi giày thể thao cũ rách đi, mua giày mới và đi loanh quanh đưa bức ảnh cho hàng trăm người xem. Cô lên một danh sách dài những người nuôi cừu dựa trên nguồn từ các cơ quan chính quyền và thư viện, và bắt đầu gọi ọi người trong số đó. Kết quả là con số không. Không ai có thể xác định vị trí ngọn núi, không một người nuôi cừu nào nhớ được con cừu có ngôi sao trên lưng. Một ông già nói ông nhớ đã trông thấy ngọn núi đó ở vùng phía Nam Sakhalin trước chiến tranh. Tôi không tin là Chuột đã đến Sakhalin. Người ta lại không thể gửi một lá thư chuyển phát đặc biệt từ Sakhalin tới Tokyo.

Dần dần, tôi trở nên kiệt sức. Khả năng định hướng của tôi tan biến vào ngày thứ tư. Khi hướng Nam trở thành hướng Đông, tôi mua một chiếc la bàn, nhưng đi loanh quanh với chiếc la bàn chỉ khiến thành phố trông càng kém thật hơn. Các tòa nhà bắt đầu trông giống như những tấm phông của ảnh viện, người đi

lại trên phố như những hình người cắt ra từ bìa các tông. Mặt trời mọc từ một phía của mảnh đất vô vị, bắn lên cao theo đường đạn đại bác hình cung, rồi lặn trên phía kia.

Ngày thứ năm, rồi ngày thứ sáu trôi qua. Tháng Mười dề nặng lên thành phố. Mặt trời khá ấm nhưng gió càng lúc càng mạnh, và đến cuối ngày tôi phải mặc một chiếc áo gió bằng vải cotton mỏng. Phố xá ở Sapporo rộng và thẳng đến sâu người. Cho đến lúc đó, tôi không hề biết là đi bộ quanh một thành phố không có gì ngoài những đường thẳng có thể làm người ta mỗi một đến nhường nào.

Tôi uống bảy tách cà phê mỗi ngày, cứ mỗi tiếng đi giải một lần. Và hầu như không muốn ăn uống gì.

“Sao anh không đăng rao vặt trên báo?” cô đề xuất. “Anh biết đấy, ‘Bạn cần liên lạc’ hay đại loại như vậy.”

“Không phải ý tôi,” tôi nói. Có kết quả hay không cũng chẳng quan trọng; còn hơn là không làm gì hết.

Thế là tôi đăng một mẫu rao ba dòng trên số buổi sáng của bốn tờ báo ngày hôm sau.

Gửi: Chuột

Hãy liên lạc. Khẩn!

Khách sạn Cá Heo, Phòng 406

Hai ngày sau đó, tôi đợi bên điện thoại. Ngày quảng cáo đăng có ba cuộc gọi. Một là từ một người địa phương.

“Cái ‘Chuột’ này là gì vậy?”

“Tên lóng của một người bạn tôi,” tôi trả lời.

Ông ta cúp máy, hài lòng.

Một cuộc gọi khác là để chơi khăm.

“Chít, chít,” giọng nói từ đầu dây bên kia nói. “Chít, chít.”

Tôi cúp máy. Thành phố này là chốn kỳ quặc chết tiệt. Cuộc gọi thứ ba là của một người đàn bà có giọng the the.

“Ai cũng luôn gọi em là Chuột,” cô ta nói. Một giọng nói khiến người ta hầu như có thể nghe thấy đường dây điện thoại đung đưa trong gió xa.

“Cám ơn cô đã mất công gọi điện. Tuy nhiên, người tên Chuột mà tôi tìm là đàn ông,” tôi giải thích.

“Em cũng phần nào nghĩ vậy,” cô ta nói. “Nhưng dù sao thì, vì em cũng là Chuột, em nghĩ em nên gọi cho anh.”

“Thật lòng cảm ơn cô nhiều.”

“Không có gì. Anh đã tìm thấy bạn anh chưa?”

“Chưa,” tôi nói, “tiếc là chưa.”

“Giá như em là người anh đang tìm... nhưng không, không phải em.”

“Mọi việc diễn ra như vậy. Tiếc quá.”

Cô ta yên lặng. Trong lúc đó tôi lấy ngón tay út gãi gãi mũi.

“Thật đấy, em chỉ muốn nói chuyện với anh,” cô ta quay trở lại.

“Với tôi ư?”

“Em không biết phải diễn đạt thế nào, nhưng em phải cố cường lại một sự thôi thúc kể từ khi em đọc mẫu rao vặt của anh trên báo buổi sáng. Em không có ý làm phiền anh...”

“Vậy là chuyện cô được gọi là Chuột là chuyện bịa.”

“Đúng thế,” cô ta nói. “Chưa ai từng gọi em là Chuột cả. Em thậm chí không có bạn bè. Đó là lý do tại sao em muốn gọi anh đến vậy.”

Tôi thở dài thườn thượt. “Thôi, dù sao cũng xin cảm ơn.”

“Tha lỗi cho em. Anh quê ở Hokkaido à?”

“Tôi ở Tokyo,” tôi nói.

“Anh lặn lội từ Tokyo đến để đi tìm bạn anh?”

“Đúng thế.”

“Anh bạn này bao nhiêu tuổi?”

“Mới tròn ba mươi.”

“Còn anh thì sao?”

“Hai tháng nữa tôi sẽ ba mươi.”

“Độc thân?”

“Phải.”

“Em hai mươi hai tuổi. Em đoán là mọi thứ trở nên khá hơn cùng với thời gian.”

“Xem nào,” tôi nói, “ai biết được? Có thứ trở nên tốt hơn, có thứ không.”

“Nếu chúng ta có thể gặp nhau vừa ăn tối vừa bàn chuyện thì thật hay quá.”

“Cô phải thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi phải ở đây đợi điện thoại.”

“Ồ, vâng,” cô ta nói. “Xin lỗi vì mọi chuyện.”

“Dù sao cũng xin cảm ơn vì đã gọi.”

Tôi cúp máy.

Thông minh, rất thông minh. Gái gọi, có lẽ vậy, đang đi tìm mối. Đúng, cô ta có thể chỉ là một cô gái cô đơn. Cách nào thì cũng giống nhau thôi. Tôi vẫn chẳng có lấy một manh mối nào.

Ngày hôm sau chỉ có một cuộc gọi, từ một người đàn ông bị rối loạn thần kinh. “Anh nói là chuột đúng không? Để nó cho tôi.” Ông ta lải nhải mười lăm phút về chuyện đánh đuổi chuột tại một trại tập trung ở Siberia. Một câu chuyện thú vị, nhưng không manh mối.

Trong khi đợi điện thoại reo, tôi ngồi trên chiếc ghế lò xo cạnh cửa sổ và dành cả ngày quan sát điều kiện làm việc trên văn phòng tầng ba phía đối diện. Dù có nhìn cả ngày tôi cũng không thể hiểu được công ty ấy làm gì. Công ty có mười nhân viên, người ta liên tục chạy tới chạy lui như trong một trận bóng rổ. Một người đưa giấy tờ ột người, một người đóng dấu chúng, rồi một người sẽ nhét chúng vào phong bì và chạy vội ra cửa. Trong lúc nghỉ ăn trưa, một cô thư ký có bộ ngực đồ sộ rót trà cho tất cả mọi người. Vào buổi chiều, vài người gọi cà phê tối. Điều này khiến tôi cũng muốn uống chút cà phê, thế là tôi nhờ người lễ tân ghi lại tin nhắn trong khi tạt qua quán cà phê. Trên đường về tôi mua hai chai bia. Khi tôi quay lại chiếc ghế bên cửa sổ, chỉ có bốn người còn ở lại văn phòng. Cô thư ký có bộ ngực đồ sộ đang nói đùa với một nhân viên cấp dưới. Tôi uống một chai bia và quan sát hoạt động của văn phòng, nhưng cái chính là cô ta.

Tôi càng nhìn bộ ngực của cô ta, nó lại càng có vẻ to lớn một cách không bình thường. Cô ta hẳn đã lồng gọng thép ở Cầu Cổng Vàng vào cái nịt vú. Một vài nhân viên cấp dưới có vẻ đang có mưu đồ gì đó với cô ta. Nhu cầu tình dục của bọn họ mạnh đến mức nó xuyên qua hai ô cửa kính và con phố nằm ở giữa. Thật buồn cười khi cảm nhận thấy nhu cầu tình dục của ai đó. Sau một hồi, người ta tưởng nhầm đó là của mình.

Lúc năm giờ, cô ta thay sang một chiếc váy đỏ rồi về nhà. Tôi kéo rèm cửa lại và xem một bộ phim chiếu lại về thỏ Bugs Bunny trên ti vi. Và thế là ngày thứ tám tại khách sạn Cá Heo trôi qua.

“Thật tuyệt chưa,” tôi nói. Cái vụ “thật tuyệt chưa” này đang dần trở thành một thói quen. “Một phần ba tháng đã trôi qua mà chúng ta vẫn chưa đi đến đâu.”

“Có vẻ như vậy,” cô nói. “Không hiểu Cá Trích như thế nào rồi nhỉ?”

Sau bữa tối, chúng tôi nghỉ ngơi trên chiếc xô pha màu cam xấu xí tại tiền sảnh khách sạn Cá Heo. Không có ai quanh đó ngoại trừ người lễ tân có ba ngón tay. Ông ta bận rộn suốt, leo lên thang thay bóng điện, lau cửa sổ, gấp báo. Có lẽ còn có những người khách khác ở chỗ này; có lẽ họ đều ở lì trong phòng như những xác ướp được giữ không cho tiếp xúc với ánh sáng ban ngày.

“Công việc thế nào anh?” người lễ tân dè dặt hỏi trong lúc tưới cây trong chậu cảnh.

“Không có gì đáng kể mấy,” tôi nói.

“Có vẻ như anh đăng rao vặt trên báo.”

“Đúng thế,” tôi nói. “Tôi đang cố tìm một người về chuyện thừa kế đất đai.”

“Thừa kế ư?”

“Đúng vậy. Vấn đề là người thừa kế biến mất, chỗ nào thì không biết.”

“Xin anh hãy kể tiếp. Nghe có vẻ như một chuyện thú vị.”

“Không hẳn vậy đâu.”

“Tôi không biết nữa, có vẻ gì đó rất Moby Dick ở chuyện ấy.”

“Moby Dick ư?”

“Tất nhiên. Cái cảm giác hồi hộp khi săn lùng ai.”

“Ví dụ như, một con voi ma mút?” bạn gái tôi nói.

“Tất nhiên. Tất cả đều liên quan đến nhau,” người lễ tân nói. “Thật ra, tôi đặt tên cho khách sạn này là khách sạn Cá Heo là vì trong Moby Dick có một cảnh cá heo.”

“Ồ hô,” tôi nói. “Nhưng nếu đúng như vậy, đặt tên nó là khách sạn Cá Voi có hay hơn không?”

“Cá voi không phải một hình tượng hay cho lắm,” ông ta thú nhận với đôi chút hối tiếc.

“Khách sạn Cá Heo là một cái tên hay,” bạn gái tôi nói.

“Xin cảm ơn chị nhiều,” người lễ tân mỉm cười. “Bỗng nhiên tôi chợt nhận ra có anh chị ở đây dài ngày như thế này là điềm rất lành, nên tôi muốn mời anh chị chút rượu để bày tỏ lòng cảm ơn.”

“Chúng tôi rất vui lòng,” cô nói.

“Chúng tôi hết sức cảm kích,” tôi nói.

Ông ta đi vào phòng sau, một lúc sau xuất hiện trở lại với một chai vang trắng ướp lạnh và ba chiếc ly.

“Nâng cốc nào. Tôi vẫn đang làm việc nên chỉ nhấp một ngụm thôi.”

Chúng tôi uống rượu. Rượu không đặc biệt ngon, nhưng là một loại rượu nhẹ, nguyên chất, dễ chịu. Thậm chí cả ly cũng đẹp.

“Ông hâm mộ Moby Dick à?” tôi nghĩ ra chuyện để hỏi.

“Anh có thể nói vậy. Từ nhỏ tôi đã luôn muốn đi biển.”

“Và đó có phải là lý do hiện nay ông ở trong ngành kinh doanh khách sạn?” cô hỏi.

“Đó là lý do tôi mất ngón tay,” ông ta nói. “Thật ra thì, chúng bị cắt đứt trong ống cuộn dây cầu tàu khi dỡ hàng dưới tàu lên.”

“Thật khủng khiếp làm sao!” cô thốt lên.

“Lúc đó mọi thứ đều đen tối. Nhưng cuộc sống thì hay thay đổi. Bằng cách này cách kia, cuối cùng thì tôi cũng có được cái khách sạn này ở đây. Không hẳn là một khách sạn, nhưng tôi cũng ổn thỏa nhờ nó. Tôi có nó đã mười năm rồi.”

Thế có nghĩa ông ta không phải lễ tân mà là chủ.

“Tôi không thể hình dung một khách sạn tốt hơn,” cô động viên.

“Xin cảm ơn chị nhiều,” người chủ khách sạn nói, rót thêm rượu cho chúng tôi.

“Chỉ trong vòng mười năm mà tòa nhà đã mang nhiều, ừm, đặc trưng,” tôi đánh bạo nói một cách không hề bối rối.

“Vâng, nó được xây ngay sau chiến tranh. Tôi thật may mắn đã mua được nó rẻ đến vậy.”

“Nó được dùng làm gì trước khi thành khách sạn?”

“Nó có tên là Tòa nhà Cừu Hokkaido. Chứa mọi loại giấy tờ và nguồn tin liên quan đến...”

“Cừu ư?” tôi nói.

“Cừu,” ông ta nói.

“Tòa nhà từng là tài sản của Hiệp hội Cừu Hokkaido, thế đấy, cho đến mười năm trước. Nhưng do số cừu nuôi trong vùng giảm sút, Tòa nhà bị đóng cửa,” ông ta nói rồi nhấp rượu. “Thật ra, quyền giám đốc lúc bấy giờ là cha tôi. Ông không thể chịu được ý nghĩ Tòa nhà Cừu yêu quý của ông bị đóng cửa, thế nên với lý do bảo quản các nguồn tài liệu về cừu ông thuyết phục Hiệp hội bán cho ông lô đất và tòa nhà với giá rẻ. Vì thế, cho đến ngày nay cả tầng hai tòa nhà là phòng tư liệu về cừu. Tất nhiên, với tư cách tài liệu nghiên cứu thì hầu hết số đó đều cũ và vô dụng. Ông già lắm cảm mà. Phần còn lại chốn này là cho tôi kinh doanh khách sạn.”

“Thật là trùng hợp,” tôi nói.

“Trùng hợp ư?”

“Nếu đúng như sự thật, người chúng tôi đang kiểm có liên quan gì đó đến cừu. Và manh mối duy nhất chúng tôi có là một bức ảnh chụp cừu mà cậu ta gửi.”

“Anh không đùa chứ,” ông ta nói. “Tôi xem bức ảnh đó được chứ?”

Tôi rút bức ảnh cừu kẹp giữa các trang sổ ghi chép ra đưa cho ông ta. Ông ta cầm cặp kính trên quày lên và xem xét bức ảnh.

“Có vẻ như tôi nhớ ra được khung cảnh này,” ông ta nói.

“Nhớ ra ư?”

“Chắc chắn rồi.” Nói đoạn, ông ta lấy chiếc thang vừa bỏ lại dưới ngọn đèn đem dựa vào bức tường đối diện. Ông ta mang xuống một bức ảnh được đóng khung. Rồi ông ta phủi bụi và đưa bức ảnh cho chúng tôi.

“Đây có phải là cùng một cảnh không?”

Bản thân cái khung đã cũ, nhưng bức ảnh trong đó thậm chí còn cũ hơn, đã ngả màu. Và đúng, ảnh có cừu trong đó. Tất cả khoảng sáu mươi con. Hàng rào, rừng cây bu lô, núi non. Rừng cây bu lô có hình dáng khác so với rừng cây trong bức ảnh của Chuột, nhưng dãy núi ở nền bức ảnh là một. Thậm chí bố cục ảnh cũng giống.

“Thật tuyệt chưa,” tôi nói với cô. “Ngần ấy thời gian chúng ta đi ngang qua ngay dưới bức ảnh này.”

“Đó là lý do tại sao em nói với anh nó phải là khách sạn Cá Heo,” cô buột miệng.

“Vậy thì,” tôi hỏi người đàn ông, “chính xác chỗ này là chỗ nào?”

“Tôi không biết chắc,” ông ta nói. “Bức ảnh đã được treo ở đó từ những ngày còn Tòa nhà Cừu.”

“Hừm,” tôi cần nhần.

“Nhưng có cách để tìm ra.”

“Cách nào vậy?”

“Hỏi ông cụ tôi. Ông có một phòng trên gác và ở đó cả ngày. Ông hầu như không ra ngoài, chỉ nghĩ đến đám tài liệu về cừu thôi. Đã nửa tháng nay tôi không nhìn thấy ông. Tôi chỉ để cơm nước trước cửa cho ông, và khay rỗng không sau ba mươi phút, vì thế tôi biết ông còn sống.”

“Liệu cha ông có thể cho chúng tôi biết chỗ trong bức ảnh là ở đâu không?”

“Có thể lắm. Như tôi nói lúc trước, ông là cựu giám đốc Tòa nhà Cừu, và dù sao thì ông biết tất cả những gì cần biết về cừu. Mọi người gọi ông là Giáo sư Cừu.”

“Giáo sư Cừu ư,” tôi nói.

29. Phần VII - Chương 27 Part 1

CHƯƠNG 27: GIÁO SƯ CỪU ĂN HẾT, KỂ HẾT

Theo lời người con trai – chủ khách sạn Cá Heo, cuộc đời Giáo sư Cừu không hề hạnh phúc.

“Cha tôi sinh năm 1905 tại Sendai, con trai cả của một gia đình địa chủ,” người con trai giải thích. “Tôi sẽ nói theo lịch Tây, nếu anh chị không phiền.”

“Xin ông cứ tự nhiên.”

“Họ không thật giàu có, nhưng họ sống trên đất của chính mình. Một dòng họ lâu đời, trước kia được chủ nhân lâu đài địa phương ban ột thái ấp. Thậm chí họ còn sản sinh ra một nhà nông học đáng kính về cuối thời kỳ Giang Hộ.”

“Giáo sư Cừu ngay từ sớm đã xuất sắc về mặt học vấn, một thần đồng mà ai ở Sendai cũng biết. Và không chỉ chuyện học hành. Ông vượt tất cả ở tài chơi vĩ cầm và khi học cấp hai ông thậm chí còn biểu diễn một bản xô nát của Beethoven cho Nhật hoàng khi Người đến thăm vùng đó. Vì thế ông được thưởng một chiếc đồng hồ vàng.”

“Gia đình cổ hướng cho ông theo ngành luật, nhưng Giáo sư Cừu thẳng thừng từ chối. ‘Con không quan tâm đến luật,’ Giáo sư Cừu trẻ tuổi nói.

“ ‘Vậy hãy đi theo đường âm nhạc’ cha ông nói. ‘Gia đình nên có ít nhất một nhạc sĩ.’

“ ‘Con cũng không quan tâm đến âm nhạc.’ Giáo sư Cừu đáp lại.

Một khoảng yên lặng.

“ ‘Vậy thì,’ cha ông nói lớn, ‘mày muốn đi theo hướng nào?’ ”

“ ‘Con quan tâm đến nông nghiệp. Con muốn học về quản trị nông nghiệp.’

“ ‘Tốt thôi,’ cha ông nói một giây sau. Còn biết nói gì hơn? Giáo sư Cừu cẩn trọng và trung thực, loại thanh niên đã nói là làm. Cha ông không xen vào được lời nào.

“Năm sau, đúng như mong muốn của mình, Giáo sư Cừu trúng tuyển vào Khoa Nông nghiệp Đại học Hoàng gia Tokyo. Niềm yêu thích học hành từ hồi nhỏ của ông không có dấu hiệu suy suyển ngay cả ở đó. Mọi người, gồm cả các giáo sư của ông, đều dõi theo ông. Về mặt học tập, ông luôn luôn vượt trội như mọi khi, và ông rất được lòng mọi người. Nói tóm lại, ông là một trong số ít những người được Chúa lựa chọn.

Không bị sự phóng đảng làm cho hư hỏng, ông đọc sách bất cứ lúc nào rảnh. Nếu mệt vì đọc sách, ông chơi vĩ cầm ở sân trong của trường, chiếc đồng hồ vàng luôn ở trong túi bộ đồng phục sinh viên.

“Ông đỗ đầu lớp và vào làm tại Bộ Nông Lâm vì là một trong những người ưu tú nhất. Luận văn tốt nghiệp của ông nói một cách đơn giản, là kế hoạch thống nhất nông nghiệp hóa trên diện rộng cho Nhật Bản, Triều Tiên và Đài Loan, vốn bị một số người chê là hơi bị lý tưởng hóa quá. Tuy nhiên, nó trở thành đề tài bàn tán thời đó.

“Sau hai năm trong Bộ, Giáo sư Cừ đến bán đảo Triều Tiên để tiến hành nghiên cứu trồng lúa. Bản báo cáo của ông, xuất bản với cái tên Nghiên cứu về trồng lúa tại bán đảo Triều Tiên, được chính phủ thông qua.

“Vào năm 1934, Giáo sư Cừ được triệu tập về Tokyo và được giới thiệu với một viên sĩ quan quân đội trẻ. Để phục vụ cho chiến dịch Bắc Trung Hoa sắp tới, Giáo sư Cừ được yêu cầu thành lập một chương trình tự cung tự cấp dựa trên cừ. Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của Giáo sư Cừ với cừ. Giáo sư Cừ tập trung phát triển một cơ cấu tổ chức chung cho để tăng năng suất cừ tại Nhật Bản, Mãn Châu và Mông Cổ. Mùa xuân sau đó, ông bắt đầu một chuyến quan sát thực địa.

“Mùa xuân năm 1935 trôi qua không biến động. Sự việc xảy ra vào tháng Bảy. Đang cưỡi ngựa, không ai đi cùng, trên chuyến quan sát địa hình, Giáo sư Cừ biến mất. Ở đâu thì không ai biết.

“Ba ngày, bốn ngày trôi qua. Vẫn không thấy Giáo sư Cừ. Đội quân tìm kiếm của quân đội tuyệt vọng lùng sục địa hình, nhưng không ai tìm thấy ông đâu. Có lẽ ông bị sói tấn công hoặc bị người bộ lạc bắt cóc. Rồi vào lúc chạng vạng một tuần sau đó, khi không ai còn hy vọng gì, một Giáo sư Cừ đầu tóc quần áo vô cùng xộc xệch đi lang thang trong trang trại. Mặt ông hốc hác, vài chỗ bị xước, nhưng mắt ông vẫn còn sáng. Ngựa của ông không còn, đồng hồ của ông cũng không còn. Lời giải thích của ông, mà dường như ai cũng sẵn lòng chấp nhận, là ông bị lạc đường và ngựa của ông ngã bị thương.

“Chưa đầy một tháng sau, một tin đồn kỳ dị lan ra khắp các cơ quan chính phủ. Lời đồn là ông đã có một mối quan hệ đặc biệt với cừ. Cái quan hệ đặc biệt này là gì thì không ai biết. Và thế là cấp trên triệu tập ông đến văn phòng và tiến hành một cuộc thẩm vấn để làm rõ sự việc. Các tin đồn không được tha thứ trong xã hội thuộc địa.

“ ‘Cậu có đúng là đã có quan hệ đặc biệt với cừ không?’ Cấp trên ông căn vặn.

“ ‘Tôi có ạ,’ Giáo sư Cừ trả lời.

“Cuộc thẩm vấn diễn ra như thế này:

Hỏi: Khi nói quan hệ đặc biệt, cậu muốn nói là cậu đã có quan hệ tình dục với cừ phải không?

Trả lời: Dạ không, không phải vậy.

Hỏi: Hãy giải thích.

Trả lời: Đó là một quan hệ tinh thần.

Hỏi: Đó không phải lời giải thích.

Trả lời: Thưa ngài, thật khó tìm được từ thích hợp, nhưng có lẽ mối liên hệ tâm linh là gần nghĩa nhất.

Hỏi: Cậu nói với tôi là cậu có mối liên hệ tâm linh với cừ ư?

Trả lời: Đúng vậy ạ.

Hỏi: Cậu nói với tôi là trong suốt tuần cậu biến mất cậu có mối liên hệ tâm linh với cừ ư?

Trả lời: Đúng vậy ạ.

Hỏi: Cậu có nghĩ rằng chừng đó là đủ lý do để sa thải cậu khỏi cơ quan không?

Trả lời: Thưa ngài, phòng tôi nghiên cứu cừ.

Hỏi: Mối liên hệ tâm linh với cừ không phải một chương trình nghiên cứu được công nhận. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu cậu sửa đổi lại cung cách của mình. Hãy xem xét việc cậu đổ bằng danh dự Khoa Nông nghiệp Đại

học Hoàng gia Tokyo, hồ sơ làm việc xuất chúng khi cậu vào Bộ. Cậu được kỳ vọng sẽ thành người định ra chuẩn mực cho ngành quản lý nông nghiệp của Đông Á trong tương lai.

Trả lời: Tôi hiểu ạ.

Hỏi: Vậy thì hãy quên cái mối liên hệ tâm linh vô nghĩa này đi. Cừu là vật nuôi. Đơn thuần là vật nuôi.

Trả lời: Tôi không thể quên được ạ.

Hỏi: Cậu sẽ phải giải thích lại hoàn cảnh đó.

Trả lời: Thưa ngài, lý do là có một con cừu trong tôi.

Hỏi: Đó không phải lời giải thích.

Trả lời: Giải thích thêm là không thể.

“Tháng Hai năm 1936. Giáo sư Cừu được triệu về Nhật Bản. Sau khi trải qua hàng loạt cuộc thẩm vấn tương tự, vào mùa xuân ông bị chuyển sang Bộ Lưu trữ Tham khảo, ở đó ông kê thành mục lục các tài liệu tham khảo và sắp xếp giá sách. Nói cách khác, ông đã bị thanh trừng khỏi hàng ngũ ưu tú cốt lõi của ngành quản lý nông nghiệp Đông Á.

“ ‘Con cừu đã không còn trú trong tôi nữa,’ Giáo sư Cừu nói với một người bạn thân hồi ấy. ‘Nhưng nó từng trú trong tôi.’

“Năm 1937. Giáo sư Cừu ra khỏi Bộ Nông Lâm và dùng một khoản vay của Bộ theo chương trình Mô hình Cừu Nhật Bản-Mãn Châu do ông từng quản lý, chuyển đến Hokkaido và trở thành người chăn cừu. 56 đầu cừu.

“Năm 1939. Giáo sư Cừu lấy vợ. 128 đầu cừu.

“Năm 1942. Con trai cả ra đời (người hiện là chủ kiêm điều hành khách sạn Cá Heo). 181 đầu cừu.

“Năm 1946. Lực lượng chiếm đóng Mỹ sung công trang trại nuôi cừu của Giáo sư Cừu làm trại huấn luyện. 62 đầu cừu.

“Năm 1947. Giáo sư Cừu vào làm tại Hiệp hội Cừu Hokkaido.

“Năm 1949. Vợ chết vì viêm phổi.

“Năm 1950. Giáo sư Cừu nhận chức giám đốc Hiệp hội Cừu Hokkaido.

“Năm 1960. Con trai cả mất ngón tay tại cảng Otaru.

“Năm 1967. Tòa nhà Cừu Hokkaido đóng cửa.

“Năm 1968. Khách sạn Cá Heo khai trương.

“Năm 1978. Một người buôn nhà đất trẻ tuổi hỏi thăm về bức ảnh cừu.

Nói cách khác, là tôi.

“Thật tuyệt chưa,” tôi nói.

“Tất nhiên rồi, tôi rất muốn được gặp cha ông,” tôi nói.

“Tôi không phản đối anh gặp ông cụ tôi, nhưng vì ông cụ tôi không thích tôi, anh thứ lỗi cho tôi nếu tôi đề nghị anh đi một mình,” con trai Giáo sư Cừu nói.

“Không thích ông ư?”

“Vì tôi mất hai ngón tay và đang trên đà hồi.”

“Tôi hiểu,” tôi nói. “Một người lập dị, cha ông ấy.”

“Con cái mà nói thế này thì thật không phải, nhưng đúng vậy, đúng là một người lập dị. Một người thay đổi hoàn toàn từ khi ông gặp cừu. Cực kỳ khó khăn, thậm chí đôi khi tàn ác. Tận sâu thẳm trái tim ông

là người tử tế. Nếu anh nghe ông chơi vĩ cầm, anh sẽ thấy điều đó. Cừ đã làm tổn thương cha tôi, và qua cha tôi, cừ đã làm tổn thương tôi.”

“Ông yêu cha mình, đúng không?” bạn gái tôi nói.

“Vâng, đúng thế. Tôi yêu ông lắm,” người chủ khách sạn Cá Heo nói, “nhưng ông không thích tôi. Ông chưa bao giờ ôm tôi từ ngày tôi ra đời. Chưa bao giờ có một lời tử tế với tôi. Và vì tôi mất hai ngón tay và bắt đầu hói, ông không làm gì ngoài việc chế nhạo tôi.”

“Tôi chắc chắn cha ông không có ý chế nhạo ông,” cô nói.

“Tôi cũng không tin là ông ấy có ý đó,” tôi nói.

“Anh chị thật tử tế quá,” người chủ khách sạn nói.

“Vâng, chúng tôi nên đi gặp trực tiếp ông ấy chứ?” tôi hỏi.

“Tôi không biết,” người chủ khách sạn nói. “Mặc dù tôi chắc chắn ông ấy sẽ gặp anh chị nếu anh chị nhớ hai điều. Một là nói rõ ràng anh chị muốn hỏi về cừ.”

“Còn điều kia?”

“Đừng nói tôi kể cho anh chị về ông ấy.”

“Được thôi,” tôi đáp.

Chúng tôi cảm ơn con trai Giáo sư Cừ và tiến thẳng lên cầu thang. Không khí nơi đầu cầu thang lạnh và ẩm. Ánh sáng mờ mờ, hầu như không để lộ đám bụi trong góc hành lang. Cả chốn đó bốc lên mùi không lẫn vào đâu được của giấy tờ cũ và mùi hôi cơ thể lâu ngày. Chúng tôi bước dọc hành lang, theo chỉ dẫn của người con trai và gõ lên cánh cửa cổ lỗ cuối hành lang. Một tấm biển nhựa cũ gắn vào cửa viết VẤN PHÒNG GIÁM ĐỐC. Không tiếng trả lời. Tôi gõ lần nữa. Lại không tiếng trả lời. Đến tiếng gõ thứ ba, có một tiếng rên, rồi là một lời đáp – “Đừng làm phiền tao. Đi đi.”

“Chúng tôi đến hỏi ông mấy điều về cừ, nếu có thể.”

“Ăn cứt ấy!” Giáo sư Cừ la lên từ bên trong. Một giọng nói cực kỳ mạnh khỏe so với một ông già bảy mươi ba tuổi.

“Chúng tôi thật sự phải nói chuyện với ông,” tôi hét qua cửa.

“Đừng có cho tao nghe cái đồng cứt mày-muốn-nói-chuyện-về-cừ ấy,” Giáo sư Cừ nói.

“Nhưng đó là việc có lẽ cần được thảo luận,” tôi nói ngọt. “Đó là về một con cừ mất tích vào năm 1936.”

Yên lặng một lát, rồi cánh cửa mở tung. Đứng trước chúng tôi là Giáo sư Cừ.

Giáo sư Cừ tóc dài, trắng như tuyết. Lông mày ông cũng trắng, buông xuống qua mắt như những cột băng. Ông cao khoảng một mét bảy tám. Thần thái bình tĩnh. Xương cốt cứng cáp. Mũi ông thò ra từ mặt tại một góc độ thách thức, trông giống như vật chướng ngại trượt tuyết.

Mùi cơ thể của ông lan khắp căn phòng. Không, tôi do dự không biết có nên gọi đó là mùi cơ thể. Khi đã qua một điểm nhất định, nó không còn là mùi cơ thể mà quện với thời gian, hòa với ánh sáng. Những gì có lẽ từng là một khoảng không gian rộng lớn giờ lèn chặt đầy sách và giấy tờ cũ đến độ khó mà trông thấy sàn nhà. Hầu hết các ấn bản đều là những quyển sách uyên thâm bằng tiếng nước ngoài. Không ngoại lệ, tất cả đều bị hoen ố. Bên phải, dựa vào tường là một cái giường bản thủ, và trước cửa sổ là một chiếc bàn bằng gỗ gụ to tướng cùng một chiếc ghế xoay. Mặt bàn khá ngăn nắp, giấy tờ xếp gọn gàng và được chặn bởi một cái chặn giấy hình con cừ. Căn phòng tối tăm, ánh sáng duy nhất là từ chiếc đèn sáu mươi oát phủ đầy bụi. Giáo sư Cừ mặc sơ mi xám, áo khoác len đen và quần hoa văn dích dắc đã mất hết dáng. Dưới ánh đèn trong phòng, chiếc sơ mi xám và áo len đen có thể bị nhầm tưởng là áo trắng và áo len xám. Có lẽ đó chính là màu nguyên thủy, khó nói được.

30. Phần VII - Chương 27 Part 2

Giáo sư Cừu ngồi bên bàn, chỉ tay cho chúng tôi ngồi xuống trên giường. Chúng tôi tiến về đó, xoay chân qua sách vở như thể vượt qua bãi mìn rồi ngồi xuống. Giường rõ ràng là đầy cáu ghét đến mức tôi sợ chiếc quần Levi's của tôi sẽ dính chặt vào khăn trải giường mát. Giáo sư Cừu gấp ngón tay trên mặt bàn mà nhìn chăm chăm vào chúng tôi. Ngón tay ông chắc mập với lông đen ở khắp đốt ngón. Màu đen hoàn toàn tương phản với màu trắng rực rỡ của mái đầu.

Bỗng nhiên, Giáo sư Cừu nhắc điện thoại và hét vào trong ống nghe, “Mang bữa tối lên đây, nhanh lên!”

“Xem nào,” Giáo sư Cừu nói. “Cậu nói cậu đến để bàn luận về con cừu mất tích vào năm 1936.”

“Đúng thế ạ,” tôi nói.

“Hừm,” ông nói. Rồi đột ngột, ông hỉ mũi rõ to vào một mùi giấy. “Cậu muốn kể điều gì không? Hay cậu muốn hỏi điều gì?”

“Cả hai ạ.”

“Trước hết, hãy cho tôi nghe điều cậu muốn kể.”

“Chúng tôi biết con cừu thoát khỏi ông năm 1936 đã trở thành gì.”

Giáo sư Cừu khịt khịt mũi. “Cậu nói với tôi là cậu biết tôi vứt bỏ mọi thứ tôi đã có vì một con cừu mà tôi đang cố kiếm trong bốn mươi hai năm?”

“Chúng tôi có biết điều đó,” tôi nói.

“Cậu có thể bịa ra chuyện này.”

Tôi lôi chiếc bật lửa bạc từ trong túi ra đặt lên bàn ông cùng bức ảnh cừu của Chuột. Ông thò một tay đầy lông ra, nhặt chiếc bật lửa và bức ảnh, rồi xem xét chúng cẩn thận dưới ánh đèn. Các phân tử yên lặng trôi trong phòng một lúc lâu. Cửa sổ kính trượt ngăn tiếng ồn của thành phố; chỉ có tiếng phù phù của chiếc đèn cũ kỹ chốc chốc lại ngắt quãng sự yên lặng.

Ông già, sau khi đã xem xét chiếc bật lửa và bức ảnh, tắt đèn đánh tách một cái và lấy những ngón tay chuối mẩn dụi dụi mắt. Như thể ông đang cố nhét cầu mắt vào trong hộp sọ. Khi ông bỏ tay ra, mắt ông đỏ quạch, như mắt thỏ.

“Tha lỗi cho tôi,” Giáo sư Cừu nói. “Tôi đã bị vây quanh bởi bọn gốc lâu quá, tôi trở nên mất lòng tin vào mọi người.”

“Không sao cả ạ,” tôi nói.

Bạn gái tôi mỉm cười lễ phép.

“Cậu có hình dung nổi cảm giác khi chỉ còn lại một tư tưởng duy nhất sau khi hiện thân của nó đã bị kéo tận gốc ra từ dưới ta?” Giáo sư Cừu hỏi.

“Dạ không, tôi không thể.”

“Đó là địa ngục. Một mê cung địa ngục dưới đất thậm chí một tia sáng hay một giọt nước cũng không khiến cái địa ngục ấy bớt kinh khủng. Đó là cuộc sống của tôi bốn mươi hai năm qua.”

“Vì con cừu này ư?”

“Đúng, đúng, đúng. Tất cả vì con cừu này. Con cừu đã bỏ tôi mắc kẹt giữa mọi thứ. Vào mùa xuân năm 1936.”

“Và để đi tìm con cừu này mà ông đã rời Bộ Nông Lâm, tôi nói đúng không?”

“Những thằng cha chỉ biết có giấy tờ đó toàn là lũ điên. Bọn chúng không biết tí gì về giá trị thật sự của mọi thứ. Có lẽ chúng sẽ không bao giờ hiểu được ý nghĩa vĩ đại của con cừu ấy.”

Rồi có một tiếng gõ cửa, theo sau là một giọng phụ nữ. “Tôi mang thức ăn lên cho ngài đây.”

“Cứ để đấy,” Giáo sư Cừu nói.

Tiếng chiếc khay ăn được để trên sàn theo sau bởi tiếng vọng bước chân rời xa dần.

Bạn gái tôi mở cửa và bưng khay thức ăn đến bàn Giáo sư Cừu. Trên khay là xúp, xa lát, bánh mì cuộn và thịt băm cho Giáo sư Cừu, cộng thêm hai cà phê cho chúng tôi.

“Cô cậu ăn rồi à? Giáo sư Cừu hỏi.”

“Dạ rồi, cảm ơn ông,” tôi nói.

“Cô cậu ăn gì?”

“Cừu xốt vang,” tôi nói.

“Tôm nướng,” cô nói.

Giáo sư Cừu cần nhẩn. Rồi ông ăn xúp và nhai rau rầu bánh mì nướng. “Xin lỗi tôi ăn khi cô cậu nói chuyện. Tôi đang đói.”

“Tất nhiên rồi ạ,” chúng tôi nói.

Giáo sư Cừu ăn xúp và chúng tôi uống cà phê. Trong khi ăn Giáo sư gục đầu nhìn chăm chăm vào trong bát.

“Ông có biết nơi trong bức ảnh là ở đâu không?” tôi hỏi.

“Thực ra là có. Tôi biết nơi đó rõ lắm.”

“Ông sẽ nói cho tụi tôi biết chứ?”

“Đợi đã,” Giáo sư Cừu nói, đặt sang bên chiếc bát giờ đã rỗng không. “Mỗi lúc nói một thứ thôi. Hãy bắt đầu bằng các sự kiện năm 1936. Tôi sẽ nói trước, rồi đến cậu.” Tôi gật đầu.

Giáo sư Cừu bắt đầu. “Đó là vào mùa hè năm 1935 khi con cừu nhập vào tôi. Tôi bị lạc đường trong một chuyến điều tra các cánh đồng cho gia súc ăn cỏ gần biên giới Mãn Châu – Mông Cổ, rồi tôi bất chợt thấy một cái hang. Tôi quyết định qua đêm ở đó. Đêm ấy tôi mơ thấy một con cừu hỏi tôi, liệu nó có thể vào trong người tôi không? Tại sao không? tôi nói. Lúc ấy, tôi không nghĩ nhiều về chuyện đó. Rốt cuộc, nó là một giấc mơ thôi mà.” Ông già cười như nắc nẻ khi chuyển qua món xa lát.

“Ấy là một giống cừu tôi chưa từng thấy trước đó. Do công việc nên tôi đã quen với mọi giống cừu trên thế giới, nhưng con này độc đáo lắm. Sừng nó cong một góc kỳ lạ, chân nó mập lùn và bè bè, mắt nó trong như nước mùa xuân. Lông nó trắng tinh, trừ một ngôi sao hơi nâu trên lưng. Không hề có con cừu nào như vậy trên thế gian này. Đó là lý do tôi nói với con cừu nó có thể nhập vào người tôi. Là một chuyên gia về cừu, tôi không định để một con vật hiếm như thế đi mất.”

“Vậy ông cảm thấy thế nào khi có con cừu trong cơ thể mình?”

“Không có gì đặc biệt, thật đấy. Chỉ cảm thấy như có con cừu này trong tôi. Tôi cảm thấy nó vào buổi sáng. Tôi thức dậy là đã có con cừu này trong tôi. Một cảm giác hoàn toàn tự nhiên.”

“Ông có bị nhức đầu gì không?”

“Không một lần từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ.”

Giáo sư Cừu tấn công sang món thịt băm, chấm dấm vào nước xốt trước khi hăng hái tọng vào miệng. “Ở những vùng thuộc lãnh thổ Bắc Trung Hoa và Mông Cổ, chuyện cừu nhập vào cơ thể người không phải chuyện hiếm. Dân bản địa tin rằng cừu nhập vào cơ thể là phúc lành được các đấng thần linh ban phát. Chẳng hạn, một cuốn sách xuất bản vào triều đại nhà Nguyên có viết rằng một con cừu trắng mang hình ngôi sao nhập vào cơ thể Thành Cát Tư Hãn. Thật thú vị, cậu có thấy thế không?”

“Khá thú vị ạ.”

“Con cừu nhập vào cơ thể ấy được cho là bất tử. Và người chứa con cừu cũng được cho là bất tử. Tuy thế, nếu con cừu thoát ra, sự bất tử cũng biến mất. Tất cả là tùy vào con cừu. Nếu con cừu thích người chủ, nó sẽ ở hàng thập kỷ. Nếu không – vèo! – nó đi mất. Những người bị cừu bỏ được gọi là những người không cừu. Nói cách khác, những người như tôi.”

Chóp chép, chóp chép.

“Kể từ khi con cừu ấy nhập vào cơ thể tôi, tôi bắt đầu đọc những nghiên cứu dân tộc học và văn hóa dân gian liên quan tới cừu. Tôi đi quanh phỏng vấn dân địa phương và kiểm tra các bản viết cổ. Chẳng bao lâu lời đồn lan ra là tôi bị cừu nhập, và những lời đồn đó đến tai ông sĩ quan chỉ huy của tôi. Ông sĩ quan chỉ huy không nường nhẹ chuyện đó. Tôi bị gắn mác không đủ khả năng về mặt tinh thần và nhanh chóng bị chuyển về Nhật. Một ‘trường hợp thuộc địa’ điển hình.”

Sau khi ăn hết ba viên thịt băm, Giáo sư Cừu chuyển sang món bánh mì cuộn.

“Sai lầm cơ bản của nước Nhật hiện đại là chúng ta không học hỏi được tí gì từ mối quan hệ với các dân tộc châu Á khác. Điều đó cũng đúng khi nói đến cách đối xử của chúng ta với cừu. Việc chăn nuôi cừu ở Nhật Bản thất bại chính vì chúng ta coi cừu đơn thuần là nguồn lấy len và lấy thịt. Cấp độ cuộc sống thường nhật biến mất khỏi suy nghĩ của chúng ta. Chúng ta giảm đến mức tối thiểu yếu tố thời gian để tăng tối đa kết quả. Với tất cả mọi thứ chúng ta đều như vậy. Nói tóm lại, chúng ta không khôn ngoan chút nào. Chúng ta đã thua trận không phải là không có lý do.”

“Tôi suy ra là, con cừu đó đã theo ông về Nhật,” tôi nói, quay trở lại đề tài.

“Đúng thế,” Giáo sư Cừu nói. “Tôi trở về bằng tàu từ Pusan. Con cừu đi cùng với tôi.”

“Vậy ông cho là mục đích của con cừu là gì?”

“Tôi không biết,” Giáo sư Cừu làu bàu. “Con cừu không nói tôi biết. Nhưng đúng là con vật có một mục đích chủ yếu. Điều đó thì tôi biết. Một kế hoạch vĩ đại nhằm thay đổi nhân tính và thể giới loài người.”

“Một con cừu có kế hoạch làm tất cả những việc đó ư?”

Giáo sư Cừu gạt đầu trong khi tọng nốt mẩu bánh mì vào trong miệng và phui phui vụn bánh mì khỏi tay. “Không việc gì phải quá hốt hoảng. Hãy xem Thành Cát Tư Hãn đó.”

“Ông nói đúng,” tôi nói. “Nhưng tại sao lại là bây giờ? Tại sao lại là nước Nhật?”

“Tôi đoán là tôi đã đánh thức con cừu. Nó lẽ ra đã có thể tiếp tục ngủ vùi trong cái hang ấy hàng trăm năm. Và tôi thật ngu ngốc lại đi đánh thức nó dậy.”

“Không phải lỗi của ông,” tôi nói.

“Không,” Giáo sư Cừu nói. “Đó là lỗi của tôi. Lẽ ra tôi nên hiểu được điều đó từ lâu rồi. Lẽ ra tôi nên góp một tay. Nhưng tôi mất một thời gian dài mới hiểu được. Và đến lúc tôi hiểu được, con cừu đã chạy mất.”

Giáo sư Cừu trở nên yên lặng. Ông lấy tay dụi dụi cặp lông mày trắng như băng. Như thể sức nặng của bốn mươi hai năm đã lan tỏa đến mọi góc ngách cơ thể ông.

“Một buổi sáng tôi thức dậy và con cừu đã đi mất. Đến lúc đó tôi mới hiểu ‘không cừu’ nghĩa là gì. Hoàn toàn là địa ngục. Con cừu đi mất chỉ để lại một tư tưởng. Nhưng không có con cừu thì không cách nào tổng khứ tư tưởng ấy đi được. Đó chính là những gì ‘không cừu’.”

Giáo sư Cừu lại hỉ mũi vào nùi giấy. “Nào giờ đến lượt cậu nói.”

Tôi bắt đầu bằng lộ trình con cừu đã đi sau khi nó rời khỏi Giáo sư Cừu. Con cừu đã nhập vào cơ thể của một thanh niên cánh hữu trong tù. Ngay sau khi ra khỏi nhà tù, người thanh niên này đã trở thành một nhân vật cánh hữu chủ chốt. Sau đó ông ta đến Trung Hoa đại lục và xây dựng một mạng lưới tình báo và đồng thời cả một gia tài. Ông ta bị gắn mác tội phạm chiến tranh Loại A nhưng được thả ra để đổi lấy mạng lưới tình báo trên đại lục. Và, sử dụng gia tài mang từ Trung Hoa về, ông ta đã đặt nền móng cho cả mạng lưới ngầm chính trị, kinh tế, thông tin, vân vân.

“Tôi có nghe về người này,” Giáo sư Cừ nói một cách cay đắng. “Bằng cách nào đó con cừ có khả năng phán đoán kỳ lạ mục tiêu có nhiều khả năng nhất.”

“Nhưng mùa xuân năm nay, con cừ đã bỏ cơ thể ông ta mà đi. Bản thân ông ta đang trong cơn hôn mê, sắp chết. Cho đến tận bây giờ, có vẻ như một cơn rối loạn chức năng não đang thay thế cho con cừ.”

“Thật hạnh phúc biết bao. Chẳng thà cái ‘không cừ’ ấy đừng có cái vỏ tỉnh thức nửa vời này.”

“Ông nghĩ tại sao con cừ bỏ cơ thể ông ta mà đi – sau ngần ấy thời gian gây dựng nên một tổ chức đồ sộ?”

Giáo sư Cừ thở dài thườn thượt. “Cậu vẫn không hiểu sao? Những gì xảy ra với người đó cũng giống như với tôi. Ông ta đã sống lâu hơn cái sự hữu dụng của mình. Con người có giới hạn, và con cừ không dùng đến những người đã đạt đến giới hạn của mình. Tôi đoán là ông ta không hiểu hết những gì con cừ đã dành cho ông ta. Vai trò của ông ta là xây dựng một tổ chức đồ sộ, và một khi điều đó đã hoàn tất, ông ta bị vứt bỏ. Giống như con cừ dùng tôi như một phương tiện vận chuyển.”

“Vậy kể từ đó con cừ đã làm gì?”

Giáo sư Cừ nhặt bức ảnh trên bàn và lấy ngón tay búng nhẹ. “Nó đi lang thang khắp nước Nhật để tìm một người chủ mới. Đối với con cừ, hẳn điều đó có nghĩa là lên kế hoạch để đưa một người mới lên đỉnh của tổ chức.”

“Và con cừ đang tìm kiếm gì?”

“Như tôi đã nói trước, tôi không thể diễn đạt điều đó bằng lời một cách chính xác. Những gì con cừ tìm kiếm là hiện thân của ý nghĩ cừ.”

“Như thế có hay không?”

“Đối với suy nghĩ của con cừ, tất nhiên như thế là tốt.”

“Còn đối với ông thì sao?”

“Tôi không biết,” ông già nói. “Tôi thật sự không biết. Kể từ khi con cừ bỏ đi, tôi không thể nói được trong tôi bao nhiêu phần là tôi, còn bao nhiêu phần là cái bóng của con cừ.”

“Ban nãy, ông có nói về việc góp một tay. Thế nghĩa là gì?”

“Tôi không định nói cho cậu biết.” Giáo sư Cừ lắc đầu.

Một lần nữa, yên lặng lại bao phủ căn phòng. Bên ngoài, một trận mưa nặng hạt bắt đầu rơi. Cơn mưa đầu tiên kể từ khi chúng tôi đến Sapporo.

“Một việc cuối cùng: ông có thể cho chúng tôi biết nơi trong bức ảnh ở đâu không?” tôi hỏi.

“Ở khu trang trại nơi tôi từng sống trong chín năm. Tôi từng nuôi cừ ở đó. Bị Quân đội Mỹ sung công ngay sau chiến tranh, và khi họ trả nó lại tôi bán nó ột tay lăm tiền nào đó để làm nhà nghỉ dưỡng có đồng cỏ. Có thể vẫn là cùng một người chủ.”

“Liệu ông ta vẫn còn nuôi cừ chứ?”

“Tôi không biết. Nhưng nhìn bức ảnh thì đúng là có vẻ ông ta đang nuôi cừ. Dù sao đi nữa, nó ở rất xa mọi khu dân cư. Không còn căn nhà nào khác trong tầm mắt. Đường sá không thể đi được vào mùa đông. Tôi chắc chắn là người chủ dùng chỗ đó chỉ hai, có lẽ ba tháng trong năm. Ở đó dễ chịu và yên tĩnh.”

“Có ai chăm sóc chốn đó khi người chủ không có ở đó không?”

“Tôi ngờ là chẳng ai ở đó qua mùa đông. Ngoài tôi ra, tôi không thể hình dung lại có người ở đó qua mùa đông. Người ta có thể thuê những người chăn cừu tại thị trấn dưới chân đồi trông nom đàn cừu. Mái nhà nghiêng cho nên tuyết theo tự nhiên sẽ trượt xuống đất, và không phải lo lắng gì về trộm cướp. Ngay cả nếu có ai ăn cắp thứ gì ở đó thì vác về thị trấn cũng khó. Lượng tuyết rơi ở đó kinh khủng lắm.”

“Vậy giờ ở đó có ai không?”

“Hừm, có thể không phải bây giờ. Tuyết sắp rơi rồi và gấu sẽ lang thang kiếm ăn trước khi chúng ngủ đông. Cậu không định lên đó đây chứ?”

“Có lẽ chúng tôi sẽ phải đi. Chúng tôi không có manh mối nào khác.”

Giáo sư Cừu ngồi một lúc không nói gì. Nước sốt cà chua từ thịt băm dính nơi khóe miệng.

“Cậu nên biết rằng trước cậu cũng có một người khác đến đây hỏi về trang trại. Khoảng tháng Hai. Tuổi và hình dáng, chà, có vẻ giống cậu. Cậu ta nói cậu ta quan tâm đến bức ảnh trong tiền sảnh khách sạn. Lúc đó tôi đang chán, thế là tôi kể cho cậu ta điều này điều kia. Cậu ta nói đang tìm kiếm tư liệu ột cuốn tiểu thuyết cậu ta viết.”

Tôi rút trong túi ra ảnh Chuột và tôi chụp cùng nhau. Ảnh chụp tám năm trước trong J’s Bar. Tôi nhìn nghiêng, hút thuốc, Chuột nhìn về phía máy ảnh, giơ ngón cái làm hiệu đồng ý. Cả hai chúng tôi đều trẻ và rậm rắng.

“Người này là cậu, đúng không?” Giáo sư Cừu nói, giơ bức ảnh dưới ánh đèn. “Trẻ hơn giờ.”

“Đúng.”

“Người kia chính là cậu thanh niên đó. Cậu ta trông già hơn ảnh này và có ria, nhưng đúng là cậu ta.”

“Ria ư?”

“Một bộ ria nhỏ khá gọn gàng, phần còn lại thì râu mọc lởm chởm.”

Tôi cố gắng hình dung Chuột có ria, nhưng không thể hình dung được.

Giáo sư Cừu vẽ cho chúng tôi một tấm bản đồ chi tiết tới trang trại. Phải đổi tàu gần Asahikawa tới một đường nhánh và đi ba tiếng đồng hồ để đến thì trấn chân đồi. Từ đó mất ba tiếng đi xe đến trang trại.

“Xin chân thành cảm ơn ông vì mọi thứ,” tôi nói.

“Nếu cậu thực sự muốn biết sự thật, tôi nghĩ càng ít người liên quan đến con cừu đó càng tốt. Tôi là một ví dụ điển hình. Không một ai lại hạnh phúc hơn một khi đã bị quẩn vào với nó. Giá trị bản thân một cá nhân không thể chống đỡ trước sự hiện diện của con cừu. Nhưng thôi, tôi đoán là cậu có lý do của mình.”

“Đúng như thế đấy.”

“Giờ hãy cẩn thận,” Giáo sư Cừu nói. “Và làm ơn đặt bát đĩa cạnh cửa hộ tôi.”

31. Phần VII - Chương 28

CHƯƠNG 28: TẠM BIỆT KHÁCH SẠN CÁ HEO

Chúng tôi mất một ngày chuẩn bị cho chuyến đi.

Chúng tôi mua đồ leo núi và thực phẩm gọn nhẹ tại một cửa hàng thể thao, mua áo len dày cộp dành cho ngư dân và tất len tại cửa hàng bách hóa. Tại hiệu sách, chúng tôi mua một tấm bản đồ tỷ lệ 1:50000 của khu vực chúng tôi sắp đến và một cuốn sách về lịch sử địa phương. Chúng tôi cũng mang ủng lông để đi và đồ mặc loại có lót nhiệt.

“Tất cả những áo quần này không có bất cứ ích lợi nào cho loại công việc nào của em,” cô nói.

“Khi ra ngoài trời tuyết, em không có thời gian để mà nghĩ đến chuyện đó đâu,” tôi nói.

“Anh định ở lại đến khi tuyết rơi nhiều sao?”

“Không nói được. Nhưng anh biết tuyệt bắt đầu rơi vào cuối tháng Mười. Tốt hơn là hãy chuẩn bị đầy đủ. Không biết được chuyện gì sẽ xảy ra.”

Chúng tôi lôi những gì mua được về khách sạn, nhét vào một chiếc ba lô lớn, rồi chúng tôi tập hợp tất cả những đồ phụ chúng tôi mua từ Tokyo, để lại nhờ chủ khách sạn Cá Heo giữ hộ. Thật ra, hầu như tất cả những gì cô mang trong túi mình là đồ lặt vặt. Một hộp trang điểm, năm cuốn sách và sáu băng cát xet, một túi đầy tất dài và đồ lót, áo phông và quần soóc, một đồng hồ báo thức du lịch, một cuốn sổ ký họa và một bộ hai mươi tư bút chì màu, văn phòng phẩm và phong bì, khăn tắm, túi đồ cứu thương nhỏ, máy sấy tóc, bông gạc.

“Nhưng tại sao em lại mang theo váy đầm và giày cao gót?”

“Em biết làm gì nếu chúng ta đi dự tiệc?” cô nài nỉ.

Không dùng lý lẽ được với cô. Cô gắng cho cái váy, gấp gọn gàng và giày cao gót vào trong ba lô của chúng tôi cùng với các vật dụng đã được loại bớt. Với đồ trang điểm, cô chuyển sang một chiếc hộp trang điểm bỏ túi mua ở cửa hàng gần đó.

Người chủ khách sạn lịch sự đón nhận túi hành lý. Tôi trả tiền cho cả ngày hôm sau và nói với ông chúng tôi sẽ trở lại sau một hai tuần.

“Ông cụ tôi có giúp gì được cho anh không?” ông hỏi đầy lo lắng.

Tôi nói là ông ấy đã giúp nhiều lắm.

“Tôi thỉnh thoảng mong mình có thể đi tìm kiếm một thứ gì đó,” ông tuyên bố, “nhưng trước khi đi xa đến mức ấy, bản thân tôi không hề biết được là đi tìm cái gì. Còn cha tôi, ông ấy là người đi kiếm tìm một điều gì đó suốt cả đời. Đến tận bây giờ ông vẫn đang tìm kiếm. Ngay từ khi tôi còn bé, cha tôi đã kể cho tôi nghe về con cừu trắng đến với ông trong giấc mơ. Vì thế tôi luôn nghĩ đó chính là cuộc sống. Một cuộc tìm kiếm không ngừng nghỉ.”

Tiền sảnh khách sạn Cá Heo lặng như tờ. Một bà phục vụ già đi lên đi xuống cầu thang với chiếc giẻ lau.

“Cha tôi giờ đã bảy mươi ba tuổi rồi mà vẫn không thấy cừu đâu. Tôi không biết liệu thứ đó thậm chí có tồn tại hay không. Tôi không khỏi nghĩ rằng cuộc đời ông đã không hạnh phúc, nhưng ông chế nhạo tôi và không lắng nghe một lời nào tôi nói. Đó là bởi vì tôi không có mục đích trên đời.”

“Nhưng ông có khách sạn Cá Heo,” bạn gái tôi nói dịu dàng.

“Ngoài ra, cha ông đã để cuộc tìm kiếm cừu cho người khác,” tôi thêm vào. “Chúng tôi đảm đương phần còn lại.”

Người chủ khách sạn mỉm cười.

“Nếu đúng như thế, tôi không còn biết nói gì hơn. Hai chúng tôi nên sống hòa thuận hạnh phúc.”

“Tôi rất hy vọng thế,” tôi nói.

Lát sau, khi chúng tôi còn lại một mình, cô hỏi tôi, “Anh có thật sự nghĩ rằng hai người đó xứng đáng có nhau không?”

“Họ đã cùng nhau lâu thế này... Họ sẽ ổn thôi. Ít nhất là, sau một khoảng trống bốn mươi hai năm. Giờ thì chúng ta phải truy tìm con cừu đó.”

“Em thích hai người đó.”

“Anh cũng thích hai người đó.”

Chúng tôi xếp đồ xong rồi ăn nằm với nhau, sau đó ra ngoài xem phim. Trong bộ phim cũng có nhiều đàn ông và đàn bà ăn nằm với nhau. Rất cuộc thì xem người khác ăn nằm với nhau chẳng có gì sai cả.

32. Phần Viii - Chương 29

PHẦN VIII: CUỘC SĂN CỪU HOANG, III - CHƯƠNG 29: SỰ RA ĐỜI, HÙNG THỊNH VÀ SUY VONG CỦA HUYỆN JUNITAKI

Chúng tôi bắt đầu chuyến tàu sớm từ Sapporo đến Asahikawa. Tôi mở một chai bia rồi ngồi xuống đọc cuốn Lịch sử chính thức huyện Junitaki to tướng đóng trong hộp. Junitaki là huyện nơi trang trại Giáo sư Cừu tọa lạc. Đọc lịch sử của huyện có lẽ không có giá trị thực tiễn nào, nhưng nó cũng chẳng hại gì.

Tác giả sinh năm 1940 tại Junitaki và, sau khi tốt nghiệp khoa văn trường đại học Hokkaido, hoạt động với tư cách một sử gia địa phương, ấy là bìa sách nói thể. Được cho là người hoạt động hăng hái, song ông ta chỉ viết mỗi một cuốn sách, được xuất bản tháng Năm năm 1970. Lần xuất bản đầu tiên, có lẽ là lần duy nhất.

Theo tác giả, những người định cư đầu tiên đến nơi mà ngày nay gọi là Junitaki vào đầu mùa hè năm 1881. Cả bảy mươi tám người, tất cả đều là nông dân nghèo xơ xác từ Tsugaru, nông cụ, quần áo, giường chiếu, xoong nồi và dao rựa sơ sài là tất cả tài sản của họ.

Họ đi qua một ngôi làng của người Ainu gần Sapporo và với chút tiền ít ỏi, họ thuê một thanh niên Ainu gầy gò, mắt đen làm người dẫn đường. Tên người thanh niên tiếng Ainu được dịch là "Trăng tròn đang khuyết dần" (gợi ý là anh ta có xu hướng trầm cảm, tác giả đặt giả thuyết vậy).

Có lẽ người thanh niên không sinh ra để làm người dẫn đường; tuy nhiên, cậu chứng tỏ mình khá hơn rất nhiều so với người ta tưởng lúc đầu. Hầu như không hiểu một tí tiếng Nhật nào, cậu dẫn mười tám người nông dân dữ tợn đáng ngờ lên phía Bắc, dọc theo sông Ishikari. Cậu có ý tưởng rõ ràng trong đầu rằng phải đi đâu để tìm đất đai màu mỡ.

Ngày thứ tư, cả đoàn đến địa điểm này. Được phú cho sông nước rộng lớn, phong cảnh nơi đây sống động với hoa lá tươi đẹp.

"Nơi này tốt đấy," người thanh niên nói. "có ít thú hoang, đất đai màu mỡ, nhiều cá hồi."

"Không ăn thua," người đứng đầu đám nông dân nói. "Chúng tôi muốn đi sâu hơn."

Người thanh niên hiểu rằng đám nông dân tin họ sẽ tìm được đất đai màu mỡ hơn nếu đi sâu hơn. Tốt thôi. Nếu đó là những gì họ muốn, sẽ đi sâu hơn.

Thế là cả đoàn tiếp tục cuộc hành trình lên hướng Bắc trong hai ngày nữa. Ở đó người thanh niên tìm được một chỗ dốc, nơi đây nếu đất đai không màu mỡ đúng như chỗ đất trước thì ít nhất cũng không phải lo lũ lụt.

"Chỗ này thế nào?" người thanh niên hỏi. "Ở đây cũng tốt."

Đám nông dân lắc đầu.

Cảnh này cứ lặp đi lặp lại cho đến khi cuối cùng họ đến địa điểm mà ngày nay là Asahikawa. Cách Sapporo bảy ngày đường và một trăm dặm.

"Ở đây thì sao?" người thanh niên hỏi, chưa bao giờ cảm thấy không chắc chắn như thế.

"Không được," đám nông dân trả lời.

"Nhưng từ đây chúng ta phải trèo núi," người thanh niên nói.

"Chúng tôi không ngại," đám nông dân hân hoan nói.

Và thế là họ vượt đèo Shiokari.

Khỏi cần phải nói, có lý do khiến những người nông dân bỏ qua đám đất đai màu mỡ phía dưới và khẳng khắn đi sâu hơn vào vùng hoang vu. Sự thật là, họ đang lẫn trốn. Họ đã bỏ thị trấn, bỏ nợ nần chồng chất, và muốn tránh khỏi chốn văn minh càng xa càng tốt.

Tất nhiên, người thanh niên Ainu không có cách nào biết được điều này. Vậy là, một cách tự nhiên, sự ngạc nhiên ban đầu của cậu khi đám nông dân từ chối những vùng đất màu mỡ chẳng bao lâu chuyển sang hoang mang, kiệt sức và mất tự tin.

Tuy nhiên, tính cách của người thanh niên đủ phức tạp đến lúc đoàn người vượt qua đèo Shiokari, cậu đã phó mặc mình ột số phận không thể hiểu nổi, dẫn họ ngược lên mãi, lên mãi phía Bắc. Cậu bỏ công sức chọn con đường gồ ghề nhất, bãi lầy nguy hiểm nhất, để làm vừa lòng những người thuê mình.

Bốn ngày phía Bắc đèo Shiokari, đoàn người đến một con sông chảy theo hướng Tây. Theo nhất trí chung, mọi người quyết định họ nên đi về hướng Tây.

Chiến thuật này đã khiến họ giáp mặt những con đường khủng khiếp qua những địa hình khủng khiếp. Họ chặt vật tìm đường qua những rừng tre, chặt cỏ cao đến vai để qua những cánh đồng cỏ mỗi lần mất nửa ngày, lội bì bõm qua bùn cao tới ngực, trèo lên núi đá dốc lởm chởm, bất cứ thứ gì để tiến xa hơn về phía Đông. Đêm đến, họ rải vải bạt không thấm nước bên bờ sông và canh chừng tiếng hú của đàn sói khi ngủ. Cánh tay họ, bị tre quẹt cho rớm máu, luôn luôn bị bao vây bởi đám ruồi nhúe và muỗi sẵn sàng rúc sâu vào trong tai họ để hút máu.

Năm ngày đi về hướng Đông, họ thấy đường đi bị núi chặn lại và không thể tiến xa hơn. Vùng đất ở sâu hơn không phù hợp cho người đến lập nghiệp, người thanh niên tuyên bố. Nghe vậy, đám nông dân dừng chân. Đó là ngày mùng 8 tháng bảy, năm 1881, cách Sapporo 240 cây số.

Việc đầu tiên là họ khảo sát vị trí của vùng đất, thử nước, kiểm tra đất. Đất khá tốt để trồng cây. Rồi họ chia đất cho nhau và dựng một túp lều công nhỏ bằng gỗ ở giữa.

Người thanh niên Ainu gặp một toán thợ săn Ainu đi qua khu vực. “Vùng này gọi là gì?” cậu hỏi họ.

“Mày nghĩ rằng cái chỗ đất như lỗ đất này xứng đáng có tên sao?” Họ trả lời.

Vậy là hiện tại khu vực hoang vu này không có tên. Vì chẳng có nhà dân nào khác (hoặc ít ra là một nhà dân mong muốn tiếp xúc với loài người) trong bán kính sáu mươi lăm cây số nên khu đất không cần có tên. Trên thực tế, vào năm 1889 khi một nhân viên điều tra dân số do Chính quyền địa phương cử xuống thúc ép đám nông dân phải có tên, những người định cư vẫn thờ ơ không dao động. Cuộc liềm trong tay, họ hợp mặt trong túp lều công và quyết định không đặt tên cho vùng đất. Tay viên chức đúng là không biết xoay xở ra sao. Tất cả những gì ông ta có thể làm là đếm số thác nước của con sông kế bên, mười hai, và báo cáo cái tên Junitaki-buraku hay Khu Định Cư Mười Hai Thác Nước cho Chính quyền địa phương. Từ đó trở đi, khu định cư mang tên chính thức Junitaki-buraku (và sau đó Junitaki-mura, Ngôi Làng Mười Hai Thác Nước).

Khu vực trải một hình cung sáu mươi độ giữa hai ngọn núi và được cắt ngang ở giữa bởi một con sông sâu. Chắc chắn là một dáng đất lỗ đất rồi. Đất đai phủ kín rừng tre trong khi những cây xanh quanh năm khổng lồ trải rộng và sâu. Sói, nai sừng tấm, gấu, chuột xạ, chim chóc tranh nhau chút thức ăn ít ỏi trong vùng đất hoang vu. Khắp nơi nhưng nhúc nhúc những ruồi và muỗi.

“Các vị đều muốn sống ở đây à?” người thanh niên Ainu hỏi.

“Chắc chắn rồi”, đám nông dân trả lời.

Không rõ vì sao mà người thanh niên Ainu, thay vì về nhà, lại chọn ở lại với những người định cư. Có lẽ cậu ta tò mò, tác giả đặt ra giả thuyết (Tác giả thích đặt giả thuyết). Dù với bất cứ lý do nào, nếu cậu ta không ở lại, người ta ngờ rằng họ có thể sống qua mùa đông. Người thanh niên dạy họ cách trồng rau mùa đông, cách chống chọi với tuyết, cách bắt cá ở sông đóng băng, cách đặt bẫy sói, cách tránh sự chú ý của gấu trước khi ngủ đông, cách xem thời tiết qua hướng gió, cách tránh cước ở chân tay vì bị rét, cách nướng măng tre làm thức ăn, cách đồn cây xanh quanh năm theo hướng định sẵn. Chẳng bao lâu, mọi người nhận ra được giá trị của người thanh niên, và bản thân người thanh niên lấy lại được tự tin. Cuối cùng cậu ta lấy tên Nhật và cưới con gái của một người định cư, với người vợ này cậu có ba đứa con. Không còn “Trăng Tròn Đang Khuyết Dần” nữa.

Tuy thế, thậm chí với khối kiến thức thực tiễn của người thanh niên Ainu, hoàn cảnh của những người định cư vẫn thật khốn khổ. Đến tháng Tám, mỗi gia đình đều dựng được lều, chỉ là những thanh gỗ chẽ túm lại

với nhau quấy quá vội vàng hầu như không ngăn nổi gió đông. Thức dậy mà thấy một đồng tuyết cao đến ba mươi centimet cạnh gối cũng chẳng có gì là lạ. Hầu hết các gia đình chỉ có một bộ giường chiếu, vì thế đám đàn ông con trai thường phải ngủ co quắp bên bếp lửa. Khi thức ăn dự trữ đã cạn, những người định cư đi ra ngoài kiếm cá và bất cứ cây dại héo quắt nào họ có thể kiếm dưới tuyết. Đó là một mùa đông đặc biệt lạnh. Tuy thế, không ai chết cả. Không cãi nhau, không nước mắt. Sức mạnh của họ là cái nghèo bầm sinh.

Mùa xuân tới. Hai đứa trẻ ra đời và số người định cư tăng lên hai mươi hai. Hai giờ trước khi trở dạ các bà mẹ còn đang làm việc ngoài đồng, và sáng hôm sau khi sinh con họ ra đồng làm việc.

Nhóm nông dân trồng ngô và khoai tây. Cánh đàn ông đốt cây và đốt rế để phát quang thêm đất. Cuộc sống mới sinh sôi trên mặt đất, cây non kết quả, nhưng ngay khi những người định cư đang thở phào nhẹ nhõm, họ lại bị hàng đàn châu chấu bao vây.

Châu chấu lướt quanh núi. Đầu tiên, trông chúng như một đám mây đen khổng lồ. Rồi sau đó là một tiếng ầm ầm. Không ai biết được điều gì đang xảy ra với họ. Chỉ có người thanh niên Ainu biết. Cậu hạ lệnh cho cánh đàn ông nhóm lửa trên đồng. Tắm giọt dầu cuối cùng vào đồ đạc cuối cùng, đám đàn ông đốt tất cả những gì họ có thể động tay vào. Cánh phụ nữ gõ chày vào xoong nồi. Họ làm hết sức mình, nhưng tất cả đều không đủ. Hàng trăm ngàn con châu chấu xà xuống trên mùa màng của họ và tàn phá hết. Không còn gì sót lại sau đó.

Khi đàn châu chấu bay đi rồi, người thanh niên ra đồng mà khóc. Không một người định cư nào nhỏ một giọt nước mắt. Họ nhặt chỗ châu chấu chết rồi đốt, và ngay sau khi chúng đã thành tro, những người định cư tiếp tục phát quang đất.

Họ trở lại ăn cá và rau dại cả mùa đông sau. Vào mùa xuân, ba đứa trẻ nữa ra đời. Mọi người trồng cây trên đồng. Vào mùa hè, châu chấu trở lại tấn công. Và tất cả cây trồng lại bị nhai đến tận gốc. Tuy nhiên lần này, người thanh niên Ainu không khóc.

Cuối cùng, trận tấn công dữ dội của châu chấu kết thúc vào năm thứ ba. Một đợt mưa dài giết sạch chỗ trứng châu chấu. Nhưng mưa kéo dài đã làm hại cây trồng. Năm sau gặp phải sự phá hoại bất bình thường của bọ cánh cứng, và mùa hè sau đó lạnh bất bình thường.

Đọc đến đó, tôi gấp sách, mở một chai bia nữa và lôi hộp ăn trưa có trứng cá hồi ra khỏi túi.

Cô ngồi đối diện với tôi khoanh tay, ngủ say sưa. Nắng sớm thu xen nghiêng qua khung cửa sổ tàu, trải một lớp chấn bằng ánh sáng lên lòng cô. Một con nhện tí hon bay lên từ đâu đó và đập cánh như một mảnh giấy nhỏ. Cuối cùng thì con nhện đậu lên ngực cô và ở đó trước khi bay đi mất. Khi con nhện đã bay, cô trông già đi chút xíu.

Tôi hút một điếu thuốc, rồi đọc tiếp cuốn Lịch sử chính thức huyện Junitaki.

Đến năm thứ sáu, khu định cư đã có thể tự mình tồn tại. Mùa màng sinh sôi, các túp lều được sửa lại, và ai nấy đều đã thích nghi với khí hậu lạnh. Những căn nhà gỗ cửa thế chỗ đám lều gỗ, họ đắp lò sưởi, treo đèn. Mọi người chất lên thuyền những gì ít ỏi còn lại, chổ rau quả thừa rồi cá khô và sừng nai tấm, đi hai ngày tới chợ thị trấn gần nhất, mua chuối, quần áo và dầu. Một số người học cách làm than củi từ gỗ đốn trong cánh đồng đã phát quang. Một số khu định cư tương tự mọc lên xuôi dòng sông và giao thương được xác lập.

Trong khi việc vỡ đất tiếp diễn, họ thấy rõ là khu định cư đặc biệt thiếu người, thế là nhóm triệu tập hội đồng làng, và sau hai ngày họ quyết định kêu gọi sự tăng viện từ quê cũ. Câu hỏi về khoản nợ không trả được đặt ra, nhưng xét qua câu trả lời đáp lại những dò hỏi được gói ghém cẩn thận trong những bức thư gửi về nhà, họ biết rằng các chủ nợ đã từ lâu thôi không cố đòi nợ nữa. Người cao tuổi nhất trong số những người định cư gửi thư cho đám bạn cũ, hỏi xem họ có muốn cùng những người định cư làm việc ở vùng đất mới hay không. Năm 1889, điều tra dân số được tiến hành, cùng năm khu định cư được chính thức đặt tên.

Năm sau đó, sáu gia đình mới, gồm chín người định cư mới, đến khu định cư. Họ được chào đón bởi các túp lều gỗ đã được nâng cấp. Tất cả đều nghẹn ngào nước mắt ngày tái ngộ. Cư dân mới được cấp đất, và với sự giúp đỡ của những người định cư đầu tiên họ trồng cây và xây nhà riêng.

Năm 1893, thêm bốn gia đình mới đến, với mười sáu người. Năm 1987, thêm bảy gia đình mới đến với hai mươi bốn người.

Số lượng người định cư mới tăng dần một cách ổn định. Túp lều công được mở rộng thành phòng họp trang trọng hơn, và ngay cạnh đó họ xây một miếu thờ nhỏ. Khu định cư chính thức trở thành làng. Từ Junitaki-buraku thành Junitaki-mura. Người đưa thư bắt đầu xuất hiện, dù không đều đặn. Tuy hạt kê vẫn là món ăn chính của dân làng nhưng giờ đây thi thoảng họ trộn nó với cơm trắng thật.

Tất nhiên, không phải họ không phải chịu những điều không may. Các viên chức đến đánh thuế và bắt lính. Người thanh niên Ainu, giờ đã ba mươi lăm tuổi, đặc biệt phiền lòng bởi những diễn biến này. Anh không thể hiểu được tại sao những thứ như thuế má và nghĩa vụ quân sự lại cần thiết.

“Đối với tôi có vẻ mọi thứ cứ như trước thì hay hơn,” anh nói.

Dẫu vậy, làng vẫn tiếp tục phát triển.

Năm 1903, họ phát hiện một khu đất cao hơn gần làng phù hợp với việc nuôi thả súc vật, thế là làng lập đồng cỏ chung. Một viên chức chính quyền địa phương hướng dẫn họ dựng rào, cung cấp hệ thống thoát nước và dựng lều trại cho vật nuôi, tiếp đó, lao động nhà tù được gọi đến để xây dựng một con đường dọc theo sông, và cùng với thời gian, hàng đàn cừu mua rẻ của chính phủ được chăn thả bên đường. Những người nông dân không hề biết tại sao chính phủ lại hào phóng như vậy. Mà, tại sao không nhỉ? Họ nghĩ. Sau một cuộc chống trả khó khăn, đây là sự đền bù được hoan nghênh.

Tất nhiên, chính phủ hào phóng cung cấp cho họ những con cừu này không phải là không có lý do. Bị hối thúc bởi mục tiêu quân sự là phải tự túc len lỏi cho chiến dịch sắp tới trên đại lục, chính phủ đã ra lệnh cho Bộ Nông nghiệp và Kinh doanh nỗ lực chăn nuôi cừu hơn, và bộ đã ép chính quyền Địa phương phải thực thi các kế hoạch này. Chiến tranh Nga-Nhật sắp tới gần.

Trong khắp cả làng, lại chính người đàn ông Ainu, nay không còn là chàng thanh niên nữa, tỏ rõ sự quan tâm đến cừu nhiều nhất. Ông học phương pháp chăn nuôi cừu từ các quan chức địa phương và đảm nhận trách nhiệm phụ trách đồng cỏ của làng. Không ai biết chính xác tại sao ông ta lại hết mình với cừu nhường ấy. Có thể là vì những phức tạp của cuộc sống do số lượng dân làng bỗng nhiên tăng vọt.

Đồng cỏ trở thành nhà cho ba mươi sáu đầu cừu Southdown và hai mươi mốt đầu cừu Shropshire cộng với hai con chó cô li giống Border. Người đàn ông Ainu trở thành người chăn cừu giỏi, và số lượng cừu và chó tăng lên mỗi năm. Ông dần dà yêu đàn cừu và đàn chó của mình tha thiết. Các viên chức thì vô cùng hài lòng. Chó con được bán cho các trang trại cừu tương tự được thành lập gần đó để rồi trở thành những con chó chăn cừu giỏi nhất.

Khi chiến tranh Nga-Nhật bùng nổ, năm trai làng bị bắt đi lính và điều ra tiền tuyến ở Trung Hoa. Hai người hy sinh và một bị mất một cánh tay trái khi một quả lựu đạn của quân địch nổ tung trong cuộc giao tranh nhỏ trên một ngọn đồi nhỏ. Khi cuộc giao tranh kết thúc sau ba ngày, hai người kia thu thập các mảnh xương nằm rải rác của những người bạn thanh niên cùng làng. Tất cả là con trai của những người định cư đợt một và đợt hai. Một trong những người chết là con trai cả của người thanh-niên-trở-thành-người-chăn-cừu Ainu. Cậu chết khi mặc một cái áo khoác len do quân đội cấp.

“Tại sao lại điều bọn con trai ra trận tại một miền đất lạ?” người chăn cừu Ainu đi quanh hỏi mọi người. Lúc đó ông bốn mươi lăm tuổi.

Không ai có thể trả lời ông. Người chăn cừu Ainu tuyệt giao với làng và ở luôn bên ngoài đồng cỏ, tỉnh thức cùng đàn cừu. Vợ ông đã qua đời vì bệnh viêm phổi năm năm trước, và hai con gái ông đã lấy chồng. Để trả công trông nom đàn cừu, làng cấp cho ông chút lương ít ỏi và thức ăn.

Sau khi mất con trai, người chăn cừu Ainu trở nên cay đắng. Ông qua đời khi sáu mươi hai tuổi. Một sáng mùa đông, cậu bé giúp việc cho ông tìm thấy xác ông nằm chết sóng soài trên sàn trại cừu. Đông cứng. Hai con chó đời cháu của hai con cô li giống Border đầu tiên mất buồn thương cảm rên rỉ bên cạnh ông. Đàn cừu, không hề biết gì, đang gặm cỏ tại khu chăn thả của mình. Nhịp nhai khe khẽ của răng cừu nghe giống như một đàn đồng ca catanhet.

Lịch sử Junitaki tiếp tục, nhưng lịch sử của người thanh niên Ainu kết thúc tại đó. Tôi đứng dậy đi vệ sinh

và đái ra hết số bia trong hai chai. Khi tôi quay lại chỗ ngồi, cô đã thức giấc và đang lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ. Cánh đồng lúa trải dài tít tắp. Thi thoảng là một hầm ủ tươi thức ăn cho vật nuôi. Sông chạy lại gần, rồi chạy ra xa. Tôi hút một điếu thuốc, cảm nhận khung cảnh cùng với dáng ngồi nghiêng của cô trong đó. Cô không nói một lời. Khi hút hết điếu thuốc, tôi quay lại với cuốn sách. Bóng một cây cầu sắt sáng lóe lên qua trang sách.

Sau câu chuyện bất hạnh của người thanh niên Ainu sau trở thành người chăn cừu, già đi, rồi qua đời, lịch sử còn lại khá nhàm chán. Một trận viêm đường ruột cướp đi mười đầu cừu, một đợt lạnh khủng khiếp giáng đòn chí tử cho đám hoa màu, nhưng ngoài ra thì mọi thứ trong làng đều diễn ra trôi chảy. Vào thời Đại Chính, làng được hợp nhất thành huyện và được đổi tên mới là Junitaki-cho. Junitaki-cho phát triển tốt, xây thêm nhiều cơ sở vật chất, một trường tiểu học, một tòa thị chính, một điểm bưu điện. Đến lúc này, việc định cư ở Hokkaido gần như hoàn tất.

Khi đất đai trồng trọt được đã gần cạn kiệt, một vài thanh niên rời Junitaki-cho đi tìm vận may ở những thế giới mới như Mãn Châu và Sakhalin. Vào những năm 1937, Giáo sư Cừu xuất hiện ở thị trấn.

Lịch sử viết: “Người quản lý kỹ thuật của Bộ Nông Lâm được công nhận rộng rãi vì các nghiên cứu ở Triều Tiên và Mãn Châu. Giáo sư _____ (tuổi 32) rời vị trí của mình do hoàn cảnh đặc biệt và lập trang trại cừu riêng của mình tại thung lũng núi phía Bắc Junitaki-cho.”

Chuyện về ông chỉ được viết có thế.

Bản thân tác giả có vẻ như cũng chán các sự kiện những năm ba mươi, việc ghi chép của ông ta trở nên không đồng nhất và chắp vá. Ngay cả văn phong cũng sa sút, mất đi sự mạch lạc khi ông thảo luận về người thanh niên Ainu.

Tôi bỏ không đọc ba mươi năm giữa 1938 và 1969 và nhảy đến phần có tựa đề “Junitaki ngày nay”. Tất nhiên, “ngày nay” trong sách là vào năm 1970, hầu như không phải “ngày nay” của ngày nay. Tuy vậy, khi viết lịch sử của một thị trấn hiển nhiên cần phải đưa cái “ngày nay” ra. Và thậm chí nếu một ngày nay chẳng mấy chốc không còn là ngày nay nữa, không ai có thể chối cái được nó thật sự là một ngày nay. Vì nếu như ngày nay thôi không còn là ngày nay, lịch sử không thể tồn tại như lịch sử.

Theo cuốn Lịch sử chính thức huyện Junitaki, năm 1969 dân số giảm xuống còn 15.000, giảm 6.000 so với mười năm trước, hầu như vì sự sa sút của nghề nông. Sách nói rằng, tỷ lệ không còn làm nghề nông cao bất bình thường là phản ứng trước những thay đổi của cơ sở hạ tầng quốc gia trong thời kỳ phát triển công nghiệp nhanh chóng, cũng như bản chất kỳ lạ của nghề nông trong khí hậu của Hokkaido.

Vậy những nơi đất đai trồng cấy đã trở thành gì? Chúng được trồng cây gây rừng lại. Mảnh đất mà cha ông họ đã đổ máu phát hoang, những người hậu duệ giờ đây trồng cây. Thật trớ trêu khi sự việc trở nên như thế.

Nói vậy nghĩa là ngành nghề chính ở Junitaki ngày nay là lâm nghiệp và cán gỗ. Ngày nay thị trấn tự hào có một vài nhà máy gỗ nhỏ nơi họ sản xuất tủ đựng tivi, bàn trang điểm, những bức tượng nhỏ hình gấu và người Ainu bán cho khách du lịch. Túp lều công cụ ngày xưa trở thành Bảo tàng Người tiên phong, nơi nông cụ và các đồ dùng ăn uống từ những ngày đầu định cư được trưng bày. Có cả vật lưu niệm về những thanh niên làng đã chết trong Chiến tranh Nga-Nhật. Và thậm chí cả bức thư gửi về quê hỏi về những người chủ nợ.

Nhưng sự thật Junitaki ngày nay là một thị trấn hết sức buồn tẻ. Dân thị trấn, khi đi làm về, xem tivi trung bình bốn tiếng trước khi đi ngủ mỗi tối. Số phiếu đi bầu cử luôn cao, nhưng không ai ngạc nhiên trước việc ai là người trúng cử. Khẩu hiệu của thị trấn là “Nhân tính Rộng rãi trong một thiên nhiên Rộng rãi”. Hay tắm biển trước cửa ga nói thế.

Tôi gấp sách, ngáp, rồi ngủ thiếp đi.

33. Phần Viii - Chương 30 Part 1

CHƯƠNG 30: LẦN SUY VONG TIẾP THEO CỦA JUNITAKI VÀ LƯỢNG CỪU CỦA NÓ

Chúng tôi bắt tàu chuyển tiếp tại Asahikawa và đi về hướng Bắc qua đèo Shiogari, chủ yếu đi chính con đường mà người thanh niên Ainu và mười tám người nông dân nghèo xơ xác đi một thế kỉ trước.

Mặt trời mùa thu chói sáng xuyên qua tàn tích cuối cùng của rừng hoang và lá cây thanh lương trà đỏ rực. Không khí tĩnh lặng và trong lành. Tối mức chỉ nhìn phong cảnh thôi cũng khiến người ta đau mắt.

Chuyến tàu lúc đầu vắng vẻ, nhưng tới giữa đường, một đám học sinh trung học đi vé tháng chen chúc nhau lên và thế là náo loạn vô cùng, những tiếng la hét, gào khóc, mùi cơ thể, những cuộc chuyện trò không tài nào hiểu được và thôi thúc tình dục không có chỗ nào thoát ra. Cứ thế trong khoảng ba mươi phút cho đến khi tất cả bọn chúng biến mất tại cùng một nhà ga. Một lần nữa, đoàn tàu lại trống vắng, không nghe một tiếng nói.

Chúng tôi chia nhau nhăm nháp một thỏi sô cô la trong lúc phong cảnh diễu ra trước mắt. Ánh nắng thanh bình đổ lên mặt đất. Mọi thứ dường như xa xôi làm sao, như thể chúng tôi đang nhìn qua đầu kia của kính thiên văn. Cô huyết sáo mấy đoạn trong bài “Johnny B. Goode”. Đây có lẽ là lần lâu nhất chúng tôi không nói với nhau câu nào.

Buổi chiều, chúng tôi xuống tàu. Đứng trên sân ga, tôi hít một hơi thật sâu và vươn vai. Không khí trong lành đến mức tôi cảm thấy phổi mình sắp nổ tung. Ánh mặt trời trên cánh tay tôi ấm áp và đầy nhục cảm, ngay cả khi không khí ở đó lạnh hơn không khí ở Sapporo ba bốn độ.

Một dãy nhà kho xây bằng gạch cũ kỹ xếp hàng dọc đường ray, cạnh đó là một chồng gỗ xếp theo hình kim tự tháp dài hơn hai mét rưỡi, đen sẫm và ẩm ướt từ trận mưa đêm trước. Sau khi chuyển tàu chờ chúng tôi đến đã rời khỏi nhà ga, chẳng còn ai trong tầm nhìn, chỉ có một bụi cúc vạn thọ đứng đưa trong gió lạnh.

Từ sân ga, chúng tôi trông thấy một đô thị khu vực quy mô nhỏ điển hình. Có đầy đủ phố chính, các cửa hàng bách hóa khiêm nhường, bến xe buýt, trung tâm thông tin du lịch. Nếu ấn tượng ban đầu là đúng thì đó là một thành phố cực kì tẻ nhạt.

“Đây là đích đến của chúng ta ư?” cô hỏi.

“Không, không phải ở đây. Chúng ta đi tàu tiếp từ đây. Đích đến của chúng ta là một thị trấn nhỏ hơn thế này nhiều, rất nhiều.”

Tôi ngáp và thở một hơi sâu nữa.

“Đây là điểm quá giang của chúng ta. Đây là nơi mà những người định cư đầu tiên rẽ sang hướng Đông.”

“Những người định cư đầu tiên ư?”

Trong thời gian trước khi tàu chuyển tiếp đến, chúng tôi ngồi trước máy sưởi trong phòng đợi, và tôi thuật lại kiến thức vụn vặt của mình về lịch sử Junitaki-cho. Bảng niên đại trở nên hơi lẫn lộn, thế là tôi dùng một trang giấy từ cuốn sổ để vẽ một bảng thời gian đơn giản hóa dựa trên phần tóm tắt phía sau cuốn Lịch sử chính thức. Bên trái trang giấy, tôi liệt kê ngày tháng và các mốc phát triển trong lịch sử Junitaki-cho, bên phải là các sự kiện chủ yếu của lịch sử Nhật Bản trong cùng thời kỳ. Một bảng niên đại khá đáng nể.

Chẳng hạn, vào năm 1905, Cảng Arthur sụp đổ và con trai người thanh niên Ainu hy sinh. Và nếu như trí nhớ tôi chính xác, đó cũng là năm Giáo sư Cừu ra đời. Dần dà, lịch sử kết nối.

“Nhìn sự việc kiểu này,” cô nói, so sánh bên trái và bên phải của bảng niên đại, “người Nhật chúng ta dường như sống từ cuộc chiến này qua cuộc chiến khác.”

“Đúng là có vẻ như vậy,” tôi nói.

“Làm sao mà mọi việc lại trở nên thế này?”

“Chuyện đó phức tạp. Anh thật sự không nói được. Không phải chỉ như vậy.”

“Hừm.”

Phòng đợi, giống như hầu hết các phòng đợi, vắng vẻ và không có gì đáng chú ý. Ghế băng không thoải mái đến mức thảm hại, gập tăn đầy những mẫu thuốc lá sũng nước, không khí bốc mùi chua. Trên tường là các tấm áp phích du lịch và danh sách tội phạm đang bị truy nã. Những người duy nhất ở đó là một ông già mặc áo len màu vàng nhạt và một bà mẹ với đứa con trai bốn tuổi. Ông già ngồi dính vào một chỗ, mãi mê nghiên cứu tạp chí văn học. Ông lật trang chậm rãi như thể đang bóc băng dính. Mười lăm phút từ trang này qua trang khác. Bà mẹ và đứa bé trông như một cặp vợ chồng hôn nhân đang trục trặc.

“Thực ra ai cũng nghèo, nhưng chúng ta muốn tin rằng nếu mọi thứ ổn thỏa, chúng ta sẽ thoát khỏi cái nghèo.”

“Như người dân ở Junitaki-cho.”

“Chính xác. Đó là lý do họ làm quần quật đến chết để vỡ thêm đất. Ngay cả như vậy, hầu hết những người định cư đều chết trong cảnh nghèo.”

“Tại sao?”

“Tại khu vực thôi. Hokkaido là xứ lạnh, cứ mấy năm lại có một trận sương giá khủng khiếp. Nếu mùa màng chết hết thì sẽ không có gì ăn, không có thu nhập để mua dầu. Họ thậm chí không thể mua nổi hạt giống cho năm sau. Thế là họ cầm cố đất và vay nặng lãi. Nhưng không một nền nông nghiệp nào ở bất kỳ khu vực nào lại sinh lợi đủ để trả số lãi đó, thế nên cuối cùng họ bị tước đoạt đất đai. Điều đó khiến nhiều nông dân phải đi trồng cây thuê.”

Tôi giờ qua mấy trang cuốn Lịch sử chính thức và đọc cho cô: “Vào năm 1930, số lượng nông dân tự cày cấy trên đất của mình giảm xuống còn 46% dân số Junitaki-cho. Họ bị giáng cho hai đòn chí tử, một thị trường đình trệ và một trận sương giá khủng khiếp.”

“Vậy là sau bao nhiêu nhọc nhằn để phát quang thêm đất trồng cây cho chính mình, họ chỉ càng lún sâu hơn vào nợ nần.” cô kết luận.

Vì vẫn còn bốn mươi phút nữa tàu mới đến, cô quyết định một mình đi bộ quanh thị trấn. Tôi ngồi lại phòng đợi, uống một lon Coke và đọc tiếp phần bỏ dở ở một cuốn sách khác. Chẳng bao lâu tôi chán đọc và cất sách đi. Tôi không thể tập trung. Đầu tôi đầy những con cừu Junitaki-cho nhai chóp chép tất cả đám chữ nghĩa tôi có thể cho chúng ăn. Tôi nhắm mắt lại thở dài. Một đoàn tàu chờ hàng đi ngang qua đổ một hồi còi.

Vài phút trước giờ đi, cô trở về với một túi táo. Chúng tôi ăn táo thay bữa trưa, rồi lên tàu.

Con tàu chắc chắn đã từng dãi dầu bao ngày tháng. Những phần gỗ ọp ẹp nơi sàn tàu oằn xuống và mòn vẹt. Đi dọc theo lối đi giữa các dãy ghế cũng đủ khiến người ta đứng đưa từ bên này qua bên khác. Bọc ghế mất hết lớp tuyết còn nệm ghế như bánh mì để lâu một tháng. Một không khí chết chóc, trộn lẫn mùi nhà vệ sinh và mùi dầu lửa, lan tỏa trong toa tàu. Tôi mất mười phút cố mở cửa sổ để không khí từ bên ngoài vào, nhưng vừa mới mở được thì một đám cát mịn thổi vào và tôi lại mất từng ấy thời gian để đóng cửa sổ.

Tàu có hai toa. Có cả thấy mười lăm hành khách, bị gộp lại với nhau bởi một mối ràng buộc chung là sự thờ ơ và chán nản. Ông già mặc áo len vàng nhạt vẫn đang đọc tạp chí. Xét tốc độ đọc đó, số báo ấy có thể đã ra từ cách đây ba tháng. Một bà trung niên trông nặng nề đang nhìn chăm chăm vào một điểm xa bên ngoài, như thể nhà phê bình đang nghe một bản xô nát của Scriabin.

Bọn trẻ con cũng lặng lẽ. Chúng ngồi yên lặng nhìn trần trần ra ngoài cửa sổ. Thi thoảng, ai đó phát ra tiếng ho khan khò khè nghe cứ như xác ướp bị một cái cặp gỗ lên đầu.

Mỗi lần tàu vào một nhà ga là lại có ai đó xuống tàu. Cứ khi nào có người xuống tàu, người soát vé lại xuống thu vé rồi quay trở lại. Người soát vé hoàn toàn không chút biểu cảm gì, đến độ ông ta có thể đi cướp nhà băng mà không phải che mặt. Không hành khách mới nào lên tàu.

Bên ngoài, con sông trải dài bất tận, nổi màu nâu bùn do các trận mưa. Lấp lánh trong ánh nắng thu, trông dòng sông giống như một cái đập tràn toàn cà phê sữa. Con đường được nâng cấp dọc theo bờ sông lúc ẩn lúc hiện, và thỉnh thoảng một chiếc xe tải khổng lồ chở đầy gỗ phóng âm ầm về phía Tây. Nhưng nhìn chung thì con đường dường như không được thực sự sử dụng. Các biển hiệu quảng cáo bên đường không truyền được thông điệp của nhà tài trợ cho ai, đến đâu. Tôi đẩy lui sự buồn chán bằng cách nhìn từng biển

hiệu quảng cáo mới, nhận thấy ở chúng có vẻ lồi cuồn thành thị, sắc nét. Một cô gái có làn da rám nắng tuyệt đẹp mặc bikini chun môi trên một chai Coca, một diễn viên đứng tuổi nheo mày nhìn ly rượu Scotch nghiêng nghiêng, một chiếc đồng hồ thợ lặn được hào phóng té nước vào, một cô người mẫu ở giữa đám nội thất tinh tế, bóng mượt đang làm móng. Những người đi tiên phong mới của ngành quảng cáo đang khoét một vết sâu đồi bại vào trong vùng thôn quê.

Sau hai tiếng bốn mươi phút, chúng tôi tới Junitaki-cho, điểm dừng cuối. Vào một thời điểm nào đó trên đường chúng tôi đã ngủ gà gật, có vẻ như không nghe thấy thông báo của nhà ga. Động cơ diesel đã thở hắt ra hơi cuối cùng rồi mọi thứ rơi vào tĩnh lặng. Tôi giật mình tỉnh dậy, sự yên lặng râm ran trên da tôi. Khi tôi nhìn quanh, không hành khách nào còn lại trên tàu.

Tôi lôi túi xách từ trên giá xuống, gõ nhẹ lên vai cô vài lần để đánh thức cô dậy, rồi chúng tôi xuống tàu. Con gió thổi dọc chiều dài sân ga đã se se chút lạnh cuối thu. Bóng dãy đồi tối đen trườn qua mặt đất như những vết ố chết người. Ngay cuối phố xá, hai dãy đồi ở hai bên thị trấn dường như gặp nhau, gọn gàng ôm cả thị trấn như hai bàn tay khum lại chắn gió ột ngọn lửa diêm. Hai dãy đồi từng sừng phía trên sân ga chật hẹp.

Chúng tôi đứng đó, lúng túng một lúc, nhìn chăm chăm vào khung cảnh đến vài phút.

“Trang trại cũ của Giáo sư Cừu ở đâu anh?” cô hỏi.

“Tít trên núi. Cách đây ba tiếng đi xe.”

“Mình có đi thẳng đến đó không?”

“Không,” tôi nói. “Nếu mình đi ngay bây giờ thì quá nửa đêm mới tới nơi. Hãy qua đêm ở đây và khởi hành vào buổi sáng.”

Trước cửa nhà ga là một giao lộ nhỏ, vắng tanh. Không ai đi vòng quanh. Không taxi đón khách hoặc thả khách. Ở giữa, chỉ có một vòi phun nước hình chim nhưng chẳng có tí nước nào. Con chim lơ đãng nhìn lên bầu trời, miệng há ra mà không có gì để nói. Quanh vòi phun nước trồng một bồn cúc vạn thọ hình tròn. Chỉ liếc qua người ta cũng có thể thấy thị trấn tiêu điều hơn nhiều so với một thập kỷ trước. Hầu như không có ai ngoài phố, còn số ít ỏi đang ở ngoài phố thì dường như cũng có vẻ tiêu điều đáng trí của một thị trấn đang tàn lụi.

Bên trái giao lộ là khoảng nửa tá nhà kho cũ, từ những ngày còn vận tải đường sắt. Được xây bằng gạch theo kiểu cổ, chúng có mái rất dốc và cửa ra vào bằng thép được sơn đi sơn lại không biết bao lần, cuối cùng chỉ để bị bỏ hoang. Những con quạ to cồ cộ đậu thành dãy dọc theo mái ngói, lặng lẽ quan sát thị trấn. Tiếp đến là một bãi đất trống phủ đầy cỏ dại có thể khiến người ta bị phát ban đến tận vai, ở giữa đó là tàn tích của hai chiếc xe cũ bị bỏ mặc ư nắng tàn phá. Cả hai chiếc xe đều thiếu lốp, các bộ phận bên trong lòe lẹt ra từ bên dưới ca pô để mở.

HƯỚNG DẪN ĐẾN THỊ TRẤN được dán ngay cạnh giao lộ vắng ngắt, bị gió mưa bào mòn đến mức hầu như không đọc nổi. Những chữ có thể được được là JUNITAKI-CHO và GIỚI HẠN PHÍA BẮC CỦA TRỒNG LÚA DIỆN RỘNG.

Ngay trước giao lộ là một con phố nhỏ, dọc hai bên là các cửa hàng. Một con phố không khác gì với những con phố tương tự ở Nhật, chỉ trừ một điểm là đường rộng một cách vô lý, đem lại cho thị trấn ấn tượng càng thêm thừa thớt và lạnh lẽo. Hai bên đường là những hàng cây thanh lương trà, tán lá rục rờ nhưng không hiểu sao vẫn không bớt phần lạnh lẽo. Đó là sự lạnh lẽo ngấm vào mọi sinh vật, chưa kể vận mệnh con người. Những sự kiện ngày qua ngày thiếu sức sống của cư dân thị trấn - tất cả - đều bị nhấn chìm trong cái lạnh lẽo ấy.

Tôi xóc ba lô lên vai và đi về phía cuối khu vực thương mại dài năm trăm thước ấy, tìm một chỗ để nghỉ. Không có bất kì quán trọ nào. Một phần ba số cửa hiệu kéo cửa chớp xuống. Tấm biển rách tởm trước một hiệu đồng hồ đập qua đập lại trong gió.

Ở nơi con phố có các cửa hiệu đột ngột bị ngắt quãng, có một bãi đậu xe, lại đầy cỏ dại. Trong bãi là một chiếc Honda Fairlady màu kem và một xe thể thao, chiếc Toyota Celica màu đỏ. Cả hai đều mới. Tình trạng tinh khôi của chúng ở ngay giữa cái thị trấn rệu rã này tạo nên một khung cảnh mới kỳ cục làm sao.

Đi quá các cửa hiệu, con đường đổ dốc thoải tới bờ sông, ở đó nó tách sang trái và phải theo hình chữ T. Dọc theo con đường này là những ngôi nhà khung gỗ một tầng nhỏ, với những hàng cây màu xám bụi đậm thẳng lên trời những cành nhánh đầy gai. Tôi không biết đó là cây gì, nhưng cành nào cành nấy đều mang hình dáng hết sức kì quái. Trước mỗi cửa nhà đều có thùng phuy đựng xăng lớn giống hệt nhau với các hộp đưa sữa kèm theo. Và trên mỗi mái nhà là những cột ăng ten ti vi cao không tưởng. Những cái xúc tu bằng bạc này mò mẫm trong không trung, bắt chắp những ngọn núi tạo thành phong nền của thị trấn.

“Nhưng mà không có quán trọ nào,” cô nói lo lắng.

“Đừng lo, thị trấn nào chẳng phải có một quán trọ.”

Chúng tôi trở lại nhà ga và hỏi hai người phục vụ ở đó xem có thể tìm được chỗ trọ ở đâu. Tuổi cách xa nhau đến mức có thể cho là bố con được, họ rõ ràng là đang chán và giải thích địa điểm nhà trọ tỉ mỉ đến đáng ngại.

“Có hai nhà trọ,” người phục vụ lớn tuổi hơn nói. “Một cái đắt hơn, cái kia khá rẻ. Cái đắt tiền là nơi chúng tôi sắp xếp mấy vị viên chức quan trọng của Chính quyền địa phương và mở tiệc đặc biệt.”

“Thức ăn ở đó không tồi chút nào,” người phục vụ trẻ tuổi hơn nói.

“Cái kia là nơi mà đám khách thương gia hay đám thanh niên đi du lịch hay, xem nào, nơi khách thông thường nghỉ trọ. Bề ngoài thì có thể khiến anh mất hứng, nhưng không bẩn gì đâu. Phòng tắm khá ấn tượng đấy.”

“Mặc dù tường có mỏng,” người trẻ hơn nói.

34. Phần VIII - Chương 30 Part 2

Đến đó hai người lao vào một cuộc tranh luận về độ mỏng của bức tường.

“Chúng tôi sẽ đi tìm cái đắt tiền,” tôi nói. Không việc gì phải tiết kiệm. Còn đó chiếc phong bì, vẫn nhét đầy tiền.

Người phục vụ trẻ tuổi hơn xé một tờ từ sổ ghi nhớ và vẽ bản đồ chính xác đường đến quán trọ.

“Cám ơn nhé,” tôi nói. “Tôi đoán trước không có nhiều người qua đây như mười năm về trước.”

“Không, điều đó thì chắc chắn,” người lớn tuổi hơn nói. “Giờ chỉ còn một nhà máy gỗ và không còn ngành nghề nào đáng nói. Nông nghiệp đã sụp đổ. Dân số cũng đã giảm xuống quá nhiều.”

“Chết tiệt, không còn có đủ học sinh để mở lớp học tử tế ở trường nữa,” người trẻ hơn góp chuyện.

“Dân số là bao nhiêu vậy?”

“Người ta nói khoảng bảy nghìn, nhưng thực ra chắc phải ít hơn thế. Tôi nghĩ năm nghìn thì chính xác hơn.”

“Hãy đi tuyến đường này, cậu ơi, trước khi họ đóng cửa cái ga này, có lẽ là bất cứ lúc nào. Dù gì xảy ra đi nữa, chúng tôi vẫn là tuyến xếp hàng thứ ba từ dưới lên trong cả nước,” người lớn tuổi kết luận.

Tôi ngạc nhiên khi biết rằng có những chuyến tàu khác còn xuống cấp hơn cả tuyến này. Chúng tôi cảm ơn họ rồi đi.

Quán trọ nằm dưới sườn dốc, về bên phải con phố buôn bán, khoảng gần ba trăm mét dọc bờ sông. Một quán trọ cũ, khá đẹp, le lói chút duyên dáng hẳn đã có từ thời huy hoàng của thị trấn. Quán nhìn ra sông, có một khu vườn được chăm sóc cẩn thận. Ở một góc vườn, một chú cún chăn cừu sục mũi vào đĩa thức ăn, ăn tối sớm.

“Đi leo núi phải không?” người phục vụ đưa chúng tôi về phòng hỏi.

“Đúng là đi leo núi,” tôi trả lời đơn giản.

Chỉ có hai phòng trên gác. Mỗi phòng được bố trí rộng rãi, nếu bước ra ngoài ban công, có thể thấy cùng cảnh dòng sông cả phê sữa chúng tôi đã nhìn thấy trên tàu.

Bạn gái tôi muốn đi tắm, vậy nên tôi đi xem tòa thị chính. Tòa thị chính nằm trên con phố vắng tanh cách phố buôn bán hai dãy nhà về hướng Tây. Vậy nhưng tòa nhà lại mới và đẹp hơn nhiều so với những gì tôi trông đợi.

Tôi đi tới phòng chăn nuôi trong tòa thị chính, tự giới thiệu mình bằng tấm danh thiếp của một tạp chí từ hai năm trước khi tôi còn là phóng viên tự do, và bắt đầu thao thao về chuyện tôi cần hỏi một số câu về chăn nuôi cừu, nếu họ không ngại. Khá là gượng gạo khi một tuần sau cho phụ nữ lại cần một bài báo về cừu, nhưng viên quan chức phụ trách chăn nuôi tin tôi ngay và dẫn tôi vào văn phòng anh ta.

“Hiện tại huyện chúng tôi có khoảng hai trăm con cừu, tất cả đều là giống Suffolk. Nghĩa là, cừu thịt. Thịt được chia thành từng phần đưa đến các nhà nghỉ và tiệm ăn gần đó, và rất được ưa chuộng.”

Tôi lúi súi ra ghi nhanh những ghi chép phù hợp. Chắc chắn người đàn ông đáng thương này sẽ mua tạp chí phụ nữ trong vài số tới. Phải thú nhận điều đó khiến tôi cảm thấy ngượng.

“Chắc là một bài báo về ẩm thực hả anh?” anh ta ngừng lại để hỏi sau khi đã trình bày chi tiết hiện trạng chăn nuôi cừu.

“Ừm, tất nhiên đó là một phần của bài báo,” Tôi nói. “Nhưng hơn thế nữa, chúng tôi muốn vẽ lên một bức tranh toàn cảnh về cừu.”

“Một bức tranh toàn cảnh ư?”

“Anh biết đấy, tính cách, thói quen của chúng, đại loại thế.”

“Ồ,” người cung cấp thông tin của tôi nói.

Tôi gấp sổ và uống nước trà vừa được dọn ra. “Chúng tôi nghe nói có một trang trại cừu cũ ở đâu đó trên núi.”

“Vâng, quả có thể. Nó được Quân đội Mỹ sung công sau chiến tranh, nay thì không còn dùng nữa. Trong khoảng mười năm sau khi người Mỹ trao trả, một tay giàu có từ đâu tới sử dụng nó làm biệt thự, nhưng nó ở xa bất tiện cho việc đi lại quá nên ông ta thôi không lên đó nữa. Giờ thì ngôi nhà hầu như bị bỏ hoang. Đó là lý do tại sao trang trại được thị trấn thuê. Chúng tôi nên mua lại và biến chỗ đó thành trang trại du lịch. Nhưng tôi e là tài chính của huyện không cho phép làm như vậy. Đầu tiên, chúng tôi sẽ phải nâng cấp đường...”

“Cho thuê ư?”

“Vào mùa hè, trang trại cừu thuộc thị trấn chúng tôi dẫn khoảng năm mươi đầu cừu trên núi. Đồng của thị trấn không đủ cỏ, mà nói về đồng cỏ thì đồng trên đó khá tốt. Khi thời tiết bắt đầu trở nên xấu hơn vào khoảng nửa sau tháng Chín, người ta lại đưa cừu xuống.”

“Anh có tình cờ biết khi nào cừu lên đó không?”

“Tùy từng năm, nhưng nói chung từ đầu tháng Năm đến nửa sau tháng Chín.”

“Và có bao nhiêu người đưa cừu lên đó?”

“Một người. Vẫn người làm công việc đó suốt mười năm qua.”

“Liệu có thể gặp người này không?”

Viên quan chức gọi điện thoại đến trang trại cừu thuộc thị trấn.

“Nếu đi đến đó bây giờ, anh có thể gặp ông ấy”, anh ta nói. “Chúng ta lái xe đến đó chứ?”

Đầu tiên tôi lịch sự từ chối, nhưng ngay sau đó tôi biết mình không thể đến trang trại cừu bằng cách khác. Không có taxi hay hay xe cho thuê ở thị trấn này, và nếu đi bộ sẽ mất một tiếng rưỡi.

Viên quan chức phụ trách vật nuôi lái một chiếc xe mui kín nhỏ. Anh ta đi qua quán trọ của chúng tôi và hướng về phía Tây, đi trên một cây cầu bê tông dài để vượt qua một vùng đầm lầy lạnh lẽo, rồi leo lên dốc núi. Lốp xe quay tít trên sỏi.

“Từ Tokyo đến, chắc anh nghĩ đây là một thị trấn ma?”

Tôi nói câu gì đó vô thưởng, vô phạt.

“Thực ra chúng tôi đang hấp hối. Chúng tôi cầm cự được chừng nào còn có đường xe lửa, nhưng nếu nó không còn chúng tôi chắc chắn sẽ chết. Thật kỳ lạ, một thị trấn hấp hối. Một người hấp hối thì tôi có thể hiểu được. Nhưng cả một thị trấn hấp hối thì...”

“Điều gì sẽ xảy ra nếu thị trấn này chết?”

“Điều gì sẽ xảy ra ư? Không ai biết được. Tất cả họ sẽ cao chạy xa bay trước lúc đó, không muốn biết. Nếu dân số xuống dưới một ngàn - điều hoàn toàn có khả năng - chúng tôi chắc chắn sẽ mất việc, và chúng tôi có thể là những người phải chấm dứt mọi thứ ở đây.”

Tôi mời anh ta một điếu thuốc và châm lửa cho anh ta bằng chiếc bật lửa Dupont khắc hình con cừu.

“Có khá nhiều việc tốt ở Sapporo. Tôi có một cậu lãnh đạo một công ty in ấn ở đó, và ông ấy cần thêm nhân công. Công ty nhận đặt hàng của các trường cho nên việc kinh doanh khá ổn định. Thật ra, chuyển đến đó là tốt nhất. Ít ra còn hơn là quản lý việc chuyên chở cừu và gia súc ở đây.”

“Có lẽ vậy,” tôi nói.

“Nhưng khi phải thực sự gói ghém đồ ra đi, tôi lại không có can đảm. Anh hiểu ý tôi không? Nếu thị trấn thực sự hấp hối, thì nỗi thôi thúc ở lại mà chứng kiến ngày tận vong của thị trấn vẫn mạnh hơn.”

“Anh sinh ra ở đây à?” tôi hỏi.

“Vâng”, anh ta nói, rồi im lặng. Một mặt trời nhuộm màu sẫm muộn đã lặn một phần ba sau đồi.

Hai cây cột dựng ở lối vào trang trại cừu, ở giữa treo một tấm biển: TRANG TRẠI CỪU THUỘC THỊ TRẤN JUNITAKI-CHO. Con đường chạy dưới tấm biển rồi leo lên dốc, mất hút vào trong rừng thu rậm rạp.

“Ở sau rừng là trại cừu và đằng sau đó là nơi ở của người trông nom trại. Anh sẽ ở lại thị trấn thế nào được nhỉ?”

“Xuống núi mà. Tôi có thể đi bộ được. Cám ơn anh vì tất cả.”

Chiếc xe biến khỏi tầm mắt, và tôi đi giữa hai cây cột rồi lên dốc. Những tia nắng cuối cùng thêm chút màu cam vào đám lá cây thích đã nhuộm sắc vàng. Cây cao vút, những mảng nắng lọc qua cành cây chiếu lung linh trên con đường rải sỏi.

Ra khỏi rừng, tôi tình cờ gặp một tòa nhà hẹp trên mặt đồi, cùng với nó là mùi gia súc. Chuồng cừu lợp bằng tôn sóng đỏ với ba ống thông gió.

Có một chuồng chó tại cửa trại. Tôi vừa mới trông thấy chuồng chó thì một con chó cô li giống Border bị xích xổ ra sủa hai tràng. Đó là một con chó già có cặp mắt buồn ngủ và tiếng sủa của nó chẳng dọa nạt được ai. Khi tôi xoa cổ nó, nó bình tĩnh lại ngay. Hai chiếc bát nhựa màu vàng đựng thức ăn nước uống đặt ngay trước cửa chuồng. Ngay sau khi tôi thả tay ra, con chó quay trở lại cửa chuồng, măn nguyện, xé chân cho thẳng với cửa, rồi nằm xuống sàn.

Bên trong trại cừu tối mờ mờ. Không có ai quanh đó. Một lối đi lát bê tông rộng trải ra ở giữa, hai bên là chuồng cừu. Dọc theo lối đi là rãnh nước để tiêu nước đái cừu và nước rửa. Đây đó những ô cửa sổ mở trên tường ghép ván gỗ cho thấy các ngọn đồi lờ mờ. Ánh hoàng hôn hắt màu đỏ lên đám cừu bên phải, đẩy đám cừu bên trái vào trong bóng tối xanh thẫm.

Ngay khi tôi bước chân vào chuồng cừu, tất cả hai trăm con cừu quay về phía tôi. Một nửa đàn cừu đứng, nửa kia nằm trên đám cỏ khô rải xuống sàn chuồng. Mắt chúng xanh một màu không tự nhiên, trông giống như những nguồn suối bé tí tẹo chảy ra từ hai bên mắt. Chúng tỏa sáng như mắt thủy tinh phản chiếu ánh

sáng trực tiếp. Tất cả bọn chúng nhìn chăm chăm vào tôi. Không con nào nhúc nhích. Một vài con, đầu nhô ra khỏi chuồng, ngừng uống nước và đứng chôn chân tại chỗ, dán mắt nhìn tôi. Chúng dường như suy nghĩ theo nhóm. Không biết việc tôi đứng giữa cửa có tạm thời làm gián đoạn suy nghĩ thống nhất của chúng không? Mọi thứ dừng lại, mọi phán xét bị gián đoạn. Một chuyển động của tôi khiến đám cừu bắt đầu lại suy nghĩ của mình. Chúng bắt đầu chuyển động, trong tám cái chuồng riêng biệt. Những con cừu cái đứng quanh con cừu đực hạt giống trong chuồng cừu cái; trong chuồng chỉ dành cho cừu đực, những con cừu đực giành đua vị trí thống trị. Chỉ có một vài con tò mò đứng ở hàng rào nhìn chăm chăm vào tôi.

Gắn vào những đôi tai dài, phẳng và đen thò ra từ hai bên mặt là những thẻ nhựa. Một số con mang thẻ màu xanh, một số màu vàng, một số màu đỏ. Chúng cũng có đốm màu trên lưng.

Tôi đi nhón chân để không làm chúng hoảng sợ. Giả bộ không quan tâm, tôi đến một chuồng và thò tay chạm vào đầu một con cừu đực non. Nó do dự nhưng không quay đi. Căng thẳng, mắt mở to, cứng nhắc. Có lẽ nó là thước đo đánh giá sự xâm nhập của tôi.

Trước tiên phải nói là giống cừu Suffolk khá đặc biệt. Chúng có màu đen hoàn toàn, tuy thế lông chúng lại trắng. Tai chúng to và dẹt, vểnh ra ngoài như cánh bướm đêm, và đôi mắt sáng xanh rực cùng chiếc mũi dài xương xẩu khiến chúng có vẻ ngoại lai. Những con sutfolk này không từ chối cũng không chấp nhận sự hiện diện của tôi, xem tôi như một sự hiện hình nhất thời. Một vài con đá nghe xè xè. Nước dãi chảy qua sàn, dưới chân chúng, xuống rãnh.

Tôi ra khỏi chuồng cừu, vuốt ve con chó cô li giống Border lần nữa rồi hít một hơi thật sâu.

Mặt trời đã lặn sau núi. Một màu tím nhạt u ám lan trên những sườn đồi như mực lan trong nước. Tôi vòng ra phía sau trại cừu, vượt cây cầu gỗ bắc qua suối, rồi đi thẳng đến khi nhà người trông nom trại cừu. Một ngôi nhà một tầng nhỏ ấm cúng, trông càng có vẻ nhỏ hơn khi ngay cạnh nó là nhà kho khổng lồ chứa cỏ khô và nông cụ.

Người trông nom trại cừu ở cạnh nhà kho, đang chồng những túi ni lông đựng thuốc tẩy trùng bên cạnh cái máng bê tông cao và rộng gần một mét. Khi tôi tiến lại, ông ta ngược nhìn một lần, rồi quay lại công việc đang làm, không hề bị ảnh hưởng bởi sự có mặt của tôi. Phải tới khi tôi ở ngay trước mặt ông ta thì ông ta mới dừng lại và lau mặt bằng chiếc khăn vắt quanh cổ.

“Ngày mai là ngày tẩy trùng cho cừu,” ông ta nói, lôi ra một bao thuốc lá nhàu nát rồi châm lửa. “Đây chính là nơi chúng tôi đổ chất lỏng tẩy trùng và bắt bọn cừu bơi từ đầu nọ tới đầu kia. Nếu không thì chúng sẽ bị đủ loại rệp do ở trong chuồng suốt mùa đông.”

“Bác làm toàn bộ việc này một mình ư?”

“Cậu có đùa không đấy? Tôi có hai người giúp việc. Họ và tôi với lại con chó. Tuy thế, con chó làm chủ yếu mọi việc. Bọn cừu tin tưởng con chó. Nó đã không phải là chó chăn cừu nếu như bọn cừu không tin nó.”

Người đàn ông thấp hơn tôi vài centimet, thân hình chắc nịch. Ông ta cỡ bốn tám bốn chín tuổi, tóc cắt ngắn cứng và thẳng như bàn chải. Ông ta tháo đôi găng tay cao su ra như thể đang lột một lớp da. Tự vỗ bồm bộp vào quần, ông ta đứng đút tay trong túi. Ông ta còn hơn một người trông nom cừu, ông ta giống một viên trung sĩ huấn luyện tại một trường quân sự hơn.

“Vậy cậu đến để hỏi điều gì đó, hử?”

“Dạ, đúng thế.”

“Vậy thì cậu hỏi đi.”

“Bác làm nghề này đã lâu rồi đúng không?”

“Mười năm,” ông ta nói. “Tôi không biết như thế có phải là lâu không, nhưng tôi hiểu đàn cừu của mình. Trước đó tôi ở trong tự vệ quân.”

Ông ta vắt chiếc khăn lau tay quanh cổ và ngược nhìn trời.

“Bác ở đây qua mùa đông à?”

“À, ừ, “ ông ta ho, “Tôi chắc vậy. Làm gì có chỗ nào mà đi. Và lại, có nhiều việc bận rộn cần giải quyết vào mùa đông. Chúng tôi có tuyết cao tới gần hai mét ở vùng này. Tuyết chất đống và nếu mái sụp xuống, ta sẽ có mấy con cừu bẹp dí. Với cả tôi cho chúng ăn, cọ rửa chuồng, việc này việc kia.”

“Khi hè tới, bác dẫn nửa số cừu lên núi phải không?”

“Đúng thế.”

“Dắt nhiều cừu như thế khó lắm nhỉ?”

“Dễ thôi. Đó là việc người ta vẫn làm suốt đây thôi. Chỉ mấy năm gần đây người ta mới có khái niệm người giữ cừu, chứ không phải là người chăn cừu. Ngày trước người ta dắt chúng đi suốt năm. Ở Tây Ban Nha vào thế kỷ thứ mười sáu, họ có các con đường trên khắp đất nước mà không ai, ngay cả nhà vua, có thể sử dụng ngoài người chăn cừu.”

Người đàn ông khạc đờm xuống đất, lấy giày dụi dụi đờm vào trong đất.

“Dù sao, chừng nào chúng không thấy sợ thì cừu là sinh vật rất biết hợp tác. Chúng cứ thế theo con chó mà không hỏi bất cứ câu nào.”

Tôi lấy bức ảnh cừu của Chuột đưa cho người chăn cừu. “Đây là nơi trong bức ảnh, đúng không?”

“Chắc chắn rồi,” người đàn ông nói. “Không nghi ngờ gì nữa: cũng là đám cừu của tụi tôi.”

“Con này thì sao?” tôi lấy bút bi chỉ vào con cừu chắc nịch có ngôi sao trên lưng.

Người đàn ông nheo mắt nhìn bức ảnh trong một giây. “Không, đó không phải là một trong những con cừu của chúng tôi. Nhưng lạ nhỉ. Nó không thể lọt vào đây được. Cả chỗ này được rào chắn bằng dây thép, và mỗi sáng mỗi tối tôi đều kiểm tra từng con một. Con chó sẽ biết ngay nếu có cừu lạ lọt vào. Đám cừu cũng sẽ làm ầm ĩ lên. Nhưng cậu biết đấy, tôi chưa từng nhìn thấy giống cừu này trong đời.”

“Có gì lạ xảy ra trong năm nay khi bác ở trên núi với cừu không?”

“Không có gì hết,” ông ta nói “Hết sức thanh bình.”

“Thế bác ở trên đó một mình suốt mùa hè à?”

“Không, tôi không ở trên đó một mình. Cứ hai ngày một lần mấy người nhân viên từ thị trấn lại lên đó, và rồi cả mấy người quan sát chính thức nữa. Tuần một lần tôi xuống thị trấn, và một người thay thế chăm nom đàn cừu. Cần tích trữ thực phẩm và mọi thứ.”

“Vậy bác không ẩn trên đó một mình suốt quãng thời gian đó chứ?”

“Không. Mùa hè vẫn còn chừng nào tuyết không quá sâu, và chỉ mất một tiếng rưỡi đến trang trại bằng xe jeep. Cũng chẳng hơn một buổi tản bộ là mấy. Tất nhiên, một khi có tuyết thì xe không thể đi qua, người ta sẽ chết dí trên đó cả mùa đông.”

“Vậy là bây giờ không có ai trên núi chứ?”

“Không ai ngoài người chủ biệt thự.”

“Người chủ biệt thự ư? Nhưng tôi nghe nói chỗ đó không ai sử dụng từ lâu lắm rồi.”

Người chăn cừu búng điều thuốc trên mặt đất rồi giẫm chân lên. “Nó đã không được sử dụng trong nhiều năm, nhưng hiện nó đang được sử dụng. Nếu chỉ mong muốn vừa phải, không có lý do gì người ta không thể sống trên đó. Tự bản thân tôi cũng sửa sang ngôi nhà tí chút. Điện đóm, khí đốt và điện thoại đều đang hoạt động. Không có một ô cửa kính nào bị vỡ.”

“Cái anh làm việc tại tòa thị chính nói không có ai trên đó.”

“Có nhiều chứ các ông đó không biết. Tôi nhận việc làm thêm từ người chủ suốt, không bao giờ hở một lời cho bất cứ ai. Cậu ta bảo tôi kín mồm kín miệng.”

Người đàn ông muốn một điếu thuốc nữa, nhưng bao thuốc của ông ta rỗng không. Tôi mời ông ta bao Larks hút hết nửa của mình, kẹp tờ mười ngàn yên vào đó. Người đàn ông cân nhắc một thoáng về khoản tiền, rồi đưa một điếu thuốc lên môi và hút tụi mọi thứ khác, “Cảm ơn cậu nhiều,” ông ta nói.

“Vậy người chủ có mặt khi nào?”

“Vào mùa xuân. Mùa xuân chưa đỡ giá rét, vậy phải vào tháng Ba. Có lẽ đã năm năm kể từ khi cậu ta lên đó. Tôi không thật sự biết tại sao cậu ta cứ lên đó suốt thế, nhưng mà thôi, đó là việc của người chủ không phải việc của tôi. Cậu ta bảo tôi đừng nói cho ai biết. Cậu ta hẳn phải có lý do của mình. Dù sao thì, cậu ta ở trên đó suốt từ bấy đến giờ. Tôi bí mật mua thức ăn và chất đốt cho cậu ta rồi chở từng ít một lên bằng xe jeep. Với tất cả những gì cậu ta có, cậu ta có thể tồn tại trong một năm, dễ dàng.”

“Anh ta trạc tuổi tôi, có ria mép, đúng không bác?”

“À há,” người chần cừ nói. “Chính cậu ta đó.”

“Thật tuyệt chưa,” tôi nói. Không cần đưa cho ông ta xem bức ảnh.

35. Phần VIII - Chương 31

CHƯƠNG 31: ĐÊM Ở JUNITAKI

Việc dàn xếp với người trông nom trại cừu diễn ra suôn sẻ nhờ có tiền làm chất bôi trơn. Người trông nom trại cừu sẽ đón chúng tôi tại quán trọ vào tám giờ sáng, rồi lái xe đưa chúng tôi lên trại cừu trên núi.

“Tôi nghĩ việc tẩy trùng cho cừu có thể đợi đến mai.” Người trông nom trại cừu nói. Một người theo chủ nghĩa thực dụng triệt để.

“Còn một điều nữa khiến tôi băn khoăn,” ông ta nói. “Đất sẽ trở nên mềm hơn vì trận mưa hôm qua, và có một chỗ xe có thể không qua được. Vì vậy tôi có thể sẽ phải yêu cầu cậu đi bộ từ điểm đó. Không phải lỗi của tôi mà.”

“Được mà bác,” tôi nói.

Đi bộ xuống đồi, tôi bỗng nhớ ra bố của Chuột có một căn biệt thự nghỉ dưỡng ở Hokkaido. Nghĩ lại mới thấy nhiều năm trước Chuột đã nói vậy mấy lần. Tít trên núi, đồng cỏ rộng lớn, ngôi nhà hai tầng cổ. Xưa nay tôi toàn vậy, những chi tiết quan trọng mãi sau mới nhớ ra. Đáng lẽ tôi phải nghĩ đến điều đó ngay khi nhận được thư Chuột. Nếu tôi nghĩ ra trước, chắc hẳn đã có nhiều cách để theo đuổi.

Bực bội với chính mình, tôi lê bước trở lại thị trấn theo con đường trên núi càng lúc càng trở nên tối hơn. Trong một tiếng rưỡi đi bộ ấy; tôi chỉ gặp ba chiếc xe động cơ. Hai chiếc là xe tải diesel lớn chất đầy gỗ, một chiếc máy kéo nhỏ. Cả ba đều đi xuống núi, nhưng không ai hô lên cho tôi đi nhờ. Về phần tôi mà nói, như vậy càng tốt.

Đến lúc tôi về tới quán trọ đã quá bảy giờ, đêm đã đen mịt. Người tôi lạnh thấu đến xương. Chú cún chần cừ thò mũi ra khỏi chuồng chó và rên rỉ theo hướng tôi.

Cô mặc quần bò và áo len cổ lọ của tôi, hoàn toàn chìm đắm vào trò chơi điện tử trong phòng giải trí gần cửa quán trọ. Có vẻ giống một phòng khách cổ được tu sửa, căn phòng vẫn có một lò sưởi tuyệt đẹp. Một lò sưởi đốt củi thật sự. Thêm vào đó, có bốn trò chơi máy tính và hai bàn lăn bi ghim của Tây Ban Nha rẻ tiền, loại người ta không bao giờ tìm thấy ở bất cứ đâu.

“Em đói ngấu rồi,” cô nói.

Tôi đặt bữa tối và đi tắm nhanh. Lau khô người, lần đầu tiên trong một thời gian dài, tôi cân xem mình nặng bao nhiêu. Sáu mươi cân, giống như mười năm về trước. Chút mỡ thừa quanh bụng đã được cắt bớt một cách gọn ghẽ sau tuần vừa rồi.

Khi tôi quay lại phòng, bữa tối được bày ra. Múc từng miếng ra khỏi nồi thịt và khoai tây đang bốc hơi rồi vừa ăn vừa uống bia, tôi kể cho cô về trại chăn cừu thị trấn và người trông nom trại cừu được đào tạo trong Tự vệ quân. Cô rất bức mình vì đã để lỡ cơ hội xem đàn cừu.

“Tuy vậy,” cô nói, “em nghĩ chúng mình chỉ còn cách mục tiêu có một bước.”

“Anh hy vọng là em đúng,” tôi nói.

Chúng tôi xem một bộ phim Hitchcock trên TV, bò vào giường rồi tắt đèn. Đồng hồ dưới nhà điểm mười một giờ.

“Có lẽ không phải là đêm nay,” tôi nói. “Chúng mình phải dậy sớm mà.”

Cô không nói gì. Cô đã ngủ say, thở đều đều. Tôi lên dây chiếc đồng hồ báo thức du lịch và hút thuốc trong ánh trăng. Âm thanh duy nhất là tiếng cuộn cuộn của dòng sông.

Sau một ngày chạy loanh quanh, tôi cảm thấy mệt mỏi về thể xác, nhưng trí óc tôi đang chạy với tốc độ một cây số rưỡi một phút. Tôi không tài nào ngủ được. Âm thanh của dòng sông chỉ là một tiếng ồn khác đối với tôi, và nó đang gắn chặt vào óc tôi.

Nín thở trong bóng tối, tôi để hình ảnh thị trấn tan ra và biến mất quanh mình. Những ngôi nhà mục rữa dần, đường tàu han gỉ và biến mất, cỏ dại lấn áp đất trồng trọt. Thị trấn đã kết thúc lịch sử một trăm năm ngắn ngủi và chìm vào lòng đất. Thời gian đi ngược trở lại như một bộ phim quay ngược. Một lần nữa, con hươu Ainu, những con gấu đen, rồi bầy sói lại trở nên sống động trên đồng bằng, hàng đàn châu chấu dày đặc phủ kín bầu trời, một biển cỏ tre đung đưa trong gió thu, và những cây xanh quanh năm lộng lẫy che khuất mặt trời.

Tất cả những công trình của loài người mờ dần vào hư không, tuy nhiên lũ cừu vẫn còn. Chúng đứng đó, nhìn chăm chăm vào tôi, mắt sáng rực trong bóng tối. Không nói gì, không nghĩ gì, chúng cứ nhìn mãi nhìn mãi - thẳng vào tôi. Hàng vạn con cừu. Tiếng răng lách cách đều đều của chúng bao phủ trái đất.

Đồng hồ điểm hai tiếng và chúng biến mất.

Rồi tôi ngủ thiếp đi.

36. Phần VIII - Chương 32 Part 1

CHƯƠNG 32: MỘT KHÚC NGOẶT KHÔNG MAY TRÊN ĐƯỜNG

Buổi sớm mù sương và lạnh lạnh. Tôi thông cảm với những con cừu đó. Bơi qua thuốc tẩy trùng lạnh lẽo vào một ngày như thế này có thể thật là ác nghiệt. Có lẽ cừu không cảm thấy lạnh chăng? Có lẽ chúng không cảm thấy gì hết.

Mùa xuân ngắn ngủi ở Hokkaido sắp qua. Những đám mây xám dày phía Bắc là điềm báo tuyết sắp đến. Bay từ tháng Chín Tokyo đến tháng Mười Hokkaido, tôi đã mất hẳn mùa thu. Có lẽ bắt đầu và kết thúc, nhưng không có giữa thu.

Tôi thức dậy lúc sáu giờ rồi rửa mặt. Tôi ngồi một mình ở ban công, nhìn ra ngoài cửa sổ cho tới khi bữa sáng được dọn ra. Nước sông đã rút xuống đôi chút kể từ ngày hôm trước và đang dần trong hơn. Cánh đồng lúa trải dài bên bờ đối diện, nơi những cơn gió bất thường buổi sớm thổi qua đồng lúa chín cao tạo thành những đợt sóng chạy xa hút tầm mắt. Một chiếc máy kéo đi ngang qua cây cầu bê tông, hướng về phía đồi, thoảng nghe trong gió tiếng đầu máy lọc xọc. Ba con quạ bay ra từ trong cây bu lô giờ đã chuyển

màu vàng. Lượn một vòng trên sông và sà xuống rào chắn của tòa nhà. Đậu ở đó, lũ quạ đóng vai những người ngoài cuộc hoàn hảo trong một vở kịch đương đại. Tuy nhiên, chẳng bao lâu chúng đã chán cái vai đó, liền bay đi từng con một và biến mất theo hướng ngược dòng.

Đúng tám giờ, chiếc xe jeep của người trông nom trại cừu đỗ ngoài quán trọ. Chiếc jeep có nóc hình hộp, hình như được lắp thêm vào nếu xét đến số đăng ký của Tự vệ quân đọc được trên tấm cản xóc.

“Cậu biết không, có điều gì kỳ quặc đang diễn ra,” người trông nom trại cừu nói ngay khi trông thấy tôi. “Tôi đã thử gọi điện lên núi trước, nhưng không sao gọi được.”

Cô và tôi trèo vào trong ghế sau. Nó bốc mùi xăng. “Lần cuối bác thử gọi là lúc nào?” Tôi hỏi.

“Xem nào, chắc là khoảng ngày hai mươi tháng trước. Kể từ đó tôi chưa lần nào liên lạc lại. Thường thì cậu ta gọi cho tôi bất cứ khi nào cậu ta cần thứ gì. Danh sách mua sắm hay đại loại vậy.”

“Bác có nghe thấy chuông điện thoại reo không?”

“Thậm chí không có lấy một tín hiệu báo bận. Chắc hẳn đường dây hỏng ở đâu đó. Không phải không có khả năng có một trận tuyết lớn.”

“Nhưng đâu hề có tuyết đâu.”

Người trông nom trại cừu nhìn lên nóc xe jeep và xoay cổ răng rắc. “Vậy thì chúng ta sẽ phải đi xem thế nào, đúng không?”

Tôi gật đầu. Khói xăng bắt đầu làm tôi khó chịu.

Chúng tôi vượt qua cây cầu bê tông và bắt đầu đi lên đồi theo con đường tôi đi hôm qua. Đi ngang qua Trại cừu Thị trấn, cả ba quay sang nhìn hai cây cột với tấm biển trên lối vào. Trang trại vô cùng tĩnh lặng. Tôi có thể hình dung thấy bọn cừu: con nào con nấy nhìn chăm chăm vào khoảng yên lặng của chính mình với đôi mắt xanh trong veo.

“Bác để việc tẩy trùng đến chiều à?”

“Ừ, mà thôi chẳng có gì phải gấp. Miễn là xong trước khi tuyết rơi.”

“Bao giờ tuyết bắt đầu rơi hả bác?”

“Sẽ chẳng có gì ngạc nhiên nếu tuyết rơi vào tuần sau,” Người trông nom trại cừu nói. Một tay đặt lên tay lái, ông nhìn xuống rồi ho. “Mặc dù vậy, phải đến tháng Mười một thì tuyết mới bắt đầu chất đống. Đã bao giờ biết mùa đông ở vùng này thế nào chưa?”

“Dạ chưa,” Tôi nói.

“Đấy, một khi tuyết bắt đầu dồn lại, nó chất đống không ngừng như thể một con đập vừa vỡ tung. Đến lúc đó thì không thể làm gì hơn là quanh quẩn trong nhà và chán chết đi được. Lẽ ra ngay từ đầu người ta không bao giờ nên sống ở vùng này.”

“Nhưng bác sống mãi ở đây đấy thôi.”

“Đó là bởi tôi yêu thích cừu. Cừu là loài vật có bản chất hiền hậu. Chúng thậm chí ghi nhớ ta qua khuôn mặt. Ngoảnh đi ngoảnh lại một năm chăm cừu đã qua lúc nào không hay, rồi thì cứ thế mãi. Vào mùa thu chúng kết đôi, mùa xuân chúng sinh con, mùa hè chúng gặm cỏ. Khi lũ cừu non lớn lên, vào mùa thu chúng lại kết đôi. Cứ quay vòng như thế. Tất cả cứ lặp đi lặp lại như vậy. Bọn cừu thay đổi mỗi năm, chỉ có tôi là già đi. Và càng già tôi lại càng không muốn sống ở thị trấn.”

“Cừu làm gì vào mùa đông hả bác?” bạn gái tôi hỏi.

Tay vẫn còn trên vô lăng, người trông nom trại cừu quay lại nhìn chăm chăm vào cô, gần như say sưa ngắm khuôn mặt cô, như thể trước đó ông ta không để ý đến cô. Con đường được lát, thẳng tắp và không hề có chiếc xe nào trong tầm mắt; tuy thế, tôi vẫn sợ toát mồ hôi.

“Chúng ở trong chuồng suốt mùa đông,” người trông nom trại cừu nói, cuối cùng đã quay lại quan sát con đường.

“Chúng không thấy chán ư?”

“Cậu có thấy chán ngấy cuộc đời của chính mình không?”

“Tôi thật tình không thể nói được.”

“Vậy thì với cừu cũng vậy thôi,” người trông nom trại cừu nói. “Chúng không nghĩ về những thứ như thế, mà nếu chúng có nghĩ thế thì cũng chẳng ích lợi gì. Chúng cứ qua đông bằng cách ăn cỏ, đá, cãi nhau lật vật, nghĩ về bọn cừu con trong bụng.”

Đồi ngày càng trở nên dốc hơn, và con đường bắt đầu uốn thành hình chữ chi. Phong cảnh đồng quê dần dần nhường chỗ cho rừng nguyên sinh tối tăm đứng đứng như bức tường ở hai bên đường. Thi thoảng lại có một khoảng trống thấp thoáng đồng bằng phía dưới.

“Nếu có tuyết, chúng ta sẽ không thể đi qua đây,” người trông nom trại cừu nói. “Nói thế không có nghĩa người ta có nhu cầu đi qua.”

“Có khu trượt tuyết hay đường leo núi nào không bác?” tôi hỏi.

“Không phải ở đây, không có gì hết. Đó là lý do tại sao không có khách du lịch. Đó là lý do tại sao thị trấn tàn lụi nhanh thế. Đến tận đầu những năm sáu mươi, thị trấn vẫn còn hoạt động theo mô hình nông nghiệp vùng khí hậu lạnh. Nhưng kể từ khi dư thừa gạo, mọi người mất hứng thú trồng trọt trong một cái tủ ướp lạnh. Có lý thôi.”

“Điều gì đã xảy ra với nhà máy gỗ?”

Không có đủ nhân công để đáp ứng nhu cầu, thế là họ chuyển đến những chỗ thuận tiện hơn. Ngày nay người ta vẫn có thể tìm thấy những nhà máy nhỏ ở một vài thị trấn, nhưng không nhiều. Hiện nay, cây đốn trong núi ở đây chuyển ngay qua thị trấn rồi được đưa tới Nayoro và Asahikawa. Đó là lý do đường sá cực tốt trong khi cả thị trấn kiệt quệ. Một xe tải lớn có lốp chạy tuyết sẽ đi qua được gần như bất kỳ đồng tuyết nào.”

Tôi đưa một điều thuốc lên môi một cách vô thức, nhưng trước khi châm lửa tôi nhớ đến khói xăng dầu nên lại dút nó vào bao. Thay vì hút tôi ngậm một viên kẹo chanh. Kết quả: vị xăng pha chanh kỳ dị.

“Cừu có cãi nhau không bác?” bạn gái tôi hỏi.

“Chắc chắn chúng cãi nhau rồi,” người trông nom trại cừu nói. “Giống như bất cứ loài vật nào đi theo nhóm. Con cừu nào cũng có trật tự phân hạng trong xã hội cừu. Nếu có năm mươi con trong chuồng thì sẽ có con cừu số một cho tới con cừu số năm mươi. Và con nào con nấy đều biết đích xác mình ở đâu.”

“Lạ lùng thật,” cô nói.

“Điều đó cũng khiến việc quản lý chúng dễ dàng hơn cho tôi. Chỉ cần dắt con cừu số một ra, thế là cả lũ cừu theo sau, không thắc mắc gì.”

“Nhưng nếu tất cả chúng đều biết vị trí của mình, tại sao chúng đánh nhau?”

“Chẳng hạn một con cừu bị đau và mất đi sức mạnh, vị trí của nó trở nên lung lay. Thế là con cừu dưới nó trở nên hăng máu hơn và cố vươn lên vị trí tốt hơn. Khi điều đó xảy ra, chúng đánh nhau trong ba ngày.”

“Tội nghiệp.”

“Ôi dào, huề cả làng thôi mà. Xét cho cùng, con cừu bị đá đít ấy khi còn trẻ cũng đã đá đít một con cừu khác. Và đến khi lên phần làm thịt không có số một hay số năm mươi. Chỉ là một cuộc liên hoan ngoài trời có cừu nướng quay cả con thôi.”

“Hừ,” cô nói.

“Nhưng con đáng thương thật sự là con cừu đực hạt giống. Cô cậu biết hết về hậu cung lũ cừu, đúng không?”

“Không, tôi không biết,” tôi đáp.

“Khi nuôi cừu, điều quan trọng nhất người ta cần chú ý là việc phối giống. Thế là người ta giữ chúng tách biệt, cừu đực với nhau, cừu cái với nhau. Rồi người ta ném một con đực vào chuồng lũ cừu cái. Nói chung

thì nó là con đực khỏe nhất. Nói cách khác, người ta phối giống tốt nhất. Sau một tháng, khi mọi việc đã xong, con cừu đực giống này trở về chuồng toàn cừu đực. Nhưng trong thời gian con cừu đực giống bận rộn, những con đực khác đã thiết lập nên một trật tự phân hạng mới. Và do cái việc phối giống đó mà con cừu đực giống giảm cân tới một nửa nên không thắng nổi một trận đánh nhau. Thế là tất cả các con đực khác đánh hội đồng nó. Thế mới buồn.”

“Cừu đánh nhau như thế nào hả bác?”

“Chúng đập đầu nhau. Trán cừu cứng như thép và rỗng không bên trong.”

Cô không nói gì, nhưng có vẻ đang chìm trong suy nghĩ. Có lẽ đang thử hình dung cảnh những con cừu giằng dứ đập đầu nhau.

Sau ba mươi phút đi xe, mặt đường lát bống nhiên biến mất, con đường hẹp lại chỉ còn một nửa. Từ hai bên, những cánh rừng nguyên sơ tối tăm đổ xô tới chiếc xe jeep của chúng tôi như những con sóng khổng lồ. Nhiệt độ hạ xuống.

Đường sá thật kinh khủng. Nó đẩy chiếc jeep bật qua bật lại như kim máy ghi địa chấn, lắc mạnh xăng trong thùng xăng bằng nhựa dưới chân chúng tôi. Xăng phát ra những âm thanh đáng ngại, như thể óc ai đó đang lắc qua lắc lại ọc ạch, sẵn sàng bắn tung ra khỏi hộp sọ. Tôi có lo ngại về điều đó không? Chắc chắn rồi.

Con đường tiếp tục như vậy trong khoảng hai ba mươi phút. Tôi không thể ngồi vững, dù chỉ để xem đồng hồ. Trong cả quãng thời gian đó không ai nói lời nào. Tôi nắm chặt đai an toàn gắn ở ghế, trong khi cô bám chặt tay phải tôi. Người trông nom trại cừu tập trung vào việc giữ tay lái.

“Bên phải,” người trông nom trại cừu bỗng nhiên nói to. Không biết phải trông đợi điều gì, tôi quay sang thì thấy một bức tường rừng cây tối tăm mở rộng ra, đất dần biến mất. Thung lũng mênh mông, cảnh tượng thật ngoạn mục. Nhưng thiếu vẻ ấm áp. Mặt đá dựng đứng, lột bỏ hết từng chút sự sống. Ta có thể nghĩ thấy hơi thở đe dọa.

Chấn ngay trước mặt con đường là một ngọn núi tròn, hình nón. Tại đỉnh núi, một sức mạnh kinh khủng đã vặn xoắn hình nón thành ra không còn hình thù gì nữa.

Nắm chặt tay lái, người trông nom trại cừu hất cằm ra phía trước về hướng cái hang hẹp bên bờ đá.

“Chúng ta vừa đi vòng qua mặt kia của nó.”

Cơn gió mạnh từ thung lũng tràn qua leo lên sườn núi bên phải, thổi tung đám lá cây dày đặc, bắn nhẹ cát lên cửa sổ xe.

Tại một điểm gần đỉnh núi, con đường hình chữ chi kết thúc, sườn núi bên phải biến thành những khối đá núi lửa cao lởm chởm, rồi cuối cùng thành một mặt đá dốc đứng. Len qua một gờ đá hẹp được tạc thành một khối đá không ra hình thù gì, chiếc jeep di chuyển chậm chạp.

Bỗng nhiên, thời tiết chuyển hướng xấu. Những mảng xanh điểm tuyết trên bầu trời xám nhạt đã chán nét phẳng phát hay thay đổi của mình mà chuyển sắc u ám, trộn lẫn một màu đen như bồ hóng không đều. Đem lại cho núi non một vẻ ảm đạm.

Trong ngọn núi chẳng khác gì cái vạc này, gió xoay tít, thổi vù vù và rền rĩ đến khiếp. Tôi lau mồ hôi trên lông mày. Dưới tấm áo len, người tôi cũng toát mồ hôi lạnh.

Người trông nom trại cừu mím môi mỗi khi ngoặt tay lái, ngoặt sang phải, rồi lại sang phải. Rồi ông cúi người về phía trước như thể đang cố căng tai nghe gì đó, đồng thời điều khiển chiếc jeep chạy chậm lại cho đến khi, nơi con đường hơi rộng ra, ông hãm phanh. Ông tắt máy, rồi chúng tôi ngồi đó, bị ném vào giữa sự yên lặng ớn lạnh. Chỉ có gió đang nghiên cứu tìm hiểu vùng đất này.

Người trông nom trại cừu để cả hai tay trên vô lăng. Dường như phải đến nửa tiếng trôi qua, rồi ông mới ra khỏi xe và gõ nhẹ để giày lên mặt đất. Tôi theo ông trèo ra khỏi xe và đứng cạnh ông, nhìn xuống mặt đường.

“Không tốt đâu,” người trông nom trại cừu nói. “Trời mưa to hơn tôi tưởng.”

Con đường không có vẻ ẩm ướt đến thế đối với tôi. Ngược lại là khác, trông nó cứng đơ và khô khốc.

“Bên trong ẩm,” ông giải thích. “Nó đánh lừa tất cả mọi người. Mọi thứ đều khác biệt ở vùng này.”

“Khác ư?”

Thay vì trả lời, ông lôi một điều thuốc ra khỏi túi và châm lửa. “Đi với tôi chút nhé?”

Chúng tôi đi bộ khoảng gần hai trăm mét tới khúc ngoặt kế tiếp. Tôi có thể cảm thấy cơn gió lạnh khó chịu. Tôi kéo khóa áo gió lên tận cổ rồi dựng cổ áo lên, nhưng vẫn lạnh.

Ngay ở chỗ con đường bắt đầu uốn khúc, người trông nom trại cừu dừng lại. Hướng về vách núi bên phải, thuốc vẫn trên môi, ông nhả nhỏ. Nước, một màu nâu đất nhạt, đang chảy nhỏ giọt từ giữa vách núi, tràn xuống đá, và chậm rãi chảy qua đường. Tôi đưa ngón tay quét ngang mặt đá. Nó xộp hơn vẻ ngoài, chỉ chạm nhẹ mà bề mặt đã vỡ vụn.

“Chỗ này đúng là khúc quanh khủng khiếp,” người trông nom trại cừu nói. “Bề mặt xộp, nhưng đó thể chưa hết đâu. Thôi, đó là vận rủi. Ngay cả lũ cừu cũng sợ.”

Người trông nom trại cừu ho rồi ném điều thuốc lên mặt đất. “Tôi không muốn làm thế này với cậu, nhưng tôi không muốn mạo hiểm.”

Tôi gật đầu.

“Cậu nghĩ mình có thể đi bộ nốt quãng đường còn lại không?”

“Đi bộ không thành vấn đề. Vấn đề là độ rung.” Người trông nom trại cừu lấy giày giẫm mạnh lên đất lần nữa. Ngay sau một tích tắc là một câu trả lời chán ngắt và đáng nản. “Đi bộ được.”

Chúng tôi trở lại xe jeep.

“Chỗ đó cách đây quãng gần năm cây số,” người trông nom trại cừu nói. “Chỉ mất một tiếng rưỡi là đến nơi thôi, kể cả khi có cô kia đi cùng. Đường thẳng, không dốc mấy. Xin lỗi là tôi không thể đưa cậu đi hết quãng đường.”

“Không sao bác ạ. Cảm ơn bác vì mọi thứ.”

“Cậu định ở lại trên đó à?”

“Tôi không biết. Tôi có thể quay lại vào ngày mai. Cũng có thể mất một tuần. Còn tùy sự việc thế nào.”

Ông đưa một điều thuốc nữa lên môi, nhưng lần này chưa kịp châm lửa ông đã húng hắng ho. “Dẫu vậy cậu cũng nên cẩn thận. Trông tình hình thế này thì có lẽ sẽ có tuyết sớm đấy. Và một khi trời tuyết, cậu không đi đâu được đâu.”

“Tôi sẽ cẩn thận,” tôi nói.

“Có một hộp thư ngay cửa ra vào. Chìa khóa nhét ở dưới. Nếu không ai ở đó, hãy dùng nó.”

Chúng tôi dỡ đồ trên xe jeep xuống dưới bầu trời xám như chì. Tôi cởi áo gió và mặc chiếc áo khoác có mũ trùm dày cộp dành cho người leo núi. Tôi vẫn lạnh.

Phải khó khăn lắm người trông nom trại cừu mới quay được xe, liên tục đụng vào vách đá. Mỗi lần ông đâm, vách đá lại vỡ thêm ra. Cuối cùng ông cũng quay hẳn được xe, bóp còi, rồi vẫy tay. Chúng tôi cũng vẫy lại. Chiếc jeep ngoặt ở khúc quanh rồi biến mất.

Chúng tôi hoàn toàn một mình. Như thể chúng tôi bị bỏ lại bên rìa thế giới.

Chúng tôi đặt ba lô xuống đất và đứng đó không nói một lời, cố xác định vị trí. Dưới chúng tôi là một dải sông bạc thanh thoát uốn khúc qua thung lũng, hai bên bờ là rừng xanh rậm rạp. Bên kia thung lũng nổi lên dãy đồi thấp nhuộm sắc thu và xa xa là cảnh đồng bằng mờ mờ. Những cột khói mỏng bốc lên từ cánh đồng người ta đang đốt gốc rạ sau vụ gặt. Một quang cảnh đẹp đến sững sờ, nhưng điều đó không làm tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Mọi thứ dường như thật xa cách, thật... xa lạ.

37. Phần Viii - Chương 32 Part 2

Bầu trời bị đè nặng xuống bởi một màu xám ẩm ướt đồng nhất – những đám mây dường như hòa làm một, che phủ toàn bộ ánh sáng. Phía dưới, những mảng mây đen dày đặc bay qua ở khoảng cách hầu như có thể chạm tới được. Những đám mây lao về phía Đông từ hướng lục địa châu Á, cắt ngang qua biển Nhật Bản tới Hokkaido trên đường tới biển Okhotsk với tốc độ phi thường. Tất cả đều góp phần khiến chúng tôi nhận thức được sự may rủi hoàn toàn của nơi chúng tôi đứng. Một cơn gió mạnh tình cờ lướt qua, thế là cả cái khúc quanh đang rụn ra dần dính vào vách đá này có thể dễ dàng lôi chúng tôi xuống vực thẳm.

“Mình đi tiếp thôi,” tôi nói, xoắn chiếc ba lô khổng lồ lên vai. Một điều gì đó khủng khiếp, mưa hoặc mưa tuyết, đang hiện diện đâu đây, và tôi muốn ở gần một chỗ nào đó có mái che. Tôi chắc chắn không muốn ướt sũng ở đây trong trời lạnh.

Chúng tôi mau chóng cuộc bộ khỏi cái “khúc quanh tử thần” đó. Người trông nom trại cừu nói đúng: chỗ này là vận rủi. Có một cảm giác chết chóc thoát đầu chiếm lĩnh thân thể tôi, rồi sau đó đột ngột đưa ra tín hiệu cảnh cáo trong đầu tôi. Cái cảm giác người ta bắt gặp khi đang vượt qua sông và bỗng nhiên sa chân vào đám bùn có nhiệt độ khác.

Chỉ sau ba trăm thước cuộc bộ, tiếng bước chân của chúng tôi trên mặt đường trải qua bao nhiêu lần thay đổi. Những con lạch được dòng suối cung cấp nước liên tục chảy ngoằn ngoèo qua đường.

Ngay cả khi đã qua khúc quanh, chúng tôi cũng không đi chậm lại, cố tạo ra khoảng cách càng xa càng tốt khỏi chỗ đó. Chỉ ba mươi phút sau chúng tôi mới bớt căng thẳng khi vách đá trở nên ít dốc hơn và cây cối hiện ra.

Đi xa được đến mức này, chúng tôi không gặp khó khăn gì với quãng đường còn lại. Con đường trải phẳng, và núi non mất đi những gờ đá nhọn. Dần dần, chúng tôi ở giữa một phong cảnh cao nguyên thanh bình.

Ba mươi phút sau đó, hình chóp nón hoàn toàn ở sau chúng tôi, và chúng tôi đến bên một cao nguyên có núi non vây quanh trông giống như hình cắt bằng giấy. Như thể nửa trên của ngọn núi lửa khổng lồ bị sụp xuống. Một rừng cây bu lô với đám lá thu trải dài bất tận. Giữa đám bu lô là những bụi cây và tầng cây thấp màu sắc rực rỡ, đây đó một cây bu lô bật gốc, màu nâu và mục nát.

“Có vẻ như một chỗ khá dễ chịu,” bạn gái tôi nói.

Sau khúc quanh đó, quả thực trông nơi đây có vẻ như một chỗ khá dễ chịu.

Con đường dẫn thẳng chúng tôi xuyên qua rừng cây bu lô. Nó hầu như không đủ rộng để xe jeep qua và thẳng tắp. Không khúc ngoặt, không dốc đứng. Nếu ta nhìn về phía trước, mọi thứ bị hút vào một điểm. Ngay cả những đám mây đen cũng bay thẳng qua điểm đó.

Và thật tĩnh lặng. Bản thân tiếng gió bị khoảng rừng rộng lớn nuốt chửng đi. Không khí bị cắt ngang bởi tiếng hót của một con sáo đen béo ụ. Một khi con chim biến ra khỏi tầm mắt, yên lặng lại dội về, một chất lỏng nhờn nhớt lấp đầy mọi lỗ hổng. Lá cây rơi trên mặt đường ướt dẫm nước mưa từ hai ngày trước. Con đường dường như vô tận, giống như rừng cây bu lô quanh đó. Những đám mây bay là là, chỉ trước đó chút ít trông đáng sợ, giờ khi nhìn xuyên qua rừng lại có vẻ siêu thực.

Mười lăm phút sau, chúng tôi đến bên một con suối trong vắt. Có một cây cầu bằng thân gỗ bu lô chắc chắn có tay vịn, và ở gần đó, một khoảng rừng trống nhỏ. Chúng tôi đặt ba lô xuống, xuống suối uống nước. Đó là thứ nước có vị tuyệt vời nhất mà tôi từng uống. Đủ lạnh để làm tay tôi ửng đỏ, và ngọt, có vị đất thoang thoang.

Những đám mây vẫn tiếp tục bay theo hướng đã định, nhưng kỳ quặc thay, thời tiết không trở nên tệ hơn. Cô chỉnh lại dây giày leo núi, tôi ngồi tựa vào tay vịn hút thuốc. Tôi có thể nghe tiếng thác nước ở hạ nguồn. Dựa vào âm thanh ấy thì thấy con thác cũng không lớn lắm. Một ngọn gió tinh nghịch thổi từ bên trái qua, khiến các tán cây gợn sóng lần lần và lá bay tung tóe.

Tôi hút hết điếu thuốc rồi lấy giày đi qua đi lại trên đất, chỉ để tìm thấy một mẩu đầu lọc khác ngay cạnh chân tôi. Tôi nhặt nó lên. Một điếu Seven Stars đã bẹp dí. Không ướt, vậy là nó ở đó từ sau trận mưa. Có nghĩa là hoặc hôm qua hoặc hôm nay.

Tôi thử nhớ xem Chuột thường hút loại thuốc nào. Nhưng tôi không thể nhớ được là hẳn thậm chí có hút thuốc hay không. Tôi thôi không nghĩ nữa và quăng mẩu đầu lọc xuống suối. Ngay lập tức, dòng nước cuốn nó đi.

“Gi thế anh?” cô hỏi.

“Anh tìm thấy một mẩu đầu lọc còn mới, vậy là người nào đó hẳn đã ngồi lại đây hút thuốc như anh cách đây không lâu.”

“Bạn anh à?”

“Ước gì anh có thể nói vậy.”

Cô ngồi xuống bên tôi và vén tóc ra sau, lần đầu tiên để tôi ngắm tai cô sau một thời gian dài. Tiếng thác nước yếu đi, rồi lại dội về.

“Anh vẫn còn thích tai em chứ?” cô hỏi.

Tôi mỉm cười và nhanh chóng đưa tay chạm vào tai cô.

“Em biết là anh thích mà,” tôi nói.

Tuy vậy sau khoảng mười lăm phút tiếp theo, con đường đột ngột chấm dứt, cũng như rừng cây bu lô bỗng nhiên kết thúc. Trước mắt chúng tôi là một đồng cỏ rộng mênh mông như một cái hồ.

Các cây cột dựng cách nhau năm thước bao quanh đồng cỏ. Dây sắt kết nối chúng lại, cũ kỹ, han gỉ. Đường như chúng tôi đã tìm thấy đường đến đồng cỏ chặn cừu. Tôi mở tung cánh cổng đôi cũ nát rồi bước vào. Cỏ mềm, đất sẫm màu và ẩm ướt.

Những đám mây đen đang bay qua đồng cỏ. Theo hướng mây bay là một rặng núi cao, lởm chởm. Chắc chắn góc độ có khác, nhưng không nghĩ ngờ gì nữa: đó chính là rặng núi trong bức ảnh của Chuột. Tôi không cần phải lôi ảnh ra so sánh.

Tuy nhiên, cảm giác thật bối rối khi tận mắt chứng kiến một cảnh tượng mà cho đến giờ tôi đã xem hàng trăm lần trong bức ảnh. Độ sâu của cái chỗ có thực này có vẻ không tự nhiên. Việc tôi có mặt ở đó cũng không sao xua nổi cái cảm giác phong cảnh này chỉ được tạm thời tập hợp lại cho phù hợp với bức ảnh.

Tôi dựa vào cổng và thở dài. Chính nó đây, thứ chúng tôi mãi tìm kiếm. Và cho dù cuộc tìm kiếm đó có mang ý nghĩa gì đi chăng nữa, chúng tôi đã tìm ra nó.

“Chúng mình thành công rồi, anh nhỉ?” cô nói, chạm vào tay tôi.

“Chúng mình thành công rồi,” tôi đáp. Không biết nói gì hơn.

Thẳng bên kia đồng cỏ là một ngôi nhà khung gỗ hai tầng cũ kỹ theo kiểu Mỹ. Ngôi nhà Giáo sư Cừu đã xây bốn mươi năm trước và cha của Chuột đã mua lại sau đó. Không có gì gần đó để so sánh, vì thế nhìn từ xa khó nói được nhà rộng cỡ nào. Dù thế nào thì đó cũng là một ngôi nhà thấp bè bè và không biểu lộ gì hết. Được quét vôi trắng, dưới bầu trời u ám trông ngôi nhà như có màu xám báo điềm gở.

Ở giữa mái nhà hình tam giác màu vàng mù tạt gần như màu gỉ sét nhô ra một ống khói gạch hình chữ nhật. Thay vì hàng rào quanh nhà, có cả dây cây xanh quanh năm bảo vệ nhà khỏi nắng mưa. Ngôi nhà mang vẻ hoang lạnh đến kỳ lạ. Càng nhìn tôi càng thấy nó là một ngôi nhà kỳ cục. Nó chẳng đặc biệt không mền khách hay lạnh lẽo, hay được xây theo phong cách không bình thường, nó cũng không hư nát gì. Nó chỉ... kỳ kỳ sao ấy. Như thể một sinh vật to lớn già đi mà không thể diễn đạt được tình cảm của mình. Không phải vì nó không biết cách diễn đạt tình cảm, mà vì nó không biết diễn đạt cái gì.

Mùi mưa bỗng nhiên hiện diện khắp nơi. Đến lúc phải đi tiếp rồi. Chúng tôi đi thẳng qua đồng cỏ tới ngôi nhà. Mây thổi từ phía Tây qua không còn là những cụm mây bông bành bênh nhẹ trôi nữa; đó là những đám mây lớn báo hiệu mưa đang đến gần.

Đồng cỏ rộng mênh mông. Cho dù có đi nhanh cỡ nào, có vẻ như chúng tôi chẳng tiến xa được là mấy. Tôi không thể đoán định được khoảng cách. Nghĩ mới thấy đây là mặt đất bằng phẳng đầu tiên chúng tôi đi qua, vì thế thậm chí những thứ ở xa trông vẫn có vẻ trong tầm tay.

Một đàn chim bay ngang những đám mây tiến về hướng Bắc.

Sau khoảng thời gian cảm giác như hàng giờ liền, khi chúng tôi cuối cùng cũng đến được ngôi nhà, mưa bắt đầu rơi lộp độp. Nhìn gần, ngôi nhà trông lớn hơn và cũ kỹ hơn khi nhìn từ xa. Lớp vôi trắng phồng lên và bong tróc, chỗ vôi bong ra trên mặt đất đã từ lâu biến thành màu nâu vì mưa. Đến mức này, người ta sẽ phải bóc toàn bộ lớp vôi cũ trước khi có thể nghĩ đến việc quét một lớp mới. Cái viễn cảnh quét vôi một ngôi nhà như thế này – tại sao tôi lại nghĩ đến điều đó kia chứ? – khiến tôi co rúm lại. Một ngôi nhà không ai sống sẽ sụp đổ, và ngôi nhà này, không nghi ngờ gì nữa, đang trên đà tới đó.

Cây cối, trái ngược với ngôi nhà ọp ẹp, đang sinh sôi phát triển, bao quanh nhà như ngôi nhà trên cây trong phim Gia đình Thụy Sĩ trên hoang đảo. Cành cây dài không được xén tỉa, đâm tứ tung.

Con đường lên núi quanh co như thế mà Giáo sư Cừu xây được ngôi nhà này thì quả là một kỳ công. Chở gỗ lên, làm tất cả mọi việc, đổ toàn bộ tiền tiết kiệm vào đó, không còn nghi ngờ gì nữa. Nghĩ đến việc vẫn chính ông Giáo sư Cừu ấy giờ đang ẩn nấp trong căn phòng tối tăm ở khách sạn Cá Heo mà xem! Không thể đòi hỏi một dẫn chứng nào hay hơn (hoặc tệ hơn) thế về một cuộc đời không được thưởng công.

Tôi đứng trong mưa lạnh nhìn trân trân lên ngôi nhà. Ngay cả khi nhìn gần, nó vẫn không có dấu hiệu có người ở. Hàng tầng cát mịn tích tụ lại trên cánh cửa chớp bằng gỗ của cửa sổ trượt cao, hẹp. Mưa đã khiến cát cố định thành hình, trên đó một lớp cát khác lại được thổi tới, và một trận mưa mới lại khiến nó nằm cố định một chỗ.

Giữa cửa ra vào ngang tầm mắt là một ô kính rộng khoảng mười centimet vuông, bên trong phủ một tấm vải. Quả đấm cửa bằng đồng cũng bị cát tàn phá, chỉ cần chạm vào là sạn cát rơi lả tả. Quả đấm cửa lung lay như một chiếc răng hàm già nua, tuy thế cửa vẫn không mở. Được làm bằng ba tấm ván gỗ sồi, cánh cửa này chắc chắn hơn bề ngoài. Tôi gõ cửa thật mạnh vài lần chỉ để mà gõ. Như đã đoán trước, không có tiếng trả lời. Tôi chỉ tổ làm đau tay mình. Cành nhánh của cây sồi đỏ khổng lồ đứng đưa trong cơn gió mạnh, tạo ra một trận cát lở thật sự.

Đúng như người trông nom trại cừu nói, chìa khóa ở đáy hộp thư. Một chiếc chìa khóa bằng đồng kiểu cổ, chỗ tay hay chạm vào có màu trắng xỉn.

“Anh có nghĩ là họ hơi bất cẩn khi để chìa khóa như thế không?” bạn gái tôi hỏi.

“Em biết có thằng trộm nào lần mò đến tận đây, ăn trộm thứ gì đó rồi chớ đồ xuống dưới không?”

Chìa khóa khớp vừa khin khít với lỗ khóa. Tôi xoay chìa, có một tiếng cách to, và then cửa mở ra.

Trong nhà tối mờ mờ, tối một cách không tự nhiên. Cửa chớp đã được đóng suốt một quãng thời gian dài, phải mất một lúc mắt tôi mới điều chỉnh được. Chỗ nào cũng tối mờ mờ.

Căn phòng rộng rãi. Rộng rãi, yên tĩnh, và bốc mùi như một cái chuồng bò cũ. Cái mùi tôi nhớ được từ thuở thiếu thời. Đồ đạc cũ và thảm bỏ đi. Chúng tôi đóng cánh cửa sau mình lại, khiến tiếng gió ngoài kia ngưng bật.

“Xin chào!” tôi hét lên. “Có ai ở nhà không?”

Tất nhiên là không rồi. Rõ ràng là không ai ở đó. Chỉ có sự hiện diện của chiếc đồng hồ quả lắc đang kêu tích tắc cạnh lò sưởi.

Trong giây lát, tôi có cảm giác chóng mặt. Ở đó trong bóng tối, thời gian bị đảo ngược. Thời khắc chồng chéo nhau. Ký ức tan thành mây khói. Rồi cảm giác ấy qua đi. Tôi mở mắt và mọi thứ lại trở về như cũ. Trước mắt tôi là một khoảng không gian màu xám đơn thuần, không gì hơn.

“Anh có sao không?” cô hỏi một cách lo lắng.

“Không sao đâu,” tôi nói. “Mình lên kiểm tra trên gác đi.”

Trong khi cô tìm công tắc điện, tôi kiểm tra chiếc đồng hồ quả lắc. Đó là loại có ba quả lắc, lên dây cót bằng xích. Mặc dầu cả ba đều xuống mức thấp nhất, chiếc đồng hồ vẫn cố gắng nhích thêm chút chuyển động cuối cùng. Xét độ dài của dây xích, có lẽ phải mất khoảng một tuần để quả lắc xuống mức thấp nhất. Có nghĩa là vào một lúc nào đó trong tuần ai đó đã ở đây để lên dây đồng hồ.

Tôi chỉnh ba quả lắc lên mức cao nhất rồi ngồi duỗi dài chân trên xô pha. Một cái xô pha cũ rách từ thời tiền chiến, nhưng ngồi khá dễ chịu. Không quá êm, không quá cứng và có mùi như lòng bàn tay.

Một tiếng tách, rồi đèn bật sáng. Cô từ trong bếp đi ra, ngồi trên ghế dài, rồi châm một điếu thuốc đinh hương. Tôi châm một điếu ỉnh. Tôi dần dà yêu thích chúng qua cô.

“Có vẻ như bạn anh chuẩn bị qua đông ở đây,” cô nói.

“Có một đồng chất đốt và thực phẩm cho cả mùa đông trong bếp. Một siêu thị thông thường.”

“Nhưng không có dấu hiệu gì của cậu ta.”

“Trên gác thì sao?”

Chúng tôi trèo lên cầu thang cạnh bếp. Nửa đường lên, cầu thang nghiêng về một góc. Lên đến tầng hai, chúng tôi dường như bước vào một tầng khí quyển khác.

Có ba phòng ngủ trên tầng hai. Một phòng lớn bên trái hành lang và hai phòng nhỏ hơn bên phải. Phòng nào cũng chỉ có ít đồ đạc tối thiểu, phòng nào cũng u ám. Phòng lớn có giường đôi và một tủ gương trang điểm. Giường chỉ còn trơ lại khung. Thời gian chết trong không trung.

Chỉ có căn phòng nhỏ xa hơn là phảng phất mùi người ở. Giường được dọn gọn ghẽ, gối hơi có vết lõm, và một bộ quần áo ngủ màu xanh được gấp ở đầu giường. Một ngọn đèn kiểu cổ đặt trên chiếc bàn nhỏ cạnh một cuốn sách bị lật ngược. Một cuốn tiểu thuyết của Conrad.

Cạnh giường là một chiếc tủ có ngăn kéo làm bằng gỗ sồi nặng trịch. Trong đó là một lô vật dụng gồm áo len nam, sơ mi, quần, tất và đồ lót. Áo len và quần đã cũ, chỗ này chỗ kia bị sờn, nhưng vẫn còn tốt. Tôi thề là trước đây đã trông thấy một số quần áo đó. Chúng thuộc về Chuột, đúng thế đấy. Áo sơ mi có vòng cổ ba mươi tám centimet, quần có vòng eo khoảng bảy mươi tư.

Cạnh cửa sổ là một cái bàn cũ và một cái ghế có kiểu dáng đơn giản độc nhất vô nhị ngày nay không thường gặp nữa. Trong ngăn kéo bàn, một chiếc bút máy rẻ tiền, ba hộp mực ống, và một bộ đồ dùng để viết thư, văn phòng phẩm chưa dùng đến. Trong ngăn kéo thứ hai, một lượng dự trữ kẹo ngậm ho đã dùng được một nửa và các thứ đồ nhỏ lặt vặt khác nhau. Ngăn kéo thứ ba, trống không. Không nhật ký, không sổ ghi chép, không gì hết. Hẳn đã bỏ hết mọi thứ phụ. Mọi thứ đã được cất đi. Quá ngăn nắp. Tôi quệt ngón tay lên mặt bàn, kết quả là ngón tay tôi trắng vì bụi. Không nhiều bụi lắm. Có lẽ lượng bụi sau một tuần.

Tôi kéo cửa sổ lên và mở tung cửa chớp. Mây đen bay là là đang sà xuống. Gió đã tập hợp sức mạnh, hầu như có thể thấy được gió nhảy chồm chồm qua đồng cỏ như một con thú hoang. Xa xa là rừng cây bu lô và bên kia rừng là núi. Khung cảnh hết như trong bức ảnh. Chỉ khác là không có cừu.

Chúng tôi đi xuống tầng dưới rồi ngồi trên xô pha. Chiếc đồng hồ quả lắc đổ một hồi chuông giống giả, rồi đánh mười hai tiếng. Chúng tôi yên lặng cho tới khi tiếng chuông cuối cùng bị nuốt chửng vào không khí.

“Chúng mình làm gì bây giờ anh?” cô hỏi.

“Chúng mình đợi thôi. Biết làm gì nữa?” tôi nói. “Chuột ở đây một tuần trước. Đồ đạc của cậu ta vẫn còn đây. Cậu ta sẽ phải quay lại thôi.”

“Nhưng nếu tuyết rơi trước khi cậu ta quay lại, chúng mình sẽ phải ở đây cả mùa đông và thời gian của chúng mình sẽ hết.”

Quả vậy.

“Tai em không nói với em điều gì à?”

“Chúng hiện không hoạt động. Nếu em mở tai ra, em bị nhức đầu.”

“Thế thì, anh nghĩ chúng mình cứ nghỉ cho khỏe và đợi Chuột thôi,” tôi nói.

Thế nghĩa là chúng tôi không còn cách lựa chọn nào khác.

Trong khi cô vào bếp pha cà phê, tôi đảo nhanh một vòng quanh phòng khách lớn, kiểm tra từ góc nọ tới góc kia. Lò sưởi, một lò sưởi thật vẫn đang hoạt động đặt ở giữa bức tường chính, sạch và sẵn sàng để sử dụng. Nhưng mới đây nó không được sử dụng. Một vài chiếc lá sồi rơi vào qua đường ống khói, nằm trong lòng lò sưởi. Một chiếc máy sưởi lớn chạy bằng dầu đặt gần đó. Dụng cụ đo mức dầu cho thấy dầu còn đầy.

Cạnh lò sưởi là một giá sách âm tường bằng kính, đầy những sách cũ. Tôi lôi ra mấy cuốn lật qua. Tất cả đều là sách xuất bản trước chiến tranh, hầu như không cuốn nào có giá trị. Địa lý, khoa học, lịch sử, triết học và chính trị. Cả đồng sách hoàn toàn vô dụng, có chăng là những đầu sách phải đọc của một nhà trí thức bốn mươi năm về trước. Cũng có cả sách xuất bản sau chiến tranh, có giá trị tương tự. Chỉ có những cuốn Những cuộc đời của Plutarch và Bi kịch Hy Lạp chọn lọc cùng vài cuốn tiểu thuyết là còn sống sót được qua sự bào mòn của năm tháng. Đây là một kinh nghiệm mới mẻ với tôi: tôi chưa từng trông thấy một bộ sưu tập toàn những cuốn sách vô dụng mà lại khổng lồ đến thế.

Bên cạnh giá sách là một giá trưng bày, cũng âm vào tường, trên đó là một dàn máy hi-fi âm thanh nổi – loa nhỏ, ampli, bàn quay – loại thông dụng vào những năm sáu tư, sáu năm. Khoảng hai trăm đĩa hát cũ, cái nào cũng bị xước đến không nhận ra nổi, nhưng ít nhất không đến nỗi vô giá trị. Gu âm nhạc không bị xói mòn như hệ tư tưởng. Tôi bật ampli đèn chân không và hạ kim xuống. Bài Phía Nam biên giới của Nat King Cole. Bỗng nhiên căn phòng có cảm giác như được đưa trở về những năm 1950.

Bức tường đối diện có bốn cửa sổ trượt cao hơn mét tám đặt cách đều nhau. Có thể thấy lúc này mưa đang trút xối xả. Một màn mưa màu xám, che khuất những dãy núi phía xa.

Căn phòng lát ván gỗ, ở giữa là một tấm thảm rộng hai mét tư nhân ba mét sáu, bên trên đặt một bộ bàn ghế phòng khách và một ngọn đèn cây đặt trên sàn. Một cái bàn ăn đặt ở một góc phòng, phủ bụi.

Một căn phòng trống rỗng từng có người ở.

Một cánh cửa được lắp kín đáo vào trong tường mở vào một phòng chứa đồ khá rộng. Căn phòng xếp chật ních các đồ đạc dư thừa, thảm, bát đĩa, một bộ gậy chơi gôn, một cây đàn ghi ta, một tấm đệm, áo khoác, ủng leo núi, tạp chí cũ. Thậm chí cả sách tham khảo thi cử cho học sinh cấp hai và một chiếc máy bay điều khiển bằng vô tuyến. Hầu hết đều là sản phẩm của thập kỷ năm mươi và sáu mươi.

Ngôi nhà lưu giữ mạch thời gian riêng, giống như chiếc đồng hồ quả lắc trong phòng khách. Những người tình cờ đi qua nâng quả lắc, và chừng nào quả lắc được lên dây, chiếc đồng hồ tiếp tục kêu tích tắc. Nhưng khi mọi người đi hết và quả lắc không được ngó ngang tới, cả khối thời gian bị bỏ lại để góp nhặt dần những gì còn sót lại của một cuộc sống đang mất dần trên sàn.

Tôi mang mấy cuốn tạp chí điện ảnh cũ vào phòng khách. Ảnh tiêu điểm trong một cuốn là từ bộ phim Trận chiến Alamo. Bộ phim đầu tiên do John Wayne đạo diễn với sự ủng hộ hết mình của John Ford. John Wayne nói, tôi muốn làm một đại sứ thi tồn tại mãi trong trái tim người Mỹ. Ông ta trông sền hết sức khi đội cái mũ làm bằng lông hải ly.

Bạn gái tôi trở lại cùng cà phê, rồi chúng tôi đối diện nhau uống cà phê. Những giọt mưa thỉnh thoảng lại gõ nhẹ lên cửa sổ. Thời gian trôi qua chậm chạp trong khi khí lạnh tràn khắp căn phòng. Ánh sáng vàng của ngọn đèn trôi quanh phòng như phấn hoa.

“Anh mệt à?” cô hỏi.

“Chắc vậy quá,” tôi nói, ngó lơ đàng ra ngoài cửa sổ. Chúng mình chạy quanh tìm như điên cả ngày ấy thời gian, và giờ đây chúng mình phải ngừng lại. Chưa thể hoàn toàn quen với điều đó. Rốt cuộc thì chúng mình đã tìm được cảnh trong bức ảnh, không có Chuột mà cũng chẳng có cừu.”

“Anh ngủ chút đi. Em sẽ nấu bữa tối.”

Cô mang từ trên gác xuống một cái chăn và đắp cho tôi. Rồi cô khởi động máy sưởi chạy dầu, đặt một điều thuốc lên môi tôi rồi châm lửa.

“Vui lên chút đi nào. Mọi việc rồi sẽ ổn thôi.”

“Cảm ơn em,” tôi nói.

Đến đó, cô biến mất vào trong bếp.

Hoàn toàn một mình, tôi cảm thấy người nặng trĩu. Tôi làm hai hơi rồi dập thuốc, trùm chăn đến tận cổ, và nhắm mắt. Chỉ mất có vài giây là tôi thiếp đi.

38. Phần Viii - Chương 33

CHƯƠNG 33: NÀNG RỜI NÚI; CÓN ĐÓI HÀNH HẠ

Đồng hồ điểm sáu tiếng và tôi thức dậy trên xô pha. Đèn đã tắt, căn phòng chìm trong bóng tối dày đặc. Mọi thứ, từ sâu trong bản thể tôi đến các đầu ngón tay tôi đều tê liệt. Bóng tối lan lên da tôi như mực.

Mưa đã ngớt, chim ăn đêm kêu ngoài kính cửa sổ. Ánh lửa từ máy sưởi đổ bóng mờ nhạt, chập chờn, kéo dài lên bức tường trắng của căn phòng. Tôi đứng dậy bật công tắc ngọn đèn cây trên sàn, vào bếp, uống hai cốc nước lạnh. Một nồi ninh, vẫn còn ấm, nằm trên bếp. Một chiếc gạt tàn đựng hai điếu thuốc đinh hương đã dụi tắt.

Ngay lập tức, theo bản năng, tôi biết cô đã đi mất.

Tôi đứng đó, tay trên mặt bếp, cố sắp xếp ý nghĩ của mình.

Cô không còn đó nữa, điều này là chắc chắn. Không phải tranh luận hay đoán già đoán non gì. Trên thực tế, cô đã không còn ở đây. Bầu không khí trống vắng của ngôi nhà là không thay đổi được nữa, không chối cãi được nữa. Đó là một cảm giác tôi đã biết quá rõ trong vòng mấy tháng từ khi vợ tôi bỏ tôi cho đến khi tôi gặp bạn gái tôi.

Tôi lên gác kiểm tra. Tôi mở các cửa tủ. Không có dấu hiệu gì của cô. Chiếc túi khoác vai và áo khoác nhồi lông của cô biến mất. Cả đôi ủng trong hành lang cũng vậy. Không còn nghi ngờ gì nữa, cô đã đi mất. Tôi lục tìm tất cả những nơi cô có thể đã để lại thư, nhưng không thấy gì hết. Có lẽ cô đã xuống núi.

Tôi không thể chấp nhận sự thật là cô đã biến mất. Tôi hầu như chưa tỉnh ngủ, nhưng kể cả khi tôi hoàn toàn tỉnh táo, điều này – cũng như tất cả mọi thứ đang xảy đến với tôi – vẫn vượt xa tâm linh hội của tôi. Hầu như người ta không thể làm gì hơn ngoài việc để sự việc xảy ra theo ý nó.

Ngồi trên ghế, tôi bỗng nhiên thấy đói. Mà cũng không phải một cơn đói thông thường.

Tôi đi từ bếp vào hầm dự trữ thực phẩm, mở một chai rượu vang đỏ. Quá lạnh nhưng uống được. Quay trở lại bếp, tôi cắt mấy lát bánh mì, rồi gọt một quả táo. Trong khi đợi cho nồi ninh nóng lên, tôi làm ba ly rượu.

Khi nồi ninh đã sẵn sàng, tôi chuyển qua chiếc bàn trong phòng khách và ăn tối trong lúc nghe dàn nhạc của Percy Faith chơi bản “Perfidia”. Sau bữa tối, tôi uống cả phê còn lại trong bình, và với xấp bài nằm trên mặt lò sưởi, tôi tự chia mình một ván solitaire. Một trò chơi được phát minh rồi thành mốt ở Anh vào thế kỷ mười chín, sau đó được quần chúng ưa chuộng do luật chơi đơn giản. Một nhà toán học từng tính tỷ lệ thành công trong trò này là một trên hai mươi lăm. Tôi thử ba lần – tất nhiên là không thành công. Tôi dọn đấm bài và bắt đĩa. Rồi tôi làm nốt chỗ rượu còn lại.

Đêm xuống. Tôi đóng cửa chớp rồi nằm trên xô pha nghe những đĩa nhạc cũ đầy vết xước.

Liệu Chuột có bao giờ quay trở lại không?

Giả sử là hán sẽ quay lại. Xét cho cùng, hán tích trữ một lượng xăng dầu và thực phẩm cho cả mùa đông kia mà.

Nhưng đó là giả sử. Chuột có thể đã bỏ chỗ này và trở lại thị trấn. Hoặc có thể hán cặp với một người đàn bà nào đó. Trên thực tế, bất cứ điều gì cũng có thể.

Điều đó có nghĩa là tôi ở trong một mớ bòng bong thực sự. Thời hạn một tháng của tôi, giờ chính xác đã quá nửa, chẳng mấy chốc sẽ hết. Không Chuột, không cừu, chỉ có người đàn ông mặc bộ lê đen kéo lê tôi vào trận chiến hủy diệt cuối cùng của các thần linh. Dù tôi chẳng là cái thá gì, ông ta cứ kéo. Tôi không nghi ngờ gì về điều đó.

Ở thành phố, tuần thứ hai của tháng Mười là thời điểm tao nhã nhất của năm. Nếu tất cả những việc này không xảy ra thì giờ tôi đang ăn trứng ốp lết và uống whisky. Một thời điểm đẹp của một mùa đẹp, vào buổi tối khi mưa tạnh, những cục đá và mặt quầy bar bằng gỗ vững chắc, thời gian trôi chậm chạp, dễ dàng, như một dòng suối dịu dàng.

Đảo ngược toàn bộ cảnh này trong đầu, tôi bắt đầu tưởng tượng một thằng tôi khác ở đâu đó, ngồi trong một quầy bar, nâng niu ly whisky, không mấy may bận tâm đến điều gì. Càng nghĩ đến điều đó, cái tôi khác kia càng trở nên thực hơn, khiến cái tôi này đây không thực một chút nào.

Tôi lắc đầu cho tỉnh.

Bên ngoài, những con chim ăn đêm vẫn tiếp tục kêu gù gù nho nhỏ.

Tôi lên gác và dọn giường trong căn phòng nhỏ mà Chuột đã không dùng đến. Đệm, khăn trải giường và chăn, tất cả đều được xếp gọn gàng nơi tủ tường cạnh cầu thang.

Đồ đạc giống hệt như đồ đạc trong phòng Chuột. Bàn nhỏ cạnh giường, rồi bàn ghế và đèn. Lỗi mốt, nhưng là sản phẩm của cái thời mà mọi thứ làm ra đều bền chắc và hoạt động tốt. Không màu mè.

Đúng như dự đoán, khung cảnh từ cửa sổ đầu giường nhìn ra đồng cỏ. Mưa đã tạnh, màn mây dày đặc đang bắt đầu tan ra. Một vầng trăng khuyết tuyệt đẹp thi thoảng lại tỏa sáng trên đồng cỏ. Như một ngọn đèn pha đang quét trên thứ rất có thể là mặt biển.

Chui vào trong chăn, vẫn còn mặc nguyên quần áo, tôi nhìn chăm chăm vào khung cảnh thoát ẩn thoát hiện. Hiện lên trong tâm trí tôi là hình ảnh nhạt nhòa về cô bạn gái đi vòng qua khúc ngoặt không may trên đường, một mình xuống núi. Rồi hình ảnh đó biến mất, nhường chỗ ột đàn cừu và Chuột đang chụp ảnh chúng. Mặt trăng lại trốn sau một đám mây, và khi nó hiện ra, cả cừu lẫn Chuột biến mất.

Tôi đọc Sherlock Holmes bên ánh đèn.

39. Phần Viii - Chương 34

CHƯƠNG 34: KHÁM PHÁ TRONG GA RA; NHỮNG Ý NGHĨ GIỮA ĐỒNG CỎ

Những con chim thuộc một loài tôi chưa từng thấy trước đây bám chặt vào cây sồi đỏ trước cửa ra vào như đám đồ trang trí Giáng sinh, hót líu lo. Thế giới sáng một cách ẩm ướt trong nắng sớm.

Tôi nướng bánh mì trong cái lò nướng cổ lỗ sĩ, loại phải dùng tay để trở bánh. Tôi cho bơ vào chảo, rán vài quả trứng kiểu ốp la một mặt, uống hai ly nước nho. Tôi thấy cô đơn khi không có cô, nhưng việc tôi còn có thể cảm thấy cô đơn đã là một sự an ủi. Cô đơn không phải là một cảm giác xấu. Nó giống như sự tĩnh lặng của cây sồi đỏ sau khi những con chim bé bỏng đã bay đi.

Tôi rửa bát đĩa, rồi súc miệng cho sạch lòng đỏ trứng và đánh răng trong nguyên năm phút. Sau một hồi cân nhắc kỹ, tôi quyết định cạo râu. Có một hộp kem cạo râu hầu như còn mới và một dao cạo râu hiệu Gillette tại bồn rửa. Bàn chải và kem đánh răng, xà phòng, nước thơm, thậm chí cả nước hoa. Mười chiếc khăn lau tay, mỗi chiếc một màu, được gấp ngay ngắn trên giá. Không một vết bẩn trên mặt gương hay bồn rửa. Đúng như ý thức ngăn nắp của Chuột.

Buồng vệ sinh và buồng tắm cũng ngăn nắp như vậy. Lốp vừa giữa những viên gạch đã được cọ bằng bàn chải và chất tẩy rửa. Tất cả trắng lóa, một công trình nghệ thuật. Túi bột thơm trong buồng tắm tỏa mùi rượu gin chanh ta uống ở một quán bar sang trọng.

Tôi vào phòng khách hút thuốc buổi sáng. Tôi còn ba bao Lark trong ba lô. Khi mấy bao thuốc này hết, tôi sẽ không còn gì để hút xách nữa. Tôi châm điếu thứ hai và ngẫm nghĩ không biết sẽ như thế nào nếu không có thuốc. Mặt trời buổi sáng đem lại cảm giác tuyệt vời, và ngồi trên cái xô pha ôm trọn lấy cơ thể mình là một điều hoàn toàn xa xỉ. Trước khi tôi nhận ra, cả tiếng đồng hồ đã trôi qua. Chiếc đồng hồ treo nải điểm chín giờ.

Tôi bắt đầu hiểu tại sao Chuột lại giữ ngôi nhà ngăn nắp đến nhường ấy, cọ rửa giữa các viên gạch, là áo sơ mi, rồi cạo râu, dù chắc chắn là hẳn chẳng có ai để mà gặp. Ở đây, nếu không vận động chân tay, người ta sẽ mất hết khái niệm thời gian.

Tôi đứng dậy khỏi xô pha, khoanh tay, đi một vòng quanh phòng, nhưng không tìm được bất cứ việc gì cần làm. Chuột đã lau chùi bất cứ thứ gì có thể lau chùi. Hẳn thậm chí còn cạo cả lớp bỏ hóng trên trần nhà.

Thế là tôi quyết định đi dạo một vòng. Thời tiết tuyệt đẹp. Bầu trời điểm vài vệt mây trắng, không gian tràn ngập tiếng chim.

Phía sau ngôi nhà là một ga ra lớn. Một mẫu dầu lọc nằm trên mặt đất trước cánh cửa đôi cũ kỹ. Seven Stars. Lần này dầu lọc có vẻ khá cũ. Giấy đã bung hết, lõi cả phần lõi lọc.

Gạt tàn. Tôi chỉ trông thấy một chiếc trong nhà, và nó không cho thấy dấu vết sử dụng. Chuột không hút thuốc! Tôi vẽ phần lõi lọc trong lòng bàn tay rồi vứt xuống đất.

Tôi kéo chốt cửa nặng trĩu rồi mở cửa ga ra để thấy bên trong thật rộng lớn. Ánh mặt trời chiếu xiên qua các kẽ hở nơi lớp ván gỗ ngoài, tạo nên một loạt những đường song song trên nền đất tối. Có mùi đất và xăng.

Một chiếc Toyota Land Cruiser nằm đó. Không một vết bùn trên thân hay lớp xe. Bình xăng gần như còn đầy. Tôi sờ tay dưới bảng đồng hồ nơi Chuột thường giấu chìa khóa. Đúng như dự đoán, chìa khóa ở đó. Tôi tra chìa vào bộ phận đánh lửa và khởi động. Ngay lập tức đầu máy chạy vo vo thật êm. Vẫn là Chuột ngày nào, luôn giỏi chỉnh sửa xe. Tôi tắt máy, cất chìa khóa vào chỗ cũ, rồi nhìn quanh ghế người lái. Không có gì đáng kể – bản đồ đi đường, khăn mặt, nửa thanh sô cô la. Ở ghế sau, bắn thiu một cách không bình thường đối với Chuột, là một cuộn dây và một chiếc kim lớn. Tôi mở cửa sau và gạt những mảnh vụn vào tay, giơ lên chỗ ánh mặt trời xuyên qua mắt gỗ ở lớp ván gỗ. Thứ để nhồi đệm. Hay lông cừu. Tôi lôi một mảnh giấy từ trong túi ra, bọc những mảnh vụn lại, rồi đút vào trong túi ngực.

Tôi không hiểu được tại sao Chuột lại không lấy xe đi. Việc chiếc xe vẫn còn trong ga ra có nghĩa là hẳn đã đi bộ xuống núi hoặc hẳn không đi đâu cả. Cách nào cũng không hợp lý. Ba ngày trước con đường vách đá hẳn vẫn dễ lái qua. Liệu hẳn có bỏ ngôi nhà để hạ trại trên núi không?

Lòng đầy băn khoăn, tôi đóng cửa ga ra và đi ra ngoài đồng cỏ. Không có một lời giải thích hợp lý khả dĩ nào cho tình huống vô lý đến nhường ấy.

Khi mặt trời lên cao hơn, hơi nước từ đồng cỏ bốc lên. Núi có vẻ mù sương, và mùi cỏ tràn ngập.

Tôi đi bộ qua đám cỏ ẩm ướt đến giữa cánh đồng. Ở đó nằm lẫn lóc một chiếc lốp cũ bỏ đi, cao su màu trắng và rạn nứt. Tôi ngồi lên đó và tìm hiểu địa hình xung quanh. Từ đây ngôi nhà trông giống như một tảng đá trắng nhô ra khỏi bờ biển.

Trong lúc một mình thế này, ký ức về những lần bơi thi trên biển từng tham gia khi còn bé tràn về trong tôi. Những lần bơi từ đảo này sang đảo khác, tôi thỉnh thoảng ngừng lại giữa đường để nhìn quanh. Tôi cảm thấy buồn cười nhất khi thấy mình ở chính giữa hai điểm. Ý nghĩ rằng trên đất liền mọi người vẫn đang hoạt động bình thường cũng khá là kỳ cục. Tôi thấy bối rối khi nghĩ cái xã hội ấy có thể tiếp tục một cách hoàn toàn trôi chảy mà không có tôi.

Tôi ngồi đó trong mười lăm phút trước khi thông thả đi bộ về lại ngôi nhà. Tôi ngồi trên xô pha ở phòng khách và tiếp tục đọc cuốn Sherlock Holmes.

Lúc hai giờ, Người Cừu tới.

40. Phần Viii - Chương 35

CHƯƠNG 35: NGƯỜI CỪU TỐI

Lúc đồng hồ điểm hai tiếng, có một tiếng gõ cửa. Ban đầu là hai tiếng, tạm nghỉ sau hai hơi thở, rồi ba tiếng.

Tôi phải mất một lúc mới nhận ra được đó là tiếng gõ cửa. Tôi chưa từng nghĩ đến chuyện có ai gõ cửa. Chuột không gõ cửa, đó là nhà của hắn. Người trông nom trại cừu có thể gõ, nhưng chắc chắn ông ta không đợi trả lời trước khi bước vào. Có lẽ bạn gái tôi – không, cô hắn sẽ lên vào qua cửa bếp và tự pha ình một cốc cà phê. Cô không phải dạng quen gõ cửa.

Tôi mở cửa, và đứng đó, cách tôi hai thước, là Người Cừu. Rõ ràng hắn không mấy bận tâm đến việc cửa mở hay tôi là người mở cửa. Hắn cẩn thận xem xét hộp thư như thể nó là một mẫu vật hiếm có, lạ lùng. Người Cừu không cao hơn hộp thư là mấy. Cùng lắm là khoảng một mét bốn mươi bảy. Vai lại còn thông xuống và chân đi vòng kiềng.

Ngoài ra, khoảng cách giữa bậu cửa ra vào, nơi tôi đứng, và mặt đất, nơi hắn đứng là khoảng mười lăm centimet, vì thế cứ như tôi đang nhìn xuống hắn từ cửa sổ xe buýt. Như thể phốt lờ khiếm khuyết rõ ràng của mình, hắn tiếp tục xem xét kỹ lưỡng hòm thư.

“Tôi vào được không?” Người Cừu nói nhanh như súng liên thanh, quay người sang một bên suốt trong khi nói. Giọng hắn giận dữ.

“Vâng mời anh vào,” tôi nói.

Hắn cúi xuống cẩn thận cởi dây đôi ủng leo núi. Đôi ủng đóng một lớp bùn dày như vỏ bánh mì ngọt. Người Cừu dùng cả hai tay nhấc ủng lên và, với kỹ thuật điêu luyện, đập mạnh chúng vào nhau. Bùn đã đóng cứng rơi tới tấp xuống đất. Rồi để chứng minh cho kiến thức tuyệt vời về sơ đồ bố trí của ngôi nhà, hắn xô dép vào, đi đến xô pha và ngồi xuống.

Thật tuyệt chưa, tôi nghĩ.

Người Cừu mặc nguyên cả một tấm da cừu che hết qua đầu. Tay chân hắn là đồ giả và được ráp vào, nhưng bộ đồ thật vừa vặn với thân hình chắc nịch của hắn. Mũ trùm cũng làm giả, nhưng cặp sừng uốn xoắn trên đỉnh đầu hoàn toàn thật. Đôi tai, có lẽ được dây kim loại giữ cho chắc thêm, thò ra ngang nhau từ hai bên mũ trùm. Chiếc mặt nạ che khuất nửa trên khuôn mặt hắn, đôi găng tay và tất, mọi thứ đều màu đen. Có một khóa kéo từ cổ đến đùi quần.

Trên ngực hắn là một túi áo, cũng có khóa kéo, hắn lôi từ đó ra thuốc và bật lửa. Người Cừu ột điều Seven Stars lên miệng, châm lửa, và thở dài thườn thượt. Tôi lấy trong bếp ra chiếc gạt tàn đã được rửa sạch.

“Tôi muốn uống chút rượu,” Người Cừu nói. Tôi đi vào bếp mang ra nửa chai Four Roses và hai chiếc ly có đá.

Hắn rót whisky lên đá, tôi cũng làm như vậy, chúng tôi uống mà không chúc tụng gì. Trong khi uống, Người Cừu lẩm bẩm với chính mình. Chiếc mũi tẹt quá to đối với cơ thể hắn, và mỗi lần thở vào, lỗ mũi hắn phồng tướng lên. Hai con mắt lộ ra sau tấm mặt nạ đảo qua đảo lại không ngừng quanh căn phòng.

Khi Người Cừu uống whisky xong, hắn có vẻ thoải mái hơn. Hắn đập thuốc và dùng hai tay dụi mắt dưới tấm mặt nạ.

“Lông rơi vào mắt tôi, ” Người Cừu nói.

Tôi không biết phải phản ứng ra sao nên không nói gì cả.

“Anh đến đây chiều hôm qua phải không?” Người Cừu nói, dụi mắt thêm chút nữa. “Tôi quan sát anh suốt thời gian.” Người Cừu ngừng lại để rót một ngụm whisky lên đá đã tan một nửa và làm một ngụm hết sạch.

“Và người phụ nữ đã một mình ra đi vào chiều nay.”

“Anh cũng quan sát điều đó, đúng không?”

“Quan sát cô ta ư? Chúng tôi chờ cô ta đi.”

“Chờ cô ấy đi ư?”

“Chắc chắn rồi thò đầu qua cửa bếp nói cô nên về nhà thì hơn.”

“Tại sao vậy?”

Điều đó khiến Người Cừu khó chịu. “Tại sao” hiển nhiên không phải là cách để diễn đạt một câu hỏi với hắn, nhưng tôi chưa kịp nói gì khác thì mắt hắn đã từ từ chuyển sang một tia nhìn khác.

“Cô ta quay lại khách sạn Cá heo,” Người Cừu nói.

“Cô ấy nói vậy à?”

“Không nói gì hết. Nhưng cô ta ở khách sạn Cá heo.”

“Làm sao anh biết được?”

Người Cừu lại từ chối nói thêm. Hắn đặt cả hai tay lên đầu gối và nhìn trừng trừng vào tấm kính trên bàn.

“Nhưng cô ấy quay lại khách sạn Cá heo thật chứ?” tôi nói.

“À há khách sạn Cá heo là một khách sạn tốt. Ngủ như mùi cừu,” Người Cừu nói.

Lại yên lặng.

Quan sát kỹ hơn, tôi có thể thấy bộ lông của Người Cừu bẩn thỉu, lông cứng đờ đầy đầu.

“Cô ấy có nói hay nhảu nhủ gì khi đi không?”

“Không,” Người Cừu nói, lắc đầu. “Cô ta không nói gì và chúng tôi không hỏi.”

“Khi anh khuyên cô ấy nên đi, cô ấy đứng dậy đi không nói một lời à?”

“Đúng vậy. Chúng tôi nói cô ta nên đi vì cô ta muốn thế.”

“Cô ấy đến đây vì cô ấy muốn như thế.”

“Sai rồi!” Người Cừu la lên.

“Cô ta muốn thoát ra nhưng bản thân cô ta lại hoang mang. Đó là lý do chúng tôi xua đuổi cô ta về nhà. Anh khiến cô ta hoang mang.”

Người Cừu đứng dậy và đập tay phải xuống bàn đánh rầm. Ly whisky của hắn trượt đi khoảng năm centimet.

Người Cừu giữ nguyên tư thế đó cho đến khi đôi mắt dần dần mất đi vẻ nóng nảy và hắn ngã quỵ xuống chiếc xô pha, không còn sức lực.

“Anh khiến người đàn bà đó hoang mang.” Người Cừu nói, lần này điềm tĩnh hơn. “Không hay chút nào. Anh không biết gì hết. Anh chỉ biết nghĩ đến mình thôi.”

“Anh muốn nói với tôi là cô ấy không nên đến đây ư?”

“Đúng thế. Cô ta không hề có ý định đến đây. Anh không nghĩ đến gì khác ngoài bản thân mình.”

Tôi đứng đó lặng thinh, nhắm nháp ly whisky.

“Nhưng thôi những gì đã qua thì không lấy lại được nữa. Dù sao đi nữa đối với cô ta thế là xong.”

“Xong ư?”

“Anh sẽ không bao giờ gặp lại người đàn bà đó nữa.”

Bởi vì tôi chỉ biết nghĩ đến mình thôi ư?”

“Đúng thế. Bởi vì anh chỉ biết nghĩ đến mình thôi. Đáng đời anh lắm.”

Người Cừ đứng dậy đi đến bên cửa sổ, dùng một tay mở tung cửa, rồi hít hà làn không khí trong lành. Một sự thể hiện sức mạnh không hề tầm thường.

“Phải mở cửa sổ voà những ngày đẹp trời như thế này,” Người Cừ nói. Rồi Người Cừ đảo nhanh một vòng quanh nửa căn phòng và dừng lại trước tủ sách, khoanh tay xem xét kỹ lưỡng gáy sách. Từ mông của bộ phục trang thò ra một cái đuôi bé tẹo. Trong tư thế này, trông hẳn giống như một con cừ đang đứng bằng hai chân sau.

“Tôi đang đi tìm một người bạn,” tôi đánh bạo nói.

“Thếà?” Người Cừ đáp lại tôi với vẻ hết sức thờ ơ.

“Cậu ta đã sống ở đây. Cho tới một tuần trước.”

“Tôi chưa biết gì hết.”

Người Cừ đứng trước lò sưởi tráo xấp bài lấy trên mặt lò sưởi.

“Tôi cũng đang đi tìm một con cừ có ngôi sao trên lưng,” tôi tiếp tục.

“Tôi không trông thấy nó,” Người Cừ nói.

Nhưng rõ ràng là Người Cừ biết một điều gì đó về Chuột và con cừ. Sự thiếu quan tâm của hắn quá giả tạo. Thời điểm đưa ra câu trả lời của hắn quá nhanh, giọng hắn không thật.

Tôi thay đổi chiến thuật. Giả bộ không quan tâm nữa, tôi ngáp, lấy sách trên bàn và lật nhanh những trang sách. Người Cừ hơi cau kinh, bèn quay lại xô pha và lặng lẽ quan sát tôi đọc sách.

“Đọc sách có thú không?” Người Cừ hỏi.

“Hừm,” tôi trả lời.

Người Cừ chờ cơ hội. Tôi tiếp tục đọc để chọc tức hắn.

“Xin lỗi đã la hét om sòm,” Người Cừ nói khẽ. “Thỉnh thoảng con cừ và con người trong tôi xung khắc nhau nên tôi mới cư xử như vậy. Không có ý gì cả khi la lối như vậy không có ý gì cả. Vả lại anh cứ nói những điều đe dọa chúng tôi.”

“Không sao đâu,” tôi nói.

“Thật tiếc là anh sẽ không bao giờ gặp người đàn bà đó nữa. Nhưng đó không phải lỗi của chúng tôi.”

“Hừm.”

Tôi lấy ba bao Lark ra khỏi ba lô và đưa cho Người Cừ. Người Cừ sưng sốt.

“Cám ơn nhé. Tôi chưa từng thử hiệu này. Nhưng anh không cần à?”

“Tôi bỏ thuốc,” tôi nói.

“Đúng thế là khôn đấy,” Người Cừ gật đầu vô cùng nghiêm túc. “Thuốc lá thật sự có hại cho anh.”

Hắn cẩn thận cất mấy bao thuốc vào cái túi trên cánh tay. Bộ lông cừu phồng lên một cục hình chữ nhật.

“Tôi nhất định phải gặp được bạn tôi. Tôi đã đi một quãng đường rất, rất dài đến đây để gặp cậu ấy.”

Người Cừ gật đầu.

“Cũng tương tự như vậy vì con cừ đó.”

Người Cừ gật đầu.

“Nhưng theo tôi hiểu thì anh không biết gì về họ cả?”

Người Cừu lắc đầu vẻ buồn bã. Đôi tai giả của hắn đưa lên đưa xuống. Lần này sự phủ nhận của hắn yếu ớt hơn trước “Chỗ này thật đẹp,” Người Cừu đổi chủ đề. “Cảnh đẹp không khí tốt và trong lành. Anh sẽ yêu thích nơi này.”

“Đúng, chỗ này đẹp,” tôi nói.

“Mùa đông còn đẹp hơn. Khắp nơi không có gì ngoài tuyết, mọi thứ đóng băng. Tất cả thú vật ngủ đông không có ngủ ời.”

“Anh ở đây suốt mùa đông à?”

“À há.”

Tôi không hỏi gì nữa. Người Cừu giống như một con thú. Tiến đến gần hắn thì hắn sẽ lảng đi, đi chỗ khác thì hắn sẽ lại gần hơn. Chừng nào tôi không đi đâu cả thì không cần phải vội vàng làm gì. Tôi cứ thong thả thôi.

Người Cừu lấy tay trái rút chiếc găng đen ra khỏi mấy ngón tay phải, từng ngón một. Sau mấy lần giật mạnh, chiếc găng tuột ra, để lộ một bàn tay đen đen đang tróc vảy. Nhỏ nhưng núng nính những thịt, một vết sẹo bông cũ kéo dài từ phần dưới ngón tay cái đến giữa mu bàn tay.

Người Cừu nhìn chăm chăm vào mu bàn tay, rồi lật ngược lại để nhìn lòng bàn tay. Cái cử chỉ đó hết như cách Chuột thường làm. Nhưng Người Cừu không thể là Chuột được. Có sự chênh lệch về chiều cao đến hai mươi centimet giữa hai người.

“Anh sẽ ở lại đây chứ?” Người Cừu hỏi.

“Không, ngay sau khi tôi tìm thấy bạn tôi hoặc con cừu, tôi sẽ đi. Tôi đến đây vì họ.”

“Mùa đông ở đây thật đẹp,” Người Cừu nhắc lại.

“Trắng xóa lấp lánh. Mọi thứ đều đóng băng.”

Người Cừu cười khúc khích với chính mình, lỗ mũi hắn phồng tướng lên. Hàm răng xỉn thò ra từ miệng, hai chiếc răng cửa không còn. Có gì đó không đồng đều trong nhịp suy nghĩ của Người Cừu, điều này khiến cả căn phòng dường như nổ ra rồi co lại.

“Tôi phải đi thôi,” Người Cừu đột ngột nói. “Cám ơn vì mấy bao thuốc.”

Tôi gật đầu.

“Hy vọng anh sẽ mau chóng tìm thấy bạn anh và con cừu đó.”

“Hừm,” tôi nói. “Nếu anh biết gì thì hãy báo cho tôi.”

Người Cừu cứ ập a ập ứng, không thoái mái. “Ừm mà được rồi chắc chắn rồi.”

Tôi cố nén cười. Người Cừu là một kẻ không giỏi nói láo.

Hắn đeo găng tay vào và đứng dậy đi. “Tôi sẽ quay trở lại. Không nói được là bao nhiêu ngày nữa nhưng tôi sẽ quay trở lại.” Rồi mắt hắn mờ đi. “Không làm phiền anh chứ?”

“Anh đùa đấy à?” tôi vội lắc đầu. “Tất nhiên là không rồi, tôi muốn gặp lại anh.”

“Chúng tôi sẽ quay trở lại.” Người Cừu nói, rồi đóng sầm cánh cửa sau mình. Đuôi hắn suýt nữa bị kẹp, nhưng nó lách qua bình an vô sự.

Qua một khe cửa chớp, tôi quan sát Người Cừu đứng nhìn chăm chăm vào cái hộp thư quét vôi trắng bong tróc, hết như khi hắn xuất hiện lần đầu tiên. Rồi hơi ngọ nguậy chút để chỉnh lại bộ đồ cho vừa với cơ thể, hắn nhanh chân băng qua đồng cỏ tới khu rừng phía Đông. Đôi tai chìa ngang của hắn trông như cầu nhảy ở bể bơi. Càng lúc càng xa. Người Cừu trở thành một chấm trắng mờ nhạt, cuối cùng hòa với màu trắng của rừng cây bu lô.

Ngay cả sau khi Người Cừu đã mất hút, tôi vẫn cứ nhìn chăm chăm vào đồng cỏ và rừng bu lô. Người Cừu có phải là một ảo ảnh không?

Tuy nhiên vẫn còn một chai whisky và đầu mẩu thuốc lá Seven Stars trên bàn, và ở đó trên xô pha là mấy sợi lông cừu. Tôi so sánh chúng với lông cừu từ ghế sau của chiếc Land Cruiser. Giống hệt nhau.

Như một cách để tập trung suy nghĩ, tôi vào bếp làm món bò nướng kiểu Salisbury. Tôi băm nhỏ một củ hành tây rồi phi hành trên chảo. Trong lúc đó, tôi rã đông một miếng thịt bò từ ngăn đá, rồi xay thịt bằng cối xay loại vừa. Căn bếp có thể được gọi là nhỏ gọn, nhưng dù vậy nó không phải chỉ có những đồ dùng và gia vị thông thường.

Giá như họ làm đường đến đây, người ta có thể mở một nhà hàng kiểu nhà gỗ nhỏ trên núi. Sẽ không tồi đâu, cửa sổ mở rộng, nhìn ra đàn cừu, trời xanh ngắt. Các gia đình có thể để bọn trẻ chơi với cừu, tình nhân có thể tản bộ trong rừng bu lô. Chắc chắn sẽ thành công.

Chuột có thể quản lý nhà hàng, tôi có thể nấu nướng. Người Cừu cũng có thể phù hợp ột việc gì đó. Bộ quần áo của hắn sẽ hoàn hảo đối với chốn núi non này. Và để thêm chút thực tế, không viễn vông, người trông nom trại cừu có thể hợp tác với chúng tôi; người ca cần một người có óc thực tế. Cả con chó nữa. Ngay cả Giáo sư Cừu cũng có thể tạt vào thăm.

Trong khi bác trướng bằng một chiếc xăng gỗ, tôi điem qua điem lại những ý nghĩ này trong đầu.

Nhưng cô bạn gái có đôi tai tuyệt đẹp của tôi – liệu tôi có vĩnh viễn mất cô? Ý nghĩ này khiến tôi buồn, mặc dù những gì Người Cừu nói có thể đúng. Lẽ ra tôi nên đến đây một mình. Lẽ ra tôi không nên... Tôi lắc đầu. Rồi tôi nói lại tiếp tục ý nghĩ dang dở về nhà hàng.

Mà, nếu như chúng tôi có thể kéo được J đến đây, tôi chắc chắn mọi thứ sẽ ổn thôi. Anh sẽ là trung tâm của kế hoạch này. Trong khi đợi hành nguội, tôi ngồi cạnh cửa sổ nhìn chăm chăm ra đồng cỏ.

41. Phần VIII - Chương 36

CHƯƠNG 36: CON ĐƯỜNG LỚN RẤT RIÊNG CỦA GIÓ

Ba ngày trôi qua không có biến cố gì. Không một điều gì xảy ra. Người Cừu không đến. Tôi nấu nướng, ăn uống, đọc sách, và khi mặt trời lặn, tôi uống whisky rồi đi ngủ.

Không khí buổi sáng nơi đồng cỏ ngày càng lạnh hơn. Ngày qua ngày, đám lá bu lô vàng rực trở nên lốm đốm khi những cơn gió đông đầu tiên lách qua những cành cây khô héo và băng qua cao nguyên sang phía Đông Nam. Dừng bước giữa cánh đồng, tôi có thể nghe thấy rõ ràng tiếng gió. Không quay lại, chúng tuyên bố vậy. Mùa thu ngắn ngủi đã qua.

Không tập luyện và không hút thuốc, tôi nhanh chóng tăng ba cân. Thế là tôi bắt đầu dậy lúc sáu giờ và chạy bộ nửa vòng theo hình trăng lưỡi liềm quanh đồng cỏ. Nhờ vậy mà tôi giảm mấy cân. Không thuốc thì cũng gay gắt, nhưng không có một cửa hàng nào trong bán kính ba mươi hai cây số thì biết làm gì đây? Mỗi lần thêm thuốc, tôi nghĩ đến cô và đôi tai cô. So với mọi thứ tôi đã mất đến nay, không có thuốc hút chỉ là chuyện vặt. Và trên thực tế đúng như vậy.

Rảnh rỗi thế nên tôi bày ra nấu nướng đủ món. Tôi làm món bò nướng. Tôi rã đông một con cá hồi rồi ướp gia vị. Tôi tìm trên đồng cỏ những rau cỏ ăn được rồi ninh những gì tìm được với cá ngữ khô và nước tương. Tôi muối bắp cải theo cách đơn giản. Tôi chuẩn bị nhiều thức ăn nhẹ phòng khi Người Cừu đến uống rượu. Tuy nhiên, Người Cừu không bao giờ đến.

Hầu hết các buổi chiều tôi giết thời gian bằng cách nhìn ra đồng cỏ. Chẳng bao lâu tôi bắt đầu thấy ảo ảnh. Một bóng hình xuất hiện từ rừng cây bu lô và chạy thẳng về hướng tôi. Thường thì đó là Người Cừu, nhưng thỉnh thoảng đó là Chuột, đôi khi là bạn gái tôi. Những lần khác đó là con cừu có ngôi sao trên lưng.

Nhưng rốt cuộc, không ai xuất hiện cả. Chỉ có gió thổi qua đồng cỏ. Như thể đồng cỏ là con đường lớn rất riêng của gió. Gió lướt nhanh qua đồng cỏ, không bao giờ ngoái lại như đang thực hiện một nhiệm vụ cực kỳ khẩn cấp.

Vào ngày thứ bảy sau khi tôi lên núi, tuyết rơi lần đầu tiên. Gió lặng một cách bất thường vào buổi sáng, bầu trời âm u với những đám mây dày đặc xám như chì. Sau khi chạy và tắm sáng, tôi ngồi uống cà phê và nghe đĩa, thế rồi tuyết bắt đầu rơi. Một trận tuyết khắc nghiệt. Tuyết nện thình thịch tới tấp vào ô kính cửa sổ. Gió trở nên mạnh hơn, khiến tuyết rơi chéo một góc ba mươi độ. Giống như những đường xiên chéo của một mẩu giấy bọc quà ở cửa hàng bách hóa. Chẳng bao lâu bão mạnh hơn và mọi thứ bên ngoài ngập trong màu trắng. Cả rừng núi và khu rừng bị che khuất. Đây không phải là thứ tuyết thảm hại như thỉnh thoảng vẫn rơi ở Tokyo. Đây mới đúng là trận tuyết thật sự, một trận tuyết đích thực nơi đất Bắc. Một trận tuyết bao phủ mọi thứ và làm đông cứng tận sâu trong lòng đất.

Tuyết trắng lóa cả mắt. Tôi kéo rèm và nằm cuộn tròn bên máy sưởi đọc sách. Đĩa hát kết thúc, kim nhích lên, rồi tất cả chìm trong yên lặng. Loại yên lặng theo liền sau cái chết của mọi sự sống. Tôi đặt sách xuống bàn và không hiểu sao cảm thấy mình phải đi quanh ngôi nhà. Từ phòng khách vào trong bếp, kiểm tra buồng kho, buồng tắm và hầm rượu, lên gác mở cửa tất cả các phòng. Tất nhiên là không có ai. Chỉ có sự yên lặng như dầu chảy vào trong mọi ngóc ngách. Chỉ có sự yên lặng hầu như không thay đổi gì từ phòng này qua phòng khác.

Tôi thấy đơn độc. Có lẽ đơn độc hơn bất cứ lúc nào trong cả đời mình.

Tôi thêm thuốc đến chết được đã hai ngày nay, nhưng vì không có thuốc, tôi uống rượu suông. Cứ thế này suốt mùa đông thì tôi rốt cuộc sẽ thành thằng nghiện rượu mất. Nói vậy không có nghĩa có đủ rượu quanh đây để mà nghiện ngập. Ba chai whisky, một chai brandy, mười hai thùng bia lon, vậy thôi. Rõ ràng Chuột cũng từng nảy ra ý nghĩ tương tự.

Liệu tay đối tác của tôi, đúng hơn là, đối tác cũ của tôi, có còn rượu chè be bét? Liệu hắn có gắng tổ chức công ty một cách hiệu quả, chuyển nó thành một công ty dịch thuật hồ như tôi đã gọi ý? Có thể hắn đã làm y như thế. Nhưng liệu hắn có thể thành công mà không có tôi, như hắn đã lo ngại không? Thời gian chúng tôi làm việc cùng nhau đã hết. Sáu năm cùng nhau, và giờ không lại hoàn không.

Đến đầu giờ chiều tuyết ngừng rơi. Ngừng đột ngột, hết như lúc bắt đầu. Màn mây dày đặc bị xé toạc lỗ chỗ khi các cột ánh sáng lớn đâm thẳng xuống lấp lánh trên đồng cỏ. Cảnh tượng thật lộng lẫy.

Tuyết cứng nằm rải rác trên đất như kẹo. Chúng đông đặc lại thành cục nhỏ như thể từ chối không chịu tan. Tuy vậy, lúc đồng hồ điểm ba tiếng, tuyết đã tan hết. Mặt đất ướt nhẹp, hoàng hôn bao phủ khắp cánh đồng trong màn ánh sáng dịu nhẹ. Chim hót như được xổ lồng.

Sau bữa tối, tôi mượn hai cuốn sách trong phòng Chuột, cuốn Làm bánh mì và cuốn tiểu thuyết của Conrad, rồi thư giãn trên xô pha trong phòng khách. Đọc được một phần ba cuốn tiểu thuyết, rồi bắt gặp một mẩu báo cỡ khoảng mười centimet vuông Chuột dùng để đánh dấu sách. Không ngày tháng, nhưng nhìn màu giấy thì thấy chắc hẳn đó là tờ báo mới đây. Đó là tin tức địa phương, một hội nghị chuyên đề về lão hóa và xã hội được tổ chức tại khách sạn Sapporo, một cuộc tập hợp biểu tình tại nhà ga gần Asahikawa, một buổi thuyết trình về khủng long Trung Đông. Không gì thu hút sự chú ý của Chuột, hay của tôi. Mặt sau, rao vặt quảng cáo. Tôi ngáp, gấp sách lại, đi hâm nóng chỗ cà phê còn thừa.

Tôi bỗng nhận ra đây là lần đầu tiên, trong quãng thời gian tưởng chừng như bao nhiêu năm, tôi mới lại nhìn thấy một tờ báo, và tôi đã bị tụt lại đằng sau cả một tuần liền không biết đến những gì đang xảy ra trên thế giới. Một tên lửa hạt nhân có thể đã tàn phá Tokyo, một cơn bệnh dịch có thể đã quét sạch cả thế giới, người sao Hỏa có thể đã chiếm đóng nước Úc, tôi cũng không hay biết. Tất nhiên chiếc Land Cruiser trong ga ra có đài, nhưng tôi phát hiện ra rằng rốt cuộc tôi không hề có ham muốn thôi thúc đi nghe đài. Nếu có điều gì đó xảy ra thật mà tôi không hay biết thì cũng chẳng sao. Tôi không thật sự cần biết. Dù sao tôi cũng còn khối việc phải bận tâm rồi.

Một cái gì đó khiến tôi bứt rứt. Một cái gì đó đã diễn ra trước mắt tôi mà tôi ngu ngốc không nhận thấy. Dẫu vậy, trên bình diện vô thức, nó vẫn được ghi nhớ. Tôi đặt cốc cà phê vào chậu rửa rồi quay lại phòng khách. Tôi xem lại mẩu báo. Ở đó trên mặt sau ghi:

Gửi: Chuột

Hãy liên lạc. Khẩn!

Khách sạn Cá Heo, Phòng 406

Tôi kẹp mẫu báo vào trong cuốn sách rồi ngồi thụt xuống xô pha.

Vậy là Chuột biết tôi đi tìm hần. Câu hỏi là: làm sao hần tìm thấy mẫu tin? Do tình cờ chẳng, khi hần xuống núi? Hay có thể hần đã tìm kiếm cái gì đó qua mấy tuần báo liên?

Vậy tại sao hần không liên lạc với tôi? Có phải tôi đã rời khách sạn Cá Heo khi hần tình cờ đọc được mẫu tin? Có phải đường dây điện thoại của hần bị cắt đứt?

Không. Chuột đã có thể liên lạc lại nếu hần muốn, chỉ là hần không muốn thôi. Vì tôi ở khách sạn Cá Heo, hần đã đoán là tôi sẽ tìm đường lên đây, vì thế nếu hần muốn gặp tôi, hần chỉ phải đợi thôi, hoặc ít nhất cũng để lại lời nhắn.

Chung quy là thế này: vì lý do nào đó Chuột không muốn gặp mặt tôi. Dù vậy, hần cũng không từ chối tôi.

Nếu hần không muốn tôi ở đây, hần đã có thể không cho tôi vào bằng nhiều cách. Xét cho cùng, đây là nhà của hần.

Trong khi đánh vật với hai định đề trên, tôi nhìn chiếc kim dài chậm chạp bò quanh mặt đồng hồ. Sau một hồi quanh đi quẩn lại, lập luận của tôi không tiến triển được đến đâu. Tôi không thể hiểu được cốt lõi của tất cả điều này là gì.

Người Cừu biết gì đó. Điều đó là chắc chắn rồi. Người nào đã theo dõi cảnh tôi đến đây thì chắc chắn cũng biết Chuột sống ở đây trong sáu tháng.

Thực ra, có vẻ như hành vi của Người Cừu phản ánh ý nguyện của Chuột. Người Cừu đã lái xe đưa bạn gái tôi rời núi và để tôi lại đây một mình. Việc hần có mặt ở đây rõ ràng là báo hiệu điều gì đó. Một điều gì đó đang được xúc tiến quanh tôi. Ta có thể linh cảm thấy ở khắp nơi. Một điều gì đó sắp diễn ra.

Tôi tắt đèn rồi đi lên gác, trèo vào giường, nhìn ra ánh trăng và đồng cỏ. Những vì sao hé nhìn qua một vết rạch trong mây. Tôi mở cửa sổ và ngửi mùi không khí ban đêm. Trong đám lá cây xào xạc tôi có thể nghe một tiếng kêu xa xa. Một tiếng kêu kỳ lạ, không phải chim cũng không phải thú.

Tôi tỉnh dậy rồi chạy trên đồng cỏ, đi tắm, rồi ăn sáng. Một buổi sáng như những buổi sáng khác. Bầu trời âm u như ngày hôm trước, nhưng nhiệt độ đã tăng lên một chút, ít khả năng sẽ có tuyết.

Mặc quần bò, áo len và áo khoác, rồi đi giày thể thao, tôi băng qua đồng cỏ. Hướng về khu rừng phía Đông nơi tôi trông thấy Người Cừu biến mất, tôi đi vào một bụi cây. Không có con đường thật sự nào đáng nói, không dấu hiệu nào của cuộc sống loài người. Thi thoảng, có một cây bu lô già bị đổ.

Nền rừng phẳng, trừ một đường trũng rộng gần một mét, giống như nền suối đã cạn khô hay một con mương bị bỏ hoang. Đường trũng này chạy ngoằn ngoèo qua rừng đến mấy cây số. Có chỗ xuống thấp sâu, có chỗ nông chوền, thành một lớp sâu đến mắt cá chân lá rụng.

Đường trũng dẫn đến một lối đi ngoằn ngoèo trên núi, hai bên đường dốc thoải xuống những thung lũng nhỏ khô cạn. Những con chim béo múp lệt quệt trên đám lá để qua đường, biến mất trong tầng cây thấp. Đây đó, những bụi đỗ quyên cháy lên một màu đỏ rực.

Tôi đi loanh quanh một tiếng đồng hồ và mất hết cảm giác phương hướng. Cứ thế này thì tôi sẽ không tìm thấy Người Cừu mất. Tôi lang thang quanh đáy một thung lũng nhỏ khô cạn cho tới khi nghe thấy tiếng thác nước. Tôi tìm ra dòng sông, rồi đi xuôi dòng. Nếu tôi nhớ đúng thì có một thác nước, và gần đó là con đường chúng tôi đã đi lên.

Sau khoảng mười phút, tôi gặp thác nước. Nước bắn tung tóe khi đập vào những tảng đá trong hẻm núi bên dưới, đổ ụp xuống thành những vực nước đông cứng. Không có dấu hiệu nào là có cá, mặc dù vài chiếc lá rụng vẽ ra những vòng tròn tỏa nhẹ trên mặt các vực nước. Tôi nhảy từ hòn đá này qua hòn đá khác, đi dưới ngọn thác, rồi bò lên phía bờ trơn tuột đối diện. Tôi đã lên tới đường.

Ngồi trên thành cầu, đang quan sát tôi, là Người Cừu. Một túi củi lớn bằng vải buồm treo trên vai hắn.

“Cứ đi lang thang nhiều như thế anh sẽ thành mồi cho gấu đấy,” Người Cừu nói. “Anh biết đấy chắc chắn có một con ở những nơi như thế này. Chiều hôm qua tôi thấy dấu vết nó. Nếu anh phải đi thì anh nên buộc một cái chuông lên hông như chúng tôi.”

Người Cừu rung một cái chuông nhỏ được cài vào hông bằng kim băng.

“Tôi đi tìm anh mãi,” tôi nói sau khi nghỉ lấy hơi.

“Tôi biết,” Người Cừu nói. “Tôi thấy anh đi tìm.”

“Vậy sao anh không gọi?”

“Anh là người muốn đi tìm tôi. Vậy nên tôi phải kìm nén lại.”

Người Cừu lôi một miếng thuốc ra khỏi túi rồi hút với vẻ đầy khoái chí. Tôi ngồi xuống cạnh hắn.

“Anh sống ở gần đây à?”

“Hừm.” Người Cừu nói. “Nhưng đừng cho ai biết. Không ai biết được.”

“Nhưng bạn tôi biết hết về anh.”

Yên lặng.

“Và nếu anh là bạn của bạn tôi, điều đó có nghĩa chúng ta là bạn, đúng không?”

“Chắc vậy,” Người Cừu thận trọng đáp. “Có lẽ là như vậy.”

“Và nếu anh là bạn tôi, anh sẽ không nói dối tôi, đúng không? Cứ nghĩ mà xem.”

“Ồ không,” một Người Cừu bối rối trả lời. Hắn liếm đôi môi khô nẻ. “Tôi không thể nói cho anh được tôi thật sự xin lỗi tôi không thể nói cho anh được tôi không thể. Tôi không được phép nói.”

“Ai đó đã đề nghị anh phải giữ yên lặng à?”

Người Cừu im thin thít. Gió rít qua những hàng cây không hoa trái.

“Làm gì có ai ở quanh đây mà nghe,” tôi thì thầm.

Người Cừu nhìn thẳng vào mắt tôi. “Anh không biết tí gì về đường sá của chúng tôi ở đây đúng không?”

“Không, tôi không biết.”

“Vậy thì nghe này đây không phải là nơi thông thường để mà lui đến đâu. Điều đó anh nên ghi nhớ.”

“Nhưng mới hôm nọ anh còn nói với tôi đây là một nơi thật đẹp mà.”

“Đối với chúng tôi thì đúng thế,” Người Cừu nói. “Đối với chúng tôi đây là nơi duy nhất để sinh sống. Nếu chúng tôi bị đuổi khỏi đây chúng tôi không biết đi đâu.”

Đến đó Người Cừu ngừng lại. Hắn không nói thêm lời nào về chủ đề đó. Tôi nhìn túi củi bằng vải buồm của hắn. “Cái đó là để làm chất đốt trong mùa đông à?”

Người Cừu gật đầu lặng lẽ.

“Nhưng tôi không trông thấy tí khói nào.”

“Chưa hóm lửa đâu. Phải đợi đến khi tuyết rơi nhiều. Nhưng ngay cả sau khi tuyết rơi nhiều anh cũng không thể trông thấy khói từ ngọn lửa của chúng tôi. Chúng tôi có cách nhóm lửa đặc biệt.” Hắn ngoác miệng cười tự mãn.

“Vậy khi nào tuyết bắt đầu chất đông ở quanh đây?”

Người Cừu nhìn trời, rồi nhìn tôi. “Năm nay tuyết sẽ tới sớm. Có thể trong mười ngày tới.”

“Trong mười ngày tới đường sá sẽ đóng băng à?”

“Có thể lắm. Không ai đi lên và cũng không ai đi xuống. Thời gian tuyệt vời trong năm.”

“Vậy anh sống ở đây bao lâu rồi?”

“Lâu rồi,” Người Cừu nói. “Lâu lắm rồi.”

“Anh ăn những gì?”

“Thì củ măng quả hạnh chim chóc bất cứ thứ cua cá hỏ gì tôi có thể bắt được.”

“Anh không lạnh à?”

“Mùa đông thì phải lạnh rồi.”

“Nếu anh cần thì tôi sẵn lòng chia sẻ với anh bất cứ thứ gì tôi có.”

“Cám ơn nhưng giờ tôi vẫn ổn”

Người Cừu bỗng nhiên đứng dậy và bắt đầu đi về hướng đồng cỏ. Tôi liền đứng dậy theo hần.

“Tại sao anh phải trốn tránh ở tận đây?”

“Anh sẽ cười nếu tôi nói anh biết,” Người Cừu nói.

“Không, tôi thề là sẽ không cười,” tôi nói. “Tôi không thể hình dung có gì để mà cười.”

“Anh sẽ không nói với ai chứ?”

“Tôi sẽ không nói với ai.”

“Tôi không muốn ra chiến trận.”

Mấy phút sau đó, chúng tôi bước đi mà không nói với nhau một lời nào.

“Chiến trận với ai?” tôi hỏi.

“Không biết nữa,” Người Cừu ho húng hắng. “Nhưng tôi không muốn đi. Dù sao chẳng nữa đó là lý do tôi là cừu. Một con cừu ở lại đúng chỗ của nó ở đây.”

“Anh quê ở Junitaki-cho à?”

“À há nhưng đừng nói với ai đấy.”

“Tôi sẽ không nói,” tôi nói. “Anh không thích thị trấn à?”

“Thị trấn ở dưới kia ấy à?”

“Đúng thế.”

“Không thích chút nào. Cũng đầy những lính là lính,” Người Cừu lại ho tiếp. “Anh quê đâu?”

“Tokyo.”

“Cóng he nói về chiến tranh không?”

“Không.”

Đến đó Người Cừu có vẻ không quan tâm đến tôi nữa. Hần giữ yên lặng cho tới khi chúng tôi đến cổng vào đồng cỏ.

“Anh muốn ghé qua ngôi nhà không?” tôi hỏi Người Cừu.

“Phải đi kiểm duyệt trừ ủa đông đây,” hần nói. “Bận lắm. Có lẽ để lần sau.”

“Tôi muốn gặp bạn tôi,” tôi nói. “Tôi có việc bắt buộc phải gặp anh ấy vào tuần tới.”

Người Cừu lắc đầu một cách buồn bã. Tai hần đập phần phật. “Xin lỗi nhưng như tôi đã nói trước điều đó không phụ thuộc vào chúng tôi.”

“Thôi, vậy thì, nếu có thể thì nhờ anh chuyển lời.”

“Hừm.” Người Cừu nói.

“Cám ơn nhiều nhé,” tôi nói. Tôi quay bước đi.

“Nếu anh đi ra ngoài,” Người Cừu gọi với theo trong lúc bỏ đi, “nhớ đừng quên cái chuông.”

Tôi quay thẳng lại ngôi nhà trong lúc Người Cừu biến mất vào khu rừng phía Đông, hệt như lúc trước. Một đồng cỏ xanh tĩnh lặng của mùa đông tối tăm trải dài giữa hai chúng tôi.

Chiều hôm đó tôi làm bánh mì. Cuốn Làm bánh mì của Chuột chứng tỏ là một cuốn sách dạy nấu ăn được viết cẩn thận. Trên bìa sách ghi: “Bạn biết đọc thì bạn cũng biết làm bánh mì.” Không hề phóng đại. Mùi bánh mì tỏa khắp nhà, khiến căn nhà ấm hơn. Đối với một người lần đầu nướng bánh thì bánh có vị cũng không đến nỗi nào. Có khối bột mì và men trong bếp, đủ để làm bánh cả mùa đông dài, nếu rốt cuộc tôi phải ở lại. Và nhiều gạo và mì ống đến độ tôi chẳng cần phải bận tâm.

Tối hôm đó tôi ăn bánh mì, xa lát, thịt muối hun khói và trứng, tráng miệng bằng món đào đóng hộp, táo biển và nấm.

Bữa trưa thì có bánh pho mát trong ngăn đá tủ lạnh và trà sữa đặc.

Vào bữa ăn nhẹ, tôi tự thưởng mình kem hạt phỉ rưới rượu Cointreau.

Vào buổi tối, thịt gà nướng và một hộp xúp hiệu Campbell.

Tôi lại tăng cân.

Vào đầu buổi chiều ngày thứ chín, trong khi đang xem qua tủ sách, tôi chú ý đến một cuốn sách có vẻ mới được đọc gần đây. Đó là cuốn sách duy nhất không có bụi, gáy sách hơi thò ra ngoài một chút so với số sách còn lại.

Tôi lôi nó ra và ngồi trên ghế dài phòng khách gỡ nhanh cuốn sách. Di sản chủ nghĩa Liên Á. Xuất bản thời chiến tranh. Giấy rẻ tiền và bốc mùi hôi khi tôi lật các trang. Nội dung thì, như ta có thể đoán trước về một ấn phẩm thời chiến, phiên diện khủng khiếp. Lại chán chết nữa; cứ ba trang lại có một cái gì đó đáng để mà ngáp. Trên một số trang có những từ đã bị gạch đi. Không một dòng nào nói về sự kiện ngày 26 tháng Hai.

Nét gần cuối sách là một tờ giấy vở trắng. Sau những trang sách ngả vàng, tờ giấy màu trắng ấy xuất hiện như một điều kì diệu. Nó đánh dấu, trên lề phải, một bản phụ lục cho cuốn sách. Một danh sách tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ thường trú của tất cả những người nổi tiếng lẫn vô danh đi theo cái được gọi là chủ nghĩa Liên Á. Tôi đọc lướt danh sách từ đầu chí cuối, và ở khoảng giữa là Ông Chủ. Chính cái Ông Chủ bị “cửu nhập” mà tôi đã được mang đến đây nhân danh ông ta. Địa chỉ thường trú của ông ta, Hokkaido – Junitaki-cho.

Quá kinh ngạc, tôi đặt cuốn sách lên lòng. Đầu óc tôi thậm chí không thể nghĩ ra được từ ngữ nào. Như thể người nào đó, hoặc một cái gì đó, vừa giáng cho tôi một đòn chí mạng từ đằng sau.

Làm sao tôi lại không luận ra được kia chứ? Lẽ ra tôi phải nghĩ đến điều đó ngay từ đầu. Ngay khi biết được Ông chủ xuất thân từ tầng lớp nông dân nghèo ở Hokkaido đáng lẽ ra tôi phải kiểm tra chi tiết đó. Cho dù Ông Chủ có cố gắng giữ bỏ quá khứ của mình khéo léo đến mấy, chắc hẳn phải có cách nào để tìm ra sự thật. Tay thư ký mặc bộ lễ đen chắc chắn sẽ tìm thông tin đó cho tôi.

Mà không, có thể là không.

Tôi lắc đầu.

Đời nào có chuyện ông ta không tự mình kiểm tra thông tin đó. Ông ta đâu có bất cần đến thế. Ông ta hẳn đã phải kiểm tra mọi góc độ có thể, dù có phức tạp hay không. Hệt như cách ông ta đã nghiên cứu về tôi.

Vậy là ông ta đã biết tất cả mọi thứ.

Điều đó là không thể bàn cãi. Tuy vậy, ông ta đã bỏ bao công sức để thuyết phục tôi, hoặc đúng hơn là hăm dọa tôi, để tôi lên đây. Tại sao kia chứ? Nếu đó là một việc cần làm, chắc chắn ông ta ở vào một vị

thế tốt hơn để thực hiện nó và thực hiện một cách xuất sắc. Và nếu vì một lý do nào đấy tôi là một con tốt, tại sao ông ra không nói cho tôi biết tên của chỗ này ngay từ đầu?

Trong lúc xem xét tỉ mỉ nỗi băn khoăn của mình, tôi bắt đầu giận điên lên. Càng lúc chuyện này càng biến thành một vở hài kịch lồ bịch kỳ cục đầy những rủi ro, và tôi không nghĩ nó đáng cười. Chuột biết nhiều đến mức nào? Và nhân tiện hỏi luôn, người đàn ông mặc bộ lê màu đen đó biết nhiều đến mức nào? Cái thằng tôi đây, ở ngay trung tâm của mọi thứ mà không có lấy một manh mối. Khắp mọi nơi mọi lúc, tôi đã quá sai lầm, quá sơ suất. Tất nhiên, người ta cũng có thể nói như vậy về cả cuộc đời tôi. Theo nghĩa đó, tôi cho rằng tôi không thể đổ lỗi ột ai. Dẫu vậy, ai cho bọn họ cái quyền đối xử với tôi như thế này? Tôi đã bị lợi dụng, bị đánh cho tơi bời, bị vắt kiệt sức.

Tôi sẵn sàng cao chạy xa bay khỏi ngọn núi này, nhưng vì một lý do nào đó việc ấy không làm tôi thỏa mãn. Tôi đã bị lún quá sâu. Giá mà tôi có thể khóc được thì thật dễ dàng biết bao. Nhưng khóc lóc để làm gì cơ chứ, vì tôi có cảm giác rằng sắp tới đây còn có việc đáng than khóc hơn.

Tôi vào bếp lấy ra một chai whisky. Tôi không thể nghĩ đến gì khác ngoài uống rượu.

42. Phần VIII - Chương 37

CHƯƠNG 37: NHỮNG ĐIỀU GƯƠNG PHẢN CHIẾU, NHỮNG ĐIỀU KHÔNG

Vào buổi sáng ngày thứ mười, tôi quyết định quên đi mọi thứ. Tôi đã quên đi những gì nên quên.

Tôi đang chạy nửa chừng thì tuyết lại rơi. Lần này là một màn tuyết mờ đục, một thứ mưa tuyết nhớt nhớp nháp, ướt nhèm gần như những tinh thể băng. Không giống như thứ tuyết xốp mềm lần đầu tiên, tuyết lần này bắn khiếp. Nó dính chặt vào người. Tôi bỏ dở không chạy nữa, về nhà mở nước vào bồn tắm. Trong khi nước ấm dần lên, tôi ngồi phịch xuống trước máy sưởi, nhưng vẫn không thấy ấm. Một cơn gió lạnh ẩm ướt đã thấm vào người tôi. Tôi không thể co ngón tay lại, tai tôi nóng rẫy và có cảm giác giòn tan, như thể chúng sẽ gãy ra bất cứ giây nào. Da dễ toàn thân có cảm giác như thứ giấy bột rẻ tiền.

Ba mươi phút ngâm mình trong bồn tắm cùng trà nóng pha chút brandy cuối cùng khiến cơ thể tôi trở lại bình thường, mặc dù hai tiếng sau đó tôi phải chịu lạnh từng cơn. Vẩy ra mùa đông trên núi là thế này đây.

Tuyết tiếp tục rơi mãi cho đến lúc tối, phủ màu trắng lên cả cánh đồng. Tuyết chỉ ngừng rơi khi màn đêm bao trùm thế giới trong bóng tối, và một lần nữa một sự im lặng lan tỏa như sương mù. Một sự im lặng tôi không làm gì để chối bỏ được. Tôi đặt máy hát ở chế độ tự động chơi lại và lắng nghe bản Giáng sinh Trắng hai mươi sáu lần.

Tuyết không lưu lại trên mặt đất lâu. Đúng như Người Cừu dự đoán, phải một thời gian nữa mặt đất mới đóng băng. Ngày hôm sau, ngày thứ mười một của tôi, sáng sủa và rõ ràng. Mặt trời hào phóng chờ đợi cơ hội, để lại trên đồng cỏ những mảng tuyết nằm đây đó, lấp lánh trong nắng. Tuyết tích tụ trên đầu hồi mái nhà rơi xuống thành những tảng băng vỡ tan trên mặt đất kèm những tiếng thỉnh thỉnh nghe đến là bực bội. Mọi thứ đều lấp lánh. Mỗi một giọt nhỏ bám ở đầu mỗi chiếc lá sồi đều sáng lóa.

Tôi thọc tay vào túi áo đứng cạnh cửa sổ, nhìn chằm chằm ra ngoài. Ngoài kia, mọi thứ trải ra hoàn toàn cách biệt khỏi tôi. Không hề liên quan đến sự tồn tại của tôi – không hề liên quan đến sự tồn tại của bất cứ ai – mọi thứ đến rồi đi. Tuyết rơi, tuyết tan.

Tôi quyết định đi lau dọn nhà đôi chút, nhạc nền là tiếng tuyết rơi và đổ. Lẩn tránh trong nhà vì tuyết, cơ thể tôi cần phải làm gì đó; ngoài ra, chẳng phải tôi là khách trong nhà người khác đó sao? Tôi chưa bao giờ là người không thích lau dọn và nấu nướng.

Tuy vậy, lau dọn một ngôi nhà lớn hóa ra lại là công việc nặng nhọc hơn tôi tưởng nhiều. Chạy bộ mười dặm cây số còn dễ hơn. Tôi phải bụi mọi góc ngách, rồi đẩy máy hút bụi đi vòng quanh. Tôi lau ảm sàn

gỗ, rồi bò ra đánh bóng sàn bằng sáp. Việc này khiến tôi mệt đến gần đứt hơi, nhưng nhờ bỏ thuốc lá, tôi vẫn còn thở được. Không còn tiếng khò khè khọt khẹt kinh khủng trong cổ họng nữa.

Tôi vào bếp uống một ly nước nho lạnh và hoàn thành việc sắp xếp cho ngăn nắp những gì còn lại trong một đợt lau dọn trước buổi trưa. Tôi mở toang cửa chớp, thế là sàn nhà mới đánh sáp sáng bóng lên. Hương đất nồng nơi miền quê quặng với mùi sáp tạo nên sự hòa hợp tuyệt vời và gợi nhắc quá khứ.

Tôi giặt những miếng giẻ dùng để đánh bóng sàn, rồi đun nước. Để nấu món mì ống, tôi trộn trứng cá tuyết, kha khá bơ, rượu vang trắng và nước tương. Một bữa trưa thật ngon, lại có cả tiếng kêu của một con chim gõ kiến từ cánh rừng gần đó.

Tôi ăn nhanh món mì ống, rửa bát đĩa, rồi quay trở lại công việc. Tôi cọ bồn tắm và chậu rửa, lau nhà vệ sinh, đánh bóng đồ đạc. Trước hết, nhờ Chuột, không có gì quá bận; chỉ cần xịt ít thuốc đánh bóng là đủ. Sau đó lôi ống nước dài ra và rửa qua cửa sổ với cửa chớp. Nhờ vậy, cả ngôi nhà trở nên gọn gàng mát mẻ hơn. Sau khi rửa qua cửa sổ, việc lau dọn của tôi kết thúc. Tôi dành hai tiếng còn lại trước khi trời tối để nghe nhạc.

Khi đi đến phòng Chuột để mượn một cuốn sách khác, tôi để ý đến tấm gương đứng soi được cả người ở chân cầu thang. Tôi đã bỏ sót nó, và nó rất bẩn thỉu. Tôi dùng một miếng vải lau, nhưng có tốn bao nhiêu công lau chùi và nước rửa kính thì cái gương vẫn không sạch. Tôi không thể hiểu tại sao Chuột lại để chiếc gương này bẩn thỉu đến vậy. Tôi xách đến một xô nước ấm và dùng bàn chải bằng ni lông cọ đi hết lớp dầu nhờn đã đông cứng. Bụi bẩn trên gương biến nước trong xô thành màu đen sì.

Bằng vào chiếc khung gỗ chạm trổ, có thể thấy tấm gương là đồ cổ, có lẽ khá đáng giá, vì thế tôi cẩn thận không lau chùi quá mạnh.

Tấm gương phản chiếu hình ảnh tôi từ đầu đến chân, không hề sai lệch, hầu như nguyên vẹn. Tôi đứng ngắm chính mình. Không có gì mới. Tôi là tôi, với vẻ mặt không có gì đặc biệt xưa nay. Tuy nhiên hình ảnh tôi lại rõ nét một cách không cần thiết. Đó không phải hình phản chiếu phẳng của tôi. Tôi đang không nhìn vào chính mình; trái lại, cứ như thể tôi mới là hình phản chiếu trong gương và cái hình ảnh phẳng của tôi này đang nhìn vào cái thằng tôi thật sự. Tôi đưa tay phải lên trước mặt và lau miệng. Thằng tôi trong tấm gương cũng đưa ra cử động tương tự. Nhưng có lẽ chính tôi đang bắt chước những gì thằng tôi trong gương đã làm. Tôi không thể tin chắc được là mình đã tự ý lau miệng.

Tôi sắp xếp từ “tự ý” trong đầu vào dùng tay trái véo tai mình. Thằng tôi trong gương làm y hệt. Có vẻ như hần đã sắp xếp từ “tự ý” trong đầu hần hệt như cách tôi đã sắp xếp.

Tôi ngừng lại rồi bỏ đi. Hần cũng bỏ đi.

Vào ngày thứ mười hai, tuyết rơi lần thứ ba. Tuyết rơi trước khi tôi tỉnh dậy. Một trận tuyết yên lặng khủng khiếp, lần này không cứng cũng không ướt nhớp nháp. Xoay tròn chậm chạp từ trên trời xuống, tan ra trước khi tạo nên bất cứ cái gì. Loại tuyết rơi lặng lẽ khiến ta nhắm mắt, thật nhẹ nhàng.

Tôi lôi cây ghi ta khỏi phòng chứa đồ và, sau khi mất bao khó khăn lên dây, thử chơi mấy bản nhạc cũ. Tôi tập bản Thư đặc biệt đường hàng không của Benny Goodman, và chẳng mấy chốc đã đến đúng nốt. Tôi làm món bánh mì gồm những lát thịt lợn hun muối dày cộp kẹp trong bánh mì tự làm giờ đã cứng như đá, rồi mở một lon bia. Sau khi tôi tập ghi ta thêm ba mươi phút nữa, một người xuất hiện, còn ai vào đây nữa, ngoài Người Cừu.

“Nếu anh thấy phiền thì tôi sẽ đi,” Người Cừu nói với qua cửa ra vào mở toang.

“Không, không phiền chút nào cả. Dù sao thì tôi cũng đang chán đây,” tôi nói, đặt cây ghi ta dưới sàn.

Người Cừu đập cho bùn rơi khỏi ủng hệt như lần trước, rồi bước vào. Cơ thể hần có vẻ mập ra trong bộ quần áo lông cừu dày cộp. Hần ngồi trên xô pha đối diện tôi, tay đặt lên thành ghế và chỉnh lại tư thế cho thoải mái.

“Tuyết chưa lưu lại trên mặt đất à?” tôi hỏi.

“Chưa đâu.” Người Cừu trả lời. “Có thứ tuyết lưu lại trên mặt đất và có thứ tuyết không. Đây là loại tuyết không lưu lại trên mặt đất.”

“Hừm.”

“Thứ tuyết lưu lại trên mặt đất sẽ đến vào cuối tuần tới.”

“Anh uống bia không?”

“Cám ơn. Nhưng tôi thật ra muốn uống một ly brandy.”

Tôi vào bếp, lấy cho hắn một ly brandy và mình một lon bia, rồi mang cả vào phòng khách cùng với bánh mì kẹp pho mát.

“Anh đang chơi ghi ta.” Người Cừu Nói thích thú. “Chúng tôi cũng yêu âm nhạc. Dù vậy tôi không biết chơi nhạc cụ gì.”

“Tôi cũng thế. Chẳng chơi gì đã gần mười năm.”

“Không sao đâu à chơi bản gì cho tôi đi.”

Tôi không muốn làm Người Cừu mất vui, vì thế tôi chơi hết giai điệu bản Thư đặc biệt đường hàng không, chơi ngẫu hứng đoạn đồng ca rồi chơi thêm một đoạn ngẫu hứng, sau đó không đếm kịp nhịp nên bèn dừng lại.

“Anh chơi khá đấy,” Người Cừu nói có vẻ vô cùng nghiêm túc. “Chắc hẳn chơi một loại đàn phải thích lắm nhỉ?”

“Nếu chơi tốt. Nhưng nếu muốn chơi tốt, ta phải luyện tai. Và khi đã luyện tai rồi, ta lại trở nên thất vọng với việc chơi đàn của mình.”

“Thôi nào thật thế sao?” Người Cừu nói.

Người Cừu nhấp nhấp từng ngụm rượu nhỏ một cách thanh nhã từ cốc brandy nhỏ, trong khi tôi uống bia lon.

“Tôi không thể chuyển lời nhắn của anh.” Người Cừu nói.

Tôi gật đầu.

“Tôi đến đây chỉ để thông báo thế thôi.”

Tôi liếc nhìn cuốn lịch trên tường. Chỉ còn ba ngày nữa là đến hạn chót, ngày đến hạn đánh dấu mực đỏ. Nhưng điều đó có nghĩa gì nữa đâu?

“Mọi thứ đã thay đổi,” tôi lớn tiếng. “Tôi, giận giận lắm. Chưa bao giờ trong đời tôi lại giận dữ như thế này.”

Người Cừu ngồi đó, cốc rượu nhỏ trong tay, và không nói gì.

Tôi cầm đàn ghi ta lên đập mạnh mặt sau đàn vào những viên gạch lò sưởi. Cùng với cú đập là một tiếng tung vang to chói tai của dây đàn. Người Cừu bay ra khỏi xô pha, tai hắn vẫn còn run lấy bầy.

“Tôi có quyền giận dữ,” tôi nói, nhấn mạnh sự thật ấy với chính mình hơn là với Người Cừu. Thôi nào, tôi đúng là có quyền giận dữ.

“Tôi cảm thấy khó nghĩ khi không thực hiện việc được anh nhờ. Nhưng anh phải hiểu cho. Chúng tôi thật sự quý mến anh.”

Hai chúng tôi đứng đó. Chúng tôi nhìn tuyết. Tuyến mìn mượt như bông nhồi rơm ra từ trong đám mây bị xé rách.

Tôi vào bếp lấy một lon bia nữa. Mỗi lần tôi đi qua cầu thang, chiếc gương vẫn ở đó. Cái thangka tôi kia có vẻ cũng đi lấy một lon bia nữa. Chúng tôi nhìn thẳng vào mặt nhau và thở dài. Sống trong hai thế giới tách biệt, chúng tôi vẫn cùng nghĩ về mọi thứ. Cứ như Groucho và Harpo trong bộ phim Xúp Vịt.

Phòng khách đằng sau tôi được phản chiếu trong gương. Hay là phòng khách đằng sau hắn nhỉ? Phòng khách đằng sau tôi và phòng khách đằng sau hắn là một. Cùng cùng một chiếc xô pha, cùng một tấm thảm, cùng một chiếc đồng hồ và tủ sách, mọi thứ giống hệt nhau. Xét theo nghĩa phòng khách thì không đặc biệt

bất tiện, nhưng không thể nói là có gu thẩm mỹ tinh tế nhất. Tuy vậy có gì đó khang khác. Hoặc có thể đơn giản là tôi cảm thấy có điều gì đó khác.

Tôi vơ lấy một lon Löwenbrau xanh khác và trên đường quay lại phòng khách, lon bia trong tay, tôi nhìn thêm lần nữa vào phòng khách trong gương, rồi nhìn lại phòng khách. Người Cừu trên xô pha, lơ đãng nhìn ra ngoài tuyết.

Tôi kiểm tra Người Cừu trong gương. Nhưng không có Người Cừu nào trong gương! Không có ai trong phòng khách cả, chỉ có chiếc xô pha trống không. Trong thế giới trong gương, tôi có một mình. Nỗi khiếp sợ chạy dọc sống lưng tôi.

“Trông anh xanh xao đấy,” Người Cừu nói.

Tôi ngồi thụp xuống xô pha và không nói gì, kéo khoen ở nắp hộp bia và làm một ngụm.

“Có lẽ bị lạnh. Mùa đông nơi này có thể làm ta khó chịu nếu ta không quen. Không khí cũng ẩm ướt. Hôm nay anh nên đi ngủ sớm.”

“Không”, tôi nói. “Hôm nay tôi sẽ không đi ngủ. Tôi sẽ đợi bạn tôi ở đây. Nếu anh gặp cậu ấy, nói với cậu ấy thế. Mặc dù tôi không nghĩ điều đó cần thiết”.

Người Cừu gật đầu một cách hiểu biết. “Chắc chắn sẽ cô đơn khi anh đi rồi. E rằng đành phải chấp nhận thôi. Tiện thể anh cho tôi xin cái bánh mì kẹp phô mát ấy được không?”.

“Chắc chắn rồi”.

Người Cừu bọc cái bánh mì kẹp vào trong khăn giấy, nhét vào trong túi, rồi đem găng vào.

“Hy vọng chúng ta sẽ gặp lại nhau”, Người Cừu nói trong lúc ra đi.

“Chúng ta sẽ gặp lại,” tôi nói.

Người Cừu băng qua đồng cỏ về phía Đông. Cuối cùng, màn tuyết nuốt chửng hẳn. Sau đó tất cả là yên lặng.

Tôi đổ khoảng một đốt tay rượu brandy vào cốc nhỏ của Người Cừu và uống một hơi hết sạch. Cốc hòng tôi bỗng rớt, và dần dần dĩa dày tôi bỗng rã, nhưng sau ba mươi giây cơ thể tôi ngừng run. Chỉ có tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ quả lắc đang đập trong đầu tôi.

Có lẽ tôi cần ngủ đôi chút.

Tôi lấy chăn trên gác xuống và ngủ trên xô pha. Tôi cảm thấy hoàn toàn kiệt sức, như một đứa bé đi lang thang trong rừng đã ba ngày. Tôi nhắm mắt và ngay lập tức thiếp đi.

Tôi có một giấc mơ kinh hoàng. Một giấc mơ quá kinh hoàng để có thể gợi nhớ lại.

43. Phần VIII - Chương 38

CHƯƠNG 38: VÀ THẾ LÀ THỜI GIAN TRÔI ĐI

Bóng tối rón rén bò qua tai tôi như dầu. Ai đó đang cố dùng một cây búa đồ sộ đập vỡ quả cầu trái đất đã bị đóng băng. Chiếc búa bổ lên quả đất đúng tám lần. Nhưng quả đất không chịu vỡ. Nó chỉ bị rạn một chút.

Đã tám giờ, tám giờ tối.

Tôi lắc đầu hốt hoảng thức dậy. Có thể tôi tê dại đi, đầu tôi đau nhức. Liệu có phải ai đó đã đặt tôi vào một cái bình trộn rượu cocktail với đá nghiền rồi lắc qua lắc lại như điên để khiến tôi thức tỉnh?

Không có gì tồi tệ hơn là thức dậy trong bóng tối hoàn toàn. Giống như phải quay lại sống từ đầu. Khi tôi mới mở mắt ra, cứ như thể tôi đang sống cuộc đời của một người khác. Sau một lúc thật lâu, cuộc đời ấy mới bắt đầu khớp với cuộc đời của tôi. Thật là một sự chồng chéo kỳ cục, cuộc đời tôi như cuộc đời của một ai đó. Tôi thậm chí còn không chắc là một người như bản thân tôi lại đang tồn tại.

Tôi đi đến bên chậu rửa trong bếp, vẩy nước lên mặt, rồi uống nhanh vài ly nước. Nước lạnh như đá, nhưng mặt tôi vẫn nóng rẫy. Tôi ngồi xuống xô pha trong bóng tối, yên lặng, rồi từ từ bắt đầu tập hợp lại những mảnh đời mình. Tôi không thu thập được nhiều lắm, nhưng ít ra đó là cuộc đời tôi. Tôi trở về với chính mình một cách chậm rãi. Thật khó giải thích trở về với chính mình là thế nào, và chắc chắn có giải thích thì rồi cũng sẽ làm người ta mất hết hứng thú.

Tôi có cảm giác ai đó đang quan sát mình, nhưng tôi không thêm để ý. Đó là cảm giác người ta có khi một mình trong căn phòng rộng lớn.

Tôi nghĩ về tế bào. Như vợ cũ tôi nói, rốt cuộc thì mọi tế bào cuối cùng trong ta sẽ mất đi. Thậm chí chính bản thân ta cũng biến mất. Tôi áp lòng bàn tay lên má. Tôi nghĩ khuôn mặt mà bàn tay tôi đang chạm vào trong bóng tối không phải khuôn mặt tôi. Đó là khuôn mặt của một người khác mang hình dáng khuôn mặt tôi. Nhưng tôi không thể nhớ được chi tiết. Mọi thứ – tên, cảm giác nơi chốn – tan biến và bị nuốt chửng vào bóng tối.

Trong bóng tối đồng hồ điểm tám giờ rưỡi. Tuyết đã ngừng, nhưng màn mây dày đặc vẫn còn bao phủ bầu trời. Không ở đâu có ánh sáng. Một lúc lâu, tôi nằm vùi trong xô pha, miệng ngậm ngón tay. Tôi không thể thấy tay mình. Máy sưởi đã tắt nên căn phòng lạnh giá. Nằm cuộn tròn trong chăn, tôi thẫn thờ nhìn chằm chằm ra ngoài. Tôi đang thu mình dưới đáy giếng sâu.

Thời gian. Những hạt bóng tối sắp xếp nên những mẫu hình bí ẩn trên vông mạc mắt tôi. Những mẫu hình tan biến không một tiếng động, rồi lại được thay thế bằng những mẫu hình mới. Bóng tối và chỉ có bóng tối mà thôi đang chuyển dịch, như thủy ngân trong không gian bất động.

Tôi thôi không nghĩ ngợi gì và để thời gian trôi qua. Hãy để thời gian mang tôi đi. Mang tôi đến nơi mà một bóng tối mới đang sắp xếp nên những mẫu hình mới hơn nữa.

Đồng hồ điểm chín giờ. Khi hồi chuông thứ chín lắng dần, sự yên lặng len vào thế chỗ nó.

“Cho phép tớ nói một lời được không?” Chuột nói.

“Được thôi.” tôi nói.

44. Phần VIII - Chương 39

CHƯƠNG 39: NHỮNG KẺ SỐNG TRONG BÓNG TỐI

“Được thôi,” tôi nói.

“Tớ đến sớm một tiếng trước giờ hẹn,” Chuột nói như biết lỗi.

“Không sao đâu. Cậu thấy đấy, tớ có đang làm gì đâu.”

Chuột cười lặng lẽ. Hắn ở sau tôi. Như thể chúng tôi hầu như đang quay lưng vào nhau.

“Cứ như ngày xưa nhỉ,” Chuột nói.

“Tớ đoán chúng mình không bao giờ nói chuyện thẳng thắn với nhau trừ phi chúng mình có thời gian,” tôi nói.

“Đúng là có vẻ như thế.” Chuột mỉm cười.

Ngay cả trong bóng tối đen như mực, ngồi quay lưng vào nhau, tôi có thể đoán được hắn đang mỉm cười. Người ta có thể đoán được nhiều thứ chỉ qua thay đổi nhỏ nhất trong không khí. Chúng tôi từng là bạn. Lâu lắm rồi, dù tôi không còn nhớ được là tự bao giờ.

“Có phải ai đó từng nói, “Một người bạn để cùng giết thời gian là một người bạn tuyệt vời”?”

“Chính cậu nói câu đó, đúng không?”

“Giác quan thứ sáu, lúc nào cũng sắc bén. Cậu đúng đó.”

Tôi thờ dãi. “Nhưng lần này, với tất cả những gì đang diễn ra, giác quan thứ sáu của tớ đã sai lầm. Sai đến mức đáng hổ thẹn. Dù cậu đã đưa cho tớ không biết bao nhiêu gợi ý.”

“Đành phải chấp nhận thôi. Cậu khá hơn hầu hết mọi người.”

Chúng tôi yên lặng. Chuột dường như đang ngắm tay mình.

“Tớ thật sự bắt cậu phải chịu đựng nhiều quá, đúng không?” Chuột nói. “Tớ không có ai khác để nhờ vả. Như tớ đã nói trong thư.”

“Đó là điều tớ muốn hỏi cậu. Vì tớ không chấp nhận mọi thứ đơn giản như thế được.”

“Tất nhiên là không rồi,” Chuột nói, “không thể được khi tớ chưa tường trình chính xác việc đó. Nhưng trước đó, hãy làm một lon bia đã.”

Chuột ngăn tôi trước khi tôi có thể đứng lên.

“Để tớ đi lấy,” Chuột nói. “Xét cho cùng, đây là nhà tớ mà.”

Tôi nghe thấy tiếng Chuột đi theo lối hắt thường đi đến bếp trong bóng tối hoàn toàn và lôi một ôm bia ra khỏi tủ lạnh, tôi mở rồi nhắm mắt trong suốt lúc ấy. Bóng tối căn phòng chỉ hơi khác đôi chút về sắc độ với bóng tối khi tôi nhắm mắt.

Chuột mang bia quay lại, để lên bàn. Tôi quờ quạng tìm một lon, mở khoen ở nắp hộp rồi uống một nửa.

“Hầu như chẳng phải là bia nếu không trông thấy nó,” tôi nói.

“Cậu phải tha lỗi cho tớ, nhưng bắt buộc phải trong bóng tối.”

Chúng tôi không nói gì trong khi uống.

“Xem nào,” Chuột nói, hắng giọng. Tôi đặt lon bia rỗng lên bàn và ngồi yên, cuộn trong chăn. Tôi đợi hắn lên tiếng, nhưng không có lời nào sau đó. Tất cả những gì tôi nghe được là tiếng Chuột đang lắc lắc lon bia của hắn để xem còn bao nhiêu. Một thói quen cũ của hắn.

“Xem nào,” Chuột nói lần thứ hai. Rồi uống ực một hơi hết chỗ bia cuối cùng, hắn đặt lon bia lên bàn đánh cách một tiếng. “Trước hết, hãy bắt đầu bằng việc tại sao tớ đến đây. Được không?”

Tôi không trả lời. Chuột tiếp tục nói.

“Ông già tớ mua chỗ này khi tớ năm tuổi. Tớ không biết vì lý do gì ông ấy cất công mua bất động sản tận đây. Có lẽ ông mua được một món hời qua đường quân sự Mỹ nào đó. Như cậu thấy đấy, đến chỗ này cực kì bất tiện, và ngoài mùa hè ra, đường sá vô dụng một khi tuyết kéo đến. Lực lượng chiếm đóng hắn đã có kế hoạch nâng cấp con đường và sử dụng chỗ này để làm trạm ra-đa hay đại loại thế, nhưng thời gian và chi phí liên quan hiển nhiên đã thay đổi quyết định của họ. Còn thị trấn thì quá nghèo nên cũng chẳng thể làm gì với con đường. Họ cũng chẳng được lợi lộc gì khi nâng cấp con đường. Tất cả khiến cái cơ ngơi này như một kế hoạch nhất định thất bại, bị quên lãng từ lâu.”

“Thế còn Giáo sư Cừu thì sao? Chẳng phải ông ấy định sẽ trở về nhà tại đây sao?”

“Giáo sư Cừu đang sống trong hoài niệm. Ông ấy đâu có nhà để mà về.”

“Có lẽ là không.”

“Uống thêm bia đi.” Chuột nói.

“Tớ uống đủ rồi,” tôi nói. Vì máy sưởi đã tắt, tôi gần như lạnh cóng. Chuột mở một lon bia nữa rồi uống một mình.

“Ông già tớ đâm ra thích cái cơ ngơi này, tự mình đứng ra nâng cấp đường sá một chút, sửa sang ngôi nhà. Tớ tin là ông đã bỏ khối tiền vào đó. Nhờ thế, nếu có xe, người ta có thể sống một cuộc sống khá thoải mái ở đây, ít ra là trong mùa hè. Khí đốt, bồn cầu giặt, vòi hoa sen, điện thoại, máy phát điện khẩn cấp. Tôi không biết làm thế nào Giáo sư Cừu sống được ở đây trước đó.”

Chuột gây ra một âm thanh không ra ợ cũng không ra thở dài.

“Cho đến năm tớ mười lăm tuổi, hè nào nhà tớ cũng đến đây. Ông và già tớ, chị gái và tớ, rồi cả bà giúp việc trong nhà nữa. Nghĩ mới thấy đó có lẽ là những năm tháng đẹp nhất trong đời tớ. Nhà tớ cho thị trấn thuê đồng cỏ – thực ra đến nay vẫn cho thuê – vậy nên khi mùa hè đến, cả chồn đến này đầy cừu của thị trấn. Cừu ngấp đến tận mang tai. Đó là lý do những kỷ niệm mùa hè của tớ luôn gắn liền với cừu.

Sau đó, gia đình tớ hầu như không bao giờ lên đây nữa. Một phần vì chúng tớ có một nhà nghỉ khác gần nhà tớ hơn, phần khác vì chị tớ đi lấy chồng. Tớ không còn coi mình như một phần của gia đình nữa, công ty của ông già tớ gặp khó khăn, và rồi, đủ thứ chuyện xảy ra. Dù sao thì cái cơ ngơi này cũng bị bỏ hoang. Lần cuối cùng tớ lên đây là cách đây mười một năm. Và lần đó tớ lên một mình. Một mình trong một tháng.”

Chuột nấn ná trong một giây, như thể đang nhớ lại.

“Cậu có cô đơn không?” tôi hỏi.

“Tớ ày à, cô đơn á? Cậu đùa đấy à. Nếu có thể, tớ đã ở lại trên này. Nhưng không đời nào điều ấy xảy ra. Xét cho cùng, đó là nhà của ông già tớ. Cậu sẽ không bao giờ thấy tớ giúp ông già ấy làm gì đâu.”

“Nhưng giờ thì sao?”

“Cũng vậy thôi,” Chuột nói. “Tớ phải nói đây là chỗ sau chót tớ muốn quay trở lại. Tuy nhiên khi trông thấy bức ảnh chỗ này trong Khách sạn Cá Heo, tớ muốn thấy nó một lần nữa. Vì lý do tình cảm. Ngay cả cậu thỉnh thoảng cũng cảm thấy như thế, đúng không?”

“Đúng,” tôi nói. Với tôi thì có cái bờ biển đã bị lấp kia.

“Đó là khi tớ nghe thấy chuyện của Giáo sư Cừu. Về con cừu trong mơ với ngôi sao trên lưng, Theo tớ hiểu thì cậu biết chuyện đó đúng không?”

“Quả thật tớ có biết.”

“Vậy thì nói một cách đơn giản,” Chuột nói. “Tớ nghe chuyện đó và vội vàng đến đây, muốn ở cả mùa đông. Tớ không thể giữ bỏ được thôi thúc đó. Ông già hay không đối với tớ không quan trọng nữa. Tớ thu xếp đồ đạc và lên đây. Giống như tớ bị kéo lên đây vậy.”

“Đó là lúc cậu gặp con cừu à?”

“Đúng vậy,” Chuột nói.

“Những gì xảy ra sau đó khó nói lắm,” Chuột nói.

Chuột cầm chiếc lon rỗng thứ hai vài bóp nó lồm vào.

“Có lẽ cậu có thể hỏi tớ chẳng? Cậu đã biết khá nhiều thứ cần biết, đúng không?”

“Được, nhưng nếu điều đó đối với cậu không quan trọng thì không cần bắt đầu từ đâu cũng được.”

“Hỏi đi.”

“Cậu đã chết rồi, đúng không?”

Tôi không biết phải mất bao lâu để Chuột trả lời. Có thể là mấy giây, có thể là... Đó là một yên lặng kéo dài. Bên trong miệng tôi khô ngắt.

“Đúng vậy,” cuối cùng thì Chuột nói. “Tớ đã chết rồi.”

45. Phần Viii - Chương 40

CHƯƠNG 40: CHUỘT, NGƯỜI LÊN DÂY ĐỒNG HỒ

“Tớ treo cổ từ cái xà trong bếp.” Chuột nói. “Người Cừu chôn tớ cạnh ga ra. Bản thân sự chết không đến nỗi đau đớn, nếu cậu lo lắng về những thứ như vậy. Nhưng thật đấy, đau đớn hầu như không thành vấn đề.”

“Khi nào?”

“Một tuần trước khi cậu lên đây.”

“Cậu đã lên dây đồng hồ, đúng không?”

Chuột cười. “Mẹ kiếp, đó chẳng phải là điều bí ẩn sao. Tớ muốn nói là suốt ba mươi năm đời tớ có làm gì thì làm nhưng không phải lên dây một cái đồng hồ. Nào, tại sao một người sắp chết lại đi lên dây đồng hồ? Không có nghĩa gì cả.”

Chuột ngừng nói, và mọi thứ tĩnh lặng, chỉ trừ tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ. Tuyết đã hút hết mọi âm thanh khác. Chúng tôi như hai kẻ bị ruồng bỏ trong vũ trụ.

“Điều gì sẽ xảy ra nếu...”

“Thôi đi,” Chuột cắt ngang lời tôi. “Không có chữ nếu. Cậu biết điều đó, đúng không?”

Tôi lắc đầu. Không, tôi không biết.

“Nếu cậu lên dây sớm hơn một tuần, tớ sẽ vẫn phải chết. Có lẽ chúng mình có thể gặp nhau trong những hoàn cảnh ấm áp, rục rờ hơn. Nhưng cũng thế cả thôi. Tớ sẽ vẫn phải chết. Nếu không mọi thứ sẽ trở nên khó khăn hơn. Và có lẽ là tớ không muốn chịu đựng cái sự khó khăn ấy.”

“Vậy tại sao cậu phải chết?”

Có tiếng hân đang xoa lòng bàn tay vào nhau.

“Tớ không muốn nói quá nhiều về chuyện đó. Sẽ thành ra tự tha tội ỉn. Và không gì thiếu đích đáng hơn là một người chết phải tự biện hộ ỉn, cậu có nghĩ thế không?”

“Nhưng nếu cậu không cho tớ biết, tớ sẽ không bao giờ biết.”

“Uống thêm bia đi,”

“Tớ lạnh,” tôi nói.

“Không đến nỗi lạnh lắm.”

Tay run rẩy, tôi mở một lon bia nữa rồi nhấp một ngụm. Và với ngụm bia trong người, thật sự có vẻ không lạnh như trước nữa.

“Được rồi, nếu cậu hứa không kể chuyện này cho ai.”

“Ngay cả nếu tớ có kể, ai thèm tin tớ cơ chứ?”

“Cậu bắn trúng tim đen tớ rồi,” Chuột cười khúc khích. “Tớ nghĩ là có người lại tin chuyện ấy. Chuyện điên khùng thật.”

Đồng hồ điểm chín giờ rưỡi.

“Cậu cho phép tớ ngừng đồng hồ lại được không?” Chuột hỏi. “Nó kêu to quá.”

“Cứ tự nhiên. Đồng hồ của cậu mà.”

Chuột đứng dậy, mở cửa chiếc đồng hồ, giặt quả lắc. Âm thanh, thời gian, tất cả tan biến.

“Chuyện xảy ra là thế này,” Chuột nói. “Tớ chết cùng với con cừu trong người mình. Tớ đợi đến khi con cừu ngủ say, rồi tớ tròng dây qua xà bếp và tự treo cổ. Không đủ thời gian để con vật chết tiết ấy trốn thoát.”

“Cậu có bắt buộc phải xử lý đến mức đó không?”

“Có. Tớ phải xử lý đến mức đó. Nếu tớ đợi thêm, con cừu sẽ kiểm soát tớ hoàn toàn. Đó là cơ hội cuối cùng của tớ.”

Chuột lại xoa lòng bàn tay vào nhau. “Tớ muốn gặp cậu khi tớ là chính mình, với mọi thứ được cất dọn ngăn nắp. Cái tôi của tớ với những ký ức và những nhược điểm của tớ. Nếu tình cờ nó khiến cậu đi theo hướng này, tớ nghĩ cuối cùng tớ sẽ được cứu rồi.”

“Và cậu đã được cứu rồi chứ?”

“Có, tớ đã được cứu rồi.” Chuột khẽ nói.

“Điểm mấu chốt ở đây là điểm yếu,” Chuột nói. “Mọi thứ bắt đầu từ đó. Cậu có hiểu tớ muốn nói gì không?”

“Con người thì yếu đuối.”

“Như một quy luật chung,” Chuột nói, bắt ngón tay tách tách mấy lần. “Nhưng dù có sắp xếp tất cả mọi thứ chung chung cậu thích thì cậu vẫn không đi đến đâu cả. Điều tớ đang nói với cậu là một điều mang tính cá nhân. Nhược điểm là thứ gì đó thối rữa trong cơ thể. Giống như bệnh hoại thư. Tớ cảm thấy điều đó kể từ khi tớ mười mấy tuổi. Đó là lý do tại sao tớ luôn bực bội cáu kỉnh. Có một cái gì đó trong thân ta đang thối rữa và ta lúc nào cũng cảm thấy điều đó. Cậu có hiểu điều đó như thế nào không?”

Tôi ngồi im lặng, trằm chằm kín mít.

“Có lẽ là không,” Chuột tiếp tục, “Ồ cậu không có khía cạnh đó. Nhưng mà thôi, đó là nhược điểm. Nhược điểm cũng giống như bệnh di truyền vậy. Cho dù ta có hiểu về nó đến mức nào, ta cũng không thể làm gì để chữa trị ỉn. Nó sẽ không biến mất sau một cái vỗ tay. Nó sẽ chỉ trở nên ngày càng tồi tệ hơn.”

“Nhược điểm về cái gì kia chứ?”

“Mọi thứ. Nhược điểm về đạo đức, nhược điểm về ý thức, rồi còn có nhược điểm về bản thân sự tồn tại.”

Tôi cười. Lần này tiếng cười tự nhiên hơn. “Cậu bắt đầu nói buồn cười quá, với cả không một người nào lại không có nhược điểm.”

“Chung chung như thế là đủ rồi. Như tớ đã nói trước. Tất nhiên, ai cũng đồng ý là người nào mà chẳng có nhược điểm. Nhưng nhược điểm thật sự cũng hiểm hại như thế mạnh thật sự. Cậu không biết đến cái nhược điểm luôn luôn kéo mình vào trong bóng tối. Cậu không biết rằng có một thứ như thế thật sự tồn tại trong thế giới này. Cậu biết không, những cái thứ chung chung của cậu không bao trùm tất cả mọi thứ.”

Tớ không thể nói gì.

“Đó là lý do tớ rời thị trấn. Tớ không muốn người khác trông thấy tớ bệ rạc đi. Lang thang một mình nơi những vùng đất lạ, ít nhất tớ không gây rắc rối cho ai. Và cuối cùng thì...,” Chuột bỏ dở câu nói một lúc.

“Cuối cùng thì, chính bởi nhược điểm này, tớ không thể thoát được bóng ma của con cừu. Bản thân tớ không thể làm gì khác được. Có lẽ ngay cả khi cậu có mặt lúc đó, tớ cũng không thể làm gì khác. Ngay cả khi tớ quyết định đi xuống núi thì cũng sẽ thế cả thôi. Có lẽ rốt cuộc tớ lại đi lên núi. Đó chính là nhược điểm.”

“Con cừu muốn gì ở cậu?”

“Mọi thứ. Cả khóa nòng, cả súng, rồi nòng súng. Cơ thể tớ, trí nhớ tớ, nhược điểm của tớ, những mâu thuẫn của tớ... Đó là những thứ con cừu thực sự muốn. Con quái vật ấy có đủ các loại vòi. Nó thọc những cái vòi ấy vào trong tai trong mũi người ta như ống rơm và hút kiệt người ta. Đến giờ vẫn làm tớ sờn cả tóc gáy.”

“Và đôi lại lấy gì?”

“Những thứ quá tốt cho những thằng như tớ. Không phải là con cừu đến để cho tớ thấy bất cứ thứ gì có thật. Tất cả những gì tớ thấy chỉ là một lát bánh bé tí tẹo. Và...”

Chuột lại bỏ lửng câu nói giữa chừng.

“Và thế là đủ để kéo tớ vào vòng. Dù tớ không muốn chịu thú nhận điều đó. Đó không phải là thứ tớ có thể giải thích bằng lời. Con cừu giống như, xem nào, một cái lò cao nấu chảy mọi thứ nó chạm vào. Một thứ đẹp để đến nhường ấy, nó làm người ta phát cuồng lên. Nhưng nó là cái xấu xa làm sần tóc gáy. Trao cơ thể mình cho nó là rồi mọi thứ sẽ không còn. Ý thức, giá trị, tình cảm, nỗi đau, mọi thứ. Biến mất. Nó rất giống với cái máy phát tỏa ra sức sống nơi nguồn gốc của mọi sự sống tại một điểm duy nhất trong vũ trụ.”

“Tuy vậy cậu đã có khả năng chối bỏ nó.”

“Đúng. Mọi thứ bị chôn vùi cùng với tâm thân tớ. Chỉ còn phải làm một việc cuối cùng để thấy nó bị chôn vùi vĩnh viễn.”

“Một việc cuối cùng ư?”

“Một việc cuối cùng. Và tớ phải nhờ cậu làm. Nhưng hãy khoan nói đến việc đó.”

Cả hai chúng tôi nhấp một ngụm bia. Tôi âm thầm lên.

“Cái khối u có tác dụng như một cái roi, đúng vậy không?” Tôi hỏi. “Để con cừu điều khiển người chủ.”

“Chính xác. Một khi khối u được tạo ra, không có cách nào thoát khỏi con cừu.”

“Vậy Ông Chủ làm tất cả những gì ông ta đang làm ấy để theo đuổi cái chết tiệt gì chứ?”

“Ông ta phát điên. Có lẽ ông ta không chịu được nhiệt từ cái lò cao đó. Con cừu lợi dụng ông ta để xây dựng một nền tảng quyền lực tối thượng. Đó là lý do vì sao con cừu nhập vào ông ta. Nói cách khác, ông ta là thứ dùng xong rồi bỏ đi. Rốt cuộc, người đàn ông đó chỉ là con số không với tư cách một nhà tư tưởng.”

“Vậy là sau khi Ông Chủ chết, cậu được chọn mặt gửi vàng để tiếp quản cái nền tảng quyền lực ấy.”

“Tớ e là vậy.”

“Vậy điều gì xảy ra sau đó?”

“Một đất nước hoàn toàn hỗn loạn về mặt nhận thức. Một đế chế mà trong đó tất cả các bên đối lập sẽ được tập trung lại thành một thể thống nhất. Với tớ và con cừu ở trung tâm.”

“Vậy tại sao cậu lại chối bỏ nó?”

Thời gian tan biến rồi chết. Và trong cái thời gian đã chết này, một đợt tuyết lạnh lẽ đang rơi.

“Chắc là do tớ thấy gấn bó với nhược điểm của mình. Có những nỗi đau và sự chịu đựng nữa. Ánh sáng mùa hè, mùi gió, tiếng ve kêu – nếu tớ yêu mến tất cả những thứ thế này, tại sao tớ lại phải đi nhận lỗi. Cả uống bia với cậu nữa...” Chuột lại bỏ lửng. “Tớ không biết tại sao.”

Tôi có thể nói gì đây.

“Bằng cách này hay cách khác, chúng ta đã tạo ra hai thực thể hoàn toàn khác nhau từ cùng những nguyên liệu,” Chuột nói. “Cậu có tin thế giới đang trở nên tốt đẹp hơn không?”

“Tốt hơn hay xấu đi, ai biết được?”

Chuột cười. “Tớ thề trong vương quốc của những sự chung chung, cậu có thể là hoàng đế.”

“Không có cừu chứ.”

“Chắc chắn rồi, không có cừu.” Chuột uống ừng ực một hơi hết lon bia thứ ba, rồi quăng lon bia rỗng xuống sàn nhà đánh cách một tiếng.

“Cậu nên xuống núi càng nhanh càng tốt. Trước khi cậu bị tuyết chôn chân tại đây. Cậu không cần ở cả mùa đông trên này đâu. Bốn, năm ngày nữa, tuyết sẽ bắt đầu tích tụ, và nghe này, phải khó lắm mới có thể đi xuống trên những con đường đóng băng.”

“Vậy từ giờ trở đi cậu sẽ làm gì?”

Chuột phá lên cười thích thú, vui vẻ từ trong bóng tối. “Đối với tớ không có khái niệm “từ giờ trở đi”. Tớ cứ tan biến dần trong mùa đông thôi. Mất bao lâu là tùy thuộc vào mùa đông này lâu đến mức nào. Tớ không biết. Nhưng một mùa đông là một mùa đông. Tớ mừng đã gặp được cậu. Tất nhiên, nếu ở một chỗ sáng sửa hơn, ấm áp hơn thì sẽ tốt hơn.”

“J gửi lời hỏi thăm.”

“Nhớ chuyển lời hỏi thăm của tớ đến anh ấy nữa nhé, được không?”

“Tớ cũng gặp cô ấy.”

“Cô ấy thế nào?”

“Bình thường. Vẫn làm việc cho công ty đó.”

“Vậy là cô ấy vẫn chưa lấy chồng à?”

“Chưa. Cô ấy muốn nghe trực tiếp từ cậu xem chuyện hai người đã chấm dứt hay chưa.”

“Đã chấm dứt rồi.” Chuột nói, “như cậu biết. Ngay cả nếu tớ không thể tự mình chấm dứt chuyện đó, sự thật là nó đã chấm dứt rồi. Đời tớ chả có nghĩa gì. Tất nhiên, mượn lời nói chung chung đáng kính của cậu nhé, điều đó có nghĩa cuộc đời ai cũng vô nghĩa hết. Tớ nói đúng không?”

“Cứ cho là thế đi,” tôi nói. “Còn hai câu hỏi nữa.”

“Được thôi.”

“Trước hết, về Người Cừu của chúng ta.”

“Người Cừu là người tốt.”

“Nhưng Người Cừu, cái người đến đây, là cậu. Đúng không?”

Chuột xoay cổ và bẻ cổ kêu răng rắc mấy lần. “Đúng. Tớ mang hình hài của hắc. Vậy là cậu có thể nhận ra, đúng không?”

“Mới đây thôi,” tôi nói. “Trước đó, tớ không hề biết.”

“Nói hết sức thành thật nhé, cậu khiến tớ ngạc nhiên đấy, đập vỡ cây ghi ta. Đó là lần đầu tiên tớ thấy cậu giận dữ đến thế, và ngoài ra, đó là cây ghi ta đầu tiên tớ từng mua. Rẻ thôi, nhưng...”

“Xin lỗi vì chuyện đó nhé. Tớ chỉ cố đánh thức cậu đủ để cậu bộc lộ chính mình.”

“Không sao mà. Dù sao thì đến ngày mai, mọi thứ đều sẽ biến mất,” Chuột nói tỉnh khô. “Vậy là giờ câu hỏi kia là về cô bạn gái của cậu, đúng không?”

“Đúng thế.”

Chuột không nói gì một lúc lâu. Tôi có thể nghe hắc xoa lòng bàn tay vào nhau rồi thở dài. “Tớ không muốn phải lo đối phó với cô ta. Cô ta là một nhân tố phụ mà tớ không tính đến.”

“Nhân tố phụ ư?”

“À há. Tớ muốn việc này chỉ giữa tụi mình với nhau. Nhưng cô ta trượt chân vào ngay giữa chuyện này. Lẽ ra ta không bao giờ nên để cô ta dính dáng vào việc này. Như cậu thấy rất rõ, cô ta có khả năng kỳ diệu. Tuy nhiên, cô ta vốn không phải là người nên đến đây. Chỗ này vượt ra ngoài quyền năng của cô ta.”

“Điều gì đã xảy đến với cô ấy?”

“Cô ta không sao. Hoàn toàn khỏe mạnh,” Chuột nói “Chỉ có điều cậu sẽ không tìm thấy gì hấp dẫn từ cô ta nữa. Buồn đấy, nhưng đúng là vậy đó.”

“Sao lại ra nổi như vậy?”

“Nó đã biến mất. Đã tan biến. Bất cứ thứ gì cô ấy có trước đây, giờ không còn nữa.”

“Tớ biết cậu cảm thấy như thế nào,” Chuột tiếp tục “Nhưng sớm muộn gì nó cũng sẽ biến mất. Tớ với cậu những cô gái có những điều gì đó đặc biệt, vào một lúc nào đó tất cả chúng ta sẽ biến mất.”

Tôi nghĩ về lời nói của hắn.

“Tớ nên đi thôi,” Chuột nói. “Sắp đến giờ rồi. Nhưng chúng ta sẽ gặp lại nhau, tớ biết chắc là như thế.”

“Chắc chắn rồi,” tôi nói.

“Tốt nhất à một nơi nào đó sáng sủa hơn, có lẽ vào mùa hè,” Chuột nói. “Nhưng ngay lúc này, một đề nghị cuối cùng. Sáng mai vào lúc chín giờ, tớ muốn cậu lên dây đồng hồ, rồi kết nối mấy sợi dây sau đồng hồ. Nối dây xanh với dây xanh và dây đỏ với dây đỏ. Sau đó vào lúc chín giờ rưỡi tớ muốn cậu cuốn xéo ngay khỏi chỗ này và đi xuống núi. Tớ có cuộc hẹn với một người lúc mười hai giờ đúng. Hiểu chưa?”

“Đã rõ.”

“Tớ mừng đã gặp được cậu.”

Một thoáng ngừng giữa hai chúng tôi.

“Tạm biệt cậu,” Chuột nói.

“Hẹn gặp lại cậu,” tôi nói.

Vẫn còn rúc trong chăn, tôi nhắm mắt lắng nghe tiếng giày của Chuột kéo lê qua sàn nhà, cánh cửa mở ra. Không khí lạnh công ủa vào căn phòng. Không phải một cơn gió nhẹ, mà là một làn khí lạnh từ từ lan tỏa rồi hạ xuống.

Chuột đứng lại nơi cửa ra vào mở rộng một lúc. Hắn dường như đang nhìn chăm chăm vào một cái gì đó, không phải khung cảnh bên ngoài, không phải bên trong căn phòng, không phải tôi, một cái gì khác hoàn toàn. Nắm đầm cửa hay mũi giày, một cái gì đó. Rồi, như thể đóng cánh cửa thời gian, cánh cửa đóng cách một tiếng.

Sau đó tất cả yên lặng. Không có gì khác ngoài yên lặng.

46. Phần VIII - Chương 41

CHƯƠNG 41: DÂY XANH VỚI DÂY ĐỎ; NHỮNG CON MÒNG BIỂN LẠNH CÓNG

Sau khi Chuột biến mất, một cơn gió lạnh không chịu đựng nổi tràn khắp ngôi nhà. Tôi cố nôn nhưng không nôn ra được, chỉ có hơi thở hỗn hển mùi hôi.

Tôi lên gác, cởi áo len ra, chui vào dưới tấm khăn trải giường. Tôi bị những cơn cảm lạnh và sốt luân phiên hành hạ. Cứ từng cơn căn phòng nở ra rồi lại co vào. Chăn và quần áo lót của tôi đầm mồ hôi, đông lại thành một lớp da lạnh lẽo, co thắt.

“Lên dây đồng hồ vào lúc chín giờ,” ai đó thì thầm vào tai tôi. “Dây xanh với dây xanh... dây đỏ với dây đỏ... cuốn xéo ngay vào lúc chín giờ rưỡi.”

“Đừng lo,” Người Cừu nói. “Mọi sự sẽ ổn thôi.”

“Tế bào sẽ tự thay thế,” vợ cũ tôi nói. Cô ta đang cầm một chiếc váy ngủ đăng ten màu trắng trong tay phải.

Đầu tôi lắc lư.

Dây đỏ với dây đỏ... dây xanh với dây xanh...

“Anh không biết gì hết, đúng không?” bạn gái tôi kết tội.

Không, tôi không hiểu gì hết.

Rồi tiếng sóng dội tới. Sóng lớn mùa đông. Biển màu xám chỉ điểm lốm đốm những bọt sóng. Những con mòng biển lạnh cóng.

Tôi đang ở trong một phòng trưng bày kín gió tại công viên hải dương. Hàng dãy dương vật cá voi được trưng bày. Trời nóng và ngọt ngào. Ai đó phải mở cửa sổ thôi.

Ai đó mở cửa sổ. Lạnh đến thấu xương. Những con mòng biển kêu thút thanh, tiếng cao vút sắc nhọn xé toạc da thịt tôi ra.

“Cậu có nhớ tên con mèo của cậu không?”

“Cá Trích,” tôi đáp.

“Không, nó không phải Cá Trích,” người lái xe nói. “Đổi tên rồi. Tên được thay đổi liên tục. Tôi đoán cậu thậm chí không nhớ nổi tên mình.”

Lạnh đến thấu xương. Rồi mòng biển, cơ man là mòng biển.

“Sự tầm thường đi một con đường dài, khó khăn,” người đàn ông mặc bộ lê đen nói. “Dây xanh với dây đỏ, dây đỏ với dây xanh.”

“Anh cóng he gì về chiến tranh không?” Người Cừu hỏi.

Dàn nhạc Benny Goodman chơi bản Thư đặc biệt đường hàng không. Charlie Christian hát một đoạn solo dài. Ông ta đang đội một chiếc mũ mềm màu kem.

47. Phần VIII - Chương 42

CHƯƠNG 42: THĂM LẠI KHÚC NGOẶT KHÔNG MAY

Chim hót.

Ánh nắng tràn qua khe cửa chớp đổ thành những đường sọc trên giường. Đồng hồ đeo tay của tôi trên sàn nhà chỉ 7:35. Chăn và áo sơ mi của tôi ướt sũng như ngâm trong chậu nước.

Đầu óc của tôi vẫn còn lơ mơ, nhưng cơn sốt đã qua. Thế giới bên ngoài là một quang cảnh đầy tuyết. Đồng hồ lấp lánh ánh bạc trong nắng sớm. Tôi đi xuống nhà để tắm. Mặt mũi tôi xanh xao, chỉ qua một đêm mà tôi đã xẹp hẳn đi. Tôi bôi lên mặt lượng kem cạo râu gấp ba lần mức cần thiết, rồi tôi cạo thật tỉ mỉ. Sau đó tôi đi đá và đá nhiều tới mức bản thân tôi hầu như không tin nổi.

Tôi mệt lử vì đi tiểu đến mức phải nằm vật xuống chiếc ghế dài trong mười lăm phút. Chim vẫn hót. Tuyết đã bắt đầu tan và chảy nhỏ giọt từ trên mái hiên xuống. Thi thoảng có tiếng cọt kẹt rõ ràng ở phía sau.

Lúc tôi dậy thì đã gần tám giờ rưỡi. Tôi uống hai ly nước nho, ăn nguyên cả quả táo. Rồi tôi chọn ra một chai rượu, một thỏi sô cô la hiệu Hershey và hai quả táo trong hầm rượu.

Tôi sắp xếp đồ đạc. Căn phòng mang một vẻ u buồn. Mọi thứ sắp đến hồi kết.

Kiểm tra đồng hồ, lúc chín giờ tôi lên dây ba quả lắc của chiếc đồng hồ. Rồi tôi đẩy chiếc đồng hồ nặng nề ra để nối dây sau nó. Dây xanh với dây xanh, dây đỏ với dây đỏ.

Những chiếc dây thò từ bốn cái lỗ khoan ở phía sau. Một đôi ở trên, một đôi phía dưới. Những chiếc dây được giữ cho chắc chắn bởi những vòng xoắn kim loại tương tự như loại tôi thấy trong chiếc jeep. Tôi đẩy chiếc đồng hồ quả lắc vào chỗ cũ, rồi đến bên gương và giã từ chính mình.

“Hy vọng mọi chuyện thuận lợi,” tôi nói.

“Hy vọng mọi chuyện thuận lợi,” cái tôi kia nói.

Tôi băng qua giữa đồng cỏ hệt như cách tôi đã đến. Tuyết lạo xạo dưới chân tôi. Đồng cỏ trông giống như một cái hồ núi lửa bằng bạc. Không chỗ nào có dấu chân. Chỉ có dấu chân tôi, khi quay lại tôi thấy chúng làm thành một đường dẫn đến ngôi nhà. Dấu chân tôi ngoằn ngoèo khắp cả. Đi theo đường thẳng không dễ dàng gì.

Từ tí tít tận chỗ này, ngôi nhà trông gần như một sinh vật. Không đủ chỗ và phải đứng khom khom, nó vịn vẹo mình để giữ sạch tuyết rơi từ mái đầu hồi xuống. Một tảng tuyết trượt khỏi nóc nhà và văng mạnh xuống đất đánh ục ịch một cái.

Tôi tiếp tục đi qua đồng cỏ. Qua rừng cây bu lô bạt ngàn, qua cầu, vòng qua đáy của đỉnh núi hình nón, đến khúc ngoặt không may trên đường.

Kỳ diệu thay, tuyết ở khúc ngoặt không đóng băng trên đường. Không có gì đáng ngại cả, tôi chắc chắn thể nhưng vẫn cẩn thận bước đi, tôi vẫn có thể bị lôi tuột xuống đáy con dốc dựng đứng. Tôi cố tiếp tục bước đi cho tới khi cách xa khỏi gờ khúc quanh bám vào mặt đá đang vỡ vụn kia. Nách tôi đầm mồ hôi. Một cơn ác mộng thường gặp thời thơ ấu.

Xa xa bên phải là đồng bằng. Mặt đất dưới đó cũng bao phủ đầy tuyết, sông Junitaki lấp lánh ngay chính giữa. Tôi nghĩ mình có thể nghe thấy xa xa tiếng còi hơi nước. Quả là kỳ diệu.

Tôi hít một hơi và xốc lại ba lô, rồi đi xuống sườn dốc thoải. Tại khúc ngoặt tiếp theo là một chiếc xe jeep mới tinh. Trước xe jeep là gã thư ký mặc bộ lê đen của Ông Chủ.

48. Phần Viii - Chương 43

CHƯƠNG 43: CUỘC HẸN LÚC MƯỜI HAI GIỜ

Tôi đang đợi cậu,” người đàn ông mặc bộ lê đen nói. “Mặc dù mới chỉ được hai mươi phút.”

“Làm sao ông biết được.”

“Địa điểm á, hay thời gian?”

“Thời gian,” tôi nói, đặt ba lô xuống.

“Cậu nghĩ làm thế nào tôi được làm thư ký cho Ông Chủ? Sự mẫn cán ư? IQ ư? Sự khéo léo ư? Không. Tôi là thư ký cho Ông Chủ vì khả năng đặc biệt của tôi. Giác quan thứ sáu. Tôi tin đó là cách cậu gọi nó.”

Ông ta mặc áo khoác nhồi lông màu be, quần trượt tuyết và đeo kính hiệu Ray-Ban màu xanh.

“Chúng tôi từng có nhiều điểm giống nhau, Ông Chủ và tôi. Những thứ vượt ra khỏi sự hợp lý, tính logic và giá trị đạo đức.”

“Tùng ư?”

“Ông Chủ qua đời cách đây một tuần. Chúng tôi có một lễ tang tuyệt đẹp. Cả Tokyo giờ đang đảo lộn, cố gắng quyết định ai là người kế nhiệm. Cả một lô một lốc những bọn tầm thường đang chạy nháo nhác như là lũ ngốc.”

Tôi thở dài. Người đàn ông lấy chiếc hộp đựng thuốc lá bằng bạc ra khỏi túi áo khoác, rút ra một điếu thuốc cắt nhỏ, châm lửa.

“Cậu dùng thuốc lá không?”

“Không, cảm ơn.” Tôi đáp.

“Nhưng tôi phải nói cậu đã thực hiện việc của mình. Hơn tôi mong đợi. Nói thật là, cậu khiến tôi ngạc nhiên. Lúc đầu tôi nghĩ tôi có thể phải giúp cậu và đưa ra gợi ý cho cậu khi cậu bế tắc. Điều đó khiến việc cậu gặp Giáo sư Cừu còn hơn một sáng kiến thiên tài. Tôi gần như mong cậu cân nhắc chuyện làm cho tôi.”

“Vậy theo tôi hiểu ông nói thế nghĩa là ông biết về nơi này ngay từ đầu phải không?”

“Tất nhiên rồi. Thôi nào, cậu nghĩ tôi là ai kia chứ?”

“Vậy, tôi có thể hỏi ông một điều được không?”

“Dĩ nhiên rồi,” người đàn ông đáp vô cùng phấn chấn. “Nhưng ngắn thôi.”

“Tại sao ông không nói cho tôi biết ngay từ đầu?”

“Tôi muốn cậu lặn lội đến đây một cách tự nguyện. Và tôi muốn cậu dụ anh ta khỏi hang.”

“Hang ư?”

“Cái hang tinh thần của anh ta. Khi một người bị cừu nhập, anh ta tạm thời trở nên mù mẫn và lui về sống ẩn dật. Giống như, nói ví dụ, chứng bệnh suy nhược thần kinh do chiến tranh gây ra. Vai trò của cậu là dụ anh ta ra khỏi trạng thái đó. Tuy nhiên, để anh ta tìm cậu, cậu phải như một tấm bảng tinh khôi, mà cậu đúng là thế. Thật đơn giản, đúng không?”

“Khá đơn giản.”

“Chỉ cần gieo hạt, thế là mọi thứ đều đơn giản. Xây dựng chương trình mới là phần khó. Xét cho cùng, máy tính không thể tránh giùm cho sai lầm của con người. Làm bằng tay thì lại càng chẳng có gì để nói. À, nhưng thật là vui thú không gì sánh bằng khi quan sát một chương trình được xây dựng kỳ công tiến triển hết như kế hoạch.”

Tôi nhún vai.

“Vậy thì,” người đàn ông tiếp tục, “cuộc săn cừu hoang của chúng ta đã gần kết thúc. Nhờ vào tính toán của tôi và sự ngây thơ của cậu. Tôi đã bắt được anh ta ngay nơi tôi mong muốn. Đúng chưa?”

“Có vẻ như vậy,” tôi nói. “Cậu ấy đang đợi ông trên đó. Nói là ông hẹn gặp vào đúng mười hai giờ.”

Người đàn ông và tôi cùng liếc nhìn đồng hồ. Mười giờ bốn mươi.

“Tôi phải đi thôi,” người đàn ông nói. “Không được để anh ta đợi lâu. Cậu có thể đi xe jeep xuống, nếu cậu muốn. Ồ vâng, đây là để thưởng công cho cậu.”

Người đàn ông thò tay vào trong túi rút ra một tấm séc đưa cho tôi. Tôi bỏ túi mà không buồn nhìn.

“Cậu không muốn kiểm tra à?”

“Tôi không nghĩ điều đó cần thiết.”

Người đàn ông cười, rõ ràng là thấy thú vị. “Thật vui được làm ăn với cậu. Mà nhân tiện đây, tay đối tác của cậu đã đóng cửa công ty. Thật đáng tiếc. Công ty có triển vọng thế kia. Có cả một tương lai tươi sáng cho ngành quảng cáo. Cậu nên tự mình đi theo ngành đó.”

“Ông điên đấy hả.” Tôi nói.

“Mong là chúng ta sẽ gặp lại nhau,” người đàn ông nói. Rồi ông ta xuống đi bộ qua khúc quanh tới cao nguyên.

“Cá Trích vẫn khỏe,” người lái xe nói trong lúc lái chiếc jeep xuống. “Đâm béo đẹp ra.”

Tôi ngồi ghế cạnh người lái xe. Bác ta như một người khác so với người đã lái chiếc limo quái vật trước đây. Bác ta kể khá chi tiết cho tôi về đám tang Ông Chủ và việc chăm sóc Cá Trích, nhưng tôi hầu như không nghe thấy gì.

Lúc mười một rưỡi chiếc xe jeep đỗ trước ga tàu. Thị trấn hoàn toàn tĩnh lặng. Chỉ trừ một ông già đang cào tuyết khỏi giao lộ và một con chó gầy nhằng ngồi vẫy đuôi gần đó.

“Cám ơn bác,” tôi nói với người lái xe.

“Không có gì,” bác ta nói. “Nhân tiện, cậu đã thử số điện thoại của Chúa chưa?”

“Chưa, tôi chưa có thời gian.”

“Kể từ khi Ông Chủ chết, tôi không gọi được. Cậu có biết chuyện gì xảy ra không?”

“Có lẽ chỉ vì Chúa đang bận thôi,” tôi gợi ý.

“Có lẽ vậy.” Người lái xe nói. “Thôi giữ gìn sức khỏe nhé.”

“Cám ơn bác,” tôi đáp.

Có một chuyến tàu rời ga đúng lúc mười hai giờ. Không ma nào trên sân ga. Trên tàu chỉ có bốn hành khách, bao gồm cả tôi. Ngay cả như vậy, thật nhẹ nhõm khi trông thấy mọi người sau một thời gian dài. Bằng cách nào đó, tôi đã quay trở lại được đất của những người sống. Cho dù nó có nhàm chán hay tầm thường đến cỡ nào, đây là thế giới của tôi.

Chuông báo tàu khởi hành rung lên trong khi tôi đang nhai thỏi sô cô la. Rồi, khi chuông dừng lại và tàu kêu lách cách chuẩn bị chuyển bánh, tiếng nổ ở đằng xa vang lên. Tôi mở toang cửa sổ thò đầu ra ngoài. Mười giây sau có một tiếng nổ thứ hai. Tàu bắt đầu chuyển động. Sau ba phút, theo hướng ngọn núi hình nón, một cột khói đen từ từ bốc lên.

Tôi nhìn chăm chăm vào đó cho đến khi đoàn tàu lượn qua khúc quanh bên phải và không còn nhìn thấy khói nữa.

49. Phần Kết

PHẦN KẾT

“Thế là hết thật rồi,” Giáo sư Cừu nói, “hết thật rồi”

“Đã hoàn toàn chấm dứt.”

“Tôi chắc phải cảm ơn cậu quá.”

“Giờ thì tôi đã mất hẳn như tất cả mọi thứ.”

“Không, cậu không mất hết,” Giáo sư Cừu lắc đầu. “Cậu có cuộc đời mình.”

“Nếu ông nói vậy,” tôi nói.

Khi tôi rời phòng. Giáo sư Cừu úp mặt xuống bàn, khóc rưng rức. Tôi đã cướp đi nỗi ám ảnh của ông, mặc dù nó đầy đau khổ, và dù tôi có đứng khi làm chuyện đó, tôi chưa bao giờ thấy không chắc chắn như lúc này.

“Cô ấy đi đến đâu đó,” người chủ khách sạn Cá Heo nói. “Cô ấy không nói là đi đâu. Cô ấy có vẻ ốm.”

“Không sao đâu,” tôi nói.

Tôi nhấc cái túi lên và đăng ký ở căn phòng đã ở lúc trước. Vẫn nhìn ra cái công ty đầy khó hiểu đấy. Không thấy người đàn bà có bộ ngực đồ sộ đâu. Hai nhân viên nam trẻ tuổi làm việc tại bàn, đang hút thuốc. Một người đọc danh sách số liệu, người kia dùng bút chì thảo một biểu đồ có những đường gãy khúc trên một tờ giấy to tướng. Có thể là vì người đàn bà có bộ ngực đồ sộ không ở đó, nhưng văn phòng có vẻ như một chốn khác hẳn. Chỉ có điều dạo trước tôi không hiểu nổi công ty ấy kinh doanh cái gì thì nay vẫn hoàn toàn không hiểu. Lúc sáu giờ, tất cả nhân viên đi về, và tòa nhà chìm tối tăm.

Tôi bật vô tuyến lên và xem tin tức. Không có bản tin về bất cứ vụ nổ nào trên bất cứ ngọn núi nào. Nhưng đợi đã, có phải vụ nổ đó diễn ra ngày hôm qua không? Tôi đã làm cái gì trong cả một ngày? Tôi đã ở đâu? Đầu óc tôi choáng váng.

Thôi thì, dù sao thì một ngày cũng trôi qua. Cũng theo cách này, từng ngày một, tôi học được cách lánh xa bản thân mình khỏi “ký ức”. Cho tới một ngày kia trong tương lai bất định, khi một tiếng nói xa xăm gọi tôi từ bóng tối đen như mực.

Tôi tắt vô tuyến và nằm vật lên giường trong khi vẫn đi giày. Hoàn toàn một mình, tôi nhìn chăm chăm lên trần nhà nhem nhuốc. Nhớ những người đã chết và bị lãng quên từ lâu.

Căn phòng thay đổi màu sắc theo xung điện của những ngọn đèn neon. Đồng hồ tôi kê tích tắc bên tai. Tôi tháo dây đeo đồng hồ và quăng nó xuống sàn. Tiếng xe cộ dội về như những đàn đồng ca nhẹ nhàng, hết lớp này đến lớp khác. Tôi cố ngủ, nhưng không được. Ai có thể ngủ được kia chứ, khi bản thân không thể biểu đạt được thế này?

Tôi mặc áo len rồi đi ra thị trấn, bước vào sân nhảy đầu tiên tôi trông thấy. Tôi uống ba ly whisky đá trong khi lắng nghe nhạc soul không dứt. Và quay trở lại bình thường là điểm mấu chốt. Mọi người đều tin chắc vào sự bình thường của tôi.

Quay trở lại khách sạn Cá Heo, tôi thấy người chủ khách sạn có ba ngón tay đang ngồi trên ghế dài xem thời sự buổi đêm.

“Sáng mai tôi sẽ đi lúc chín giờ,” tôi nói.

“Anh quay trở lại Tokyo, đúng không?”

“Không.” Tôi nói. “Tôi có một chỗ dừng chân trước đó. Làm ơn đánh thức tôi dậy lúc tám giờ nhé.”

“Được thôi,” ông ta nói.

“Cảm ơn ông vì tất cả.”

“Không có gì.” Rồi người chủ quán khách sạn buông một tiếng thở dài. “Ông cụ nhà tôi không chịu ăn uống gì cả. Cứ kiểu này cụ sẽ chết mất.”

“Ông ấy bị một đòn đau quá mà.”

“Tôi biết,” người chủ khách sạn nói buồn bã. “Nhưng ông cụ có kể gì với tôi đâu.”

“Hãy đợi thêm thời gian nữa.”

Ngày hôm sau tôi đáp máy bay tới Tokyo-Haneda, rồi lại bay tiếp. Biển lấp lánh sáng khi tôi tới nơi.

J đang gọt khoai tây như mọi khi. Một cô gái trẻ làm bán thời gian đang cắm hoa vào lọ và lau bàn. Hokkaido đã đánh mất mùa thu, nhưng mùa thu ở đây vẫn còn. Qua cửa sổ J's Bar, đồi núi mang sắc màu đẹp đẽ.

Tôi ngồi ở quầy uống một ly bia trước khi quán bar mở cửa. Bóc lạc bằng một tay.

“Khó gặp được loại lạc bóc dễ và giòn đến thế,” J nói.

“Ồ vậy sao?” tôi nói, miệng nhăm nháp.

“Nói anh nghe đi, chú vẫn chưa đi nghỉ à?”

“Em bỏ rồi?”

“Bỏ rồi á?”

“Chuyện dài đấy?”

J gọt xong khoai tây thì liền trút vào một cái rổ cho ráo nước. “Từ giờ trở đi chú sẽ làm gì?”

“Em không biết. Em sắp có ít tiền kết thúc hợp đồng, cộng với nửa số tiền phần em khi bán công ty. Thật ra không nhiều lắm. Và rồi còn cái này.”

Tôi cầm tấm séc trong túi ra đưa cho J, khoản tiền bao nhiêu không biết. J nhìn nó lắc đầu.

“Đây là số tiền không thể tin được, không thể tin được.”

“Chắc chắn rồi.”

“Nhưng là một câu chuyện dài, đúng không?”

Tôi cười. “Em để số tiền này lại cho anh. Cất vào két sắt cửa hàng đi.”

“Làm gì có két sắt ở đây?”

“Hay là chỗ máy tính tiền?”

“Anh sẽ gửi nó vào két sắt nhỏ trong ngân hàng,” J nói đầy lo lắng. “Nhưng chú định làm gì với nó?”

“Anh J này, chuyển đến địa điểm mới này tốn nhiều tiền lắm, đúng không?”

“Quả có thể.”

“Có phải vay tiền không?”

“Vay nhiều.”

“Tấm séc đó có trả hết số nợ không?”

“Vẫn còn thừa tiền. Nhưng...”

“Hay thế này được không? Anh nói sao nếu anh nhận em và Chuột làm đối tác? Không phải lo lắng gì về đoạn lời lãi. Đối tác trên danh nghĩa là được rồi.”

“Nhưng anh không thể làm thế được.”

“Tất nhiên là được rồi. Bù lại tất cả những gì anh cần làm là cho em và Chuột tá túc bất cứ khi nào một trong hai đứa tụi em lâm tình thế khó khăn.”

“Thế thì đâu có khác gì so với việc anh vẫn làm từ bấy đến nay.”

Ly bia trong tay, tôi nhìn thẳng vào J. “Em biết. Nhưng em muốn như thế.”

J cười và nhét tấm séc vào túi. “Anh vẫn còn nhớ lần đầu tiên chú say. Cách đây bao nhiêu năm rồi nhỉ?”

“Mười ba năm.”

“Đã lâu vậy sao?”

Suốt nửa tiếng sau J nói chuyện ngày xưa, một điều anh hiếm khi làm. Khách hàng bắt đầu lục tục đi vào, tôi đứng dậy rời quán.

“Nhưng chú vừa mới đến mà.” J nói.

“Một đứa bé ngoan không ở lại lâu quá,” tôi nói.

“Chú có gặp Chuột không?”

Tôi thở một hơi sâu, cả hai tay trên bàn. “Em có gặp hần.”

“Đó cũng là chuyện dài à?”

“Dài hơn bất cứ chuyện gì anh từng nghe trong đời.”

“Chú không điếm qua cho anh mấy nét chính à?”

“Nét chính không có nghĩa gì hết.”

“Nó khỏe chứ?”

“Khỏe. Cậu ấy ước gì có thể gặp anh.”

“Cậu có nghĩ là anh sẽ gặp lại nó vào lúc nào đó không?”

“Anh sẽ gặp lại cậu ấy. Xét cho cùng, cậu ấy là đồng đội tác mà. Đó là tiền em và Chuột kiếm được.”

“Vậy thì anh cũng mừng.”

Tôi bước xuống ghế bar và hít một hơi mùi chồn cũ.

“Ồ, và với tư cách là đồng đội tác, anh nghĩ sao về việc trang bị thêm mấy lần bi ghim và máy hát tự động?”

“Lần tới chú ghé là sẽ có tất cả rồi,” J đáp.

Tôi đi dọc theo bờ sông lên tới cửa sông. Tôi ngồi xuống bốn mươi lăm mét bờ biển cuối cùng, rồi khóc. Tôi chưa bao giờ khóc nhiều như thế trong đời.

Tôi phủi cát khỏi quần rồi đứng dậy, như thể tôi có một nơi nào đó để đi.

Ngày đã gần tàn. Tôi có thể nghe thấy tiếng sóng khi cất bước.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/cuoc-san-cuu-hoang>